
HỢP LƯU
TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
Số 23 tháng 6 & 7 / 1995

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Tel: (714-537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ • số 23 tháng 6 & 7, năm 1995

Đại diện Florida
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
Đại diện tại San Jose
Trần Thị Hồng Vân / Tel: (408)223-8490
Đại diện tại Âu Châu
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, Paris, France / Tel: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
Đại diện tại Canada
Trần Sa / Tel: (416)762-4659 và (416)652-1384 • Hồ Đình Nghiêm / Tél: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. / Tél: (604)873-1697
Đại diện tại Australia
Thường Quán / 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149 / Tél: 61.3.8071-797
Đại diện tại Đông Âu
Trần Ngọc Tuấn
Sokolovska 33/240 - 18600, Praha 8 - Czech Repunlic / Fax (422)235 99 83

•

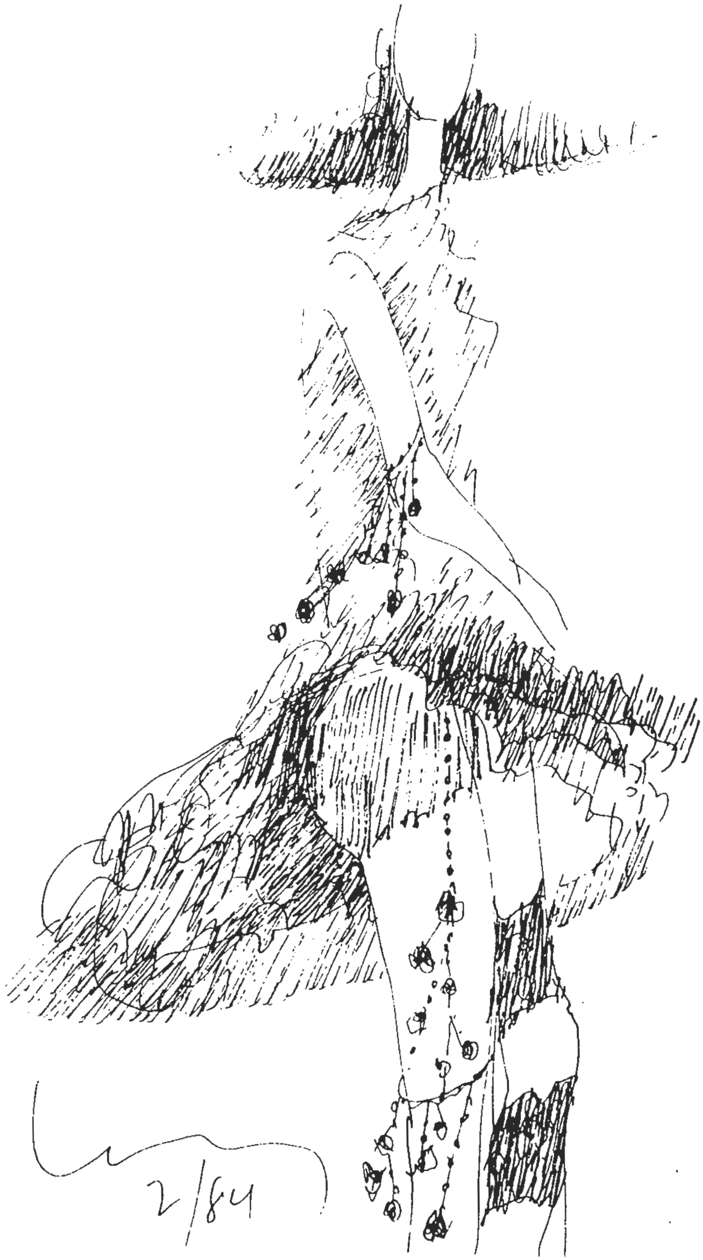
Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

•

Chủ biên
Khánh Trường
Phụ tá chủ biên
Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



Bút sắt, Lê Bá Đảng

Số 23 tháng 6 & 7, 1995



MỤC LỤC

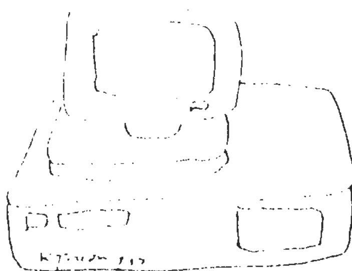


Tranh bìa: Sơn dầu, **Phan Nguyên**





thư tòa soạn



Như đã loan tin từ số trước, chủ biên KT sẽ vắng mặt tại tòa soạn một thời gian dài, nên số báo này phát hành chậm.

Dù đã thông báo và đã xin lỗi độc giả, những người trực tiếp điều hành tòa soạn vẫn không an tâm. Từ số ra mắt đến nay, hai mươi ba số báo, trên bốn năm, chưa lần nào HL trễ muộn, dù chỉ một ngày. Chúng tôi vẫn quan niệm: làm báo, hoặc làm bất cứ công việc nào khác, hay, dở, còn tùy ở khả năng của người chịu trách nhiệm và lòng yêu mến, quan tâm của văn hữu, độc giả, nhưng chữ tín, là điều không thể xao lãng. Chữ tín, trong nội dung, là đi sát với chủ trương đã nêu, không vì bất cứ lý do, áp lực nào khiến phải "lách", phải bẻ cong ngòi bút, cho phù hợp với "tình thế". Chữ tín, trong điều hành, là cố gắng giữ đúng chu kỳ ra đời cho mỗi số báo. Giữ được hai điều đó, là giữ được độc giả. Độc giả có "ở" với tờ báo thì tờ báo mới có cơ hội và lý do tồn tại.

Vì thế, một lần nữa, tòa soạn HL trân trọng xin lỗi độc giả. Và cũng để đền bù cho trễ nãi ấy, ban chủ trương đã cố gắng thực hiện một số báo với nội dung thật phong phú, đồng thời mở thêm mục mới.

Về phần biên khảo, nhận định, phê bình, độc giả sẽ đọc các bài của Trương Vũ: *Nhìn lại phong trào phản kháng tại Việt Nam vào 1986-1989;* Phong Lê: *Phê bình, khoa học và nghệ thuật*; Lại Nguyên Ân: *Thử nghĩ về chất văn xuôi*; Nhật Chiêu: *tìm hiểu thơ haiku Nhật Bản*; Nguyễn Xuân Quang: *Con "ếch" là cậu ông trời*; Thụy Khuê: *Thi giới Đặng Đình Hưng, Bến Lạ*; Nguyễn Quân: *Liên tưởng thị giác trong thơ*; Trần Nho Thìn: *Nhìn lại một chặng đường.*

Phần sáng tác, là những truyện ngắn và tùy bút của Thuận Ánh: *Vova;* Trung Trung Đỉnh: *Tình ơi là tình*; Trịnh Khắc Hồng: *Người bác họ*; Lê Minh Khuê: *Anh rất yêu em*; Lệ Hằng: *Lồng lộng giữa trời*; Nguyễn Thị Minh Ngọc: *Đêm diễn cuối cùng;* O'Henry (Miêng *chuyển ngữ*): *Hai mươi năm sau*; Tiêu Dao Bảo Cự: *Thành phố không còn họa sĩ;* Hồ Minh Dũng: *Ngàn năm một*

thuở; Phạm Cúc Phượng: *Mắt Phượng*; Bùi Chí Vinh: *Bốn thử nghiệm trong đêm tân hôn*; Trần Hoài Thư: *Ở một nơi rất xa.*

Phần thơ, là các thi phẩm mới nhất của các nhà thơ Chân Phương, Du Tử Lê, Nghiêu Đề, Hoàng Lộc, Lưu Hy Lạc, Phố Thị Ngọc Ni, Trần Vàng Sao, Thái Ngọc San, Văn Cầm Hải, Dung Nham, Trần Mộng Tú, Nguyễn Phan Thịnh, Nguyễn Văn Phụng, Đoàn Nhật, An Phú Vang, Diễm Châu, Huỳnh Mạnh Tiên, Nguyễn Lập Đông, Nguyễn Như Mây, Hồ Ông, Ngô Nguyên Nghiễm, Đỗ Trung Quân, Thường Quán, Lê Thánh Thư, Phan Nhiên Hạo...

Phần các mục thường xuyên, Đoàn Cầm Thi sẽ giới thiệu với chúng ta cuốn *"truyền Thuyết Viết Lại"* của nhà văn Tạ Duy Anh (Đọc Sách), Lê Bá Đảng sẽ bàn về câu chân ngôn "*Một cây làm chẳng nên non*" (Hội Họa), Thụy Khuê sẽ *"Nói chuiyện với Trịnh Cung"* và Nguyễn Mạnh Trinh sẽ *"Trò chuyện với Phan Thị Trọng Tuyến"* (Phỏng vấn).

Phần tư liệu, là bài viết của Nguyễn Q. *Thắng* "Một phát hiện: bản chữ Nôm tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên".

Đặc biệt, kể từ số này, HL mở thêm mục "Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật", và mời nhà thơ Phạm Việt Cường phụ trách, nhằm giới thiệu với độc giả những tin tức liên quan đến văn học nghệ thuật, của thế giới và của Việt Nam quốc nội, hải ngoại, trong chu kỳ hai tháng.

Nhân đây, HL cáo lỗi cùng độc giả, phải gát lại mục "Ngày... Tháng..." một kỳ, vì Kim Thi đã theo chủ biên KT "dông dài" cả tháng, vừa về đến tòa soạn cách đây vài hôm, chưa "tỉnh người", nên không cầm nổi cây bút. Tuy nhiên anh ta hứa, số sau, sẽ có một bài "ra gì" để gửi đến độc giả.

Cuối cùng, trong tháng qua, nhiều thư từ liên quan đến việc mua, tái hạn, thay đổi địa chỉ, hoặc bài vở, chuyện riêng... nếu chưa được trả lời thỏa đáng, cũng rất mong độc giả và văn hữu cảm thông. Và nếu cần, xin độc giả, văn hữu liên lạc lại, để tòa soạn có cơ hội sửa sai.

HỢP LƯU

PHÂN ƯU

Tòa soạn HỢP LƯU đau buồn báo tin:
Học giả **NGUYỄN BẠT TỤY**

đã qua đời vì bạo bệnh tại Đà Lạt ngày 15 tháng 4 năm 1995, hưởng thọ 75 tuổi.

Ban chủ trương và văn hữu, độc giả của Hợp Lưu thành kính cầu chúc hương hồn học giả Nguyễn Bạt Tụy sớm về miền vĩnh phúc.

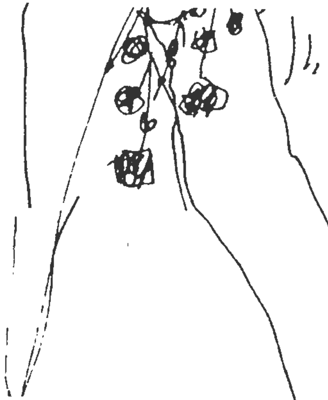


Thay mặt ban chủ trương
và văn hữu, độc giả Hợp Lưu
Chủ biên Khánh Trường



TRƯƠNG VŨ

nhìn lại phong trào văn nghệ phản kháng tại việt nam vào 1986-1989



Đối với nhiều người Việt, đặc biệt là với đồng bào miền Bắc, cuộc chiến chấm dứt vào 1975 có thể đã đem lại cho họ một niềm vui về một đất nước thống nhất, về một cơ hội để tái thiết xứ sở, và về một tương lai không còn cảnh huynh đệ tương tàn. Thế nhưng, những biến cố tiếp liền theo đó, xảy ra trong hòa bình và trong khung cảnh của một đất nước thống nhất, đã làm nản lòng rất nhiều người. Quản lý kinh tế sai lầm, tham nhũng ở mọi cấp độ, vi phạm nhân quyền, hàng trăm trại học tập, chiến tranh với Cambodia và Trung Quốc, cuộc vượt biển ồ ạt và bi thảm, v.v., là những động lực đánh thức lại một niềm tin nơi trí thức và văn nghệ sĩ là chủ nghĩa Cộng Sản quả thật là một giải pháp thất bại cho những vấn đề xã hội và con người của đất nước Việt Nam.

Niềm tin này của trí thức và văn nghệ sĩ xuất thân từ miền Nam mãnh liệt như thế nào không là một vấn đề để bàn cãi, nhưng nhận diện và đánh giá nó cho công bình với trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc đòi hỏi nhiều công phu hơn do tính cách phức tạp của xã hội miền Bắc, dù trước hay sau 1975. Trong một thời gian khá lâu, sau kinh nghiệm tàn bạo của vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm" vào 1958, trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc không còn muốn dính dự vào những vấn đề chính trị có tính cách tranh cãi. Tuy nhiên, dầu muốn dầu không, sau 1975, họ phải chạm trán với một thực tế hoàn toàn trái ngược với

những điều dự đoán. Những khác biệt quá lớn giữa cái họ thực sự thấy với cái lẽ ra họ nên thấy bắt đầu khiến họ chao đảo. Một số nhà văn và trí thức, trong đó có Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến, và Nguyên Ngọc, công khai phát biểu sự bất mãn của mình đối với thực trạng của đất nước, đặc biệt trong lãnh vực văn học và nghệ thuật. Với những bài viết vẫn thường được bắt đầu bằng cách biểu lộ lòng biết ơn với Đảng như lâu nay, họ đặt ra những câu hỏi nhức nhối liên quan đến các sinh hoạt trí thức hiện tại.

Trong bài mang tựa đề "Viết Về Chiến Tranh" (Văn Nghệ Quân Đội, tháng 11 năm 1978), Nguyễn Minh Châu đả kích cách xây dựng tác phẩm của hầu hết những nhà văn thời kỳ đó là họ chỉ viết về những hiện thực ước mơ chớ không phải viết về những hiện thực đang tồn tại. Tán đồng với nhận định của Nguyễn Minh Châu, nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến viết một bài nhan đề "Về Một Đặc Điểm Của Văn Học Nghệ Thuật Ở Ta Trong Giai Đoạn Vừa Qua" trong đó ông đề nghị nên gọi nền văn học nghệ thuật hiện đại của Việt Nam là một nền văn học nghệ thuật phải đạo, có nghĩa là, "quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn tính chân thật". Cũng trong tháng đó, Nguyên Ngọc trình bày một đề cương về sáng tác văn học trong đó ông kịch liệt đả kích chất lượng yếu kém của những tác phẩm văn học hiện đại. Đề cương này mãi chín năm sau mới được phổ biến, nhưng chỉ phổ biến một phần, trên tạp chí Langbian ở Đà Lạt. Trong đề cương đó, ông đã viết những câu như sau:

"Cũng từ đó đưa tới tình trạng: "Phải chăng lúc này có hiện tượng không ít phổ biến là người viết, vẫn cứ viết mà không thực tin ở điều mình viết ra?" Người là muối mà chính người lại không mặn thì biết lấy gì để muối người? Văn học, nói theo một cách nào đấy, là lòng tin. Không có lòng tin lớn thì không bao giờ có thể có văn học lớn. (...) Cảm giác "có nhiều sách mà không có tác phẩm" là như thế. Người đọc thờ ơ với chính những quyển sách mình vừa đọc, tuy chẳng có gì để chê bai nó. Có một không khí mệt mỏi, lạnh nhạt giữa người viết và người đọc."

Những bài viết nói trên đã gây phản ứng mạnh từ phía những người bảo thủ và thành phần cốt cán của chế độ. Chẳng hạn, trong một bài viết đăng trên tạp chí Nghiên Cứu Nghệ Thuật (Tháng Giêng 1980), Kiều Vân biểu lộ một cách khá hằn học, dùng trường hợp của Lucas để ngụ ý là những người này đã "đòi hỏi một kiểu tự do vô lối trong sáng tác, vu khống xuyên tạc đối với xã hội xã hội chủ nghĩa, tấn công một cách kiên trì vào nền văn học mang tính đảng và tính có khuynh hướng". Thế nhưng, từ phía đông đảo nhà văn, nghệ sĩ, và trí thức, có một sự yên lặng đáng ngạc nhiên, không giống như vào thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, đa số đã nhảy vào đánh hùa theo với Đảng. Có thể là đa số đã đồng ý với những nhận định của NMC, HNH, NN, nhưng thời điểm đó còn quá sớm để họ dám chấp nhận hiểm nguy nói lên sự đồng tình của mình. Dầu thế nào đi nữa, một số tác phẩm biểu lộ sự bất mãn và mất niềm tin bắt đầu hình thành trong giai đoạn đầu của thập niên 80, đáng kể nhất là thơ của Nguyễn Duy và các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu.

Tháng 8 năm 1987, khoảng hơn một năm trước khi mất, Nguyễn Minh

Châu viết một tiểu luận để đời: "Hãy Đọc Lời Ai Điếu Cho Một Giai Đoạn Văn Nghệ Minh Họa". Trong đó, ông thú nhận là cho đến bấy giờ, vì sợ sệt, nhà văn đã trở nên hèn nhát và hành động thậm thụt như những gian phi. Ông kêu gọi các đồng nghiệp hãy chôn đi một nền văn nghệ như đã có trong quá khứ và dồn mọi nỗ lực để chuẩn bị một không khí sáng tác lành mạnh hơn cho những tài năng của thế hệ tới. Ông viết: "(...) Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn. (...) Mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ có sẵn, cho chữ nghĩa những văn bản vốn đã có sẵn mà chúng ta quy cho đây đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn. Nhà văn chỉ được giao phó công việc như một cán bộ tuyên huấn truyền đạt đường lối, chính sách bằng hình tượng văn học sinh động. (...) Tài năng, nhất là những thiên tài, bao giờ cũng như là của bắt được, của trời cho, ai mà biết được bao giờ thì họ đến. Nhiệm vụ của chúng ta là chuẩn bị bầu không khí cho họ thở, cho họ sống, đừng giết chết họ, đừng ghen tị với họ, đừng làm họ thui chột trí tuệ lẫn tình cảm, đừng khiến họ cuối cùng trở thành chúng ta."

Hai tháng sau, dưới áp lực của chính sách đổi mới ở Liên Sô và Đông Âu, Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố sẽ đổi mới chính sách của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tháng 12 năm 1987, nghị quyết số 5 về đổi mới trong văn học và nghệ thuật được ban hành. Chính sách đổi mới này đã làm cho sự nhận diện thật giả về tính phản kháng trong văn nghệ trở nên phức tạp hơn, nhất là từ phía đồng bào ở hải ngoại.

Dầu sao, chính sách đổi mới, thường được gọi nôm na là "chính sách cởi trói", đã giúp tạo nên một cơ hội làm bùng dậy một phong trào văn nghệ sinh động ở trong nước, đúng ra là ở miền Bắc. Phong trào văn nghệ này bao gồm nhiều cây viết tên tuổi. Về phê bình lý luận, có Hoàng Ngọc Hiến, Lại Nguyên Ân, Lê Ngọc Trà. Về kịch, có Lưu Quang Vũ, Tất Đạt. Về điện ảnh, có Trần Văn Thủy, Việt Linh. Về thơ, có Nguyễn Duy, Trần Vàng Sao. Sôi động nhất là về sáng tác văn chương với những tên tuổi như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Trần Mạnh Hảo, Nhật Tuấn, Nguyễn Quang Lập, Bảo Ninh, v.v. Hầu hết trong số này chỉ được biết đến hoặc thành danh sau 1975. Những kinh nghiệm đau thương trong quá khứ, những bất mãn mà họ cố kìm giữ lâu nay, được dịp nổ bùng lên. Do đó, tác phẩm của họ mang những sắc thái chính sau đây: phản kháng sự áp đặt quyền lãnh đạo của Đảng lên trên quyền sáng tác của nhà văn; phủ nhận "công lao" của chủ nghĩa cộng sản trong hai cuộc chiến; quy kết cho xã hội chủ nghĩa về tình trạng nghèo đói, phân hóa, bất công, và chậm tiến; đòi quyền của cá nhân được lựa chọn cách sống của mình; lên án sự lạm quyền của cán bộ cao cấp đã tàn phá xã hội và con người; công kích sự tôn sùng thần tượng; v.v.

Nguyễn Huy Thiệp được xem như tài năng hàng đầu của phong trào này. Ông viết với đau đớn và tàn bạo. Ông nhìn xoáy vào từng điểm đen tối nhất của đời sống. Ông lôi ra ánh sáng để đùa bỡn với những khúc mắc ghê rợn của một xã hội trong đó ông sống và làm việc. Phong cách này được nhìn thấy rõ nhất trong các truyện ngắn như "Tướng Hồi Hưu" và "Không Có Vua" (sau này ông chuyển sang thành kịch). Nói chung, ông là một nhà văn viết ngay thẳng nhưng sâu sắc, có nét riêng của mình, và là một nhà văn nổi giận. Sự nổi giận của ông bộc lộ tận cùng khi ông viết "Tội Ác Và Hình Phạt". Có những câu như: "Tội ác cứ nhân thêm. Và đến lúc nào đấy, trên cái mãnh đất khốn nạn này, trên cái mảnh đất yêu dấu của chúng ta sẽ bốc lửa. Sự trừng phạt đến. Sẽ đến ngày phán xử cuối cùng."

Khác với tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, truyện dài "Những Thiên Đường Mù" của Dương Thu Hương bao phủ một không khí hoài niệm, tăm tối, sầu thảm. Cái thiên đường mà Dương Thu Hương ngụ ý ở đây chỉ là một thiên đường của những kẻ đã đánh mất nhân tính hay của những kẻ bị chà đạp, bị bóc lột, bị xem khinh. Một thứ thiên đường chỉ có nghèo đói, lạnh lẽo, và cô đơn. Một thứ thiên đường mù lòa. Một trong những nhân vật chính trong truyện là cậu Chính, một cán bộ tuyệt đối trung kiên với Đảng. Trong truyện, Dương Thu Hương đã cho một chàng tuổi trẻ đầy tính người, nói về cậu Chính như sau: "Họ là những kẻ đã phao phí gần hết đời sống của mình vào việc vẽ nên một thiên đường dưới trần ai, nhưng trí khôn ngắn ngủi của họ lại không đủ để hiểu thiên đường ấy ra sao và con đường nào đưa tới nó (...) Vì thế, khi biết công việc ấy hão huyền thì họ hối hả tìm kiếm những miếng ăn thực, nhặt nhạnh những hạt ngũ cốc thực trên mãnh đất bùn lầy. Họ làm việc ấy, bất kể bằng cách nào... Họ, là tấn thảm kịch cho chính họ, là tấn thảm kịch cho thế hệ chúng ta." Trong một bài trả lời phỏng vấn của một tờ báo, Dương Thu Hương đã phê phán việc du nhập chủ nghĩa Mác Lê vào Việt Nam như sau: "Việc chúng ta quy chụp cuộc đấu tranh giai cấp vào đất nước ta (với các điều kiện thực tiễn hoàn toàn không phù hợp) đã tiêu hủy một trữ năng tinh thần của dân tộc. Chúng ta đã tự tận diệt lẫn nhau, nồi da xáo thịt, đã để lại những vết thương lịch sử nặng nề, khiến cho lòng người ly tán, thù hận, đã phân tán sức mạnh tự thân của người Việt. (...) Lẽ ra chúng ta có thể tránh khỏi những sự trả giá lịch sử không cần thiết. (...) Nhưng giờ đây tôi xin nhắc lại lần nữa, việc giải ảo, việc công khai hóa đời sống tinh thần; việc dũng cảm từ bỏ đời sống quá khứ... tất cả đang là những gánh nặng mà người trí thức không thể nào lẩn trốn.(...)"

Trong một bài thơ đã gây nhiều phản ứng sôi nổi, Nguyễn Duy biểu lộ một thái độ khinh miệt tận cùng về việc xây dựng thần tượng mà ông coi như chẳng khác gì xào nấu các món ăn, trong bài thơ tựa đề "Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc":

Thần tượng giả xèo xèo phi hành mỡ
Ợ lên thum thủm cả tim gan

Và, ông cũng biểu lộ sự hoài nghi về thiện chí đổi mới của Đảng qua sự hoài nghi về chính bản chất của Đảng:

Đổi mới thật chăng hay giả vờ đổi mới?
Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?

Những gì xẩy ra vài năm sau đó chứng tỏ sự hoài nghi của Nguyễn Duy quả thật có cơ sở.

Đến khoảng cuối năm 1989, phong trào Văn Nghệ Phản Kháng bắt đầu gặp phản ứng mạnh từ phía cầm quyền và từ phía một số văn nghệ sĩ thuộc cấp lãnh đạo chính trị, kể cả một số người lúc đầu có cảm tình với phong trào này. Đảng bắt đầu thắt chặt sự kiểm soát của họ về xuất bản và đẩy những phần tử "nguy hiểm" ra khỏi các chức vụ quan trọng trong lãnh vực văn học nghệ thuật. Đáng kể nhất là việc cách chức Nguyên Ngọc khỏi chức vụ Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ vào tháng 12 năm 1989. Vì tình trạng chính trị trên thế giới vào thời điểm này đã đổi khác, phản ứng của đảng CSVN khôn ngoan hơn, không tàn bạo trên mặt nổi giống như cách họ áp dụng với phong trào Nhân Văn Giai Phẩm vào 1958 và sau đó, thế nhưng, nó vẫn hữu hiệu. Đến cuối năm 1990, phong trào này mất hẳn khí thế của nó. Thêm vào đó, những đổi thay về kinh tế trên đất nước Việt Nam cũng đồng thời làm mờ đi ảnh hưởng của văn chương đối với xã hội và con người.

Ngày nay, thỉnh thoảng cũng thấy xuất hiện một số tác phẩm mang nội dung phản kháng, như trường hợp truyện ngắn "Linh Nghiệm". Thế nhưng, cái phản kháng trong văn chương như chúng ta đã thấy như một phong trào lớn mạnh vào thời điểm từ 1986 đến 1989, thật sự không còn nữa.

Giờ đây, nhìn lại phong trào đó, chúng ta thấy họ đạt được nhiều thành công, và những thành công đó còn ảnh hưởng đến ngày nay, chẳng hạn, nó đã kích động cái đam mê của người cầm viết được sống thật, viết thật với điều mình tin, điều mình thấy. Thế nhưng, nếu sự vùng dậy của văn chương vào thời kỳ đó mạnh về các lãnh vực xã hội và chính trị, thì về mặt văn nghệ, phong trào Văn Nghệ Phản Kháng còn rất nhiều hạn chế. Ngoại trừ Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài, không có nhiều nỗ lực lớn để làm mới văn học nghệ thuật trên căn bản nghệ thuật thuần túy. Và, cái điểm đáng chê trách nhất đối với phong trào này, là với con số gần 80 người làm nghệ thuật có tài năng, họ vẫn còn giới hạn cái nhìn của họ về một đất nước như thể vẫn còn bị chia đôi như trước 75. Trong tác phẩm của họ, người đọc rất khó tìm thấy hình ảnh của những con người ở phần đất phía Nam. Càng rất khó tìm thấy những hình ảnh trung thực, ngoại trừ trong "Nổi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh. Và, những đau đớn, những nghiệt ngã của người dân Việt Nam mà họ cảm nhận được để mang vào tác phẩm, cũng chỉ là những đau đớn, những nghiệt ngã của người dân Việt Nam ở phía Bắc vĩ tuyến 17. Cho đến

nay, hai mươi năm sau khi cuộc chiến chấm dứt, hiện tượng này vẫn không thay đổi bao nhiêu. Dầu sao đi nữa, chỉ riêng về phương diện can đảm của người cầm bút chống lại những áp lực của người cầm quyền, những bất công trong xã hội mà họ sống, thì quả thật, chúng ta phải dành cho họ một sự kính trọng đặc biệt, và phải dành cho họ một nhận diện và đánh giá công bình.

Nếu phong trào Văn Nghệ Phản Kháng ở miền Bắc làm cho ta liên tưởng, một cách đơn giản, đến tương quan giữa Ngòi Bút và Bạo Quyền, thì trên một nghĩa nào đó, Bạo Quyền đã thắng. Có thể nó chỉ thắng tạm thời, và không có mấy ai nói trước được những gì sẽ thực sự xẩy ra trên quê hương trong những ngày tới. Thế nhưng, có tạm thời hay không thì điều đó tùy thuộc rất nhiều vào cái cách mà thế hệ chúng ta, ở cả trong lẫn ngoài nước, và những thế hệ mai sau đương đầu với nó. Trong sự đương đầu đó, đóng góp của người Việt ở hải ngoại có thể không nhỏ, với điều kiện là chúng ta chịu nhìn lại một cách thẳng thắn về những gì chúng ta đang có ở hải ngoại, để đương đầu với Bạo Quyền, hay Bạo Lực nói chung, để thắng Bạo Lực. Nhìn lại những gì xẩy ra vào thời kỳ Văn Nghệ Phản Kháng, nhận diện, đánh giá, khen, chê,... là những điều nên làm. Tuy nhiên, những điều này sẽ chẳng có nghĩa lý gì hơn là một nghiên cứu trí thức, nếu chúng ta không nhìn lại chính mình để biết mình muốn gì và đâu là khả năng thật sự của mình. Phải nhìn một cách thẳng thắn, không phải nhìn một cách phải đạo, có nghĩa là không phải nhìn bằng cái cách mà mười lăm năm trước đây ở trong nước, dưới Bạo Lực, Nguyễn Minh Châu đã lên tiếng đề nghị mọi người nên chôn nó đi, bởi vì nó hủy hoại nghệ thuật, hủy hoại cái phần trí thức của con người, và dĩ nhiên nó sẽ làm cho đời sống thiếu hẳn chất lượng.

Ngòi Bút và Bạo Lực là hai thứ không thể cùng sống chung với nhau mà không làm biến thái hoặc triệt tiêu nhau. Ngòi Bút thật mạnh thì Bạo Lực triệt tiêu, ngòi bút mạnh vừa phải thì Bạo Lực chỉ biến thái và ngược lại.

Nói về tương quan giữa Ngòi Bút và Bạo Lực, cái mà chúng ta đang có ở hải ngoại là cái gì?

Về một phương diện nào đó, chúng ta cách xa quê hương nên không bị chi phối bởi Bạo Lực theo cái cách mà đồng bào chúng ta trong nước phải chịu. Chúng ta tự do hơn, chúng ta an toàn hơn. Nhưng đồng thời, về một phương diện khác, do ảnh hưởng của thời đại bùng nổ truyền thông, do liên hệ tình cảm cố hữu của người Việt với quê hương, do những đi lại thường xuyên giửa hải ngoại và trong nước (180 ngàn người Việt ở hải ngoại về thăm đất nước trong năm 1994), trên một nghĩa nào đó, cộng đồng Việt Nam hải ngoại rất gần với quê hương. Ảnh hưởng của cộng đồng để tạo nên những đổi thay trên quê hương không thể nào nhỏ được, dù là ảnh hưởng cộng hay ảnh hưởng trừ, tôi muốn nói, ảnh hưởng tốt hay ảnh hưởng xấu. Thế nhưng, trí nhớ của người Việt cũng quá tốt và do đó, cái ám ảnh từ kinh nghiệm chua chát, xót xa, nghiệt ngã và những mất mát liên quan đến biến cố 75 không phai nhạt trên các sinh hoạt của ngòi bút. Cho nên, hai mươi năm qua, dù

thật sự tâm tình của người Việt đã thay đổi như thế nào, dù đại bộ phận của dân tộc là những người chỉ đã trưởng thành sau 75, dù thế giới đã đổi thay như thế nào, chúng ta vẫn có khuynh hướng nhìn những tranh chấp trên quê hương nó đơn giản như cả thế giới chẳng có gì đổi thay cả. Và rồi qua ngòi bút, qua báo chí, qua sách vở, qua tuyên ngôn, qua thông cáo, chúng ta tiếp tục tạo nên những hận thù giả tạo giữa chính chúng ta với những tranh chấp rất thật ở chính nơi đây, tưởng chừng như chúng ta còn sống trong cái không gian cũ, vào cái thời gian mà chúng ta còn đang lao đao, vùng vẫy, chống cự, quay cuồng trong khuôn khổ một cuộc nội chiến, với máu đổ hằng ngày, với một lằn ranh bạn thù rõ nét, song song với lằn ranh lớn của một thế giới lưỡng cực trong Chiến Tranh Lạnh. Ngày nay, thế giới lưỡng cực chỉ còn là đề tài của những nhà viết sử, nhưng chỉ riêng một sự kiện "trong số mười người cầm bút bị sát hại trên nước Mỹ, năm người thuộc cộng đồng Việt Nam hải ngoại" cũng phải khiến cho chúng ta suy nghĩ về cái tương quan giữa Ngòi Bút với Bạo Lực ở chính nơi đây. Ở đây thật sự chúng ta có Tự Do. Bạo Lực thật ra ở rất xa, nhưng cái ám ảnh về Bạo Lực đã khiến chúng ta kéo nó lại gần, không giết được nó, chúng ta giết lẫn nhau, chúng ta hành hạ lẫn nhau, chúng ta chụp nón cối cho nhau. Không khéo, chính chúng ta, chớ không ai khác, chẳng phải Bạo Quyền hay Bạo Lực nào cả, sẽ làm mất cái Tự Do mà chúng ta theo đuổi cả cuộc đời và cuối cùng có được với một giá đất vô cùng.

Ngòi Bút và Bạo Lực! Nếu Ngòi Bút đủ mạnh để làm thăng hoa được cuộc đời thì Bạo Lực tự nó sẽ phải đi ra khỏi cuộc đời. "Mạnh" ở đây không phải với cái nghĩa của "trong thơ có thép", mà với cái nghĩa là có nghệ thuật, có sáng tạo, có sức thu hút, có thuyết phục, có tình người... Sức mạnh của Ngòi Bút chúng ta ở hải ngoại như thế nào? Về lượng, chắc là nhiều lắm. Về phẩm, văn chương của chúng ta có mới không, nội dung của nó có chứa đựng được những bức xúc, những trăn trở, những khúc mắc, những suy tư của thời đại chúng ta, có khai mở cái thẩm mỹ, cái tầm nhìn về tương lai cho chính chúng ta và những thế hệ sau này? Hay, có phải đa số sách vở của chúng ta cũng chỉ là những lặp lại, bằng những sự kiện khác nhau, theo cái lối phải đạo, minh họa của chúng ta, mặc dầu nó có thể khác với cái lối phải đạo, minh họa của văn chương trong nước?

Đó là về phần người viết.

Tôi xin nói thêm vài điều liên quan đến người đọc. Ở hải ngoại, sống hết lòng với văn chương khó lắm. Do đó, người đọc cũng nên dành cho những nhà văn chân chính một sự cảm thông tối thiểu. Văn chương thuần túy nhắm đến những cái thật cao đẹp, nhưng người viết văn vẫn có những đòi hỏi, những nhu cầu rất bình thường, hay tầm thường. Người viết cần độc giả cũng như ca sĩ cần thính giả. Văn chương hay đòi hỏi người đọc sách nghiêm chỉnh, ngược lại, người đọc sách nghiêm chỉnh đòi hỏi văn chương phải hay, phải mới. Nhưng để được vậy, người đọc phải có chút nỗ lực mới tìm được từ trong đống sách vở ngổn ngang những gì gọi là văn chương. Thêm vào đó,

người đọc cũng nên giúp cho các sinh hoạt văn học nghệ thuật được khích lệ, được sinh động hơn, bằng những yểm trợ rất nhỏ nhoi, rất tầm thường, như bỏ tiền ra mua sách. Hiện thời, tiền ở hải ngoại không thiếu nhưng tiền để mua sách thì không nhiều.

Khi nói chuyện về Ngòi Bút và Bạo Quyền, hay Bạo Lực, điều mà tôi nghĩ đến và mong rằng chúng ta sẽ không để cho xẩy ra ở hải ngoại, lại là một tình trạng mà trước đây ở trong nước Nguyên Ngọc có nói đến. Đó là: một thái độ thờ ơ, mệt mỏi trước sách vở. Tôi muốn nói: sách vở của văn học nghệ thuật Việt Nam. Thái độ đó, có khả năng bẻ gẫy Ngòi Bút còn mạnh hơn cả Bạo Lực.

TRƯƠNG VŨ

T

TRẦN VÀNG SAO

tình cờ lúc đó tôi đã viết cho em

làm thế nào tôi đừng nhìn vào hai mắt em
làm thế nào không có em tôi sống như thường được
làm thế nào không có những buổi mai
làm thế nào tôi chết đi em không nhận ra mặt
làm thế nào con sông trôi ra biển
khúc củi mùa lụt không tấp đâu hết
làm thế nào cho mọi người không ai biết đến mình
làm thế nào tôi qua cầu về nhà em
xuống dốc đường đi không nhớ
làm thế nào tôi lang thang trên đồng cỏ hoang
buổi chiều người thổi tù và
gọi bò về không thấy tôi
làm thế nào cho em hôn tôi cay đắng và môi lạnh tê
làm thế nào cho tôi hôm em tối khóc
làm thế nào tôi nhìn được em rất lâu, rất lâu
làm thế nào cho tôi xấu xí đừng yêu em.

TRẦN VÀNG SAO



PHỐ THỊ NGỌC NI

thơ hai câu của anh và em

suối khe

cái thời
ở
với sơn khê
suối khe
thường hỏi em
về
biển khơi

lúa

tháng mười
em
trổ
vàng tươi
mình tròn con gái
lả lơi
cánh đồng

nhớ

mưa rơi
hạt kết
thành dòng
chảy qua
em đợi
tấm lòng
nhớ anh

trước sau

trước
em là miếng trời xanh
sau
anh phụ rẫy
đọa
thành
chiều phai

chim

khắp khởi
em
theo chàng trai
đôi tay cánh trắng
bay
ngoài
mênh mông

hương

trợt chân
té
ngồi bụi hoa
hương
như giọt nước
tứa ra
thơm lừng

PHỐ THỊ NGỌC NI



VĂN CẦM HẢI

quên lãng

Chiếc nôi lật ngược
Tiếng khóc rơi xuống
tã lót rách bươm, lời mẹ ru không khâu vá nổi
tôi và em
sa mạc
con spanh buồn bã
khi bọn cướp đục thủng lấy mất quả tim
tôi và em
trên da bụng em nườm nượp tiếng khóc
theo nhau thành dòng nước lũ
cả căn hầm chữ A
chiếc áo nâu thế hệ
mà nỗi đau vo ve từng hạt máu
đong đầy nghĩa địa.

mùa thu linh cảm

Ngày kỷ niệm như hoa ti gôn vỡ trên thành cửa
những dấu hôn em bỏ lại mình tôi
con bồ câu mổ nát cách cửa mặt trời
tôi ôm ngực xoa rừng nghẹn ngào
thời gian đã thối trên tay
người đàn bà quên sinh đẻ
nỗi buồn rực đỏ
hỡi bào thai sao em làm thợ mỏ
vàng đá tim tôi
mùa thu sóng sượt ngả vai mình
em còn nhớ lời ca cởi áo
con cá heo bay qua vòng xiếc về với biển

VĂN CẦM HẢI
(Huế 92)



PHONG LÊ

phê bình, khoa học và nghệ thuật(1)



Phê bình - để làm tròn chức trách và đạt yêu cầu lý tưởng của nó là phải *đúng* và *hay*. Đúng và hay trong một nghĩa giản lược tương đương là hai yêu cầu khoa học và nghệ thuật.

Chỉ hai chữ gọn này, thế nhưng khó biết bao! Khó cho từng người, và cũng khó cho cả một nền, nếu có một nền phê bình đi song song với sáng tác văn học

Đúng trong khen chê trước hết cần qua sự phân tích, nói cách khác cần có một trí tuệ tỉnh táo, khoa học. Nếu sáng tác là sự nỗ lực để tiếp cận đời sống thì phê bình là sự nỗ lực để tiếp cận tác phẩm bằng toàn bộ vốn kiến thức, vốn văn hóa, vốn cảm thụ nghệ thuật. Một sự huy động tổng lực các thứ vốn để soi vào tác phẩm, tác giả và rút ra những gì là chính yếu, là cần nói - không phải chỉ nói với tác giả mà nói cho công chúng số đông, và điều cần nói này, nếu là đúng, là thỏa đáng, là phù hợp và gây được hứng thú thì người phê bình đã thực hiện được chức trách của mình. Vậy là trên số trang số chữ rất hạn chế nhà phê bình phải đạt đến chân lý - *chân lý của phê bình*, trên cọ xát, sự đối chiếu giữa *chân lý đời sống* nó là thuộc hiện thực khách quan, với *chân lý nghệ thuật*, nó là hiện thực được nhận thức và thể hiện qua tác phẩm. Hai dạng chân lý này kết hợp với nhau qua một chủ thể, một cá tính sáng tạo, được chung đúc trong một sản phẩm nghệ thuật đơn nhất, đặc thù và người phê bình không làm cái công việc qui gọn đơn giản mà phải tìm ra những đóng góp thông qua cái riêng, làm nên dấu ấn của mỗi tác

phẩm, tác giả. Đó là không nói hai cái chân lý này lại dễ có độ chênh, độ so lệch, và sai số ấy cũng là vấn đề đặt ra như một thử thách cho cái *đúng* đối với công tác phê bình.

Thực ra những điều nói trên được nêu ra như một yêu cầu lý tưởng. Còn thực tế phê bình của chúng ta, rộng ra của nhiều nơi, đã diễn ra quả không mấy khi đạt được mục tiêu lý tưởng ấy. Sự sàng lọc của thời gian tỏ ra khắc nghiệt với sáng tác và càng khắc nghiệt với phê bình. Con số những nhà phê bình lớn là vô cùng ít ỏi so với nhà văn nhà thơ. Được gọi là phê bình theo cỡ Biêlinxki được mấy ai? Đến nỗi vẫn có thể được gọi là lớn, những nhà phê bình đã không đủ tầm nhìn và mắt xanh để nhận ra những tài năng. Thế kỷ XIX ở Pháp có hai nhà phê bình lớn là Bruynơchie và Xanhtơ Bơvơ thì một để sót Banzắc, một để sót Xtăngdan.

Cái đúng để không bỏ sót, để không chọn nhầm thật khó biết bao! Nhưng công việc cứ vẫn là công việc. Sự khen và chê, gạn lọc và loại bỏ vẫn cứ diễn ra trong sinh hoạt thường nhật của phê bình. Rồi thì thời gian và công chúng sẽ kiểm nghiệm. Người làm công tác phê bình nào cũng có điểm tựa và sự thử thách ấy. Nhưng họ lại không thể nấn ná chờ đợi. Cũng không thể dựa dẫm. Ở ý này tôi lại nhớ đến nhà phê bình Hoài Thanh lúc sinh thời. Ông đã "lăng xê" phần thơ *Hương Cây* của cây bút trẻ Lưu Quang Vũ khi anh vừa vào binh nghiệp, và trong quân ngũ còn có chuyện lôi thôi. Đến nay đã trên hai mươi năm, sau lúc đột ngột ra đi Lưu Quang Vũ để lại trên 50 vở kịch, trong đó có hàng chục vở gây sôi nổi dư luận. Nhưng theo một nhà thơ quen thuộc, và cả bản thân tôi, thì cái phần rồi sẽ bền lâu, có lẽ rồi sẽ là thơ, chứ không hẳn, hoặc không hoàn toàn là kịch. Hoài Thanh đã có mắt xanh, nhưng dẫu vậy không phải bất cứ sự tiên đoán nào của ông cũng đều đúng cả.

Để đạt được cái đúng, để có cái đúng, quả khó biết bao. Vấn đề còn phức tạp hơn ở chỗ, xác nhận như thế nào là đúng. Có biết bao tác phẩm mà sự đánh giá đi đánh giá lại cứ nổi lên theo thời gian: Truyện Kiều, Hồ Xuân Hương, cho đến Tản Đà, Thơ Mới, Tự Lực Văn Đoàn... Nam Cao lúc sinh thời chẳng được mấy ai chú ý, nhưng Lê Văn Trương lại nổi như cồn. Truyện ngắn Nam Cao trầy trật và lắt nhắt chạy in từng kỳ, còn Lê Văn Trương cứ là dồn dập hàng chục tiểu thuyết in với số lượng lớn. Thế nhưng cái gì tồn tại tưởng ai cũng đã rõ... Mấy chục năm qua, trên văn đàn Xô Viết xuất hiện lừng lẫy bao tên tác phẩm, tác giả, thế mà chỉ mấy năm sau sự nghiệp cải tổ, không ít người trong số đó, với bao giải thưởng lớn nhỏ đã lui đi, và nhường vị trí hàng đầu cho bao tên tuổi mới, từng bị cấm đoán, vùi dập hoặc bị xử lý như là những người không cùng chí hướng hoặc kẻ thù. Lại không hiếm trường hợp ngay khi tác phẩm ra đời dư luận đã chia đôi chiến tuyến, như Vũ Trọng Phụng nửa thế kỷ trước, và giờ đây, Nguyễn Huy Thiệp. Trong sự đối lập kịch liệt của khen chê này ai cũng quyết giành chân lý, giành phần đúng về mình. Và như vậy tự thân phê bình đã không đủ phân xử, mà cần đến "phê bình phê bình"!

Trong các tình huống phức tạp khó tránh như trên, yêu cầu khoa học vẫn

là tiêu chuẩn cần được vận dụng để tránh bớt sự sốt ruột, nóng vội. Cần lý trí của sự phẫn nộ chứ không phải sự phẫn nộ của lý trí. Người phê bình vừa phải nhập cuộc, vừa phải lùi xa. Và ở bất cứ vị trí nào, họ cũng cần bản lĩnh, để trước hết không rơi vào chủ nghĩa cơ hội là thói xấu mà bất cứ người phê bình chân chính nào cũng phải lánh xa (đáng tiếc thói bệnh này lúc nào cũng có), mà còn là để chống chọi lại với những sức ép từ nhiều phía: sức ép của quán tính hoặc của số đông, của những uy tín hoặc thần tượng, thật và giả, của thiên kiến và quyền lực... Ở đây bản lĩnh người viết nằm trong sự tỉnh táo của thái độ, nhưng cái chính là nằm trong tư thế của cuộc sống, của thời cuộc mà bằng nhãn giới của trí tuệ, người phê bình phải có tầm đón từ xa. Xu thế - đó là cái nằm trong qui luật phát triển và chiến thắng của cái mới, cái tiến bộ. Để nói đúng, viết đúng phải sống đúng. Phải sống với lẽ sống của nhân dân, với xu thế của đất nước, của thời đại. Phải nhạy cảm với cái mới và đấu tranh cho cái mới. Nói thì dễ và đơn giản nhưng làm được thì cực khó, nhất là khi cuộc sống đi vào những bước ngoặt, những chuyển động quyết liệt. Các quán tính cũ, các thế lực cũ, các quyền lợi cũ sẽ quyết tâm bảo vệ các giá trị cũ. Cái mới có khi là thiểu số và rất dễ bị vùi dập. Khả năng bảo vệ cái mới có khi rất mỏng manh, và công việc trở nên rất khó khăn, thậm chí nguy hiểm, đến mức không chỉ cái mới trong sáng tác mà ngay cả người bảo vệ cái mới cũng bị liên lụy. Những lúc ấy chân lý sẽ bị vênh hoặc bị thui chột. Nhưng nếu là nhà phê bình dũng cảm thì quả cũng không còn con đường nào khác. Và ở đây không ngại là quá lời, khi nói bằng khí phách của Galilê hoặc bơrunô đã trở thành tấm gương cho bất cứ nhà phê bình nào, từ phê bình chính trị, phê bình xã hội, đến các phê bình chuyên ngành trong khoa học, văn học - nghệ thuật...

Nói phê bình đúng là đặt nó trước yêu cầu khoa học, cái đúng đối diện và đối lập với cái sai, mà đúng/sai là vấn đề của cách nhìn, của lập trường, quan điểm. Câu chuyện phê bình văn chương trên bình diện này do vậy không tách rời các chuyển động trong đấu tranh xã hội, trong sinh hoạt tư tưởng của nhân dân, của thời đại.

Nhưng *đúng* chưa đủ làm nên một bản lĩnh phê bình, nhất là phê bình văn chương. *Đúng* và phải *hay* - vì đây là phê bình nghệ thuật. Đối tượng phân tích ở đây là một sản phẩm của sáng tạo, của sự tái tạo lại đời sống theo qui luật của cái đẹp. Trước cái đẹp là sự cảm thụ, sự rung động, sự xúc động. Người phê bình không thể thiếu những khả năng ấy, với nó, anh ta sẽ có khả năng đến được trực tiếp, bằng con đường ngắn nhất, để làm chiếc cầu nối bền vững giữa người viết và người đọc.

Tác phẩm, nếu đúng là một sản phẩm nghệ thuật đích thực thì không thể chỉ bằng một con đường phân tích mà đến được, mà bao quát được các giá trị nội tại. Tính đa nghĩa và nhiều chiều vốn là đặc trưng của mọi tác phẩm ưu tú, khiến cho, mỗi thời đại, mỗi lớp người tiếp nhận nó dưới một ánh sáng

riêng. Sự phân tích, đó là điều cần và có thể là hàng đầu cho *khoa học phê bình*, nhưng không đủ, vì còn *nghệ thuật của phê bình*. Đó là không nói sự phân tích thường gắn với các phương pháp, bao nhiêu phương pháp thì cũng có bấy nhiêu cách phân tích khác nhau: từ xã hội học, phân tâm học, đến ấn tượng, cấu trúc, rồi ký hiệu học và lý thuyết thông tin... Không nói phương pháp duy vật biện chứng vốn là sở hữu của triết học Mác-Lênin - từng có lúc được trực tiếp chuyển cho phương pháp sáng tác văn học, và cuộc tranh luận chống lại phái RAPP diễn ra ở Liên Xô đầu những năm 30 đã khai sinh cho thuật ngữ phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa - mà sau này có người còn muốn áp dụng nó cho cả phê bình văn học..

Ở mỗi phương pháp như đã nêu trên diễn ra trong lịch sử đã từng có tham vọng đem lại một cái gì mới, hoặc là một cuộc cách mạng trong phê bình. Dĩ nhiên bên cái mới thật lại có cái gọi là "mới", bên tính khoa học thật sự lại có cái "nhân danh khoa học", và cả hai đều cùng có lý do tồn tại, để rồi cái thật, cái đích thực thì được tiếp nhận, rồi thay thế, còn cái giả, cái rởm thì bị phủ định và loại trừ... Ở ta, từ những 30 trong xu thế hiện đại văn học dân tộc, đời sống văn chương cũng đã diễn ra sự xuất hiện một số khuynh hướng phê bình, nghiên cứu, tuy quan niệm triết học, tư tưởng và nghệ thuật của tác giả thì chưa thật rõ nét lắm. Từ sau 1945, dưới sự chi phối của triết học Mác-Lênin, phương pháp duy vật biện chứng được quán triệt trong công tác phê bình, nhưng việc vận dụng trong thực tiễn thường phải điều chỉnh giữa hai cực: một là khuynh hướng xã hội học, đôi khi có màu sắc dung tục, nhấn quá mạnh sự đối chiếu với thực tế và bắt bẻ trên sự giống hay không giống với các hiện thực cụ thể, và hai là nặng về ấn tượng và kinh nghiệm cá nhân... Một vài trường phái phê bình như phê bình mới, như cấu trúc... có được giới thiệu, với ý thức răn đe hoặc ngăn ngừa, dẫu trong thực tiễn hoạt động của sáng tác và phê bình chưa có bao nhiêu dấu hiệu. Nhìn chung có khác với phương Tây, lịch sử phê bình với tư cách một bộ môn độc lập với sáng tác ở ta còn ngắn, và do hoàn cảnh đặc thù của đất nước: vừa thoát khỏi chủ nghĩ thực dân, lại phải chịu đựng hai cuộc chiến tranh, các mối giao lưu với nhân loại còn bị hạn chế, nên chưa thể có sự phát triển phong phú, càng chưa có sự "lộn xộn" của các khuynh hướng, trường phái và phong cách phê bình. Do truyền thống giáo dục trong nhà trường, và do ảnh hưởng của một số cây bút có uy tín trong số những người khai mở công việc này, nên phương pháp phê bình có nhiều ổn định, ít thay đổi. Trường phái Lăng Xông (Guytxtavơ Lăng Xông - 1857-1953) chú ý đến tiểu sử tác giả và các hoàn cảnh rộng "ngoài" tác phẩm, được tiếp nhận từ những năm 30 có dấu ấn khá đậm, và lưu lại ảnh hưởng khá dài trong khoa nghiên cứu văn học, cũng có chi phối đến công tác phê bình. Trở lại với yêu cầu khoa học trong phê bình: cái khoa học mà chúng ta nhằm vào xuất phát từ triết học và mỹ học Mác-Lênin. Nhưng chỉ dừng lại ở đây chưa đủ để cho ta có một sự thẩm định, sự đánh giá trọn vẹn. Cùng với sự phân tích và sau sự phân tích phải là một quá trình tổng hợp, là một cảm nhận toàn bộ và tổng thể tác phẩm. Ở đây chủ nghĩa ấn tượng trong phê bình

quả có ưu thế nhất định. Nó có khả năng đem lại cho người đọc cùng lúc và tức khắc vẻ đẹp và sức hút của tác phẩm mà không cần phải qua nhiều lời lẽ, lý sự. Trong các loại hình văn học có lẽ thơ là thứ rất cần đến năng lực tổng hợp này, và những nhà phê bình thơ có thể yếu mặt này mặt nọ, nhưng cảm xúc và ấn tượng hẳn là thứ họ phải có dồi dào để cho ta những áng phê bình cùng song song, cùng sống với sáng tác như một thực thể có giá trị tương dương. Chẳng hạn, sau nhiều chục năm bàn đi tính lại, lúc nhớ lúc quên, cuối cùng rồi *Thi Nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân vẫn cứ được đón nhận như là công trình phê bình có sức hấp dẫn nhất về phong trào Thơ mới 1932-1945.

Phê bình là một nghệ thuật không phải chỉ vì đối tượng phê bình là một sản phẩm nghệ thuật, đòi hỏi phải xử lý như một sản phẩm của sáng tạo. Phê bình là nghệ thuật còn là vì bản thân bài phê bình cũng phải có sự hấp dẫn của một tác phẩm nghệ thuật. Sự hóa thân lần thứ hai của tác phẩm nghệ thuật này dòi người phê bình khả năng cảm thụ cái đẹp và phô diễn cái đẹp. Cảm thụ là thế nào? Có thể xem đó là sự sống lại, và làm sống lại một lần nữa những từng trải và cảm xúc của tác giả. Cố nhiên có những nhà văn có vốn từng trải ghê gớm mà không nhà phê bình nào có thể theo kịp. Nhưng nói như vậy không phải ai có từng trải người ấy mới có quyền phê bình. Người phê bình cần và có thể huy động mọi thứ vốn trực tiếp và gián tiếp để hiểu tác phẩm. Và như vậy cái vốn đọc, vốn văn hóa chung phải thành yêu cầu tu dưỡng thường xuyên của người phê bình. Tất cả những gì mà nhà văn huy động để nhào nặn cuộc sống thành nghệ thuật phải nằm trong cái vốn hiểu, sự quan tâm, hơn thế, sự say mê của nhà phê bình. Người sáng tác có thể ít học mà viết được tác phẩm hay, còn người phê bình không thể ít học, ít vốn văn hóa mà viết hay được. Đó là chỗ khó, chỗ khác khi so sánh sáng tác với phê bình.

Trở lên ta tách hai yêu cầu *đúng* và *hay, khoa học* và *nghệ thuật* để tiện cho việc bàn. Còn công việc phê bình, trong mục đích cuối cùng của nó, và trong các thao tác của nó, khó mà tách ra được. Đó là dạng lao động, vừa là kết quả của tinh thần phân tích duy lý khoa học, vừa là sản phẩm của xúc cảm và say mê. Phê bình là khen chê. Có khen/chê trên phạm trù đúng/sai. Có khen chê trên phạm trù hay/dở. Cả hai phải gắn với nhau và nằm trong bản lĩnh tổng hợp của nhà phê bình. Để phân biệt đúng/sai, có thể có nhiều người làm được, đặc biệt nhà chính trị có thể làm tốt. Nhưng để phân biệt hay/dở lại cần đến nhà phê bình.

Đối tượng của nhà phê bình là tác giả, tác phẩm. Đó là chủ thể của sáng tạo, và sản phẩm của sáng tạo. Nhưng hiệu quả cụ thể của nó lại không chỉ thuộc vào chỗ có được nhà văn đồng tình, thích thú hoặc không. Được là điều vui, chúng ta mong có thêm nhiều Bá Nha và Tử Kỳ. Nhưng không cũng chẳng sao. Có nhà văn trước lúc chết di chúc lại không cho phép nhà phê

bình nào đến viếng, hoặc để mộ bên cạnh, sợ lại tiếp tục sinh ra cãi nhau, hoặc di chúc ngược lại, để luôn luôn có dịp mà cãi nhau. Hoạt động phê bình mang tính xã hội cao hơn, rộng hơn mối quan hệ giữa người phê bình và nhà văn. Nó nhằm vào công chúng số đông, nhằm vào đời sống tinh thần chung của xã hội. Nói theo một nghĩa nghiêm chỉnh, nó có sứ mệnh hướng dẫn độc giả. Và từ tác dụng hướng dẫn đó nó góp vào sự hình thành công chúng văn học. Rồi đến lượt nó, trong mối quan hệ Tác giả - Tác phẩm - Công chúng, con đường phát triển văn học sẽ là những móc xích tác động vào nhau, qui định lẫn nhau theo hướng đi lên, nhịp với sự tiến bộ của xã hội. Như vậy tác động của phê bình là rộng lớn và vượt ra khỏi khuôn khổ mối quan hệ với Tác giả. Nhìn vào lịch sử, ta thấy rõ, trong tiến trình chung của văn học, phải đến một lúc nào đó mới có sự hình thành và sự phát triển của ngành phê bình, tức là khi đời sống sáng tác đã có ý thức về nó, có triết học của nó. Và như vậy có nghĩa là sự thưởng thức văn học đã vược lên trình độ mới, một chất lượng mới, không còn là chuyện cảm thụ của các cá nhân, hoặc của các nhóm "Tri âm", "Tri kỷ", mà đã thành một nhu cầu xã hội. Đứng trước nhu cầu xã hội thì chẳng có ý muốn tốt đẹp hoặc ác cảm cá nhân nào có thể thúc đẩy hoặc cản ngăn nó được.

Đừng nghĩ giới phê bình là "cây tầm gửi" của sáng tác, dẫu rằng có sáng tác mới có phê bình. Câu chuyện này thật ra đã cũ, nhưng không phải đã hết khi trong đời sống còn diễn ra sự trục trặc giữa sáng tác và phê bình. Hãy cứ thử hình dung nếu sáng tác chỉ có người sáng tác bàn cùng nhau hoặc tự nói về mình! Chỉ cần trở lại câu hỏi: người viết văn cho ai, thì sẽ thấy sự đàm thoại hoặc độc thoại như trên là nhàm tẻ hoặc vô nghĩa biết chừng nào.

Không hạ thấp công việc phê bình xuống trình độ một sự phân tích thô sơ hoặc cảm thụ tùy tiện, cũng không tôn cao hoặc thần thánh hóa công việc phê bình như một phương thức chỉ đạo, lãnh đạo của một đấng bề trên nào - dù nhân danh cá nhân hoặc tập thể , phê bình hoạt động như một lĩnh vực của sáng tạo, đứng ở giáp ranh của khoa học và nghệ thuật, cần cho nhu cầu tinh thần của con người, cần cho con người trong khát vọng nhận thức không cùng về thế giới chung quanh và bản thân mình.

PHONG LÊ

---

(1) Ở đây không bàn về nghiên cứu và lý luận văn học tuy có quan hệ gắn bó với phê bình, nhưng vẫn là hai bộ môn có đối tượng và chức năng riêng



NGUYỄN VĂN PHỤNG

mùa xuân đi bên bờ sông hàn

Mùa xuân nói gì đâu mà em vui
mưa bụi rơi trên vai và tóc em đầy hoa
nụ cười em kéo chân anh đi không mỏi
phố xanh cây, bờ sông sóng vỗ rì rầm...

Nơi mỗi góc phố, nơi mỗi hàng cây, nụ cười dán kín mắt
anh theo em và lòng vui quá đỗi
có tiếng ai cười rớt đâu đây

Thành phố chớm nắng nên mùa xuân còn mưa bụi
anh bây giờ không còn đi một mình lầm lụi
phố có hàng cây và anh có em.

Mùa xuân nói gì đâu, anh chẳng nghe dù một lời thầm
mưa bụi lấm qua vai anh và nụ cười em rất ấm
gió xôn xao đầu mùa anh thấy trời đất rộng
anh đi bên đời, biết có em.

Mùa xuân nói gì đâu, anh biết thế
anh biết cả niềm vui của em cười trong mắt trẻ
mùa xuân có nói cũng chẳng được đâu
có những điều không nói mà em và anh đều nắm được
chỉ nhìn thôi mà thấy cả mai sau.

Em đâu có nói mà anh biết mùa xuân thay áo mới
cho lòng anh thổi lộng gió đông xuân

Lòng anh đang thổi lộng gió đông xuân!

NGUYỄN VĂN PHỤNG



ĐOÀN NHẬT

cuối năm còn đó chuyến đi

Rừng cỏ lá dềnh chiều bè mảng
Nắng tận mù đường chim bay
Sững sờ gió dại dằng dật
Ngày vô hạn mê ửng nỗi đau

Bánh xe lăn đi hanh hạn tuổi
Trời hao kiệt buồn thiết thân
Vượt chân núi đa đoan đá xác ám
Gặp gỡ giữa mùa chuyển động phát lạc đất đai

Dừng xe giữa bỏ không gió máy
Lá rơi đập một khoảng khắc đục tối
Bước chân gom tập nao nức xưa
Trên đường lá đắp mặt như thời lạ

Rời nơi khô cạn thân tộc
Đến thăm khao khát thâm tình
Ôm người trong tay xô xếch
Ngày choàng dậy rơi tan

Đối mặt nhau giữa hiện hữu
Tình thâm sâu run rẩy còn đau
Thấy rõ nguồn cơn thất lạc dang dở
Bàn tay ghìm níu rách nát cánh buồm hệ lụy cơn dông

Rừng sớm rũ ướt gió xoáy trở hoang lạc
Rời biệt nhau lung linh ngày mê lệch
Bánh xe lăn khô đường ẩn mật
Ngọn nắng rạng lóe mừng tẩy trắc trở...

ĐOÀN NHẬT



LẠI NGUYÊN ÂN

thử nghĩ về chất văn xuôi

(Trích)



... Ngôn ngữ có vai trò rất quan trọng đối với chất lượng nghệ thuật của văn xuôi. Rất nhiều vấn đề về nghệ thuật văn xuôi (ví dụ chọn các ngôi đứng ra kể chuyện, dẫn truyện, vấn đề thời gian và không gian nghệ thuật của tác phẩm v.v...) thoạt nhìn tưởng như xa lạ, thật ra lại gắn bó rất mật thiết với phương diện ngôn ngữ của tác phẩm văn xuôi. Tuy nhiên chất văn xuôi, chất lượng nghệ thuật của mỗi tác phẩm văn xuôi vẫn vẫn không phải chỉ nằm bó tròn ở phương diện ngôn ngữ. Sáng tác văn học được gọi là sáng tác lời hoặc sáng tác ngôn ngữ chẳng qua là căn cứ vào cái chất liệu, cái vật liệu hiển nhiên dễ thấy nhất mà nó sử dụng. Thật ra, nếu nhìn kỹ, văn học nói chung, đặc biệt là sáng tác tự sự - một chuỗi ngôn từ liên tục gồm từ một vài hàng đến hàng ngàn trang giấy - sẽ không có ý nghĩa gì cả nếu không có một chỗ dựa khách quan nằm trong các năng lực của bộ óc con người - ấy là trí nhớ. Cái chuỗi ngôn từ mà bằng vào đó nhà sáng tác ghi lại những sự mô tả các hành vi, xử sự, nói năng, quan hệ của những con người có nguyên mẫu thật hoặc hư cấu nào đó - chỉ có thể trở nên chỉnh thể nhất định (mà ta gọi là tác phẩm) khi ở người đọc có năng lực ghi nhớ lần lượt từng cái một, từng mảng một, và do liên tưởng mà có thể liên kết chúng lại, hiểu ra toàn bộ câu chuyện, đoán ra các ý nghĩa chứa đựng trong đó, cái ý nghĩa mà nhà sáng tác có lẽ đã ngụ vào. Khả năng ghi nhớ, ký ức và liên tưởng của con người, do vậy ở đây cũng là một cơ sở chất liệu của nghệ thuật ngôn từ. Văn học, như vậy, còn là nghệ thuật của ngữ nghĩa, của ý, của ký ức, liên tưởng là nghệ thuật của tư tưởng nói chung. Đồng thời, do chỗ là nơi bộc lộ các tình cảm và là sự thỏa mãn các tình cảm của con người, giống như mọi nghệ thuật nói chung,

văn học không bao giờ lại không là nghệ thuật của tình cảm. Tư tưởng và tình cảm, sự nhận thức và sự xúc cảm của con người không đứng yên, bất biến, chúng cũng vận động, trở nên phong phú và phức tạp thêm lên cùng với sự phát triển của đời sống nhân loại. Trong sự phát triển ấy chắc chắn sẽ diễn ra sự phân lập, phân hóa các sắc thái và cung bậc từ một hoặc một số cung bậc và sắc thái thuần nhất ban đầu. Trữ tình, sự cảm nhận thi vị, chẳng hạn, có thể là một trong số các cung bậc đã phát triển rộ nhất ở các thời kỳ mà ta đã biết, nhưng chắc chắn đó không phải là cái cung bậc. cái điệu tâm hồn duy nhất của con người. Xét về mặt này, sự phát triển của văn xuôi nghệ thuật cũng là dấu hiệu về sự phát triển của một loại cảm giác khác của con người trước cuộc sống xã hội ngày một đổi khác, ứng với ý niệm của con người về cuộc sống ấy, ứng với ý thức của con người về mình, về chính ngay sự nhận thức và cảm xúc của mình.

Giác quan văn xuôi đang rất phát triển ở con người hiện đại, có lẽ là điều đã khiến nhiều nhà thơ lớn đi đến chỗ tạo nên một sự đảo lộn khá mạnh trong thơ thế kỷ chúng ta. Maiakốpxki, Frếch, Híchmet, v.v... đã đưa ra rất mạnh chất văn xuôi vào cách xúc cảm và hình thức ngôn từ của thơ(1). Ở nước ta, giống như chất trữ tình trước kia, hiện giờ chất văn xuôi đã không chỉ là riêng của văn xuôi nghệ thuật.

Trên kia đã nêu nhận xét rằng văn xuôi thiên về khai thác khả năng miêu tả (tạo hình) của ngôn từ: xu hướng của nó là ghi nhận cái thế giới ngoài nó, ưu thế của nó nghiêng về nhận thức hơn là cảm xúc. Mỗi từ trong một ngôn ngữ bao giờ cũng là khái quát và bao quát một loại sự vật và hiện tượng cùng loại. Mỗi từ là một sự trừu tượng. Nhưng vào tác phẩm văn xuôi, nhất là văn xuôi kể truyện, mỗi từ sẽ khắc phục tính chất khái quát và trừu tượng ấy để vẽ ra những sự vật và hiện tượng thật cụ thể, thật cá thể, cho người đọc cảm giác như nom thấy, sờ thấy chúng và không lẫn với vô số những cái khác, cùng loại. Đây là chỗ bắt đầu của khả năng nhận thức vốn có ở văn xuôi.

Nhận thức của văn học, cũng như nhận thức của nghệ thuật nói chung, là thứ nhận thức đi liền với cảm xúc, hòa quyện với cảm xúc. Nói riêng sự nhận thức thôi thì nó đã có chiều phương diện, nhiều tầng bậc, nhiều cấp độ, mức độ. Hòa quyện với cảm xúc, nó lại càng có thêm nhiều cung bậc nhiều sắc thái. Điều này đúng với thơ, và cũng đúng với văn xuôi. Ở trên đã có chỗ nhấn mạnh kinh nghiệm và truyền thống "văn xuôi phong tục", coi đó như một thành tựu quan trọng trong việc xây dựng nền văn xuôi nghệ thuật tiếng Việt. Tuy nhiên có văn xuôi phong tục-sinh hoạt, có văn xuôi xã hội-lịch sử, có văn xuôi tâm lý, có văn xuôi triết lý. v.v... Ở một bình diện khác, có văn xuôi trữ tình, thi vị, lãng mạn (gần với nghệ thuật biểu cảm nói chung) bên cạnh văn xuôi tả thực đến khắc nghiệt, tàn nhẫn, có văn xuôi duy lý chọn cho mình những đường nét thanh thoát, sáng rõ. Thêm nữa, lại có văn xuôi huyền ảo, tìm lại cho mình những mảng mơ hồ, mờ tối của huyền thoại và truyền thuyết như đã từng có trong tư duy nhân loại từ cổ xưa. Mỗi loại trong số này thể hiện những hướng, những vùng nhận thức và cảm xúc khác nhau, đáp ứng

những nhu cầu hiểu biết và những cung độ cảm xúc khác nhau của con người.

Đối với văn xuôi hướng về miêu tả sinh hoạt phong tục của đời sống con người chẳng hạn, đến một độ phát triển nhất định, thì yêu cầu tạo nên tính sinh động, vẻ đầy đặn cụ thể của các bức tranh đời sống vẫn chưa phải một yêu cầu thật khó đối với các cây bút có nghề; thêm nữa, đạt được yêu cầu đó vẫn chưa phải là đã đảm bảo cho tác phẩm có được một tính tư tưởng cao. Ngược lại một sự sáng tác chỉ chăm chú vào việc vẽ thật sắc nét những chi tiết sinh hoạt, phong tục, nói năng... đến nỗi quên đi các phương tiện khác thì có khi lại làm cho tác phẩm bị thấp về tư tưởng. Ở đây, yêu cầu cao hơn nữa là phải từ "miêu tả phong tục" vươn đến "miêu tả tồn tại", khám phá ra những mặt bản chất sâu xa của tồn tại xã hội, tồn tại con người, chỉ ra "trạng thái thế sự"(2). Miêu tả sinh hoạt, như thế, sẽ trở thành phân tích xã hội, phân tích con người. Đọc nhiều tác phẩm văn xuôi ở nước ta gần đây, nếu ta có thể thú vị với cái nhìn văn xuôi trong nét bút vẽ sinh hoạt của con người đương thời, thì sau đó, ta lại dễ thất vọng, tiếc rẻ cho các tác giả đã không đưa cái nhìn ấy đến cùng, ngược lại, đã mau chóng thu xếp ổn thỏa mọi sự, như để an ủi người đọc bằng những ảo tưởng dễ dãi, những ảo tưởng thuần túy văn chương. Thế nhưng nếu độc giả (cũng như khán giả, thính giả) khi gập lại trang sách cuối (cũng như rời khỏi rạp hát, rạp chiếu phim hay tắt máy thu hình, thu thanh) mà chỉ cảm thấy yên tâm vì mọi xung đột, vấn đề trong câu chuyện họ vừa chứng kiến đã hoàn toàn ổn thỏa, xong xuôi, không còn gì đáng bận tâm, thì vai trò của văn học (cũng như của sân khấu, điện ảnh...) vẫn chưa đi xa gì hơn một sự giải khuây. Cách tốt hơn vẫn là dùng tác phẩm làm nơi nghiên cứu, tìm hiểu con người và xã hội đương thời, cùng độc giả nhận thức sâu hơn về những vấn đề của nó, cả những bệnh tật và bóng tối, cả những chồi non và ánh sáng. Tất nhiên hướng văn xuôi nghiên cứu đời sống này có thể đã có lúc bị "đọc" một cách thiên kiến, bị xem như thứ văn xuôi hoài nghi, không gây nên tinh thần lạc quan v.v... Song, vấn đề không phải ở chỗ hầu như bao giờ cũng có một số "gu" chỉ kham được thứ văn xuôi tô hồng dễ dãi. Vấn đề là cần nhận ra tác dụng nhận thức khách quan của thứ văn xuôi nghiên cứu đời sống này, vai trò nhập cuộc đắc lực của nó vào chính các tiến trình xã hội: những người đang làm việc, đang đụng đầu với hàng đống khó khăn ở mọi lĩnh vực, sẽ cần đến sự chia xẻ suy nghĩ và tâm trạng ở văn xuôi đó, chứ không phải ở văn xuôi tô hồng và "lạc quan" giả tạo. Thêm nữa, về nghệ thuật, phải thấy là chính thứ văn xuôi phanh phui, phân tích góc cạnh, thứ văn xuôi thích giữ giọng "tưng tửng", giọng "đùa dai", kể cả "đùa tếu" lẫn "đùa ác", giọng khô đanh có khi như cay nghiệt (chứ không cất lên trang trọng hoặc rống lên thống thiết), đấy là một thứ văn xuôi có vai trò đột phá, làm giàu các gam màu thẩm mỹ, mở thêm đất cho những "gu" thẩm mỹ mới, có lẽ còn thưa thớt trong một nền văn nghệ mà truyền thống thơ vốn mạnh mẽ và lâu đời hơn so với truyền thống văn xuôi.

Thứ văn xuôi miêu tả sinh hoạt, miêu tả những bức tranh đời sống theo cách hình dung thông thường, cái cách mà một số nhà nghiên cứu gọi là

phương thức "miêu tả đời sống trong những hình thức vốn có của nó", cũng có thể rẻ theo hướng thiên về kể và tả những dáng nét và diễn biến bên ngoài, như là "điểm nhìn tự sự" từ phía ngoài để soi rọi các con người và sự việc. Nhưng nó cũng có thể rẽ theo hướng thiên về các chuyển động bên trong thế giới tinh thần, tâm lý con người, và ở đây ta sẽ gặp thứ "văn xuôi tâm lý". Tất nhiên ở mỗi tác phẩm tự sự, nhà văn ít khi bó tay mình để chỉ dùng trong một hai cách đó, hoặc chỉ cái này hoặc chỉ cái kia, anh ta bao giờ cũng thấy mình có rộng đất hơn so với nhà trữ tình và nhà viết kịch. Nhưng trong thực tế sáng tác, ta vẫn có thể phân lập ra được những tác phẩm hoặc tác giả nghiêng hẳn về tâm lý, phân tích hoặc biểu hiện những trạng thái tâm lý và tư tưởng bên trong con người.

Rất có thể là văn xuôi tâm lý dã phát triển do sự "gợi ý" từ những tiền đề của văn học trữ tình, nhưng từ thơ trữ tình đến văn xuôi tâm lý là cả một khoảng cách không ngắn.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng "văn xuôi tâm lý" là một trong những thành phần có một vai trò hết sức quan trọng góp vào sự hình thành thể loại tiểu thuyết. Chỗ mạnh của văn xuôi tâm lý chính là ở chỗ nó khai thác, thăm dò vào cái chiều sâu không cùng của thế giới bên trong con người. Sức hấp dẫn của nó cũng là ở đó. Những tác phẩm ưu tú của văn xuôi này bao giờ cũng là sự phát hiện tinh tế một "hằng số tâm lý", một "hằng số nhân bản", bộc lộ ra trong những điều kiện xã hội-lịch sử nhất định. Với những tác phẩm như vậy, ta lại càng có thêm cơ sở gọi văn học là nhân học, môn khoa học khám phá cái thế giới bên trong đa dạng và phức tạp của con người.

Ở văn học ta, văn xuôi Nam Cao, văn xuôi Nguyễn Khải nổi bật ở phương diện phân tích tâm lý. Ở đây ta được chứng kiến, thậm chí được nhập vào những dòng tâm tư sống, đang vận động. Nó cựa quậy, tiến đến một quyết đoán này, lùi sang một nghi hoặc kia, nó vừa muốn độc thoại, lại vừa muốn đối thoại, vừa phê phán lại vừa tự phê phán. Phân tích tâm lý ở đây có khi đồng thời là miêu tả tư tưởng. Trong một số sáng tác gần đây, chẳng hạn *Sống với thời gian hai chiều. Mùa Xuân tiếng chim* của Vũ Tú Nam. *Trái cấm trong lòng tay* của Nguyễn Kiên, *Bức tranh* của Nguyễn Minh Châu v.v... ta lại thấy lối biểu hiện tâm lý. Đây là những lời tâm sự trầm xuống về những trải nghiệm của gần nửa cuộc dời đã qua, không phải với giọng phơi phới tự bằng lòng, tự thỏa mãn trước những thành dạt hay công tích, mà là giọng từng trải, có khi băn khoăn, dù chỉ để nhận ra cái giá trị đích thực của một đời người, hoặc cũng có khi như hối tiếc, thậm chí tự phán xét, tự buộc tội vì những nhận thức và xử sự hoặc vô tình hoặc cố ý, do những định kiến và tín điều trước đây, mà đến nay mới thấy là lầm lẫn, thậm chí tội lỗi. Giọng điệu ở gam trầm, tâm thế hồi cố, thích ngoái lại quá khứ ở văn xuôi này không phải là giọng bi quan chán nãn, cũng không phải rốt cuộc nó chỉ thu lại trong ý nghĩa cá nhân nhỏ hẹp. Ngược lại, nó chẳng những có thể gây được tác động đào luyện nhân cách đến mỗi con người, mà còn giúp ta nhận thức chiều sâu những quá trình tâm lý-tư tưởng của con người, giúp ta hoàn toàn có thể "đọc" được lịch sử

xã hội những thời kỳ nhất định ở chính ngay "lịch sử" những tâm hồn. Ý nghĩa nhận thức của văn xuôi tâm lý - đào sâu vào các quá trình tâm lý tư tưởng - không hề thua kém gì so với văn xuôi sử thi trình ra cả một bức tranh lịch sử rộng lớn.

Thật ra, không có những ranh giới thật ngặt nghèo giữa văn xuôi miêu tả sinh hoạt đương thời và văn xuôi lịch sử kể về những sự việc đã là quá khứ so với thời điểm viết về nó. Một tác phẩm viết về xã hội đương thời, đối với những thế hệ độc giả về sau, sẽ có thể được coi là tác phẩm lịch sử. Tuy nhiên, với một số căn cứ tương đối ước lệ nào đó, ta có thể nói đến văn xuôi lịch sử - truyện, tiểu thuyết hoặc hồi ký. Đặc biệt, tiểu thuyết lịch sử đã trở thành một mảng sáng tác lớn trong văn học nhiều nước ngay từ thế kỷ trước. Đã có những quan niệm sáng tác khác nhau về mảng văn xuôi này và kèm theo đó là những hướng xử lý khác nhau đối với việc dựng lại những sự kiện nổi tiếng của lịch sử trong tác phẩm. Những sự kiện lớn của quá khứ, liên quan trực tiếp đến vận mệnh lịch sử các triều đại, các dân tộc, các chế độ v.v... được ghi lại ít nhiều trong các sách vở chính thống xưa kia hoặc được truyền tụng trong trí nhớ dân gian qua các thế hệ, sẽ phải được tái hiện lại một cách "chính xác", lấy sự "trung thực" đó làm mục đích của sáng tác, hay sẽ có thể được tùy ý chế biến, hư cấu theo ý đồ nghệ thuật của tác giả trong từng tác phẩm cụ thể. Con người quan tâm đến quá khứ là để thấu hiểu nó, giải thích nó, theo cách thức, khả năng và xu hướng của thời mình. Về mặt này quá khứ sẽ luôn luôn được làm mới lại, giải thích mới lại trong ý thức các thế hệ về sau. Ứng với điều đó, mỗi tác phẩm văn xuôi lịch sử chỉ có sức nặng khi nó là một sự giải thích có chủ kiến cao, đồng thời có những bằng cứ chắc chắn được soi rọi theo lối mới mẻ. Và có lẽ vẻ đẹp của văn xuôi lịch sử cũng là ở chỗ đó, mặc dầu sức hấp dẫn của nó còn ở nhiều điểm khác: diện mạo sinh hoạt một thời đã qua, chiều sâu bên trong của những nhân vật lịch sử mà ta mới chỉ biết đến qua một số hoạt động và tính cách được truyền tụng v.v...

Văn học viết về hai cuộc chiến tranh lâu dài vừa qua của dân tộc ta, nhất là đang được viết hoặc vừa ra mắt gần đây, về nhiều mặt, thuộc loại văn xuôi lịch sử, bên cạnh những thiên truyện lịch sử viết về các giai đoạn xa xưa hơn nữa trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Với chúng ta, sự cắt nghĩa, lý giải những cuộc chiến tranh đó cũng có thể và cần phải đa dạng. Có cách mô tả, trình bày mà "điểm nhìn tự sự" được đặt từ các bàn tham mưu, các sở chỉ huy. Có cách mô tả và trình bày đặt "điểm nhìn tự sự" từ các chiến hào, từ những trải nghiệm và chứng kiến của những người lính từng lăn lộn trong cuộc bằng cả số phận và tính mạng mình, đồng đội gần gũi với mình. Thêm nữa, càng lùi xa các sự kiện chiến sự đã qua thì những trang viết chỉ tự hạn chế nhiệm vụ nghệ thuật ở việc mô tả một số trận đánh hoặc chiến dịch nhỏ, ở việc đơn thuần tố cáo tội ác của địch, dù vẫn có ý nghĩa nhất định, giống như những trang phóng sự chiến đấu đương thời. Nhưng những trang viết như vậy ngoài giá trị tư liệu cụ thể (nếu được làm một cách chính xác sẽ có cơ mất dần sức khái quát và nhận thức sâu sắc). Điều sẽ càng trở nên quan trọng là sự nhận

thức, sự khái quát - theo chiều rộng hoặc thật sâu - về những sự kiện ấy với hiện tại, về những mặt khác nhau của cuộc chiến tranh đã qua đến đời sống hiện đại, những kết quả và cả những hậu quả mà chúng gây ra trong đời sống, tâm tư và số phận mỗi con người. Có thể dựng những sáng tác tư liệu làm sáng tỏ những sự kiện và quá trình những cuộc chiến tranh ấy trên những quy mô lớn - quy mô toàn quốc hoặc quy mô quốc tế với sự hiện diện trong tác phẩm hàng loạt những nhân vật lịch sử chủ chốt. Cũng có thể tạo dựng - với ít nhiều hư cấu - cả một liên hoàn có cốt truyện tương đối ly kỳ, phiêu lưu, chinh phục óc tò mò và phần nào thỏa mãn sự "giải trí" của độc giả, nhưng kết quả là khiến cho các thế hệ sau vẫn giữ được trong trí nhớ về những kỳ tích đã qua của các thế hệ cha anh. Và chính những xử lý nghệ thuật đa dạng ấy cũng không tách rời cái trục chính: sự nhận thức. Văn xuôi lịch sử cũng là sự nhận thức, sự lý giải lịch sử.

LẠI NGUYÊN ÂN

---

(1) Xin xem thêm: **Mười nhà thơ thế kỷ 20**. Nguyễn Quân và Vương Trí Nhàn biên soạn. Nxb Tác Phẩm Mới, Hà Nội 1983.

(2) "Trạng thái thế sự" (cũng có người dịch là "trạng thái nhân thế") là thuật ngữ của Hê-ghen. Theo ông, một nghệ thuật đạt tới chỗ chỉ ra được "trạng thái thế sự" thì tức là đạt tới "trạng thái sử thi". Do vậy, có thể đạt tới tính sử thi dù chỉ miêu tả sinh hoạt thông thường, không nhất thiết bao giờ cũng phải trực diện miêu tả các sự kiện lịch sử lớn, các nhân vật lịch sử tiêu biểu.



DIỄM CHÂU

ca ngợi bản thân

Tôi nói với không khí
tình trong và tình ngoài cũng là tình cả..

tôi đang đi giữa cánh đồng mùa đông
cả đến bầy quạ chiều nay cũng trốn rét
lũ thỏ ẩn kín dưới hang sâu
vài mảng tuyết trên đường rung rinh như kỷ niệm

tôi bước tới chầm chậm
những tầng mây cũng chậm lại theo tôi
một lưỡi dao giải phẫu
lùa qua những vách mây

tôi là một người bị phân xẻ
giữa những gì tôi yêu & những gì tôi yêu
tôi nói tới một người, – một người trọn vẹn
nhưng trọn vẹn tôi còn có nhiều tôi..

tôi đi giữa những bụm cỏ muộn phiền nhớ mình là
một loài dế
ánh sáng đùa rỡn trên vai:
những sắc hồng sắc thắm mặt trời đảo lộn
mùa tím than còn đọng mãi trên người

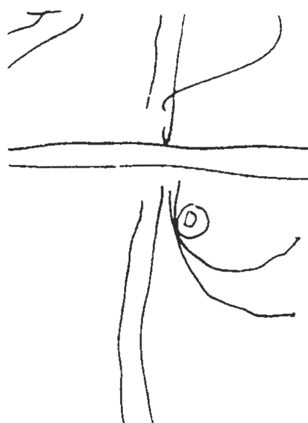
tôi cất lời ngợi ca tôi và khoảng không
rằng tình trong
và tình ngoài
cũng là tình cả

DIỄM CHÂU



NHẬT CHIÊU

tìm hiểu thơ haiku nhật bản



Thơ Haiku của Nhật Bản là một phần tài sản trong kho tàng văn hóa Á Đông vĩ đại và giàu sang. Chúng ta là người thừa tự nền văn hóa ấy nhưng còn chưa khai thác di sản của nó đúng mức như nó xứng đáng. Nhiều thành quả và tinh hoa của nó còn chờ đợi chúng ta.

Tìm hiểu cái đẹp của Haiku, chúng ta góp phần tăng cường sự giao lưu văn hóa ngày càng tăng, nhất là đối với các dân tộc có mẫu số chung với văn hóa Việt Nam như Nhật Bản, Triều Tiên hay các dân tộc láng giềng Đông phương.

Thơ Haiku dung hợp và kết tinh nhiều giá trị trong những dòng văn hóa thâm sâu của phương Đông từ Ấn đến Nhật. Vì vậy ta thấy trong thể thơ có dạng nhỏ nhắn ít lời này tinh thần Phật giáo, hơi thở Thiền mà ta vẫn bắt gặp trong thơ văn Lý Trần của ta. Ngoài ra, Haiku còn phảng phất hương sắc của nghệ thuật cắm hoa ikebana và không khí trà đạo chanoyu phát triển từ thế kỷ 1,4 với tinh thần căn bản là chân phương, hòa điệu và thanh tịnh. Haiku chừng như cũng dấu trong nó vẻ u huyền của kịch mặt nạ Nô.

1.

Thơ Nhật truyền thống thường dựa trên các câu 5 - 7. Dựa theo nhịp căn bản này, xuất hiện hình thức thơ nối (renga) cuối thời Trung Cổ. Lối làm thơ này giống như liên ngâm của ta. Người ta soạn renga khi ở thăm một ngôi

đền, trong tiệc ngắm trăng, trong khi uống rượu sakê và cả lúc nghỉ ngơi, giữa hai cuộc chiến đấu.

Để làm thơ nối, thông thường có vài ba người tham dự. Họ luân phiên soạn các đoạn thơ. Cứ một đoạn ba câu, một đoạn hai câu. Đề tài do đoạn đi trước qui định, như mùa Xuân hoặc mùa Đông, như một cuộc hành trình, sự nghèo khó, tình yêu... Chẳng hạn:

Giọt sương buồn phiền
Và cũng đau cho nỗi
Bông hoa ở lại sau mình
(Sôgi)

Trong sương mờ bóng tối
Tia nắng cuối lung linh
(Shôhaku)

Trong những renga này thì đoạn mở đầu là quan trọng nhất và được gọi là Hokku. Hokku dần dần trở nên độc lập, tạo thành một thể thơ riêng biệt, đổi tên là Haiku.

Toàn bài Haiku chỉ có ba câu, bao gồm 17 âm tiết (5-7-5). Tiếng Nhật lại là tiếng đa âm nên cả bài chẳng có được mấy từ. Ví dụ như chim cu trong tiếng Nhật gọi là hototogisu đã chiếm mất năm âm tiết của bài, có thể riêng mình trở thành một câu thơ.

Hototogisu
Naki naki tobu zo
Isogawashi

(Ôi cánh chim cu
Tưng bừng bay lượn và ca hát
Bận rộn siết bao)
Bashô

Và ngay cả trong hình thức độc lập này, tính chất nối kết giữa hai người dùng thơ để giao cảm vẫn còn. Có thể minh họa tính chất này qua câu chuyện về nhà thơ nữ nổi tiếng thế kỷ thứ mười tám là Chiyô. Cô sống cô đơn trong những hồi tưởng về người chồng và đứa con đã mất, nên một người bạn sánh cô với cây liễu quạnh hiu:

Không có hoa trên mình
Đời sao mà thầm lặng
Cây liễu xanh

Chicô nhận bài thơ, chỉ thay đổi một hàng:

Không có hoa trên mình
Thân không còn hệ lụy
Cây liễu xanh

Tính chất ấy còn nói lên điều này: Haiku đòi hỏi người đọc phải đọc thơ như đang trò chuyện âm thầm với nhà thơ, như thể cùng nhà thơ sáng tạo tiếp tục. Tưởng đó là thái độ cần có khi đi vào thế giới rất tinh tế của Haiku. Với thái độ này, người đọc sẽ bớt bỡ ngỡ khi lần đầu tiên tiếp xúc với Haiku, một trong những thể thơ nổi danh là ngắn gọn nhất thế giới.

2.

Đặc điểm đầu tiên của Haiku là cô đọng. Thơ ca Á đông nói chung là cô đọng. Hình thức ngắn gọn của Haiku, Tanka, Tứ tuyệt, Ca dao Việt Nam... lại có một sức chứa rất đáng kể cho ý tình của con người. Đấy là những nắm tay nắm rất chặt nên có sức mạnh lớn lao. Haiku tiêu biểu cho phong cách cô đọng ấy, cho ý ở ngoài lời, Haiku bao giờ cũng biết cách để trống, nghĩa là tạo một khoảng chân không trong thơ. Khoảng chân không này có thể nói là rất cần thiết. Trong một bức tranh đơn sơ, làm sao vẽ được tiếng gió thổi? Thế mà người họa sĩ tài giỏi phải làm được điều đó. Họ chỉ vẽ có cành thôi nhưng ta nghe được tiếng gió thổi (năng họa nhất chi phong hữu thanh).

Đến đây xem! Để thấy
Chỉ còn một lá cô đơn
Trên cành kiri đấy
Bashô

Bashô, bật thầy Haiku, không vẽ tiếng gió, nhưng người đọc cảm thấy hồi hộp và lo sợ cho chiếc lá cuối cùng ấy.

Căn cứ vào điểm này, Tagore đưa ra một nhận xét về Haiku rất chính xác: "Nhà thơ chỉ giới thiệu đề tài, rồi bước tránh sang bên"(1)

Ở đây, ta thấy nhà thơ Haiku (Haijin) rất tôn trọng người đọc. Trên con đường thơ, các Haijin nhường lối cho người đọc, không lấn chiếm, không làm nghẽn đường. Người đọc đi cùng nhà thơ, và vẫn còn đi tiếp khi nhà thơ dừng lại. Nhưng muốn thế, người đọc không có quyền thụ động. Nhà thơ không nói hộ ta tất cả. Cuộc nói chuyện hết lời cạn ý nào mà chẳng chán. Trò chuyện với thơ lại càng không thể để cho niềm chán ngán ấy nổi dậy.

Tagore giải thích thêm rằng: "Lý do khiến nhà thơ rút lui nhanh chóng thế vì người đọc Nhật có quyền năng tinh thần về tưởng tượng rất lớn"(2).

Lời nhận xét của thi hào Ấn Độ ấy có thể làm nãn lòng những người đọc không phải là Nhật Bản. Thực ra thì khả năng đó không phải là đặc quyền

của người đọc Nhật. Bất kỳ ai yêu thơ đều có thể đọc Haiku, và sau một thời gian tìm hiểu đều có thể cảm nhận Haiku như đã cảm nhận nhiều thể thơ khác. Hơn nữa, thơ ca không chỉ nói riêng với dân tộc mình. "Người phát" là Nhật nhưng "người nhận" có thể là người thuộc bất kỳ dân tộc nào. Đã là thơ hay thì phải có quyền năng truyền tín hiệu của cái đẹp.

Có người yêu cầu Bashô soạn một bài Haiku về tám cảnh hồ Ômi. Quả là một trò đùa, vì có bài thơ dài vịnh tám cảnh đã kể hết tên ra cùng với trăng thu, tuyết chiếu, hoàng hôn, thuyền buồm, bầu trời, mưa đêm, ngỗng trời và tiếng chuông đền Mii. Hãy thử dồn tất cả những thứ đó vào một bài Haiku ba câu. Thế mà Bashô đã thoát chiếc bẫy giăng đùa nghịch ấy như sau:

Hồ Ômi tám cảnh
Sương mù dấu bảy rồi
Còn chuông đền Mii thôi

Cái một ở đây nói thay cho tất cả. Dường như ta thấy cả thế giới trong tiếng chuông đền Mii. Gần gũi với tinh thần này, Issa nhìn vào đôi mắt con chuồn chuồn:

Thăm thẳm núi non
Đang hiện hình lấp lánh
Trong mắt con chuồn chuồn

Khi nhà thơ Haiku nhìn thấy núi non trong đôi mắt hết sức nhỏ bé của con chuồn chuồn thì nhà thơ cổ điển Anh Uyliơm Blâyk nhìn thấy thế giới trong một hạt cát:

Nhìn thấy thế giới trong một hạt cát
Và thiên đàng trong một bông hoa dại
Giữ vô tận trong lòng bàn tay
Và vĩnh cửu trong một giờ đồng hồ

Để diễn tả cái toàn thể đó, cái một đó, ta thấy hai bài thơ khác nhau nhiều trong cách thể hiện. Nhà thơ Haiku sau khi nêu lên hình tượng đôi mắt con chuồn chuồn, đã vội vã rút lui. Chỉ có sự gợi ý. Issa để khoảng trống cho người đọc. Người đọc sẽ tự ý lấp đầy khoảng trống theo cách của mình. Còn giọng thơ Tây phương thì phô ý rõ ràng, khai triển và tăng cấp dồn dập: Thế giới - Thiên đàng - Vô tận - Vĩnh cửu.

Đem so với thơ ca Tây phương, ta thấy tính cô đọng hàm súc của Haiku hiện lên rất rõ.

Có khi Haiku cô đọng đến mức chỉ có một chi tiết đếm hoa rơi như trong bài thơ của Shiki:

Một đóa rơi
Hai đóa rơi...
Hoa trà đang rơi.

Không muốn rườm lời, các Haijin muốn dùng niềm im lặng, âm thanh âm thầm nhất và ngôn ngữ kết tinh nhất để khơi dậy những cảm thức sâu xa nhất ở người đọc.

Lời đã đành là tinh giản, các Haijin còn muốn tinh giản cảm xúc (đúng ra là sự bày tỏ cảm xúc), và như thế Tagore gọi là "Sự tinh giản của tâm hồn".

Sự tinh giản ấy đem lại cho Haiku một vẻ đơn sơ hiếm thấy trong thơ ca. Vì vẻ đơn sơ lạ thường của nó, có người không nhận Haiku là thơ. Thiếu trang sức, có người tưởng rằng nó không đẹp.

Về điểm này, R.H. Blyth trong bộ sách Haiku vĩ đại của mình có viết:

"Đó là ngón tay chỉ mặt trăng. Nếu nói đó chỉ là ngón tay, và thường không phải là ngón tay lộng lẫy thì đúng thế. Nếu mà bàn tay lộng lẫy và đeo đầy trang sức, e ta quên mất điều mà ngón tay chỉ tới"(3).

Nghe chim hót, nhà thơ nữ Chigetsu viết:

Tay ngưng việc làm
Bên chậu nước
Tiếng chim chích vang

Thử so sánh bài này với bài tứ tuyệt "Tức cảnh ngày xuân" của sư Huyền Quang đời Trần, ta sẽ hiểu hơn về tính đơn sơ của Haiku:

Nhị bát giai nhân thích tú trì
Tử kinh hoa lạ chuyển hoàng ly
Khả liên vô hạn thương xuân ý
Tận tại đình châm bất ngữ thì

Đường kim bỗng chậm lại trên tay cô nàng đẹp mười sáu xuân xanh
Mấy chú oanh vàng thỏ thẻ trong lùm tử kinh hoa rộ
Thương quá đi bao nỗi lòng thương xuân vô hạn
Đang trút cả vào giây phút ngừng kim im phắc
(Bản dịch văn xuôi của giáo sư Đặng Thai Mai)

Cả hai bài thơ đều diễn tả cô gái ngừng tay làm việc nghe chim hót mùa xuân (chim chích uguisu trong Haiku là chim của mùa Xuân). Trong bài Haiku, ta thấy cô gái chỉ là cô gái. Không biết cô đẹp hay xấu, tuổi bao nhiêu và đang làm gì. Còn trong bài tứ tuyệt thì các chi tiết ấy hiện lên rất rõ (đẹp, tuổi đôi tám, đang thêu thùa). Con chim chích của Haiku chỉ hót chứ không phải hót trong lùm hoa tử kinh. Bài Haiku cũng không bộc lộ cảm xúc như hai câu cuối trong bài tứ tuyệt.

So sánh để thấy tính đơn sơ của Haiku là một đặc điểm chứ không phải

để rút ra sự hơn kém nào. Vì mỗi thể thơ của mỗi dân tộc có đặc trưng và phong cách riêng. Mỗi bản sắc có cái đẹp của nó. Bài tứ tuyệt của Huyền Quang là bức tranh tuyệt đẹp của mùa Xuân, của tuổi xuân. Bài Haiku không có màu sắc ấy.

Đơn sơ như vậy, Haiku không phải là thơ quí tộc. Có thể nói Haiku mang dáng dấp người nhà nghèo, chỉ giàu sang cái sang giàu của thiên nhiên, cái sang giàu mà ngay cả người ăn xin cũng có thể có:

Người ăn xin hạnh phúc
Có cả đất trời
Làm áo xiêm mùa hạ
Kikaku

Ngay cả các thiên thần mà Swedenborg kể trong "Thiên đàng và địa ngục" thật tình mà nói, không mặc áo xiêm nào. Thì Haiku cũng "trần truồng" như thế.

Tâm tôi ngời ánh sáng
Vầng trăng hẳn tưởng lầm
Đây là ánh trăng trong
Myôê

Đây là sự giàu sang tột bực mà chỉ có tâm hồn con người mới đạt tới, chỉ có Haiku mới thể hiện rõ ràng hơn cả.

Cố gắng nhìn thấy vẻ đẹp trong những sự vật bình thường của đời sống là một trong những nguyên lý thẩm mỹ căn bản của Haiku.

Trong Haiku, nhất là Haiku của Bashô, ta thấy nguyên lý ấy được phản ảnh qua các cảm thức mà người Nhật gọi là Sabi, Wabi và Karumi.

SABI

Đây là đặc tính mà Bashô lưu ý nhất trong Haiku, là cảm thức về sự tịch mịch sâu sa vô hạn của sự vật, nhìn thấy sự vật tự bộc lộ một cách kỳ diệu. Sabi nghĩa là cô đơn, nhưng là "niềm cô đơn huy hoàng". Đây là một cảm thức hùng chứ không phải là nỗi cô đơn cá nhân. Sabi không dính gì đến tính bi lụy cá nhân.

Cảm thức Sabi được thể hiện sâu thẳm nhất trong bài Haiku nổi tiếng sau đây của Bashô:

Cánh quạ ô
Trên cành héo hắt
Chiều thu.

Ở đây, sự vật tự bộc lộ đến mức trở thành chính tâm trạng. Có một bức

tranh do chính Bashô vẽ, trình bày một con quạ đậu trên cây mùa thu xơ xác tiêu điều. Bài thơ được xem như là kiệt tác của Haiku. Với nó, Bashô được xem như là đã "sáng tạo" ra Haiku. Nghĩa là nói đến Haiku, người ta hình dung nó theo dáng dấp tinh thần của bài thơ này, theo cảm thức Sabi (sabishisa) của nó.

Cảm thức này cũng thể hiện trong một bài thơ của Ransetsu:

Nửa đêm thăm thẳm
Dòng sông Ngân
Dời đổi chỗ nằm

Nửa đêm thức giấc nhìn lên trời, nhà thơ thấy Ngân hà không còn ở chỗ cũ mà đã dời sang hướng khác. Nhà thơ dưới đất và sông Ngân hà trên trời, cả hai đều chìm sâu vào cái thăm thẳm của đêm khuya.

Tuy nhiên, Sabi vẫn là vẻ đẹp có chất văn chương. Đề tài con quạ trên cành không đặc biệt mới đối với thơ ca và hội họa. Hình ảnh sông Ngân vẫn còn mang vẻ "quí phái".

WABI

Cảm thức Wabi mới thực sự liên can đến sự vật bình thường. Wabi cũng có nghĩa là cô đơn nhưng nó ám chỉ đến điều kiện sống, đến tình cảnh, trong khi Sabi gần gũi với cảm xúc thẩm mỹ.

Đấy là sự nhận thức bất ngờ về cái "như thế" của sự vật, những sự vật bình thường nhất.

Cảm thức Wabi này có thể nhìn thấy qua một bài thơ về con ốc của Issa:

Trên cổng bụi cây
nằm thay cho ổ khóa
Con ốc nhỏ này.

Nhà giàu đóng cổng bằng them khóa chắc chắn, còn cổng nhà thi sĩ đã được con ốc nhỏ nhắn "khóa" hộ. Thực ra thì nhà thơ bỏ ngõ cho con ốc. Cuộc sống nghèo nàn đơn sơ ở đây hiện ra như một niềm giao cảm của con người với vạn vật. Hình ảnh con ốc tự nhiên đối lập với ổ khóa phiền tạp gây ra nhiều ý nghĩa triết học về cuộc sống.

Cảm thức Wabi này cũng có thể dùng để diễn tả linh hồn trà đạo. Trong trường hợp ấy gọi là Wabi-cha.

KARUMI

Từ này bắt nguồn từ chữ Karushi nghĩa là nhẹ nhàng thanh thoát. Từ này được Bashô nhắc đến nhiều lần trong các tiểu luận về thơ ca của ông. Karumi

dung hợp tính chân phương trong phong cách và sự tinh tế của nội dung:

Hoa đào như áng mây xa
Chuông đền Uênô vang vọng
Hay đền Asakusa
Bashô

Ta cùng ngồi với Bashô trong ngôi lều của ông ở Fubagawa vào buổi chiều mùa xuân. Những áng mây do hoa đào làm thành bềnh bồng mờ ảo ở cả hai nơi Uênô và Asakusa. Rồi tiếng chuông vọng đến. Có cần gì biết nó phát xuất từ ngôi đền nào? Hoa thì mờ ảo như mây, tiếng chuông thì mơ hồ trong gió, Haiku cố gắng diễn tả cái không rõ, cái không thể diễn tả.

Có thể thấy điều đó đậm nét hơn trong bài thơ sau đây:

Khi nhìn kỹ
Tôi thấy nazuna nở hoa
Bên hàng dậu!
Bashô

Nazuna là loài hoa tím mhỏ khó nhận ra. Nó rất thường bị bỏ quên torng cát bụi. Đã vậy, nó không hề được ai nâng lên như đóa hoa nào xưa kia đức Phật đã nâng lên trước mắt mọi người. Mà đóa hoa vàng ấy cũng chỉ được một đệ tử nhận ra bằng nụ cười im lặng (Thế Tôn niêm hoa, Ca Diếp vi tiếu).

Bashô không chỉ có cái nhìn của đôi mắt mở to trước thực tại, nhìn kỹ, cái nhìn "Lại đây xem lại cho gần", nhìn với một ý thức thường trực mà còn biểu lộ một niềm ngạc nhiên hân hoan trước sự vật.

So sánh thái độ của Bashô với nhà thơ Anh Tennyxơn trong bài "Bông hoa trong kẽ tường", ta thấy thực khác nhau. Tennyxơn hái bông hoa trong kẽ tường, cả mình hoa lẫn rễ, rồi giữ trong tay mà triết ký:

Bông hoa nhỏ ơi - nếu như tôi hiểu ra
Em là gì, rễ và toàn thân, tất cả trong tất cả
Thì tôi sẽ biết Thượng đế cũng như con người là gì.

Với cái nhìn kề cận như khiêm tốn, nhà thơ phương Đông đạt được tri kiến thực thụ. Còn nhà thơ phương Tây lấy sự chiếm hữu làm trọng, đã đánh mất vẻ đẹp của hoa. Cảm thức chiếm hữu ấy đưa đến sự khảo sát thô bạo. Bashô chỉ thốt lên tiếng kêu ngạc nhiên hân hoan ở cuối bài (Kana - a!), còn Tennyxơn thì tìm cách "giải quyết" vấn đề mà rốt cuộc chỉ làm cho bông hoa bị đánh vồng lên như một trái cầu.

Không chỉ nhìn hoa, có khi người Nhật còn lắng nghe tiếng hoa nở. Bên một hồ sen, họ sẽ ngồi chờ búp nở. Cuối cùng một âm thanh nhè nhẹ sẽ bật lên đúng vào khoảnh khắc cánh hoa tách ra và hoa mở mắt nhìn cuộc sống. Hành đông lắng nghe trở thành một kinh nghiệm tâm linh mà trong đó mỗi âm thanh đều có ý nghĩa. Để ngăn hoa nở quá sớm, người làm vườn sẽ quấn

chặt một mạng nhện quanh búp sen. Khi khách sắp tụ tập bên hồ, mạng nhện sẽ được cắt đứt để sửa soạn cho hoa lên tiếng.

Nhưng nghe hay không nghe, hoa vẫn lên tiếng khi búp sen tự mở cánh ra:

Đã ra khơi
Ngư phủ - Bên bờ biển
Anh túc nở hoa tươi
Kyôrai

Không còn nhìn hoa, không còn nghe hoa, chỉ còn tịch mịch của sự vật. Nhưng vẫn có sự liên hệ thầm lặng giữa hoa và người. Hoa thì nở, ngư phủ thì ra khơi.

3.

Nằm trên Thái Bình Dương, Nhật Bản ở gần lục địa để tiếp thu văn hóa Á châu, nhưng cũng ở xa đủ để tránh xâm lăng, kể cả xâm lăng văn hóa. Vì vậy, đối với văn minh Trung Quốc, Nhật Bản xưa nay vừa hấp thụ vừa chối bỏ nó. Haiku xét về cội rễ không chịu ảnh hưởng của văn chương Trung Quốc. Nói thế không có nghĩa là không mang dấu vết gì từ văn hóa lục địa.

Mở đầu nhật ký du hành "Đường lên phương Bắc" (Oku no Hosomichi) Bashô đã trích dẫn Lý Bạch: "Tháng ngày là khách du hành của thiên thu". Bashô cũng hay nhắc nhở tới những thắng cảnh Trung Quốc nổi tiếng mà ông chưa bao giờ nhìn thấy như sông Chiêng Giang, hồ Động Đình. Hay mượn cả hình ảnh người đẹp tiêu biểu Tây Thi để trình bày một cảnh Nhật Bản:

Vịnh Kisagata:
Nàng Tây Thi trong mưa nằm ngủ
Thấm ướt hoa mimôsa.

Bởi vì nàng Tây Thi dù mắc mưa hay nhíu mày đều đẹp hơn người bình thường. Bài này chịu ảnh hưởng của bài "Hồ thượng ẩm" của Tô Đông Pha:

Thủy quang liễu diễm tình phương hảo
Sơn sắc không mông vũ diệu kỳ
Dục bả Tây hồ tỉ Tây tử
Đạm trang nùng mạt tổng tương nghi.

(Nước lấp lánh nhảy múa - trong thời tiết tươi sáng, mới đẹp làm sao!
Cả trong mưa sương, núi non vẫn đẹp diệu kỳ
Có thể sánh Tây hồ với nàng Tây Thi
Dù trang điểm sơ sài hay trau chuốt đều đáng mê)

Trong "Đường lên phương Bắc" ta còn thấy Bashô nói tới màu sắc của

gió:

Trắng hơn đá trắng
Của ngôi Đền Đá
Là gió mùa thu

Mùa Thu trong thi ca Trung Quốc đôi khi được gọi là "mùa thu trắng" (tố thu).

Bashô đôi khi dùng văn liệu Trung Quốc nhưng vẫn giữ được tinh thần của Haiku mà không bao giờ biến nó thành phiên bản của thơ Tống thơ Đường.

4.

Đọc Haiku, ta luôn luôn bắt gặp các hình ảnh hoa đào, chim cu, trăng, tuyết, bùn, cỏ... Haiku luôn luôn gắn bó với thiên nhiên. Ở bài Haiku nào, ta cũng gặp những từ chỉ thời tiết và mùa.

Thời tiết và mùa là yếu tố rất quan trọng của thơ Haiku. Ai không từng cảm nghiệm sự thay đổi của thời tiết? Thậm chí niềm vui nỗi buồn của ta cũng phần nào chịu ảnh hưởng của mùa. Trong sự hình thành tính cách con người cũng như một nền văn hóa, khí hậu là một yếu tố đáng kể. Bầu trời trong sáng của Địa Trung Hải, sa mạc khô khan ở Ả Rập, mùa mưa ở Viễn Đông... đều góp phần làm nên phong cách dân cư vùng đó. Theo Watsuji, có thể nói đến tính cách "bão tố" của dân tộc Nhật, tính cách có nhiều mâu thuẫn trong đường lối suy nghĩ và cảm xúc. Hình ảnh cây tre Nhật uốn mình dưới tuyết nói lên tính tổng hợp của khí hậu này, thì cũng cho thấy được những nghịch lý trong tâm hồn Nhật Bản.

Để giúp người đọc dễ liên hội với thiên nhiên, với cuộc sống cụ thể nhất chung quanh mình, các Haijin luôn đưa mùa vào thơ. Hầu như bài Haiku nào cũng chứa đựng một từ là tên mùa hay gợi lên được mùa mà bài thơ đang biểu hiện. Từ ấy gọi là từ mùa: Kigo.

Mùa Xuân với tuyết đang tan, với chim Uguisu, là một loại họa mi Nhật, và đặc biệt là với hoa anh đào mà khi các Haijin nói hoa, ta có thể hiểu họ nói anh đào của mùa Xuân. Mùa Hạ với mưa tháng năm, đom đóm hay những bông hoa anh túc. Mùa Thu với gió thu, với dòng sông Ngân, và đặc biệt với trăng thu mà khi các Haijin nói "trăng đêm nay", ta hiểu là trăng Trung thu. Mùa Đông với lá rơi, sương mù, mưa đá và những bông hoa trà...

Cách dùng Kigo như thế trở thành qui luật và hầu hết các tuyển tập Haiku đều sắp xếp các loại bài thơ theo từng mùa.

Nói thế không có nghĩa là thiên nhiên trong Haiku lấn mất con người. Thực ra, hiện tượng thiên nhiên ở đây được dùng để gởi một tâm trạng và cảm xúc của con người.

Thiên nhiên đi đôi với con người và thậm chí có thể nói chúng hòa quyện

vào nhau.

Chúng ta than tiếc
Mùa Xuân ra đi
Cùng với những người Ômi
Bashô

Nhấn mạnh đến yếu tố mùa, Haiku muốn cho thấy con người trong thiên nhiên cũng như thiên nhiên trong con người. Con người là thành phần của thiên nhiên, là thành phần của một Toàn thể.

Haiku không cô lập con người vào chính thân phận của nó, mà gợi cho thấy mối tương quan không gì cắt nổi giữa con người và sức sống của vũ trụ.

Ngày đầu năm mới!
May sao! May sao!
Trời xanh xanh màu!
Issa

Con người trong Haiku không chấp nhận thụ động cuộc sinh tồn. Con người không bị ném vứt, không bị kết án vào sinh tồn như các triết lý suy đồi đặc tả. Trái lại, con người trong Haiku mang sức mạnh của vũ trụ trong bản thân mình, có thể đi trên vực thẳm như một nhánh hoa tươi:

Cầu treo vực thẳm đời
Quanh dây thừng quấn quít
Những nhánh trường xuân tươi
Bashô

Bashô cùng người học trò là Etsujin một hôm du hành qua núi Kisô. Bên trái là hẻm núi mà dưới sâu nghìn bộ đang cuồn cuộn một dòng sông chảy siết. Họ dò từng bước một và đến chiếc cầu dây thừng giăng ngang hẻm núi phải vượt qua. Và bài Haiku của Bashô thành hình.

Con người trong Haiku thường xem các thiên thể trên cao là bạn đồng hành của mình và có khi trở nên hùng vĩ đến đáng kinh ngạc:

Tôi đem treo vầng trăng
Lên cành thông, và một lúc nào đó
Lại gỡ trăng ra nhìn
Hôkushi

(Trên là một bài Haiku biến thể, có hình thức bất thường: 6-9-3)

Có thể nó bài Haiku trên viết theo một "thủ pháp kỳ ảo", kỳ ảo hơn cả các thủ pháp hiện đại. Bài thơ đem lại cho ta một cảm thức huy hoàng chưa

từng có. Con người ở đây có một quyền uy thần thoại, mà đấy chính lại là quyền uy của con người. Tựa như một bài ca dao Việt Nam cho thấy con người không biết đặt tình yêu bát ngát của mình ở đâu trong sông núi, bèn đem đặt nó vào trong chính chiếc túi áo của mình!

Thương em chẳng biết để đâu
Để trong túi áo lâu lâu lại nhìn.

Haiku bao giờ cũng cố gắng qua một sự việc cụ thể, nhỏ nhoi, diễn tả cái tinh diệu của vận động thiên nhiên:

Trên bãi biển triều núi
Những gì nhặt lên được
Động đậy bồi hồi
Chiyô

Trong bàn tay Chiyô, bàn tay người phụ nữ, không chỉ động đậy cái con vật bị sóng hất lên bờ bãi, mà còn động đậy có lẽ một điều gì lớn lao như chính đời sống.

Trong cảnh Xuân này
Những cành hoa đang mọc
Nhánh ngắn, nhánh dài.

Cành hoa Xuân trên biểu hiện sự hòa điệu với đời sống, biểu hiện cuộc sống toàn vẹn tự nhiên như nhiên, sống trong từng khoảnh khắc một, sống đầy đủ trong cảm thức toàn bích tuyệt vời.

5.

Haiku có nguồn gốc từ thế kỷ mười ba. Đến thế kỷ mười bảy thì nó phát triển rực rỡ, lên đến đỉnh cao, trở thành một nghệ thuật quan trọng của Nhật, và cho tận đến bây giờ, nó vẫn không hề lạc hậu, mà còn được xem như một nghệ thuật rất hiện đại. Nó là thứ thơ cổ điển có ảnh hưởng đáng kể đối với thơ ca hiện đại thế giới.

Người đầu tiên thổi vào nó luồng sinh khí thiên tài, người đầu tiên nhặt nó lên và sáng tạo cho nó một vẻ đẹp vinh quang là một thiền sư có dòng máu võ sĩ Samurai: Matsuô Bashô (1644-1694). Nhưng sống giữa cảnh thái bình của thời Tôkugawa, Bashô không cần chi múa kiếm, mà chỉ du hành vào nghệ thuật thi ca.

Haiku của Bashô bao giờ cũng "thanh thản bơi trong Thiền", nhưng là cái thanh thản được tìm kiếm ngay giữa cuộc đời của đường đi đầy sự sống hoạt động, chứ không phải cuộc đời của Thiền thất âm u. Bashô tin rằng

rằng mình sẽ chết trên đường, và quả đúng như thế.

Dang dở cuộc hành trình
Chỉ còn mộng tôi phiêu lãng
Trên những cánh đồng hoang

Mọi người đều đồng ý rằng bốn bực thầy vĩ đại nhất trong nghệ thuật Haiku là Bashô, Buson, Issa và Shiki. Họ được xem là bốn cột trụ hùng vĩ của đền đài Haiku. Lướt qua họ, ta cũng hiểu được phần nào con đường phát triển của Haiku.

Yosa Buson (1716-1783) sinh sau Bashô một thế kỷ, là người có công đầu đưa Haiku ra khỏi sự suy đồi mà nó rơi phải sau khi mất Bashô. Vốn là một họa sĩ lỗi lạc, Buson còn mang đến cho Haiku màu sắc lãng mạn mà trong thơ Bashô hãy còn thiếu. Không ai đã thành tựu một lượt hai nghệ thuật thơ ca và hội họa đến mức kỳ tài như Buson.

Đồng cải nở hoa vàng
Phương tây mặt trời lặn
Phương đông vầng trăng lên

Trên cánh đồng vàng rực của mùa Xuân, của con người lao động, ở hai phương trời của hai thiên thể đẹp đẽ... tất cả là mùa Xuân phong nhiêu, là tháng ngày bắt đầu vòng quay mới. Yosa Buson nổi dang là một thi sĩ của mùa Xuân. Một danh hiệu đẹp đẽ và xứng đáng.

Nhưng có lẽ khuôn mặt đáng yêu nhất của Haiku là Issa, nhà thơ nhân bản hơn cả.

Kobayashi Issa (1763-1827) có cuộc đời vô cùnng đau buồn. Mẹ mất sớm, năm đứa con của ông đều chết trẻ, và người vợ yêu cũng qua đời trước ông.

Issa không ưa giai cấp thống trị, không bao giờ tỏ ra thân thiện với các lãnh chúa muốn thu nạp ông. Sớm ý thức về sự bất công (trong tuổi trẻ phải xa quê hương vì bà mẹ ghẻ), thơ Issa đầy tình yêu dịu dàng đối với vạn vật:

Trong vườn cánh bướm
Đứa bé bò theo, bướm bay
Em bò theo bướm, nó bay...

Sau Issa, trong một thời gian dài Haiku trở nên trầm trệ. Cần một Haijin lỗi lạc mới cứu vãn nổi. Và nhà thơ xuất hiện đúng lúc ấy là Masaoka Shiki (1867-1902). Đối với việc soạn Haiku ông kêu gọi hãy tự nhiên. "Cần hết sức cắt bỏ các trạng từ và động từ".

Shiki là người đầu tiên đưa khuynh hướng hiện thực (shasei) vào Haiku. Cho đến nay, Haiku vẫn còn chịu ảnh hưởng của ông.

Đêm, và một lần nữa

Trong khi tôi chờ em
Gió lạnh thành mưa rền.

Từ Shaki, ta đã bước sang thời hiện đại.

6.

Viết Haiku là một công phu tu luyện. Quây quần bên nhau, các Haijin bàn về phương pháp và nguyên lý. Họ cũng hay tương thoại quanh một đề tài, sự chọn lọc hình ảnh.

Nếu cần, một bậc thầy Haiku sẽ phủ định hẳn tinh thần một bài thơ như Bashô đối với bài thơ về con chuồn chuồn của Kikaku. Trong bài Haiku của mình, người học trò đầu tiên của Bashô đó đã đòi vặt lông đôi cánh con chuồn chuồn ra để cho nó thành quả ớt nhỏ. Bashô không công nhận đó là Haiku, do sự hủy diệt vô ích đời sống, trong khi Haiku và thi ca nói chung phải hiến tặng cho đời sự kỳ diệu bất ngờ. Tại sao không thêm cánh vào quả ớt cho nó thành con chuồn chuồn có phải tuyệt diệu hơn không?

Có trường hợp họ bàn về nghệ thuật soạn bài Haiku từ một sự việc bình thường nhất, nhỏ nhặt nhất như chuyện bị con bọ chét đốt.

Kuôrai (cũng là học trò của Bashô) khen rằng Kikaku là một người viết thông minh. Ai từng nghĩ chuyện soạn một bài thơ về việc bị một con bọ chét đốt kia chứ? Bashô đáp: "Đúng thế! anh ấy đề cập tới chuyện nhỏ nhặt theo một lối lỗi lạc nhất".

Bài Haiku của Kikaku như sau:

Bị đâm chết!
Giấc mơ tôi có thành?
Này dấu con bọ chét.

Một hình ảnh có thể gợi lên ý nghĩa mà chính tác giả cũng không ngờ. Khi Kyôrai viết:

Bên ghềnh đá
Có bóng một con người
Khách của vầng trăng đó.

Thì bóng người mà anh nghĩ tới là một thi sĩ khác đứng bên vách đá mà anh nhìn thấy vào một đêm đi dạo trong núi dưới trăng. Nhưng Bashô nói: "Sẽ thú vị hơn biết bao nếu bóng người đó không là ai khác mà là chính anh. Anh phải là đề tài của vầng thơ trên".

Thi pháp dễ nhận thấy ở Haiku là một bài Haiku thường trước tiên nêu lên đề tài, rồi sau đó dựa theo liên hội ý tưởng mà cho một đối đề xuất hiện. Đề và đối đề thường tạo lập một tình thế, một kết quả làm nẩy sinh ở người

dọc một cảm thức mới mẻ về sự vật.

Tất nhiên, không phải bài Haiku nào cũng theo phương pháp này và quá trình soạn bài Haiku cũng không hề xảy ra theo một trình tự luận lý nào cho dẫu các nhà phê bình có cố công tìm ra nguyên lý.

Thử lấy bài Haiku nổi tiếng nhất của văn học Nhật:

Xưa cũ một bờ ao
Con ếch tung mình xuống
Và vang tiếng nước xao.
Bashô

Trong bào thơ có đề (ao cũ) và đối đề (con ếch) và tiếng vang của nước là tình thế mà nhà thơ bắt gặp. Thực ra, "ếch nhảy, nước vang" là câu Bashô buột miệng nói ra khi nghe tiếng động dưới ao trong vườn nhà ở Êdô. Câu đầu bài thơ "ao cũ" lại là câu được soạn sau cùng (Có tài liệu cho rằng bài thơ này của Bashô soạn ra trong khi theo Butchô học Thiền để trả lời cho thầy về tiến bộ học tập của mình).

Có khi Haijin dùng một thủ pháp gây bất ngờ trong hàng cuối bài Haiku, như Issa:

Tuyết đang tan mùa
Khắp thôn làng tràn ngập

Đọc đến đây, ta chờ đợi một tai họa do tuyết gây ra. Nhưng câu kết mới thật bất ngờ:

Một bầy trẻ thơ.

Các Haijin còn dùng cả thủ pháp chuyển đổi cảm giác:

Lắng nghe vầng trăng
Nhìn tiếng ếch kêu vang
Trên cánh đồng lúa
Buson

Có thể nói Buson đi trước Bôđơlair và Ranhbô về việc làm cho người ta thấy sự phong phú và huyền diệu của cảm quan.

Bôđơler với ý muốn "giao hưởng cảm giác" (corres pondances des sensations) từng viết rằng: "Hương thơm, màu sắc và âm thanh cùng nhau giao hưởng".

Còn Ranhbô thì chủ trương "xáo trộn cảm giác" (dérèglement des sens) từng nhìn thấy "đồng cỏ của âm thanh" (Le pré des sons) và nhiều ảo giác khác.

Nhưng Haiku không phải là những thủ pháp làm thơ, và cũng không chỉ là một hình thức thi ca, mà đối với người Nhật nó còn là một cách thế sống, một con đường đi.

Haiku làm cho ta nhìn nhận cuộc sống hơn, hân thưởng cuộc đời hơn, sống giản dị, có niềm vui thâm trầm và thân mật nảy sinh trong giao tiếp với vạn vật, với mọi người chung quanh.

Cũng như Haiku luôn nối kết cái nhỏ nhoi và cái lớn lao, trong khi đọc Haiku, ta đọc cả tâm hồn Đông phương, giúp ta đọc lại tâm hồn ta. Sau đó, có lẽ tâm hồn và đời sống sẽ trở nên phong phú hơn.

Cái đẹp của Haiku cũng nối kết cái đẹp của thơ ca cổ điển Việt Nam trong kho tàng thơ ca Đông phương.

Tiếp thu Haiku, ta sẽ có tầm nhìn sâu rộng hơn.

Nếu có thể đối chiếu thơ Haiku với thơ Việt Nam trong tinh thần văn học so sánh một cách đầy đủ, ta sẽ rút ra được nhiều điều bổ ích biết bao. Khi đã bước vào thế giới văn học, người ta không thể không ý thức về văn học thế giới như một chỉnh thể có phần đóng góp của mọi dân tộc.

NHẬT CHIÊU

---

(1) và (2): A Tagore *Reader*, nxb Beacon, 1969, tr. 254.

(3) R.H. Blyth: *Haiku*, nxb Hokuseido, Tokyo, 1960. tập 3, tr. 1.



NGUYỄN LẬP ĐÔNG

âm

Nóng - hồng trên hai chũm cau
Vườn em ngất - ngất - trái đầu tiên tôi.
Đã qua lớp lớp đổi dời
Mà nhan sắc đó - ngời - ngời - còn tươi.
Đã tay với - với - qua thời
Mà âm - âm đó - bồi hồi còn xanh.

NGUYỄN LẬP ĐÔNG



AN PHÚ VANG

mưa tháng giêng

Má buổi sáng thức dậy trước mặt trời vì không ngủ được
Đi ngủ sau cả nhà khi phim bộ không còn
Cải lương thì buồn – phim Tàu toàn đánh đấm
Lũ con ngày đi làm má ở nhà nuôi chim

Những con chim sẻ trên tàn cây không tên thức dậy
Chào ngày hót líu lo mà sao má buồn xo
Cơm nguội hôm qua bỏ đàng sau hè đó
Chỉ cơm còn dư, ăn chim nhỏ, qua ngày

Má gầy giàn khổ qua con, lẻ loi sau căn gác
Bụi bạc hà cây húng quế xanh xanh
Từ khi má về tụi con quên tưới nước
Cây xác xơ trơ trụi đó mấy cành

Từ khi má về chắc bầy chim nhớ má
Sáng sáng xuống hè tìm cơm nguội xôn xao
Con bữa nhớ, bữa quên chạy theo đời cơm áo
Chim sẻ cũng theo chân người, no, đói, lao đao

Con buổi sáng chờ đi làm nhìn qua cửa sổ
Má bảy mươi rồi có được chút gì vui
Ở đây đầu năm phố phường lụt lội
Chim sẻ cũng như người nhớ hạt gạo má nuôi

Má buổi sáng thức dậy ở Việt Nam, tụi con chiều ở sở
Trouble shooting, debug loạn xà ngầu
Software, hardware, firmware tùm lum thứ
Trên 405 tối về nén tiếng thở dài sâu

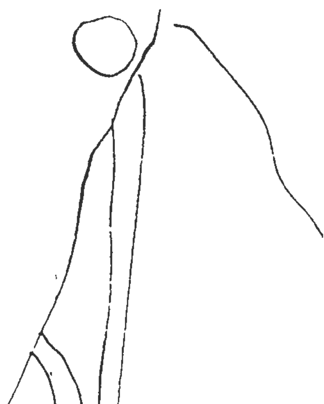
Ngủ không được mưa nhắc gì thơ ấu
Bao lâu rồi có biết lòng nhau

AN PHÚ VANG
(7, tháng Giêng, 1995)



NGUYÊN XUÂN QUANG

con "ếch" là cậu ông trời



Đọc đề bài chắc có người sẽ cho chúng tôi nói chuyện ngược đời. Người Việt từ trẻ em đến các cụ đều biết là

Con cóc là cậu ông trời,
Ai mà đánh nó, thì trời đánh cho...

nhưng khi đi tìm nguồn gốc những từ cóc nhái chúng tôi lại khám phá ra con ếch mới đích thực là cậu cả của ông giời.

Trước hết ta hãy xét lại vụ con cóc là cậu ông giời. Để tóm tắt nói cho gọn thì con cóc liên hệ với mưa. Mỗi lần nghe cóc kêu hay cóc "nghiến răng" dân dã cho là điềm báo mưa. *"Cóc nghiến răng chuyển động bốn phương trời"*. Từ nhận xét này đẻ ra truyện cổ tích Con Cóc Là Cậu Ông Trời. Gặp một lúc trời làm hạn hán cóc không có nước uống đã cùng ong vẽ, gà, cọp lên nhà trời kêu nài, "đánh phá", ông Trời phải chịu phép ra lệnh cho làm mưa ngay.

Vì cóc lên tận trời bắt trời làm mưa nên được coi là con vật can đảm gan dạ, *"cóc sợ gì ai", "gan lì cóc tía"*...

Con có có thật sự là cậu ông giời không?

Chúng hãy đi vào việc truy tìm từ nguyên của cóc nhái. Chúng ta có những từ cóc, ếch, nhái, chẫu chuộc, chẫu chàng, nhái bén... chỉ các con vật thuộc loài lưỡng thế này.

Cóc

Trước hết ta hãy tìm từ nguyên chữ cóc. Cóc là gì? Tại sao lại gọi là con cóc? Ta thấy cóc liên hệ với **nhẩy** như thi cóc nhẩy là thi nhẩy bỏ lớp; mụn

cóc là mụn cơm mặc dù nó cũng sần sùi như những cục "mụn" trên da cóc nhưng đặc tính chính là mụn cóc cũng nhẩy từ chỗ nọ sang chỗ kia như con cóc. Nổi tiếng nhất là bài thơ tả cái đặc tính nhẩy của con cóc mà đã trở nên thành ngữ "thơ con cóc":

Con cóc trong hang,
Con cóc nhẩy ra,
Con cóc nhẩy ra,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc nhẩy đi.

Vậy cóc phải có nghĩa là nhẩy. Nhẩy lên đớp mồi để nuôi thân là động tác đặc thù của loài ếch nhái cóc. Ta có thể kiểm chứng lại bằng ngôn ngữ của thổ dân Ainu ở Nhật Bản. Ngôn ngữ Ainu tereke-ibe, a frog, con ếch. Tereke, to jump, to spring upon as an animal upon its prey, nhẩy, nhẩy chồm lên như con vật chồm lên đớp mồi. Ibe, to eat, ăn. Con ếch Tereke-ibe là con nhẩy chồm lên ăn.

Về phương diện cơ thể học cóc nhái có thân thể được cấu tạo thích hợp cho sự nhẩy: xương cổ chân dài ra giúp lợi ích cơ học nhiều hơn cho cẳng sau. Sống lưng ngắn với không quá mười đốt rời, phần còn lại dính vào nhau là một thích ứng khác cho sự nhẩy (1).

Theo kinh nghiệm của chúng tôi, thời thượng cổ tổ tiên ta nghiêng nhiều về cách đặt tên các động vật theo các động tác đặc thù của chúng (động vật được đặt tên theo động tác đặc thù thì quả thật tổ tiên ta quá tinh vi!). Xin kể một hai ví dụ:

– *con gấu*, theo chỗ chúng tôi truy tìm ra, tổ tiên ta gọi là *con bấu*: gấu=bấu (theo qui luật g=b như bắc=gác, chân; bắc chân chữ ngũ đánh củ khoai lang...). Gấu là loài có bàn tay rất mạnh thường bấu, vả con mồi. Bấu, vả là động tác đặc thù của gấu.

– *con gà* tổ tiên ta gọi là *con cà* (g=c):

Ai về nhắn nhủ mi ra,
Để mi lại kể con cà, con kê.

Tại sao tổ tiên chúng ta lại gọi là con cà? Con cà là con gì? Vô nghĩa. Chúng tôi cũng đã truy nguyên ra nguồn cội. Tổ tiên ta thật ra không gọi là *con cà* mà chính ra gọi là *con cào*. Con cào hay cào hay bới kiếm ăn. Con gà là con cào, con bới... Cào bới là động tác đặc thù của loài gà (2).

Tóm lại cóc phải được đặt tên theo cái tính chất độc đáo, đặc thù của con vật này là nhẩy, nhẩy lên đớp mồi để sống.

Ta có từ chóc là nhẩy như nhẩy *chóc chóc*. Với h câm: *chóc=cóc*. Như thế tổ tiên ta gọi là con *chóc*.

Ta có thể kiểm chứng lại bằng những qui luật chuyển hóa của Việt ngữ. Theo c=b như bấu=cấu ta có cóc=bóc và b=ph như bỏng=phỏng ta có *cóc=bóc=phóc, phốc*. Phóc, phốc là nhẩy như nhẩy phóc lên xe. Theo c=m như cái=mái ta có chóc=chồm. Chồm có nghĩa là nhẩy như nhẩy chồm chồm. Từ chồm chỗm chỉ tư thế ngồi như muốn nhẩy chồm tới trước, đây là hình ảnh đặc thù của loài cóc.

Kiểm chứng lại với ngoại ngữ.

• Phạn ngữ (sanskrit) *kurd*, to hop, nhẩy, có kur liên hệ với cóc.

• Ainu ngữ *hochahocha* hoặc *hochauhochau*, to hop, nhẩy có *hoc=coc* (h=c, hủi=cùi)

• Pháp ngữ *saut, sauter*, nhẩy. Theo s=c như sắt=cắt (thái) ta có *saut=caut* gần cận với *kurd*, với cóc. Từ crapaud, con cóc có c(r)ap(aud)=cap=cac (p=b=c); *cac=cóc* (a=o, ta=tớ).

• Anh ngữ-*to hop*, nhẩy; theo qui luật h=k=c ta có *hop=cop* và áp dụng c=b=p đã nói ở trên vào chữ p cuối cùng của *cop* ta có *hop=cop=cóc*. Như thế cóc là *hop* là nhẩy.

– Rõ nhất là Anh ngữ *toad*, con cóc.

Cổ ngữ Anh *tad*, Trung cổ ngữ Anh *tade, tode*, cóc.

Theo chuyển hóa a=o cho ra *tad=tod*. Theo d=t như đuột=tuột (thẳng), ta có *toad=tod=tot*. Việt ngữ *tót là nhẩy*:

Đầu trọc lóc bình vôi
Nhẩy tót lên chùa ngồi...
Ê a kinh một bộ,
Lóc cóc mõ ba hồi

Con *toad* là con *tót*.

Theo tiến sĩ Klein tác giả cuốn Tự Điển Tầm Nguyên Anh ngữ Bao Quát (3) thì nguồn gốc từ *toad* không biết.

Ở đây ta thấy *toad* liên hệ với Việt ngữ rõ như ban ngày. Ta có thể học Anh ngữ bằng nghĩa Việt ngữ, nghĩa là có sự liên hệ giữa Việt ngữ và Anh ngữ đứt đuôi con nòng nọc rồi. Độc giả tin hay không tin vào những khám phá của chúng tôi chỉ còn là vấn đề thời gian làm quen.

Vậy không còn gì nghi hoặc nữa con cóc là con nhẩy. Ta sẽ thấy rõ thêm ở từ nhái.

Nhái

Họ hàng với cóc có con nhái. Con nhái là con nhẩy. Theo i=y (Yên Bái = Yên Báy) ta có nhái=nhẩy.

Nhái Bén

Nhái bén là loại nhái sống trên cây chân có "bọc dính"(adhesive pads) có thể bám vào lá cây, thân cây. Việt ngữ bén có nghĩa là bám như bén gót, bám gót. Nhái bén là loài nhái bám trên cây (tree frogs).

Ếch

Ếch cũng loài cóc nhưng với đúng nghĩa là loài lưỡng thế, sống cả trên cạn và dưới nước. Cóc trưởng thành không sống dưới nước.

Cũng vì lý do này con ếch được đặt tên khác con cóc. Ếch là gì? Theo sự tra cứu của chúng tôi ếch liên hệ đến nước. Con ếch là con sống dưới nước. Chúng tôi xin chứng minh. Chúng ta có những từ liên hệ với ếch hàm nghĩa nước:

– De, e

Việt ngữ de có nghĩa là nước như *té de* là đi cầu té ra nước, mía de là mía uống vào làm cho *"tè"* nhiều, "*to make water*" nhiều, nghĩa là làm lợi tiểu (diuretic). Xin nói một chút xíu về y học, mía de liên hệ với đường. Đường glucose là một chất lợi tiểu (diuretics), người bị tiểu đường, có lượng đường trong máu cao nên đi tiểu nhiều. Ba triệu chứng chính của bệnh tiểu đường là ăn nhiều, uống nhiều và tiểu nhiều...

Theo luật chuyển hóa d câm (silent d) như dẩy = ẩy, ta có *de=e.* Vậy e có nghĩa là nước và liên hệ với ếch.

– É

ta có từ hột é là hột rau húng thuộc loại húng quế (basil) thường pha nước uống. Hột é là loại hột hút nước, khi cho vào nước hút nước phồng to lên. É liên hệ với nước.

Hột é được gọi tên vì là hột hút nước và cũng có thể là loại hột dùng để uống giải khát. É liên hệ vối ếch. Để ý là từ basil, húng quế có *ba* cũng là nước (sẽ viết trong bài nước) liên hệ với Hán Việt *ba*, sóng như thu ba, âm ba.

Ta có thể kiểm chứng với ngoại ngữ:
– cổ ngữ Anh *ear*, nước.
– Mã-Nam Dương ngữ *ayer*: nước. *Ayer* có a liên hệ với *e* và *yer=de*, nước.
– Chàm ngữ *ea*: nước.
– Ngôn ngữ vùng Mesopotamy Lưỡng Hà *Ea*: Nữ Thần Nước.

Như thế con ếch có thể là con é, con ế, con ếc. Từ ếch cũng có thể là do *ách* đọc trại đi. Theo qui luật ê=a như cây đề=cây đa ta có *ếch=ách*. Việt ngữ có từ ghép *óc ách* ngày nay chỉ tiếng nước kêu như nước kêu óc ách, bụng kêu óc ách (có nước và hơi)... Óc ách là một từ ghép điệp nghĩa với:

– *óc* hàm nghĩa nước: óc đậu là đậu hũ, đậu non, đậu nước; *ọc*: ói ra sữa, nước; ốc là loài sống dưới nước cùng nghĩa với sên (4); *ộc*: ùa chẩy ra như

nước chẩy ộc ộc, ộc máu mồm ... óc là chuyển hóa của ách, át. Theo o=a, *óc=ác=ách=át.*

– Ách là nước.

Ta có cổ ngữ Việt *dác* là nước. Đác cho ra *đá* (nước đông lạnh), *đầm* (ao nước lớn) và *đẫm* (ướt)... Theo chuyển hóa đ=n như đó=nọ (hôm) ta có *dác=nác*. Huế, Thanh-Nghệ-Tĩnh ngày nay còn gọi nước là *nác*:..

Tình đó với nghĩa đây,
Giống như dọi nác đầy,
Bưng nhẩn nhẩn trên tay,
Không khuy sơ một hột,
Gió nỏ triềng một hột.
(Hát Giặm Nghệ-Tĩnh)

Nỏ triềng là không tràn.

Theo qui luật đ câm như đẩy=ẩy ta có *dác=ác*. Với h câm *ách=ác*. Vậy ách chính là nước.

Ác, ách và *át* là chuyển hóa của nhau. *Át* là nước. Ướt *át* là ướt nước.

Ách và *át* liên hệ với Phạn ngữ *aka*, nước và với Ainu ngữ *akka*, nước. Thật vậy theo c=k=h (củi= hủi) ta có *ách=akk* liên hệ với *át, aka, akka.*

Pháp ngữ *escargot*, con sên. Sên là một loài ốc. Như trên đã thấy ốc liên hệ với nước. Ốc là loài sống dưới nước. Sên phải có hàm nghĩa nước. Bắt buộc. Nguyên thủy sên cũng chỉ chung loài ốc sống dưới nước, ngày nay chỉ dành riêng chỉ loài ốc sống trên cạn. Sên liên hệ với Phạn ngữ *sara*, nước. Theo r=l=n (róc=lóc=nóc, mía) sar(a)=sal=san và a=e ta có *san=sen=sên.* Theo s=c=k Pháp ngữ *escargot* có *esc*(argot)=*ếch*, sên và ếch đều sống dưới nước. Ta có thể kiểm chứng lại theo s=c=k *esca*(rgot) = *esca* = *ekka* = *akka*, nước. Vậy con ếch, con ách là con sống dưới nước.

Ta có thể đối chiếu với từ Phạn ngữ gọi tên con ếch. Phạn ngữ *dardura*, a frog, có *dard* liên hệ với cổ ngữ Việt *đác*, nước.

Áp dụng qui luật d=ch như dăng=chăng (dây) vào Phạn ngữ dardura, a frog, ta có *dardur=charchur=chẫu chuộc*; gọt tắt *char=chẫu; char* cũng cho ra *char=chan* (r=l=n) = *chàng.* Con chẫu, con chẫu chuộc, chẫu chàng là loài nhái da màu vàng . Chẫu gần cận với chậu, vật đựng nước; char=chan, chàn với chan có nghĩa là đổ nước vào như chan canh, chan máu và chàn là trào ra. Chan và chàn đều liên hệ với nước. Con chẫu, con chàn, con chàng cũng liên hệ với nước, cũng sống được dưới nước.

Ainu ngữ *ooat*, a frog liên hệ với ếch, ách, át và với Ainu ngữ *akka*, nước.

Tóm lại con ếch là con (sống dưới) "nước". Nhưng cóc là con nhẩy thì ếch cũng phải có nghĩa nhẩy. Con chẫu gần cận với "chẩu", với tẩu, chạy, nhẩy.

Rõ hơn Phạn ngữ *plava-ga*, a frog. Giải tự *plava=plu+a*, leaping, jumping, swimming, nhẩy; bơi, lội. Ngoài ra Phạn ngữ *plu*, to swim, bơi, lội. Từ plu có lu=lội. Với l=r ta thấy *plava=prava* rất gần cận với cổ ngữ Ấn Độ *právatí*,

nhẩy. Con ếch vừa bơi vừa nhẩy.

Như thế từ ếch phải hàm ý nhẩy nữa. Theo qui luật thêm t và t câm như ổ=tổ (chim) ta có *ếch=tếch*. Tếch hàm ý nhẩy, chậy ví dụ như mới đó mà nó tếch đi chơi rồi = mới đó mà nó đã nhẩy đi chơi rồi. Như thế thoạt đầu con ếch có thể là con tếch gần cận với con tót, con toad. Hoặc có thể con ếch là con *"cóc ách", "cóc nước"* về sau bỏ từ cóc chỉ còn lại là con ách, con ếch.

Bây giờ ta nghiên cứu các từ ngoại quốc gọi tên ếch như Anh ngữ *frog*, Pháp ngữ *grenouille*, Latin *rana*...

• Anh ngữ *frog*, ếch

Có nhà tầm nguyên từ ngữ cho là liên hệ với gốc *preu*: hop, nhẩy. Con *frog* là con nhẩy *hopper*, cổ ngữ Phạn (OI) *právati*, hop, Nga ngữ *prýgut*, to hop, to jump. Hòa Lan ngữ *vors*, ếch. Anh ngữ *frolic*, vui, nô đùa (có hàm ý nhẩy nhót) liên hệ với *frog*; Hòa Lan ngữ *vro*, jump with joy, mừng nhẩy quẩng lên liên hệ với *vors*, ếch.

Frog chính là phóc, phốc Việt ngữ. Phốc là nhẩy, nhẩy phốc. Theo chuyển hóa f=b=ph: *frog=phog* và theo g=c *phog=phóc=phốc*. Con *frog* là con phốc, con nhẩy.

Ở đây ta cũng thấy *frog* và phóc, phốc Việt quá giống nhau về cả âm lẫn nghĩa. Chúng ta có thể học Anh ngữ bằng tiếng Việt. Dễ hiểu và dễ nhớ vô cùng. Sự khám phá ra sự liên hệ giữa Việt ngữ và Ấn Âu ngữ của chúng tôi sẽ mở ra một cuộc cách mạng cho sự học tiếng Việt và Ấn Âu ngữ.

Ta có thể kiểm chứng lại bằng qui luật chuyển hóa. *Frog có (f)rog,* theo r=c như còm=ròm, ta có *frog=rog=cog* và với g=c *frog=cog=cóc*. Con *frog* là con cóc.

Từ *frog* đáng lẽ phải dùng để gọi con cóc mới chỉnh.

• Latin *rana,* ếch

Rana có *ra*(na)=*la*=*lã* (r=l). Lã là nước, rana, ếch liên hệ với nước. Rõ nhất là Bồ ngữ *rã*, ếch. Rã=lã. Anh ngữ *rain*, mưa, liên hệ với *rana*. Trong Y học có một chứng gọi là "ếch ngồi dưới lưỡi" *ranula* tiếng bình dân là *frog-tongue*. *Ranula* là dạng giảm thiểu của *rana. Ranula* là một loại bướu bọc nước nằm dưới lưỡi do sự tắc nghẹt các tuyến nước bọt hay tuyến chất nhầy dưới hay cận lưỡi. Các nhà y học đã đặt tên *"con ếch con ranula"* này do sự liên tưởng tới nước bọt hay chất nhầy.

Latin ngữ cũng cho thấy ếch liên hệ với nước.

• Phạn ngữ *bheka*, a frog

Với b=p ta có *bhek(a)= phek =phec*. Theo e=o ta có *phec=phốc=frog*. Ngoài ra *bheka* cũng còn có nghĩa là *mây*. Mây cho ra mưa.

Giải tự Phạn ngữ *bheka* có *bhe* hay *be* (h câm) và *ka*. Phạn ngữ *ka*, nước liên hệ với *cá* Việt ngữ. *Bhe, be* liên hệ với Việt ngữ *be*, nước. Việt ngữ be bờ là đắp bờ giữ nước, be là cái ve đựng chất lỏng...(5)

Phạn ngữ *varshâ-bhu*, a frog, có *varsha*, mưa, mây. Phạn ngữ *va(rsha)* liên hệ với Việt ngữ *va* có hàm nghĩa nước như cái *vá* là cái môi múc canh; *mắm và rau* là mắm nước (canh) rau, cái *vại* là vật đựng nước.

• Pháp ngữ *grenouille*, ếch

Nhìn thoáng qua ta thấy *(g)reno(uille) = reno* liên hệ với Latin *rana*, ếch. Nhưng nghiên cứu sâu hơn có thể có thêm một nguồn gốc nữa. Ta có thêm Phạn ngữ *hari*, màu xanh lá cây (green), mặt trời (the sun), con ếch (a frog).

Hari với nghĩa màu xanh lá cây ta thấy rõ trong Pháp ngữ *haricot vert*, đậu "ve". *Haricot* có *hari* là *vert* rồi nên chữ *vert* theo sau thừa. Người Pháp ngày nay đã quên nghĩa gốc *hari* thuở xa xưa. *Hari* đặt tên cho con ếch vì nó có màu "ve" *hari*. *Hari* với nghĩa là trời vì ếch liên hệ với mưa. Ta thấy rõ ở đây con ếch chính là "trời" chứ không phải chỉ là cậu ông trời.

Hari, green liên hệ với Anglo-Saxon ngữ *growan*, *groen, grene* với Thượng Cổ Đức ngữ (Old High German) *grôen*, xanh lá cây. Ta thấy Pháp ngữ *grenouille* cũng gần cận với các trừ trên. Nếu Phạn ngữ đã có từ *hari,* xanh, chỉ con ếch thì Pháp ngữ *grenouille* cũng có thể liên hệ với các từ màu xanh trên. Grenouille là "con nước", "con màu xanh lá cây".

Con Cóc Hay Con Ếch Là Cậu Ông Trời?

Dĩ nhiên cóc và ếch là một loại. Nếu con cóc là cậu ông trời thì ếch cũng là cậu ông trời và ngược lại nhưng như ta thấy con ếch là con cóc sống được dưới nước. Theo sự tiến hóa của động vật đi từ dưới nước lên bờ như thế con ếch có vai vế lớn hơn cóc. Ếch là ông cậu lớn.

Theo truyện cổ tích kể trên ta thấy nếu trời hạn hán thì ếch chết trước cóc vì ao ruộng khô cạn. Con ếch sống dưới nước và nhờ nước nhiều hơn con cóc. Đáng lý con ếch phải là người đi kêu nài trời mới phải.

Sở dĩ con cóc được "lấy công" làm mưa là vì con cóc sống trên bờ lẩn quẩn bên con người. Người biết tới cóc nhiều hơn. Thuở bé ở nhà quê, ngay dưới gầm giường cũng có những hang cóc. Đêm đêm nằm nghe tiếng cóc nghiến răng. Thậm chí ông tiên có tiền cũng đi mua cóc về thả gầm giường:

Ông tiển ông tiên,
Ông có đồng tiền,
......
Ông mua con cóc,
Về thả gầm giường,
Ông mua nén hương
Đem về cúng cụ.

Nhưng nếu để ý nghe ếch kêu cũng có thể đoán được trời mưa như nghe cóc nghiến răng. Bằng chứng hồi nhỏ ở lớp mẫu giáo thường hát bài Frère

Jacque với lời Việt:

Trời mưa xuống hoài,
Nước đầy ao,
Nghe con ếch nó kêu kìa,
Oang uyềnh oang.

Theo từ nguyên thì con *ếch* là con *ách*, con *át*, con *ướt*, con *nước*, con *mây*, con *mưa*. Latin *rana*, Phạn ngữ *dardura*, *bheka*, *varshâ-bhu*, ếch... đều có thêm nghĩa hay phát từ gốc nước, mây, mưa. Rõ nhất là Phạn ngữ *hari*, con ếch, có thêm nghĩa màu xanh và nghĩa trời. Con ếch xanh (rõ ràng màu xanh chứ không còn mập mờ lẫn lộn với cóc vàng, tía, đen) là con trời.

Như thế đúng ra ếch phải là cậu lớn, cậu cả của ông trời. Con cóc chỉ là con nhẩy chóc chóc, con lóc chóc cùng lắm là cậu "nhóc" của ông trời mà thôi. Ếch là nước là mây là mưa. Đó là lý do ta chỉ nói "vồ ếch" khi trời mưa thôi, là vậy.

Để chấm dứt xin đố độc giả tại sao con cóc, con ếch mới nở gọi là con nòng nọc?

NGUYỄN-XUÂN-QUANG
(Những Eureka Trong Việt Ngữ)

Tài Liệu Tham Khảo

1. R.G. Zweeifel, Frogs And Toads, trong Reptiles & Amphibians, Smithmark, 1992, p.76)

2. Nguyễn Xuân Quang, Con Lợn Ủn Ỉn Mua Hành Cho Tôi, Y Tế Phổ Thông số 25, Bộ III tháng 1,1995, tr. 5-9.

3. Klein, Comprehensive Etymological Dictionary of the English Language, Elservier, 1971.

4. Nguyễn Xuân Quang, Minh Oan Cho Đóa Hoa Phật, bài gởi cho Thế Kỷ 21.

5. Nguyễn Xuân Quang, Bóp Vú Cô Tiên Lấy Tiền Đong Gạo, Y Tế Phổ Thông số 21, Bộ II, tháng 9, 1994, tr.37-44).



NGUYỄN NHƯ MÂY

tứ tuyệt

Gửi anh chị Hồ Nhã Mai Tiết
(Australia)

trăng thành nội

Đi trong đêm thành nội
chỉ mình tôi và trăng
tôi nghe lòng cây cối
nghiêng bao nỗi thăng trầm

tình yêu

Tình yêu ngọt đến diệu kỳ
trái cây phải chín huống gì lòng anh
cả trong những chiếc lá xanh
bao nhiêu mật cũng để dành riêng Em...

thu

Anh đi giữa mùa thu
ý nghĩ chen trong lá
vườn đã xong ngày hạ
bướm còn tìm dáng ai...

trăng

Trăng đứng chờ ai ngoài bến
vòng tay ướt đẫm thu vàng
bờ tre đã mòn đưa tiễn
sao còn neo mãi đò ngang?

NGUYỄN NHƯ MÂY



THỤY KHUÊ

thi giới đặng đình hưng bến lạ



Thơ tự do không chỉ là một hình thức bãi bỏ niêm luật thông thường trong thơ cổ điển, mà còn thể hiện một nhu cầu, một đòi hỏi, một cần thiết của con người nói những điều muốn nói và nghĩ những điều muốn nghĩ một cách tự nhiên, không bị ràng buộc bởi quy luật của chữ nghĩa và lề luật của đời sống. Thơ tự do, cũng như hội họa trừu tượng, vì gạt bỏ những hình thức bề ngoài như niêm luật (trong thơ cổ điển), như tỷ lệ hình thái, phân lệ bối cảnh, ước lệ không gian (trong hội hoạ cổ điển), nên có khả năng mở rộng tâm giới, tìm đến cõi vô biên của tiềm thức mà không một quy luật cụ thể nào của loài người có thể giam hãm nổi.

Gạt bỏ niêm luật còn có nghĩa là tìm đến một trật tự mới cho ngôn ngữ tâm thức, trật tự do chính mình đặt ra hoặc có khi nó tự đến. Trật tự đó thể hiện sức sáng tạo của mỗi cá nhân, không ai giống ai, không ai có thể áp đặt cho ai. Tự do trong thơ hay trong nghệ thuật bao hàm ý nghĩa toàn diện, sinh động và tâm linh: con người, do đó, có thể sống hoàn toàn "tự do" trong một ngục tù hãm giam thể xác. Hoàn cảnh trớ trêu, nghiệt ngã và hạnh phúc đó, Đặng Đình Hưng đã cố gắng tìm đến, đã cố gắng vươn tới trong thi phẩm **Bến Lạ** (1).

Thi giới Đặng Đình Hưng nơi **Bến Lạ** quanh quẩn trong một quỹ đạo tròn. Tròn đây là vòng tròn tương sinh trong **Xuân Thu Nhã Tập**2 hay sự bay bổng của tư tưởng trong vùng nội tâm. Tròn đây cũng là vòng tử sinh của kiếp

người. Và tròn đây cũng là vòng tròn tù túng, chật hẹp gói trọn Đặng Đình Hưng trong cái án **Nhân Văn giai phẩm** đằng đẵng suốt đời.

Đặng Đình Hưng sinh ngày 9-3-1924 tại làng Thụy Dương, huyện Chương Mỹ, Hà Đông và mất ngày 21-12-1990 tại Hà Nội. Thi phẩm Bến Lạ của Đặng Đình Hưng xuất bản tại Sàigòn cuối năm 1991 là một công trình nghệ thuật khác lạ và xa lạ với chúng ta.

Qua lời giới thiệu, Hoàng Hưng viết về hoàn cảnh sáng tác dẫn vào thi giới Đặng Đình Hưng với những lời cân nhắc, hàm súc, và khó có thể chính xác hơn trong nhận định về cảm quan và thế giới quan của Đặng Đình Hưng:

"Bắt đầu làm thơ từ cuối những năm 1950, đến khi qua đời, nhà hoạt động nghệ thuật Đặng Đình Hưng để lại sáu tập thơ. Tất cả đều chưa từng công bố rộng rãi, song một vài đoạn trích được in trên các báo vào dịp ông qua đời khiến công chúng thơ sững sốt vì một tính cách thơ, một thi pháp hết sức độc đáo.

"**Bến Lạ** *là bài thơ dài tác giả viết trên giường bệnh vào lúc ông bước đến tuổi 60. Từ những không gian chật chội cầm tù thân xác:* " Tôi lại đi ... jữa cái nong hình záng lưng tôi ..." *ông hành hương vào thế giới vô tận của nội tâm [...].*

"Có lúc mỉa mai vì thất vọng, có lúc cố lấy dáng một người hùng, có lúc như lẩn thẩn, ngây dại ... Tâm sự rối bòng bong ấy thật ra ai chả có. Chỉ có điều là ông thành thật nói hết. Thật với chính ông vì toàn bộ thơ ông là độc thoại trong nỗi cô đơn khó lòng chia sẻ.

"Có lẽ cái cảm giác khó hiểu khi tiếp xúc lần đầu với thơ Đặng Đình Hưng cũng từ đó. Lại thêm lối nói nhiều chiều, dấp dính, lưng chừng, mâu thuẫn, xa xôi, hàm súc, vốn là lối nói thường ngày của ông " (Tựa, tr. 5&6).

Những lời mở đầu của Hoàng Hưng, người bạn vong niên của tác giả đã dẫn đường cho chúng ta an nhiên bước vào **Bến Lạ.**

Về hình thức, **Bến Lạ** có thể gọi là thơ tự do, hay thơ văn xuôi, hoặc thơ tự do làm theo thể văn xuôi. Lối cấu trúc gồm những câu đơn (mệnh đề độc lập - theo cấu trúc thơ), xen kẽ những câu phức tạp (gồm mệnh đề chính, mệnh đề phụ, chuyển tiếp bằng liên từ hay không có liên từ - theo cấu trúc văn xuôi) với một vài cách tân đúng hơn là lập dị trong cách thay đổi mẫu tự: d viết thành z, gi viết thành j ... Câu văn thường không chấm, phẩy, hoặc không sắp đặt theo thứ tự lô gic: đó là ngôn ngữ riêng của Đặng Đình Hưng, lạ lùng, lập dị, không giống ai.

Dòng đầu trong **Bến Lạ,** Đặng Đình Hưng viết:

> *Tôi lại đi ...*
> *jữa cái nong hình záng lưng tôi, một bảng đen trước mặt, một vòng phấn zưới chân, zính zính... những con 8 lộn zọc nhẫn thìn nam châm gói trong hạt thóc jống của không biết.*

Đó là một thứ ngôn ngữ bệnh não, ngôn ngữ tâm thần, tự sự nội tâm, qua

lớp vỏ bề ngoài bí hiểm, lửng lơ, đứt khúc, ẩn giấu bề trong đau thương tột độ.

Động tác *đi*, tôi đi hay anh đi, thông thường thể hiện hình thức tự do của con người: qua hành động đi, con người làm chủ động tác và điều khiển phương hướng theo ý mình.

Nhưng *"Tôi lại đi ... jữa cái nong hình záng lưng tôi, một bảng đen trước mặt, một vòng phấn zưới chân, zính zính... những con 8 lộn zọc nhẫn thín nam châm gói trong hạt thóc jống của không biết"* thì khác. Vì động tác đi ở đây bị giới hạn trong quỹ đạo tròn, giống như cái nong - có lẽ là hình ảnh cái lưng gù của ai hay chính tác giả. Và mỗi bước chân lại được quây kín bởi một vòng phấn. Bao vây hai lần: vòng trong vòng ngoài. Hơn nữa *tôi lại đi* khác với *tôi đi*. Tôi lại đi, có nghĩa là tôi đã đi nhiều lần rồi và lần nào cũng chỉ có thế: chỉ đi được trong cái vòng tròn tròn như cái nong hoặc hơn nữa là cái vòng tròn vặn chéo thành con số 8 lộn dọc, vẫn kín mít mà thôi. Không những thế còn có bảng đen chặn trước mặt, vòng phấn vẽ dưới chân, bồi thêm những yếu tố "ngoại vật": dính dính, nam châm, gói trong ... loại "ngoại vật" thu hút, không nhả ai ra cả. Và sau cùng là ... *không biết.* Tất cả những thứ đó, nhào lên một hợp kim tù túng, một trạng thái đóng, một bi kịch của kẻ bị giam chung thân *không biết từ đâu và do một mệnh lệnh nào.* Nhưng chính hình dáng con số 8 lộn dọc, lộn ngang lại dẫn đến vô cực, vô cùng trong quy ước toán học: Thi sĩ sử dụng sự giam hãm của mình để tìm đến vĩnh cửu qua động tác sáng tạo.

Hiểu được tâm trạng ấy của tác giả, chúng ta dễ dàng đi hết đoạn đường còn lại. Thong thả bước vào thế giới Đặng Đình Hưng, chúng ta lật trang thơ thứ nhì:

Tôi khắc biết mênh mông một cái bẹn Epicure ngập chìa trường bốn fía cơn mưa tu lơ khơ xanh đỏ con sập sành bọ ngựa bậu vào nhảy tung! cõng đi chơi trên lưng Nilông Cáctông của Định Mệnh!
Tôi hề biết / kể cả quả mít nứt
Tôi đã tìm ở sau cái gương / cũng không có ji hết
Tôi đã tiếp đau thương những nhỏ nhỏ thường thường
Đã húp ra đi từng bát những nhạt nhạt mềm mềm và rất ngon

Có nhiều cách cảm nhận những dòng trên đây:

– Cảm nhận như một bức hoạ lập thể gồm nhiều lớp cảnh (plan) dồn ép, chen vai thích cánh nhau. Mỗi plan là một hình ảnh hiện ra, khắc vào tâm trí trong đơn vị nhỏ nhất của thời gian: cái bẹn Epicure, cơn mưa tu lơ khơ (tu lơ khơ là loại bài lá 56 con, khi chơi, ai đánh hết bài trước là được), con sập sành, con bọ ngựa...

– Cảm nhận triết lý: cái bẹn Epicure biểu hiện tư tưởng triết lý theo Epicure: cảm giác là cơ sở của mọi nhận thức. Mục đích của con người là tìm hạnh phúc. Mà hạnh phúc là thú vui trong cảm giác. Thú vui ở đây không có nghĩa là hưởng lạc một cách dung tục mà là tìm đến sự rung động tuyệt vời

trong cảm giác: tự giải thoát mình khỏi những thành kiến, những gò bó, áp bức của xã hội như tôn giáo, cường quyền, dư luận...

Nhà thơ, trong vòng tù túng thân thế và thể xác đã tìm thấy hạnh phúc trong sự sáng suốt nhận diện cảm giác của mình và do đó tìm đến chính mình, đến bản thể của mình. Đồng thời, mỗi lúc đang sống, tức là mỗi nghiệm sinh, con người có một quyết định *tự do* hành động mà không một lý tính nào có thể giải thích được, theo nhân sinh quan của Sartre. Nhân sinh quan này thoát thai từ tiền đề: bản chất của cá nhân không có tính cách định mệnh. Vì thế mà Đặng Đình Hưng nói đến *Định Mệnh* một cách hài hước và châm biếm: *Cõng đi chơi trên lưng Nilông - Cáctông của Định Mệnh.*

Những dòng chữ khập khiễng, khật khờ, vô trật tự và có vẻ vô nghĩa trên dây phủ đầu cho một cách nhìn sâu sắc và có cơ sở triết học:

Trên đường tìm về bản thể của mình và của sự vật, Đặng Đình Hưng đã tiếp cận, đã sờ mó được *những đau thương*, cụ thể hóa chúng, khiến chúng trở thành *những nhỏ nhỏ thường thường* và còn biết thêm rằng: *đau thương không để cách đêm phải hâm lên mới dùng được. Ra đi* cũng vậy. *Ra đi*, một hành động nhờ sức xúc tác của *đợi chờ*, một trạng thái, đã biến chất thành thể lỏng khiến nhà thơ có thể húp được và thấy rất ngon. Vai trò của giác quan do đó là nguồn của mỗi nhận thức - và làm chủ cá thể.

Trong sâu lắng của tâm linh và cảm giác, nhà thơ còn tiếp xúc được với những hiện tượng bất thường và độc đáo như những *chiều zài zại zột, những chân trời chấm hết,* những *cột đèn - đã đi,* những cái tôi *duổi theo níu lại hai mùa.*

Ở Đặng Đình Hưng còn hiện diện một vùng thèm muốn, khát khao những cái tầm thường nhỏ nhoi như: *một thỏi phấn, tắm nước nóng, cọ bàn chân khô, lau cái khăn lông, những miếng ngon CARSPECIAUX97 \f "Symbol" đậy lồng bàn...* và những khát vọng đắm say: *căng lên cái yếm thắm nồng nàn ...*

Ở Đặng Đình Hưng còn có những nghĩ ngợi lẩn thẩn:

Ai mà jữ lại được làn khói thuốc lá cứ cuộn khoanh
đố anh vẽ nổi màu xanh?
Trong đôi guốc, tôi chú ý nhất cái chật chật của đôi quai
Sao cứ đi đi, những cái va li cứ về Bến lạ!

Ở Đặng Đình Hưng, mọi giam hãm trở thành vô nghĩa, bởi thi nhân đã thoát ra ngoài vòng kiềm tỏa của sức mạnh và áp bức và những khát vọng tầm thường, cơ bản của con người nếu không được thỏa mãn trong cõi đời thường thì vẫn sống trong cõi đời riêng, trong vô thức. Thế giới riêng của Đặng Đình Hưng, có những đau thương rỉ máu, khô kết thành vết sẹo, bồng to, thập thò như những con ếch, gồ ghề và đầy rẫy trên mọi nẻo đường:

Hễ mưa
Một cái túi to tôi ra đường vồ sẹo

Cuối cùng **Bến Lạ** là gì? **Bến Lạ** không những lạ lùng trong bút pháp và thi pháp mà còn làm ta sửng sốt vì những hình tượng mới trong thơ; như sự tù hãm của hai chữ RA ĐI: *cứ đến I tôi lại nhớ lộn về*, như sự khám phá những chiều dài *khôngkilômét*, như sự bất lực của con người trước thời gian: *tôi già rồi, tôi không làm gì được quyển lịch,* như sự di chuyển của cố định: *cột lumière cũng lễ mễ đi về Bến lạ,* như sự câm nín chung thân của *những hình thù im lặng xúc lên từng cùi dìa kí ức ...*

Bến Lạ, là một cứu cánh xa vời, là chân trời Đặng Đình Hưng muốn dạt đến, là một chuyến đi xa, một miền đất hứa, nhưng không thể hiện được.

Bến Lạ, cũng lại rất gần, có thể ở ngay *gầm giường*, bởi vì trong mỗi chúng ta *đều chở một con tàu*. Cho nên, nếu không thực hiện được cuộc viễn du trong đời thường thì ai cấm được ta thể hiện trong vòng nội tâm, riêng lẻ.

Bến Lạ là thơ, là Tự Do, do đó không ai rào được, không ai chấm phẩy được và cũng không có cách nào ngăn chặn được.

Đó là phong cách độc đáo của Đặng Đình Hưng, một phong cách lập dị, bí hiểm để nói những điều muốn nói, nghĩ những điều muốn nghĩ, và dĩ nhiên không phải ai cũng hiểu và ai cũng thích.

ô mai

Những tác phẩm của Đặng Đình Hưng chỉ được xuất bản sau khi nhà thơ qua đời.

Ô Mai, theo lời giới thiệu của nhà xuất bản là tác phẩm cuối cùng của Đặng Đình Hưng, được viết ít lâu sau **Bến Lạ** (1991). **Ô Mai** do nhà xuất bản Hội Nhà Văn ấn hành (chúng tôi chỉ có một bản sao, không ghi rõ năm).

Cũng như **Bến Lạ, Ô Mai** là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, một thi pháp lạ lùng trong văn - thơ, mà chúng tôi xin mượn chữ của Đặng Đình Hưng, gọi là một *thể nghiệm*. Đây không phải là văn mà cũng không phải là thơ. Đây là sự phủ nhận văn chương (phủ nhận việc làm văn), phủ nhận văn vần. Nhưng sự phủ nhận này lại là một xác quyết: có thơ mặc dù không có vần; có văn, mặc dù không làm văn chương. Hệt như sống không cần vung vãi cử chỉ, ba hoa chích chòe, vẫn là sống. Kẻ phung phí động tác, xả láng ngôn từ, khoa lộng ngôn ngữ, đôi khi không sống. Mà chính cái kẻ im lìm, bị cùm mồm bịt mắt kia, tưởng như chết, vậy mà đang sống, sống sâu xa, mãnh liệt, sống đài các, an nhiên, sống cao hơn người. Ở Đặng Đình Hưng có cái kiêu sa của kẻ khinh người, có cái phong lưu quyền quý của kẻ hơn người: đó là tác phong tự tại. *"Trên cái nền tự tại này, thỉnh thoảng... lại chồm lên một cơn xáo động... "xáo động thể nghiệm"* ". Thế là có thơ.

Có lẽ khó tìm được chữ nào phù hợp hơn chữ *"nhập"* của Đặng Đình Hưng để diễn tả ấn tượng mà **Ô Mai** gieo vào tâm hồn người đọc. Gọi là tùy bút, là tự sự, là độc thoại nội tâm, là thể nghiệm hay là gì ... gì... đi chăng nữa, thì đó cũng là thơ, là sống, là tình yêu. Nó nhập vào ta, ám ta, bắt cóc ta, như một thứ mẹ mìn, nháy mắt đã chớp hồn đứa trẻ.

Sự *nhập ấy* cũng có thể lĩnh hội như một sự nhập thiền. Tức là đi đến tận cùng của cảm xúc, đi đến tận cùng của nhận thức, đó là sự lãnh hội bằng trực giác. Nhưng trái với thiền, sự lãnh hội này không khô khan trai tịnh, mà là một sự lãnh hội nghệ thuật vô cùng kỳ vị, linh động và hào hứng, bởi nó dồn dập những hình ảnh, rạo rực những cảm xúc, xốn xang phá giới, nó là sản phẩm của nhà thơ.

Thể cách *"nhập"* này, ngay trong khai từ, Đặng Đình Hưng cũng đã rõ ràng định vị nó:

"Những câu hỏi thường lệ: đi đấy à - giờ này chưa đi à - vừa có người tìm ông.

Ai nhỉ? Hỏi thôi, chứ người đó thì biết. Chỉ người đó, không ai, không ai tìm cả.

Vắng. Anh thường ngồi jờ dài, chẳng nghĩ. Chỉ cảm. Cảm bằng da. Da của mắt - bàn tay- chủ yếu là lưng. Tới mức toàn thân gắn hẳn vào không khí, đồ vật, tường, buồng. Rầm rì một cái chợ không lời dưới chân, anh rầm rì vỗ theo. Toàn thân, một con sông trôi, xô đẩy những cảm giác, những sực chợt. Một cơn mưa hình záng. Những hạt hột vỗ vỗ. Anh gọi đó là "nhập" - Thấy.

Hình ảnh cuộc sống *khuôn nhịp,* cuộc sống thuộc lòng mà nhà thơ vừa mở ra cho chúng ta xem chính là cuộc sống được theo dõi, được chiếu cố, được chỉ điểm, giờ đi, giờ về của chính tác giả.

Nhưng trên cuộc sống còm cõi, xanh xao, vo ve ruồi nhặng KGB ấy, Đặng Đình Hưng thể nghiệm một đời phong lưu tài tử khác: một cuộc nhập thiền. Thiền ở đây là sống thực. Là kệ thây ruồi muỗi. Là cứ sống dào dạt trong nội tâm, sống trực tiếp bằng xúc giác: *"cảm bằng da tới lúc toàn thân gắn hẳn vào không khí, đồ vật, tường, buồng".* Nhà thơ nuôi mình bằng những phút nhập thiền như thế và đã thăng hoa trong cuộc đời triền miên tù túng của mình.

Về mặt hình thức, đoạn "văn" trên nếu viết xuống hàng thì có thơ ngay:

... rầm rì một cái chợ không lời dưới chân
anh rầm rì vỗ theo
toàn thân
một con sông trôi
xô đẩy những cảm jác, những sực chợt
Một cơn mưa hình záng
Những hạt hột vỗ vỗ

Anh gọi đó là nhập - thấy

Bởi cấu trúc thơ tiềm ẩn qua những mệnh đề độc lập, tự chủ, qua những hình ảnh sinh động vừa hiện thực vừa vô thường. Nếu "diễn nghĩa" thì có thể có một bối cảnh như thế này: "... tới lúc anh không còn nghe thấy tiếng động bên ngoài nữa, tất cả là một cái chợ không lời, rầm rì, gợn sóng, dưới chân anh. Lòng anh rầm rì vỗ theo những đợt sóng ngầm, xô đẩy những cảm giác, sực đến rồi đi, chợt lúc vô cùng vô tận như những cơn mưa hình dáng, sa xuống, vỗ xuống, vỗ xuống tâm hồn anh ... Anh chợt tỉnh ... Anh chợt thấy..."

Đấy mới chỉ là một cách "diễn nghĩa", còn nhiều cách khác. Sự thiếu vắng chủ từ và liên từ làm cho ngữ nghĩa trở nên lấp lửng, hình ảnh lửng lơ. Vắng vần nổi nên nhịp điệu ngầm âm thầm tác dụng. Tất cả có thể đảo ngược và chồng chéo lên nhau, tùy theo trí mường tượng của người đọc. Ngay câu đầu, chữ ai, đã có ý nghi vấn - xác định. Ai? Chứ còn ai nữa! Những hình ảnh liên tiếp kéo theo cứ lấp lửng, nhát gừng (Vắng - chẳng nghĩ - chỉ cảm - cảm bằng da ...) chứng tỏ nhà thơ sử dụng khoảng trống như một phát biểu: nói những điều không nói. Cho nên, những chữ nghĩa, những trạng thái, có vẻ đơn phương như "vắng", chẳng nghĩ, chỉ cảm, ... thực ra chỉ hiện diện để khỏa lấp lớp địa tầng đang rạn nứt dưới da, cơn dông tố đang bão bùng trong huyết quản.

Đừng lầm rằng đây là những dòng văn đơn giản, viết dễ dàng. Sự dễ dàng này chính là một cuộc thử nghiệm không đơn giản, tựa như những đường cong arabesques của Matisse trong những bức La danse. Đó là sự đơn giản tìm tòi sòng rã hàng năm, hàng nhiều năm, bằng cách vẽ đi, vẽ lại trên nhiều bản phác thảo. Đó là sự vụng về toan tính. Đó là những sơ hở cố tình chỗ này để lấp đầy chỗ khác: một tổng thể đơn giản nhưng cực kỳ phức âm. Đó chính là sự đơn giản trong văn chương mà Trang Tử khơi nguồn như mẫu mực nghệ thuật.

Đọc **Ô Mai** của Đặng Đình Hưng, chúng ta có cảm tưởng trở thành trẻ con, chưa biết gì về những cái gọi là "sự đời", kể cả những tầm thường nhất như *"cái thèm"* chẳng hạn. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, con người có bao lần thèm trong đời? Nhưng hiểu cái thèm ấy đến độ bóc trần tới xương tủy, giải phẫu nó, phân chất nó, thì chỉ ngòi bút của Đặng Đình Hưng mới đi đến kiệt cùng.

Về nhân dáng cái thèm, nhà thơ dùng ẩn dụ "ô mai" để nhận diện, để chụp ảnh. Khó có chân dung nào thay thế và đồ đúc chữ thèm khéo và giống bằng **Ô Mai.** *"Ô Mai em"*, *"em Ô Mai anh"*, những hình ảnh vô cùng đẹp, vô cùng kín đáo, vô cùng quyến rũ, đắm say và nồng nàn. Ô Mai, ngọt bùi, chua, mặn, là *"sức nặng ghê gớm của tình yêu, vị cuối của tình đời"*. Và cũng chính **Ô Mai** đa mang sự sống, **Ô Mai** là cái dạ dày, là trái tim, là cơ nguyên, cơ năng, cơ quan tác thành và dinh dưỡng con người:

"Nếm cả một cái chợ không fải chuyện dễ. Fải có một động cơ

cực mạnh: Thèm.
Có thèm mới ăn được. Kiểu nhà thơ, người ta ăn tái
ăn tái bình minh
ăn tái buổi chiều
ăn (ràu rạu) cả mặt trời
...
Anh cảm thấy bất lực. Không phải thiếu thèm. Ngược lại, thèm cứ chồm. Mênh mông! Không điều khiển được. Chợt thu gọn lại một thèm bé- bé da diết: một mùi hương tóc.
Tóc cả thảy bẩy loại: ngắn - dài vai - tóc óng chanh bồ kết - tóc mồ hôi nức nở (vuốt cho em) - tóc đêm nhòe dưới vòm đèn
Hương trời tóc thở tóc- jật mình! hương người.

....

Có người bảo đây là cơn thể ngiệm số 7. Thực ra, anh không đặt tên, đánh số [...]. Không đánh số được cái thèm.
Kể từ buổi một dúm nguyên âm ă ắ ra đi, chưa bao jờ anh thấy fức tạp hơn cái cơn thể ngiệm này - cơn thèm. Thèm tổng hợp, dóng cục, đem cắt ra bằng các fích tự vị, không được [...]. Mà thú vị, thèm đi, thèm lại. Một cực thèm có thể tới ba lần. Có khi hàng ngày. Điểm cao của thèm có khi chụm lại tất cả các thứ thèm: ăn, nghe, nhìn, ngắm.
....
Anh lại phải ra chợ.
Không như trước ngồi ngắm suông ở một quán, mà sà xuống cụ thể như mọi người: ăn - gắp - xin tí tương dấm. Ăn trực tiếp xách lên tay một con cá chép, mở cái mang ra xem có hồng tươi. Lên tay một tảng thịt. Nghe trọng lượng. Đi duyệt một lượt các mẹt gan - tim - bù dục - chân jò - thủ - lòng tràng. [...]
Nhưng dẹp nhất vẫn là gạo. Gạo có khuôn mặt hiền. Đố thấy một mảy may ác ý. [...]. Anh đi duyệt một lượt - có khi hai lượt - các loại: tẻ - nếp- trắng - đỏ (may ra còn đỏ lốc). Nói riêng về nếp, với cái mùa chớm sương, chỉ nom hình một hạt nếp là đã thấy sữa và hương trời. [...]
Nhìn anh loay hoay [...]. Từ một quả bầu - dài mặt - đến con kiến - tha fương. Từ một bóng gà xa đi vào bụi thẩm tới những vệt bước chân đi quên bên một sườn đồi. Từ một cựa mình gối bé đến bóng đôi đi trên bãi biển xa vời....

Trái với quy ước tạo hình thông thường trong thơ cổ điển: bằng phép tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, bằng phép tỉnh lược ngôn từ để làm nhòa ý, phiếm định câu thơ, nhà khoa học Đặng Đình Hưng ngược lại, tạo những hình ảnh rõ, sắc, nét, in sâu vào tâm cảm người đọc, rồi bỏ lửng, chém treo ngành, tạo

khoảng trống. Chính những *khoảng trống ấy,* nhân chéo hình tượng, gây ấn tượng mới. Sự phức âm trong thơ Đặng Đình Hưng được hình thành bằng cách nhân chéo những lời lấp lửng với khoảng trống. Nói cách khác, bằng sự giao thoa giữa trống và đầy, giữa không và có.

Từ một động tác hoặc một trạng thái tầm thường và thường xuyên của con người (như thèm), nhà thơ đào sâu, mở rộng và nâng cao mãi ra bằng những hình ảnh, bằng âm thanh, bằng nhạc tính, bằng màu sắc, bằng cụ thể hóa, bằng trừu tượng hóa, ... để đi tới những mối tương quan với các động tác và các trạng thái khác. Rồi từ những động tác và các trạng thái phụ trội ấy, lại nẩy sinh những hình ảnh khác, trong những môi trường khác: Từ thèm sang tóc, từ tóc sang hương, từ gạo sang ... bước chân đi quên bên sườn đồi...v.v.

Do đó mà từ cái "thèm" đơn mỏng và nhạt nhẽo của một ký hiệu ngôn ngữ, nhà thơ đã cụ thể hóa (thèm đóng cục) và trừu tượng hóa (thèm tổng hợp), nhân cách hóa (ăn trực tiếp, nghe trọng lượng, ...) đã sống với nó triền miên, biết rõ tâm khảm và bệnh lý của nó, từ đó nhà thơ xây dựng nên một "nhân vật" với những vật vã thể xác và tâm linh, với những toan tính dự trù, lo âu, phiền muộn. Thèm không còn là một ký hiệu ngôn ngữ, một trạng thái sinh lý nữa, thèm chi phối não trạng và tâm linh con người, thèm trở thành bạn đồng hành trong đời sống, thèm chính là sống, là sự thèm sống, thèm yêu, thèm giao lưu, thèm ăn, thèm ở... Thèm là sức sống của con người đẩy đến tận cùng, dứt điểm.

Nhà thơ xử lý như vậy không riêng gì với cái thèm mà với những ký hiệu khác của ngôn ngữ. Nhìn ảnh, nhà thơ hỏi tội thời gian:

> *"Ảnh. Thuốc long ra. Những khuôn mặt chập lại. Fải nhẹ tay bóc ra. Lâu chưa? Không mở ra mà nhìn [...]. Thời jan ăn cả đá và sắt ... Chả cứ người - nhan sắc và công danh".*

Dưới mắt nhà thơ, cô đơn, trần trụi và gọn gàng:

> *"Cô đơn, tôi về tôi - ông về ông. Tiện!"*

Để vẽ một con phố, ông cũng chỉ cần dăm ba nét phác:

> *"Phố: Những dòng đi, lúc đậm, lúc nhạt,*
> *vội - vướng - tránh xe nhau."*

mà chỉ những người đã sống với phố, đã ở trong phố, đã thuộc lòng tâm hồn phố, mới vẽ được như thế.

Và đây là cuộc đối thoại giữa hai *cô đơn:*

> *- jó! jó! em phong phanh không lạnh?*

- lạnh sao! ngồi bên lửa anh.
- lửa vòm tóc em - lửa mùa hương một - hương chanh- hương bàn tay hương sớm - ôi bàn tay em trắng
- áo lấm anh ơi, khỏa vào chậu trắng - về anh
...
tặng em cốc lửa ban đầu - ước mơ tặng người mơ lên môi cùng uống lửa - uống mùa hương vị ấy ngây ngây ngày chớm lửa - lửa bồi hồi biết lửa - lửa bùng quên - bùng bốc cháy - xoay vần"

Chúng ta tìm thấy đốm lửa Bachelard nơi đây: Tình yêu là giả thuyết khoa học đầu tiên về sự hình thành lửa: Lửa là sản phẩm của sự cọ sát giữa hai thân. Trước khi là con của Thượng Đế, lửa là bào thai của tình yêu, phát xuất tự con người. Tình yêu là đốm lửa truyền đi và đốm lửa chính là tình yêu tình cờ bắt gặp. Với Đặng Đình Hưng trong cuộc sống cách ly tuyệt đối, tình yêu vừa là biến thể của cô đơn, vừa là sự giao lưu giữa *con người* và *cái bóng* của chính mình. Tình yêu ở đây thể hiện như một ngộ giác: Người yêu là sản phẩm của chính mình, của tác dụng xúc giác giữa mình với *không khí, đồ vật, tường, buồng, ...* và cuộc thám hiểm ấy đưa nhà thơ tới cơn thể nghiệm cuối cùng: *"thôi thèm"* mà Đặng Đình Hưng gọi là *"đồng xu cuối"*, nói chữ là *"thế chân tường"*, tức là đã đạt được trình độ *siêu hầm* :

"Thôi nghe - nhìn - nếm - ngửi
....
Chui lên khỏi hầm, ngồi đối diện với người đời sống động, mà anh vẫn thấy cách li như thể ngồi trong một cái lồng trong suốt bằng không khí, việc người, người làm, việc mình, mình làm. [...]Người đời thấy buồn cười - không chấp - người ta quen dần đi, rồi quên."

Trạng thái *"thôi thèm"* dấn nhà thơ vào vùng trời khác: vùng trời vô cảm giác, đoạn tuyệt với giao lưu, vùng trời cô đơn tuyệt đối mà cũng đau xót vô vàn:

mưa cả bốn mùa
lại bốn mùa đi
một hầm
một bóng

Cả một thế hệ Nhân văn, những Văn Cao, những Đặng Đình Hưng, những Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán ... đã bị sa thải, bỏ quên đi như thế: *một hầm, một bóng*, với những cái *"vali đựng các cơn thể ngiệm buộc từng chồng, fân loại đánh số và những thể ngiệm dở dang (non) quàn lại ... Cái đống hiện*

thân một mảng đời dài. Một cuộc tổng tảo mộ ... Một thể ngiệm xong, vào vali. Tiếp một thể ngiệm, lại vào vali. Thế thì hết đời. Jời đầy...

tàn xuân...
tàn thu...
lại tàn thu...

Từ kiếp *jời đầy* bắt nguồn sự phủ nhận: phủ nhận văn chương, phủ nhận khuôn sáo, gò ép vần điệu, phủ nhận mẫu tự cổ điển, phủ nhận khoa ngôn lộng ngữ, và cũng từ đây nẩy sinh một nghệ thuật mới: thi pháp Đặng Đình Hưng. Trong **Bến Lạ** và **Ô Mai**.

Nếu **Bến Lạ** mang ám ảnh tù tội của chữ đi - *cứ đến I tôi nhớ lộn về* - , thì **Ô Mai** dang tay mở rộng, vẽ nên hình hài, não trạng của *chữ thèm* kèm theo định mệnh *jan truân, jời đầy* của những con người trên trái đất, vì ngòi bút, vì nghệ thuật, vì nhân cách của mình mà phải ... xuống hầm, *siêu hầm* ... trong suốt cuộc đời.

Hôm nay nhà thơ đã đi xa, mang theo *thể nghiệm* của mình trong vali, về *bến lạ*. Ngày tiễn đưa:

"Hôm ấy, trời se se - mùa chuyển, anh thấy người gai gai khó nói - như man mác - như mây trôi - lại như trống trải cô li - như tiếng gọi mùa:
Xuân hạ thu đông
đi jữa mùa em jó lộng
thu cùng.
....

Vĩnh biệt nhà thơ, nhà thơ đi vào mùa, vào mưa, vào nắng, vào không gian, vào thời gian, vào vũ trụ, vào cỏ, cây, mây, gió, vào vạn vật, vào tình yêu... và như thế, người đã rời xa cõi vo ve trần thế để bước vào vĩnh cửu.

THỤY KHUÊ
2/95

---

1. Đặng Đình Hưng, **Bến Lạ**, Nhà xuất bản Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

2. Về phần lý thuyết thơ, năm 1941, nhóm **Xuân Thu Nhã Tập** vẽ một vòng tròn để biểu dương lập thuyết sau đây:

Đạo là căn bản phát sinh ra *Âm-Dương* trong vạn vật. Nhà thơ khi sáng tạo, hòa mình với vạn vật, và chỉ trong cõi tạo vật huyền đồng mới có thể có *Rung động*. Mọi *Rung động* thể hiện nên *Thơ*. Do đó *Thơ* là con đường dẫn đến *Đạo* và *Đạo* lại nẩy sinh ra *Âm-Dương*. Quỹ đạo tròn ấy là vòng tương sinh trong **Xuân Thu Nhã Tập**.



HUỲNH MẠNH TIÊN

bỏ bè

Đờn kìm đỏng đảnh đờn kìm
Khóa Sol. Khe một chết chìm nốt Fa

tri tri

Nhị hồ tri kỷ tỳ bà
Đôi ta tri đắc ta bà có nhau

trùng trùng

Đàn tam lơi lả đàn tranh
Mười chín dây cột em anh chập chồng

nhập nội

Sáo kia mà nhập độc huyền
Ta mình nhập thất niết truyền bát âm

độc đắc

Độc huyền độc nhất một dây
Em nghiêng nõi nụ chân mây anh vào

HUỲNH MẠNH TIÊN
(Thiền Thi Thập Tứ Tự, 1995)



NGUYỄN QUÂN

liên tưởng thị giác trong thơ



Là một người vẽ mà lại yêu thơ, khi đọc, liên tưởng của tôi trước hết là liên tưởng của con mắt. Cái chúng ta quen gọi là hình ảnh, hình tượng thơ... với tôi trước hết là cái có thể nhìn thấy trong đầu, khi đọc thơ. Song chẳng với riêng ai, liên tưởng thị giác vẫn là quan trọng nhất trong mọi thứ liên tưởng, bởi hai lý do: Một là con mắt ta có khả năng thẩm nhận ngoại giới lớn nhất, lớn hơn rất nhiều so với các giác quan khác, kinh nghiệm thị giác, ký ức thị giác cũng sâu, rộng, mạnh mẽ, và nhạy (nghĩa là dễ gợi lại, sống lại) hơn ở bộ nhớ mùi vị, âm thanh hay cảm giác xúc giác. Hai là các biểu hiện thị giác có khả năng diễn đạt, biểu cảm và cả luận lý nữa, rất cao. Thị giác đứng đầu trong ngũ quan, bao trùm các xúc cảm và lại kế cận với ngôn ngữ (với tư cách là vỏ trực tiếp của tư duy). *Tư duy thị giác, ngôn ngữ thị giác* không phải là chữ dùng cho hay mà là khái niệm có nội dung khoa học nghiêm túc. Bằng các ký hiệu tín hiệu thị giác (màu, hình, nét...) ta có thể suy lý, có thể *phán đoán.*

Thông tin thị giác không chỉ là cách nói mà nó được ứng dụng rộng rãi từ thượng cổ, tới các lĩnh vực khoa học kỹ thuật tối tân nhất ngày nay. Ai cũng có *một lịch sử, một số phận, một đời sống thị giác* của mình, *một cách nhìn* của mình. Con mắt vì vậy không chỉ là một "cửa sổ" của tâm hồn, mà nó còn quyết định làm nên nhân cách mỗi người.

Trở lại thơ. Có lần tôi hỏi anh Hoàng Trung Thông về một chữ "hồng" trong hai câu sau của Lục Du:

Thương tâm kiều hạ xuân ba lục
Tằng thị kinh hồng chiếu ảnh lai...

(Thương cho sóng xuân màu lục dưới cầu, đã từng phản chiếu bóng hồng ngày xưa)

Hồng ở đây là tà áo người đàn bà, là tượng trưng cho cái đẹp hay là con chim hồng? Anh Hoàng Trung Thông bảo hồng, là hồng, là phải có màu hồng. Tôi hỏi, vì trước đó có đọc một bản dịch dịch cái chữ *lục* thành ra một màu *lơ* biếc gì đó. Và tôi thấy bài thơ xấu hẳn đi. Lục Du để một chấm đỏ chói trong nền *lục* sẫm của nước hồ có bóng cây rậm rạp. Đỏ trong lục, hai màu đối lập nhau 180 độ trên vòng tròn màu. Đỏ chói lên, nhức nhói, nhiều sức nóng như ánh lửa trong rừng sâu. Nó là cái nỗi nhớ day dứt, nung ủ, đau đớn trong lòng nhà thơ với mối tình "tứ thập niên". Lại nhớ bài *Cuộc chia ly màu đỏ* của Nguyễn Mỹ. Cái áo đỏ trong vườn cây xanh ấy cứ mãi mãi theo đi, cứ còn nguyên không giảm độ chói của màu. "Cái màu đỏ như cái màu đỏ ấy".

Tôi thích **Kiều** của Nguyễn Du và **Chinh Phụ Ngâm** của Đoàn Thị Điểm. Tại sao chuyện khuê phòng của một phu nhân phong kiến mà **Chinh Phụ Ngâm** lại có màu sắc dân gian hơn. Còn chuyện đời phồn tạp lênh đênh của Kiều lại lúc nào cũng có màu sắc quí sang, bác học hơn? Đây là nói màu sắc của ngôn ngữ. Thầy dạy văn lớp 9 của tôi có giảng hai câu:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

và hai câu

Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời

Ông nói về tài mô tả tâm lý. Cô Kiều dự cảm, e ấp, đã biết chàng Kim là ai đâu nên cái nhìn của cô êm ả, lờ mờ, bảng lảng, nhẹ nhàng. Còn người vợ với bao tình nghĩa phải nhìn thẳng vào chồng, người chồng nổi bật lên, chiếm toàn bộ "trường nhìn" của đôi mắt vợ. Còn tôi tự hỏi màu nào làm nên tâm lý đó? Tuyết *trắng*, ngựa *trắng*, hai độ trắng khác nhau, *in* lồng vào nhau. Cỏ xanh non, áo xanh lục với các độ và sắc *lục lơ* khác nhau. Gam màu "lạnh", đối lập về màu không có, vì trắng là độ sáng chứ không phải màu. Trong ba màu cơ bản (lơ, đỏ, vàng) thì lơ là nhẹ và xa nhất. Mọi vật lại nhòa vào nhau hkông có ranh giới, cái nọ *in* vào cái kia, màu này *pha* vào màu khác. Hệt một bức tranh của phái Ấn tượng bên Pháp cuối thế kỷ trước, nơi ánh sáng làm màu tan vỡ ra, làm nhòe đi cả khối và nét. (Một bức tranh ấn tượng đặc trưng nữa trong **Kiều** là "*Long lanh* đáy nước *in trời* / Thành *xây* khói biếc non *phơi* bóng vàng". Hóa ra các thủ pháp tạo hình, màu, nét và cả không gian cứ chạy về xa phía chân trời trong hai câu **Kiều** đã gây ra tâm lý phức tạp, đẹp và nhẹ, khó nắm bắt của sớm Xuân kỳ ngộ, để sau này trở thành định mệnh cô Kiều. Còn ở hai câu **Chinh Phụ** thì: toàn bộ bức tranh chỉ có hai màu trắng đỏ. Đỏ là màu mạnh nhất nổi lên, gần lại mắt, trên nền trắng nó chỉ phát huy thêm

sức nóng và gần. Ở đây màu phẳng đều không thay đổi độ và sắc. Chỉ có một màu đỏ như ráng chiều chói và buồn vô hạn, chỉ một màu trắng đều như tuyết lạnh. Đường viền tách bạch hai màu, không pha trộn làm nhòe đi bớt ánh sáng. Tranh dân gian Đông Hồ cũng thế: nét đậm đen làm thành biên giới không thể xâm phạm cho các màu gốc như đỏ da cam, vàng, lục, chàm... Đơn giản, khúc chiết và sâu sắc phải chăng là phẩm chất tinh quí của ngôn ngữ bình dân? Nhớ lại câu ca dao "*Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng*". "*Ngoài* đầu cầu nước trong*như lọc*" là một câu khác trong **Chinh phụ ngâm**. Nước trong có tính chất vật lý có thể cầm nắm được chứ không phải là ảo giác như "*đáy nước in trời*" hay "*cỏ áy bóng tà*" trong **Kiều**. Độ trong đến phi thị giác này làm tôi nhớ đến Tú Xương - một nhà thơ tôi yêu mến nhất - với bài thơ tình mà tôi cho vào loại hay nhất, trong đó có hai câu:

Ước gì ta hóa ra dưa
Để cho người rửa nước mưa chậu đồng

Ánh sáng, độ tinh khiết và sung sướng viên mãn, lộng lẫy mà giản dị của *nước mưa chậu đồng* cho cảm giác tắm gội, thanh tân hóa, làm sạch, làm sướng của tình yêu.

Đó là cách dùng màu và ánh sáng trong hội họa Vermer - mà những bức tranh thiếu nữ trong nội thất Hà Lan thế kỷ 17 của ông vẫn được coi là những viên ngọc của lịch sử hội họa Âu châu. Đã có lần tôi thống kê các từ màu và tầng số dùng các màu này trong **Chinh phụ ngâm** và **Kiều**. Thì kết quả khá lạ: bà Đoàn Thị Điểm dùng nhiều từ chỉ màu hơn (11 hay 12 gì đó). Còn Nguyễn Du dùng ít hơn, 8 từ chỉ màu. Song trong mấy trăm câu **Chinh phụ ngâm** màu luôn đứng một mình, là màu nguyên không pha. Bà không dùng tính từ, trạng từ để tả sắc và ánh sáng của màu. Xanh là xanh: Thấy*xanh xanh* biếc mấy ngàn dâu / Ngàn dâu *xanh biếc* một màu". Trắng ra trắng. "Mặt chinh phụ trăng rõi rõi soi". Trắng đến ghê rợn. Ngược lại, Tiên Điền không khi nào dùng màu nguyên. Bảng màu của cụ luôn được pha trộn nhiều màu cùng gam, nhiều sắc độ và ánh sáng ở cả những khi nhân vật của cụ bình tĩnh nhất. Tính từ và trạng từ bổ túc cho từ chỉ màu rất chăm chỉ, rất tế nhị. Sự hòa màu của Nguyễn Du giống như sự hòa thanh của âm nhạc, phức điệu trong cả một dàn nhạc (Cả khi không có màu cũng vậy). Trắng *phau* cầu giá *đen rầm* ngàn mây", "Đầu dường lửa lựu *lập lòe* đâm bông". "Nhặt thưa trăng soi bóng cành" / Thoáng trông *nhờn nhợt* màu da" v.v. và v.v...

Có lẽ hệ thống sắc độ ánh sáng của các tính từ và trạng từ chỉ màu này cùng hệ lớn của cách diễn tả hình khối, cảm giác về âm thanh, mùi vị hay xúc giác trong **Truyện Kiều**, phù hợp với lối phân tích tâm lý đa chiều của cuốn tiểu thuyết này chăng? Gió *hiu hiu* thổi, *gió giục* mây *vần*, cành xuân *la đà*, sen vàng *lãng đãng* như *gần* như *xa* v.v và v.v... Về mặt này Tú Xương cũng rất xuất sắc, làm cho thơ ông cứ hiện mồn một "*chí cha chí chát* khua giày dép / đen *thủi* đen *thui* cũng lượt là". Tôi có cảm tưởng rằng, nói chung, các nhà

thơ lãng mạn chủ nghĩa cũng thích tạo các hình ảnh thị giác có màu pha trộn với nhiều độ ánh sáng như vậy.

Con mắt có cảm nhận sâu sắc về nét và mảng. Thơ cũng gây ra nhiều liên tưởng của đường nét. Tính đồ họa của hình ảnh thơ cũng rất quan trọng và hấp dẫn. Nguyễn Du rất có lý về mặt đồ họa khi ông nói: cây liễu trong cơn bão có vẻ đẹp ghê gớm, với những nét mảnh và sắc, đứt và liền, thẳng và cong vặn về nhiều hướng trong không gian. Điệu bộ cử chỉ các nhân vật trong **Truyện Kiều** vẫn được ngợi ca là tinh vi, chuẩn xác, tế nhị. Chúng gợi liên tưởng về nét rất sâu sắc. Sở Khanh thì *lẻn vào*, lẩm nhẩm gật đầu, Mã Giám Sinh thì *ngồi tót*, chàng Kim thì *khi tựa gối khi cúi đầu*. Còn Từ Hải thì nét ngang nét sổ rõ ràng, cả khuôn hình chiếm chật mặt tranh, khung cửa, rõ ràng, mạch lạc ngay từ đầu: "Râu hùm hàm én mày ngài / Vai năm tất rộng thân mười thước cao". Đặc biệt ở ca dao lối gợi hình bằng nét mảng trong ngôn ngữ thật hay, "Cây ngô đồng cành *cao* cành *thấp* / Lá ngô đồng lá *dọc* là *ngang*", chỉ nét thôi, đủ vẽ cho ta thấy cái tâm trạng "từ ngày anh gặp mặt nàng / Lòng càng *ngao ngán* dạ càng *ngẩn ngơ*", "Con mắt em sắc như là cao cau, miệng cười như thể hoa ngâu, cái khăn đội đầu như thể hoa sen", "Để anh mua gạch Bát Tràng về xây / xây *dọc* rồi lại xây *ngang* / Xây hồ *bán nguyệt* cho nàng rửa chân", "Gió đập cành *tre*, gió đập cành *tre* / con *thuyền* anh vẫn *le te* đợi nàng"...

Ở rất nhiều bài thơ của Hồ Xuân Hương, hình ảnh thị giác hiện ra không màu nhưng rõ nét. Nhiều bài thơ Đường cho ta cảm giác như một bức tranh sơn thủy chỉ dùng các sắc đen. "Chúng điểu cao phi tận / Cô vân độc khứ nhàn" (đàn chim bay mất hút trên cao, đám mây cô đơn nhàn bay đi). Đàn chim như những chấm đen nhỏ dần ở mãi trên mép tranh - đám mây nhàn lửng thửng trôi. "Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia" - vài mái nhà trong cả tầm nhìn hút mắt với các vệt đen loạn xạ không chiều hướng trong vườn nhà Lương: "Lương viên nhật mộ loạn phi nha". Ở những bài thơ chuẩn mực theo kiểu "thi trung hữu họa" (lời bàn về thơ về họa của Vương Duy) ta thấy rõ liên tưởng bao trùm thị giác chính là *liên tưởng về không gian*. Vương Duy là một trong những nhà thơ và họa sĩ tài cao, danh tiếng nhất thời Đường, đã ví mắt người đàn bà với nước mùa thu và lông mày nàng như núi mùa xuân. Nước mùa thu trong và lặng, trời mùa thu cao nên nước sâu. Trên mặt nước sâu lặng đó tất cả có thể soi bóng, và ngược lại, mỗi hơi gợn "thu ba" vi tế nhất đều phát lộ (Nhớ bài *Ao thu* của Nguyễn Khuyến). Núi mùa xuân thì ở xa tít vẫn rất rõ nét, do có sương có khói nước mà chỗ ẩn chỗ hiện thật sinh động. Khoảng trống trong tranh Đường Tống vẫn được ca ngợi như nơi tàng ẩn những suy lý sâu xa và rung cảm vi tế - Ở thơ, cái "ý tại ngôn ngoại", cái từ rộng lớn bất ngờ nhiều khi ở cách tổ chức không gian của hình ảnh trong liên tưởng thị giác. Xa và gần, cao và thấp, thực và hư, điểm xuyết và toàn cục. Xin nêu ra đây vài thí dụ: "Xuân sắc *mãn viên* quan bất tín / *Nhất chi hồng hạnh* xuất tường khai" (sắc xuân tràn ngập toàn bộ khu vườn, cổng không khóa nổi, một cành hồng hạnh vọt ra ở ngoài tường). Toàn cảnh là cái

gì khó nắm bắt - sắc xuân, bao trùm mà không ở trong câu thơ. Cái chi tiết làm rung động tất cả là cành hoa nhỏ mà hương như lan tỏa khắp mặt tranh. "Dương liễu giang đầu dương liễu xuân / Dương hoa sầu sắc độ giang nhân / Sổ thanh phong địch lý tình vãn / Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần". Một vài cây dương liễu đầu sông, dăm tiếng sáo sắc mảnh như nét mưa rơi, như nét dao khắc - gợi nên cái cảm hoài run rẩy trong cái mênh mông, hoành tráng của vô định. Lý Bạch xuất sắc nhất trong việc tạo không gian vừa rất chủ định, cụ thể, vừa rất vô định. "Thanh sơn hoành bắc quách / Bạch thủy nhiễu đông thành / Thử địa nhất vi biệt / Cô bồng vạn lý chinh" (Núi xanh dăng ngang ải bắc, nước trắng vây nhiễu thành phía đông, nơi này là chốn ta chia ly, ngọn cỏ bồng cô đơn trên đường vạn dặm) "Cô phàm viễn ảnh bích không tận / Duy kiến Trường giang thiên tế lưu" (Hình ảnh phía xa của cánh buồm cô đơn trong mây xanh vô tận, chỉ thấy một dòng Trường gian chảy ngang trời). "Bất hướng Đông Sơn cửu / Tường vi kỷ độ hoa / Bạch vân hoàn tụ tán / Minh nguyệt lạc thùy gia" (Lâu không trở lại Đông Sơn cũ, hỏi tường vi đã nở mấy lần, mây trắng cứ tụ lại tan, trăng sáng hôm nay rơi vào nhà ai). Núi xanh chạy ngang phía bắc rồi lại đến nước trắng ở phía đông, không gian đó ở đâu? Giữa không gian đó là cái gì? - là nơi chia ly, ngọn cỏ bồng cơ đơn, rõ từng sợi một trong cái vạn dặm đường xa. Cánh buồm cô đơn - vẫn rõ ảnh hình trong màu xanh không bao giờ chấm dứt, và dòng sông chảy ngang trời theo viễn cận từ trên cao vừa phải mà phóng tầm mắt ra xa. Đúng luật "Dục cùng thiên lý mục / Cánh thướng nhất tằng lâu". Tất cả là chấm phá, là điểm vào các huyệt quan trọng làm cho toàn cơ thể không gian rung động lên. Đang nói về quê cũ Đông Sơn lâu không về, bỗng đến bông tường vi cụ thể nhỏ bé có màu sắc. Mây trắng vô định và ánh trăng vô hạn giới lại *rơi* cụ thể vào nhà ai cụ thể.

Nguyễn Du cũng có những không gian đột ngột như vậy: "Nách tường bông liễu bay sang láng giềng". Cái tường cụ thể có hình, bông liễu bay chéo phất phơ - sang láng giềng thì tự nhiên khó xác định như tấm lòng bâng khuâng không rõ cả ý chính mình. "Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường" có cả một không gian liền mạch từ khuê phòng ra tới chân trời. Cận và viễn cảnh được mô tả, còn trung cảnh cũng đầy ánh trăng tuy được bỏ trống. Ngược lại "đầu cành quyên nhặt, cuối trời nhạn thưa" là chấm phá tiền và hậu cảnh còn trung cảnh bị cúp đi, đưa không gian ngang lên một mặt phẳng đứng.

Khó có thể phân tích máy móc các liên tưởng thị giác, các yếu tố của hình ảnh thị giác xảy ra trong đầu người đọc khi ngâm thơ. Song chắc chắn có một không gian thị giác do bài thơ làm ra. Ở đó màu, nét, chuyển động, ánh sáng... có vai trò xúc cảm và nhận thức thế giới của nó. Thi trung hữu họa - nghĩa là thơ có họa mà họa theo kiểu Vương Duy, tức là chấm phá, là gợi mở, là tạo không gian, chứ không phải mô tả. Rõ ràng các bài thơ tả cảnh, các đoạn thơ lạm dụng màu sắc, đường nét... định làm việc thay tranh là thất bại, là thô thiển và nhàm chán. Ngược lại, thơ không cho hoặc khó cho một liên tưởng thị giác cũng có cái nghèo nàn, ít xúc cảm. Tôi muốn nói rằng nhà thơ cần

xúc cảm thị giác rất vi tế (không thế mà nhiều nhà thơ đã là những người tâm đắc nhất của các họa sĩ mọi thời) và người đọc thơ cũng cần con mắt hội họa, cần huy động các liên tưởng thị giác từ kinh nghiêm, từ bộ nhớ thị giác rất phong phú của mình.

Cuối cùng, để cho tròn bài, tôi xin đề cập một khía cạnh nữa liên quan đến liên tưởng thị giác của thơ, đó là vỏ âm thanh thuần túy của từ ngữ. Rõ ràng các câu thơ khó dịch nhất là những câu thơ mà vỏ âm thanh trong nguyên bản ngôn ngữ đã thống nhất làm một với ngữ nghĩa - hay đúng hơn là ngữ nghĩa nằm ở vỏ âm thanh của hệ thống ngữ âm. Liên tưởng thơ - trong đó có liên tưởng thị giác do vậy gắn chặt với vỏ âm thanh. Dịch thế nào các chữ "*chí cha chí chát*, đen *thui* đen *thui* " của Tú Xương? Dịch thế nào các âm *eo* trong "ao thu lạnh lẽo nước trong *veo* / Một chiếc thuyền con bé *tẻo teo*"?. Cái trong nằm mở âm *eo* - trong mà nhẹ tưởng như mỏng, cái bé cũng nằm ở âm *eo*, bé mà đung đưa, trôi nổi như cái lá, và cả hình nhòn nhọn của cái thuyền như cái lá tre cũng nằm ở trong âm *eo* đó. Hồ Xuân Hương xuất sắc nhất về mặt này với những chữ gợi hình bằng âm thanh rất đắt. "Hỏm hòm hom" là tròn tròn, méo méo, sâu sâu. "Đỏ lòm lom" là đỏ mà tối, sâu, lại ướt nữa. "U gối hạc", "khom lưng cật", bản thân âm *u, om* đã cong lại lồi lên lõm xuống rồi. Có khi cả một phong cảnh được tạo ra theo kiểu đó: "Đứng *chéo* trông *theo* cảnh hắt *heo* / Đường đi thiên *thẹo*, quán *cheo leo*". Tất cả nghiêng đổ, chông chênh, ngoắc nghéo, mỏng mảnh hiện ra ở âm *eo* với nhiều biến thể và nhịp điệu của nó. Bài *Dạ khúc của người lữ khách* nổi tiếng của Gớt cũng không thể dịch được vì liên tưởng thơ, tức dung lượng xúc cảm và suy tư được định hướng bởi cái âm *u, i* và phụ âm hơi *kh* được biến đổi, phát triển thống nhất với nhịp thơ. Không phải hoàn toàn tượng trưng nếu có nhà thơ Pháp gán cho mỗi âm vị, mỗi chữ cái một màu sắc (tất nhiên gán như vậy không tránh hkỏi vô lý và gán ghép). Quả thật âm thanh trong thơ có khả năng gây liên tưởng thị giác rõ rệt, nếu không làm sao khi nghe nhạc ta có thể "bịa" ra cho mình những hình ảnh trong đầu?

Tóm lại liên tưởng thị giác là một bộ phận quan trọng của liên tưởng thơ. Nó không hoàn toàn đơn giản như tôi thử trình bày trong bài này. Hơn nữa còn những khía cạnh liên tưởng thị giác mà tôi chưa nêu ví dụ - chẳng hạn con mắt có thể nhìn thấy mùi vị, nhìn thấy độ nhẵn hay nhám, sự nặng hay nhẹ, thăng bằng hay không thăng bằng... Chỉ chắc rằng không có con mắt tạo hình thì thiệt cho thơ khi sáng tác, và phí phạm thơ khi thưởng thức. *Con mắt tinh đời* quả là một phần sức sống của thơ.

NGUYỄN QUÂN



TRẦN NHO THÌN

nhớ lại một chặng đường



Từ năm 1977 khi chính thức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai khoa Ngữ Văn trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, phần văn học trung đại Việt Nam, tôi không ngừng suy nghĩ về một chi tiết nhỏ trong **Truyện Kiều**. Dù có hàng vạn trang viết về kiệt tác này, nhưng để nghiên cứu và giảng dạy, tôi vẫn phải bắt đầu bằng những chi tiết nhỏ như thế. Số là trong cuốn **Truyện Kiều chú giải** của Lê Văn Hòe, đọc tới câu thơ *"Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng*" và lời bình của soạn giả, tôi cảm thấy có gì đó chưa ổn trong cách hiểu của nhà Hán học này. Ai cũng nhớ, câu thơ trên tả một nàng Kiều đau khổ vì cảnh nhà và tình riêng, cực chẳng đã phải ra mắt Mã Giám Sinh để y xem mặt, định giá mua nàng. Có tiền mới cứu được cha và em đang bị giam cầm đánh đập. Nhưng còn mối tình dang dở cùng chàng Kim? Bởi thế mà nàng:

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng

Lê Văn Hòe có bình luận đại khái là khi đó nàng Kiều vô cùng đau khổ, bất hạnh, hỏi có gì đẹp mà Nguyễn Du dùng lời văn hoa mỹ như vậy? Nhưng nếu đứng từ góc độ Mã Giám Sinh thì cách tả như trên là rất đạt, nàng Kiều đã đẹp, trong nước mắt đau khổ lại càng đẹp, càng đáng giá. Nếu bạn đọc để ý thì dễ thấy chữ "hoa" được dùng như một phẩm từ, lại khá phổ biến trong "Truyện Kiều" và không phải bao giờ cũng xuất hiện với chức năng tả tâm trạng nhân vật. *"Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời", "Cửa sài vừa ngỏ then hoa", "Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về", "Cất mình qua ngọn tường hoa*" v.v... Kinh nghiệm cho thấy phải đặt một hiện tượng dù độc đáo đến mấy vào hệ thống thi pháp của các tác phẩm thì mới hiểu đúng thực chất của hiện tượng, tránh sự võ đoán, gán ghép chủ quan. Có một nhà phê bình có uy tín, lúc sinh

thời đã bình câu thơ: "*Sẵn thây vô chủ bên sông*" với nội dung là qua chữ "sẵn", Nguyễn Du muốn tố cáo tình trạng tội phạm của xã hội phong kiến đương thời, cái thuở mà ở đâu cũng sẵn thây người chết! Gần đây, với cái nhìn của thi pháp học, một nhà nghiên cứu trẻ phát hiện ra rằng chữ "sẵn" trong **Truyện Kiều** *thực ra có chức năng của một đạo cụ trong sân khấu tuồng chèo. "Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ", "Hiên sau treo sẵn cầm trăng", "Sẵn dao tay áo tức thì dở ra*" v.v... Nhà thơ cổ không bận tâm về nguồn gốc xuất xứ của các sự vật mà tập trung vào nhân vật, cũng như người xem sân khấu truyền thống không thắc mắc về việc cái quạt có lúc lại được dùng như một con ngựa.

Đối với từ "hoa" nói trên, phải loại trừ khả năng một nghệ sĩ lớn như Nguyễn Du vô tình hay không chắc tay bút trước nhân vật yêu mến của mình. Như người xưa từng nhận xét, nhà thơ viết **Truyện Kiều** tựa như có máu chảy ra trên đầu ngọn bút. **Truyện Kiều** là tiếng kêu đứt ruột về nỗi bất hạnh muôn thuở của những đấng tài hoa trong một xã hội chuyên chế. Phải giải thích hiện tượng "thềm hoa", "lệ hoa" theo một hướng khác. Tôi tham khảo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, tìm đọc các sách nhưng một sự giải đáp thỏa đáng vẫn phải chờ đợi.

Tôi nhớ đầu những năm 80, giáo sư Trần Đình Hựu bắt đầu công bố một loạt bài về Nho giáo và văn học nghệ thuật trên tạp chí *Nghiên Cứu Nghệ Thuật*. Đây là những bài viết rất mới mẻ về tư tưởng và về cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu văn học Trung đại Việt Nam nói riêng, xã hội Việt Nam nói chung. Văn học viết thời Trung đại và Cận đại là sáng tác phẩm của một loại hình nhà văn-trí thức đặc biệt mà chúng ta vẫn gọi là nhà Nho. Nhưng vì một số lý do, hàng chục năm ở miền Bắc, giới nghiên cứu tư tưởng và văn học hình như không được khuyến khích đi vào mảng đề tài Nho giáo. Thậm chí trên một số bài viết, một số giáo trình văn học những năm 70, khái niệm nhà Nho được các tác giả khéo léo thay bằng khái niệm "trí thức phong kiến", "sĩ phu yêu nước". Tất nhiên cũng có nhiều người nghiên cứu mà chưa kịp công bố kết quả nghiên cứu ở nước ngoài. Ví dụ Nguyễn Khắc Viện từ những năm 60 đã cho in ở Pháp những bài viết về đề tài "*Truyền thống và cách mạng*", về "*Khổng Giáo và chủ nghĩa Mác*" ở Việt Nam. Cái mới, đóng góp quan trọng của những bài viết của Trần Đình Hựu là ở chỗ ông đặt vấn đề nghiên cứu Nho giáo và nhà Nho một cách toàn diện, không chỉ nhìn nhà Nho từ góc độ giai cấp, xã hội và dân tộc mà còn từ góc độ thế giới quan, tư tưởng triết học, tư tưởng đạo đức thẩm mỹ. Nhà Nho không còn là đối tượng khen, chê đơn thuần mà là đối tượng nghiên cứu. Có lẽ đó là chỗ đặc sắc của ông, và ông đã chứng minh tính khả thủ của phương pháp này qua việc nghiên cứu rất thành công giai đoạn văn học giao thời 1900-1930.

Những trang viết có ý nghĩa gợi ý vô cùng quan trọng về phương pháp luận của giáo sư Hựu thôi thúc tôi tìm đọc nhiều hơn các công trình nghiên cứu của các học giả châu Âu về Nho giáo, về văn hóa, văn học Trung Quốc cổ đại. Ở Liên Xô (cũ) và châu Âu, có một số nhà Đông phương học đặc sắc. Tôi biết chính giáo sư Hựu cũng có chịu ảnh hưởng khá đậm của viện sĩ Con-

rát, tác giả công trình nổi tiếng **Phương Tây và phương Đông** đã từng được dịch ra tiếng Nhật. Trần Đình Hựu đã dịch hầu hết công trình này ra tiếng Việt làm tài liệu tham khảo cho thầy trò khoa Ngữ văn trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội.

Rất may mắn tôi được đọc công trình đặc sắc của một tiến sĩ người Nga về Trung Quốc học, Giáo sư Li-xê-vích. Cuốn sách xuất bản năm 1979 có nhan đề: **Tư tưởng văn học Trung Quốc**. Nhà nghiên cứu đã chọn một góc độ mới mẻ và hợp lý để nhìn văn học quá khứ của một nước phương Đông. Ông cho rằng không thể dùng bất cứ một thuật ngữ nào của các nền văn hóa khác (Nga, châu Âu...) để chuyển dịch một khái niệm cổ của Trung Quốc. Chỉ có thể dịch theo cách miêu tả, giải thích các khái niệm ấy. Phải có con mắt giải mã để tìm ra những "thông điệp" riêng của người xưa gửi lại qua những khái niệm rất tổng hợp. Đối với tôi đây là một cách tiếp cận rất quan trọng, giúp ta cảnh giác với sự trơn mòn của khái niệm. Người Việt Nam hiện đại coi những từ **đạo, đức, tâm, chí, khí** v.v... là những khái niệm quá quen thuộc, chẳng cần có sự phân tích nào cũng có thể hiểu. Kỳ thực đó chỉ là ảo giác. Một người Việt Nam không được trang bị kiến thức về triết học Trung Quốc cổ cũng không thể hiểu được những khái niệm trên. Tôi đã thử chứng minh điều này qua việc chỉ ra rằng hai khái niệm "đạo" trong "văn dĩ tải đạo" có nội dung rộng hơn khái niệm "đạo đức", tức là rộng hơn cách hiểu thông thường vẫn phổ biến cho tới nay trong giới nghiên cứu. Tôi cũng đã dùng một câu thơ của **Truyện Kiều** để thử xem sự hiểu biết của lớp trẻ ngày nay về triết học truyền thống đến đâu. Gần như 100% sinh viên các khóa được hỏi về khái niệm "gió đông" đều trả lời bình thản hùng hồn đó là ngọn gió mùa đông. Họ hầu như không biết gì về **gió đông** là **Đông phong**, tức là gió Xuân, cũng như nói **Kim phong** (gió vàng) là nói về gió mùa Thu. Thế hệ trẻ không biết rằng theo mô hình thế giới của triết học cổ, phương Đông ứng với hành Mộc, thuộc về mùa Xuân; phương tây ứng với hàng Kim, thuộc mùa Thu; phương Nam ứng với hành Hỏa, thuộc mùa Hạ; phương Bắc ứng với hành Thủy, thuộc mùa Đông. Không biết điều này thì khó có thể hiểu được những đoạn thơ "trông bốn bề" trong **Chinh phụ ngâm** hay **Truyện Kiều**. Nhân nói về **gió**, tôi rất thích cách giải mã của Lê-xi-vích về câu nói nổi tiếng của Mao Trạch Đông: "*Gió Đông thổi bạt gió Tây*". Theo ông dù vô tình hay hữu ý, ở câu nói trên có sự huy động một quan niệm triết học truyền thống. Gió Đông là gió Xuân chỉ về về sự sinh, tất yếu thắng gió Tây là gió Thu lạnh lẽo, tàn tạ. Câu nói đi vào nhận thức của nhân dân dễ dàng và vững chắc. Ta bỗng nhớ Nguyễn Đình Chiểu có lần viết về giặc Pháp xâm lăng như một thế lực phản động tiêu cực:

Trời đông mà gió tây qua
hai hơi ấm mát chẳng hòa được đâu

Tất nhiên, sự giải mã ở đây mang tính chất gi[illegible] văn hóa chứ không phải "giải mã" như trước ta một thời, khi mô[illegible]ghiên cứu giải mã thành phần giai cấp của các nhân vật **Truyê**[illegible] giải mã bài ca dao

"*Con cò mà đi ăn đêm...*" như là quan hệ nông dân địa chủ.

Cái nhìn "giải mã" những phần tử như "hoa", "gấm", "ngọc" v.v... trong **Truyện Kiều** rõ ràng là cần thiết để hiểu đúng thực chất vấn đề. Nhưng giải mã như thế nào? Trong khi loay hoay với câu hỏi trên thì tình cờ tôi đọc được một bài viết rất lý thú của Mác-tư-nốp. Bài viết có nhan đề: *Nhân cách nhà Nho và thiên nhiên* in trong tuyển tập các bài viết **Con người trong các học thuyết Trung Quốc truyền thống**. Trong bài viết này, nhà nghiên cứu đã gợi mở một hướng tìm tòi rất đặc sắc và cấp chìa khóa cho ai muốn đi sâu tìm hiểu về mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhà thơ trong văn thơ nhà Nho. Ở Việt Nam, cho tới nay, các nhà nghiên cứu vẫn thống nhất với nhau ở một điểm: các nhà thơ xưa **yêu thiên nhiên** (thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp). Thiên nhiên được mô tả để nói hộ tâm trạng con người (người buồn cảnh có vui đâu bao giờ). Viết về thiên nhiên, đi vào thiên nhiên là một cách bày tỏ thái độ sống của nhà Nho, quay lưng lại những xấu xa, bất công, tàn bạo của xã hội. Chỉ có tự nhiên mới chân chính, còn cái **nhân vi** là ngụy, là giả tạo. Kể đó cũng là những quan sát có lý, nhưng vẫn chưa giải đáp được một thắc mắc: Vậy thì tại sao thiên nhiên chỉ được mô tả gắn liền với cái tôi tác giả hoặc với nhân vật chính diện, tích cực, chứ không phải cho tất cả các loại nhân vật? Tại sao những phẩm từ, trang từ như từ "hoa", "gấm" chỉ được Nguyễn Du dành cho Kiều chứ không cho Hoạn Thư hoặc Tú Bà?

Mác-tư-nốp đã khái quát một luận điểm rất có ý nghĩa giúp giải đáp những băn khoăn trên. Ông cho rằng **thiên nhiên** trong mối quan hệ với nhà Nho đóng vai trò của nguồn gốc đã cung cấp cho nhà nho nhân cách. Nhà Nho hướng về thiên nhiên là một hành động mang tính triết học trước hết, sau đó mới là chính trị và thẩm mỹ: Hướng về cội nguồn. Trong các văn bản triết học và thi ca cổ, rất phổ biến cặp động từ **ngưỡng** và **phủ**. Mỗi khi có băn khoăn suy tư, nhà nho lại có một thao tác đã thành "quán tính" là ngưỡng phủ (ngửa trông trời, cúi nhìn đất):

Ơn vua chửa chút báo đền
Cúi trông hổ đất, ngửa lên thẹn trời
(Nguyễn Khuyến)

Rất tiếc là nhiều bản dịch thơ ở ta đã bỏ qua cặp từ này. Vì cội nguồn sinh ra nhân cách nhà Nho là vũ trụ, là trời và đất, và thiên nhiên trong văn thơ nhà Nho bao giờ cũng là một thứ thiên nhiên có kết cấu không gian đối lập theo luật âm dương, gồm hai thành phần trời/đất và các biến thể của cặp Trời/Đất: xa/gần, cao/thấp, trên/dưới...

Hàng động của thi nhân xưa cũng là một hành động trở về cội nguồn. Đất là bề rộng, trời là bề cao. Vì thế cá nhân xưa hay **phiếm du** lên núi non, đài tháp, hay trông bốn bể (tứ vọng). Theo cách nhìn này, tình yêu thiên nhiên, vẻ đẹp thiên nhiên trong thơ ca nhà Nho xưa có một chiều sâu triết học, mỹ học vô cùng. Thiên nhiên với nhà Nho trước hết là một phương tiện thể hiện nhân cách. Không có nhân cách thì không được đối diện với thiên nhiên. Các nhân vật phản diện ở bất cứ tác phẩm nào cũng không được mô tả trong quan

hệ với thiên nhiên. Văn học Việt Nam từ cổ chí kim rất thống nhất với nhau ở chỗ rất phong phú thiên nhiên, và cũng ở chỗ lấy thiên nhiên làm bối cảnh, làm nền cho hoạt động, tâm trạng của nhân vật chính diện, của cái tôi trữ tình. Đặt trong bối cảnh trên, có thể nói từ **hoa** với tư cách là một yếu tố thiên nhiên đi vào **Truyện Kiều** không phải chỉ để thực hiện một chức năng tu từ đơn giản, mà hàm chứa một ý nghĩa triết học - mỹ học. Nó là một cách "đánh dấu" nhân vật chính diện, nhân vật lý tưởng. Và Nguyễn Du luôn nhất quán với cách "đánh dấu" này. Ta nhớ Kim Trọng cũng được tả bằng một chất liệu thuần "thiên nhiên":

Tuyết in sắc ngựa câu dòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời...

Còn các nhân vật phản diện lại "đánh dấu" bằng những chất liệu thuần túy đời thường, có cảm giác như nhân vật của chủ nghĩa hiện thực. Mã Giám Sinh "quá niên trạc ngoại tứ tuần", mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao". Tú Bà "nhác trông nhờn nhợt màu da, ăn chi cao lớn đẫy đà làm sao".

Như vậy qua những tháng năm mầy mò tìm hiểu, tôi đã tìm ra cơ chế chi phối việc miêu tả thiên nhiên trong văn học nhà Nho. Nhưng kết quả không dừng lại ở đây, tôi chuyển sang lý giải cuộc thảo luận về chủ nghĩa hiện thực trong **Truyện Kiều** vốn được giới nghiên cứu quan tâm nhiều ở những năm 70. Dễ dàng thấy ngay rằng các nhân vật phản diện đã tạo nên ảo giác ở một số nhà nghiên cứu, khiến họ khẳng định có chủ nghĩa hiện thực ở tác phẩm này. Thực ra các nhân vật phản diện và các nhân vật chính diện chỉ là hai mặt của một quan niệm thẩm mỹ duy nhất của nhà Nho. Quan niệm về nhân cách của nhà Nho đã chi phối mạnh mẽ và sâu sắc đến sáng tác văn học. Trong đầu tôi đã dần dần hình thành ý tưởng cho một luận án văn học. Trong luận án này sẽ phải khảo sát toàn diện của quan niệm ảnh hưởng nhà Nho về nhân cách đến các cấp độ của một tác phẩm. Một sự khảo sát như thế sẽ giúp ta hiểu thêm nhiều vấn đề thi pháp văn học Trung đại Việt Nam, khắc phục xu hướng hiện đại hóa văn học cổ vốn còn phổ biến ở nước ta. Đường đến với **Truyện Kiều** có muôn ngả, tôi đã tìm ra con đường của mình. Vấn đề còn lại chỉ là công việc thuộc về kỹ thuật chuyên môn thuần túy.

Năm 1986, tôi được cử đi Liên Xô, đến Viện Đông Phương Học thuộc viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô. Và như người ta vẫn nói "có quí nhân phù trợ", tôi ngẫu nhiên được làm việc với Giáo sư Li-xê-vích. Năm 1987 tôi xin đi Lê-nin-grát, nơi Mác-tư-nốp làm việc tại phân viện của Viện Đông Phương Học. Năm 1989 tôi bảo vệ luận án phó tiến sĩ với đề tài "Ảnh hưởng của quan niệm về nhân cách đến sáng tác văn học" (qua trường hợp Nguyễn Du). Năm 1990 luận án được nhà xuất bản "Nauca" cho in thành chuyên luận bằng tiếng Nga.

Tôi rất tin rằng nếu ta kiên trì đi tìm một cái gì đó thì nhất định sẽ gặp được. Trong cuộc đời và trong nghệ thuật cũng thế.

TRẦN NHO THÌN
(Mátcơva 20,11,1992)



DU TỬ LÊ

tình yêu, trang ruột và, bìa sách

* gửi bb.trúc, t.bò, k.trường, pt.hải.

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
trong một câu thơ
thí dụ:........../........../........../........../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt mầu da
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân là những đôi nhiễm sắc thể
như con người
vẫn một trong/ hình dung/ tốt lành
thượng đế

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
trong nhiều câu thơ
thí dụ:........../........../........../........../
mời những người đọc tôi

hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt tuổi tác, giống tính
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
là vũ trụ tinh khôi
tất cả mọi người đều có quyền
tùy tiện đặt, để núi, sông/ cỏ, cây/ thiên nhiên/
thánh, thần/ ma, quỷ
tùy tiện chọn việc làm/ chỗ ở/ người tình/ cầu tiêu/
chim muông/ dã thú

rừng quá quất dầm, ngâm biển muối
sớm mai tro /ngấu/ giọt nhớ nhà

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
thí dụ:........../........../........../........../
trong bài thơ
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt cội nguồn, xuất xứ
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
là giải ngân hà
mỗi chúng ta
một black hole
hố chôn, dấu thẳm sâu, kín đáo nhất
mọi mơ ước, khát vọng tiền bạc/ địa vị/ tình yêu/ quyền lực

thậm chí ẩn ức sinh lý/ loạn luân/ bệnh hoạn...

không ai có quyền ngăn, cấm quý vị
điền tên tôi; và những lời nguyền rủa thô, bạo
vào khoảng trống (vừa đủ)
thí dụ: /đ. m. du tử lê/ và (vẫn thí dụ)/ nên xót thương y/
bởi ai cũng cần có cho mình một bà mẹ

chiếc nhau tôi chôn, xa
buồn hủi cùi cận, gần, quá đỗi

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash
trên vách xương, thớ thịt bài thơ
thí dụ:........../........../........../........../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt nghề, nghiệp
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
vốn tật nguyền
(mỗi bài thơ một mệnh hệ riêng
lăn xuôi triền lở, hẫng)

đôi kẻ dư thịt da
nhưng lại thiếu tấm lòng để hiểu
sống hay chết cũng chỉ là cách nói
điều đáng buồn: - bạn biết hổ ngươi?

tôi sẽ để rất nhiều khoảng trống
giữa hai gạch xéo/slash

tâm thất trái bài thơ
thí dụ:........../........../.........../........../
mời những người đọc tôi
hôm nay, ngày mai tham, dự
không phân, biệt lý lịch
chúng ta: đồng tác giả

bài thơ xuất hiện lần đầu
mượn trái tim anh em, bà con để, thở

thi ca tự thân
dị ứng mọi khoanh vùng
chỉ có thơ
hoặc không phải thơ
thi sĩ
hoặc lũ hề
(và đám ruồi bu
nhặng xị phèng, la, chiêng, trống)

hãy lánh xa bọn gọt đầu, nhổ răng văn học

tôi sẽ để khoảng trống duy nhất
giữa hai gạch xéo/slash
cho tình yêu ta
(câu thơ không cần viết ra)

chẳng thể có một câu thơ nào
máu huyết/ lớn lao hơn
câu thơ viết ngoài bìa cuốn sách
|quê hương|
ấp, ủ ta: trang ruột.

DU TỬ LÊ
San Jose, 1-95.



THUẬN ÁNH

vô-va



Mỗi lần quay lại thành phố này tôi lại thấy nó lạ hơn mọi khi mặc dù tôi biết rất rõ diện tích thật của nó bằng một phần tư thành phố quê tôi và nó chỉ gồm ba khu phố chính thông với nhau bằng hai nhà tắm hơi, nam ở một đầu còn nữ ở đầu kia. Có lẽ, thời gian ít ỏi của tôi bị chia xẻ bởi những chuyến đi liên tục giữa trên trời và dưới đất, chẳng còn lại cho cả tôi lẫn nó, để cho đến tận bây giờ tôi vẫn thao thức nhìn lại những ngôi nhà giống nhau như đúc có cửa ra vào sơn nâu và cửa kính cứ năm năm được thay một lần. Ở quê tôi, nắng nhiều hơn mưa, cây cối mọc um tùm thế mà ở thành phố này, cây nào cây nấy đều bị chặt ngọn vào ngày chủ nhật đầu tiên của mùa đông. Chỉ có những viên đá lát đường là khác nhau, chúng đều màu đỏ nhưng đó là những gam màu đỏ rất khác nhau, cứ mỗi năm bị đỏ thêm vì bị vùi trong tuyết hơn sáu tháng mùa đông.

Tôi chưa bao giờ được ở một mình. Sang đây người ta xếp tôi chung phòng với hai nữ sinh viên người thành phố này, một cô cao một cô thấp. Căn phòng cái gì cũng được nhân ba gồm một giường sắt có đệm kẻ dọc, một tủ gỗ thông dựng quần áo và một giá sách hai tầng sơn màu xanh nhạt. Nếu một ngày ở đây bắt đầu bằng tiếng chuông đồng hồ lúc bẩy giờ của tất cả các phòng trong ký túc xá và ngọn đèn duy nhất đã thắp cả đêm ngày chới với trước mấy chục cái bếp điện thì nó kết thúc bằng hai hàng dài nam nữ ở hai buồng tắm đối diện dưới tầng hầm. Nước là cả một sự xa xỉ nhưng cũng là thứ quà không mất tiền của những ai muốn lọt vào mắt xanh của các cô gái ở đây, các đối tượng được coi là khó tấn công nhất đều xiêu lòng sau ba xô nước.

các chuyến đi của tôi, rất xa, thường kéo dài ba ngày, đều được tính toán thời gian kĩ lưỡng. Hai tuần vắng mặt ở cùng một môn học có nghĩa là không bao giờ có thể có điểm năm và đồng nghĩa cái băng đỏ sẽ tuột mất ở năm cuối cùng. Gia tài mà tôi luôn mang theo người là chiếc va li xám kẻ ô vuông, quà tặng của ông nội năm ngày trước khi mất. Không phải vì tôi yêu những kỉ niệm, tôi không còn một va li nào khá. Ba ngày ở những vùng tuyết phủ quanh năm, ở một cực kia của trái đất, khiến tôi mỏi mệt. Thời gian vừa đi

vừa về mất hơn một ngày. Hơn một ngày còn lại dùng để sắp xếp cho chuyến đi tiếp theo. Chiếc va li cũng không chịu nổi những cuộc hành trình liên miên, những ô vuông xám đã sờn cũ biến dạng và chỉ muốn bung ra giải thoát cho tất cả những kỷ niệm mà tôi đã xếp bên trong một cách trật tự.

Từ lúc sang đây có lẽ tôi chẳng còn là tôi nữa. Có được cái gì đẹp tôi đều đưa cho cô cao và cô thấp để trả công các cô ấy đã xách nước hộ tôi. Thế là một đều. Ba ngày tôi đi vắng các cô ấy muốn đưa ai đến ở cũng được, bù lại tôi có cái quyền để đồ đạc đầy nhà. Vậy là hai đều. Chúng tôi sống với nhau khá êm đềm, các cô còn chỉ cho tôi cách ăn mặc và nói giọng làm sao cho giống người đông bắc Nga. Cả một năm đầu bắt chước âm thanh thánh thót như chim họa mi của họ, tôi luôn luôn đội một cái mũ lông cừu màu đen, màu sắc mà tôi bắt đầu yêu thích từ khi được đi xa khỏi nhà năm nghìn cây số. Ở cây số thứ năm, tôi bắt đầu mặc đồ đen, đi giầy đen, đội mũ đen và tất nhiên mái tóc tôi cũng màu đen, đôi mắt cũng đen. Không phải để tưởng nhớ ông nội, người đã tặng tôi chiếc va li kẻ xám vài ngày trước khi mất như một lời khuyến khích tôi ra đi. Lúc đấy tôi chưa biết rằng ông còn đi xa hơn cả tôi. Xa lắm. Không phải năm nghìn cây số để phát hiện ra vẻ quí phái của màu đen. Không phải năm mươi nghìn cây số cũng không phải con số năm triệu. Đoạn đường mà ông nội tôi đã đạt đến vượt quá khả năng đếm của tôi mặc dầu tôi đã thi hết phổ thông trung học và luôn luôn có điểm xuất sắc đối với môn toán mà tôi rất say mê.

Tôi cứ ngỡ mình đã thoát khỏi cái vũ trụ nhỏ nhoi là mấy góc phố quê tôi. Ước mơ tự do trước ngày ra đi phồng to như quả bóng đã ngay lập tức ỉu xìu khi đứng trước một đoàn tàu điện uốn lượn với vận tốc vừa bằng tốc độ người đi xe đạp không phóng nhanh. Ở đây, cả thành phố huých phải tay nhau trên ba chuyến tàu điện nối trung tâm với ba khu phố. Từ ký túc xá ra đến bến tàu đi bộ mất mười phút, phải đợi thêm hai mươi phút nữa để lấy tàu đi tiếp. Một lần cô thấp phòng tôi suýt bị hiếp trong tắc xi, từ đó chẳng còn ai dám sử dụng cái phương tiện đầy cám dỗ này nữa. Bên cạnh cửa sổ phòng tôi là một rừng hạt dẻ bát ngát. Cứ mỗi khi mùa đông sắp đến tất cả ký túc xá đổ vào đây nhặt hạt dẻ, sau này khi bánh mì cũng chẳng có mà ăn, hạt dẻ cũng hết sạch. Cô thấp bị lôi vào trong rừng hạt dẻ.

Căn phòng chia làm bốn góc, mỗi người một góc, góc còn lại để một chiếc bàn nhỏ. Cả ba chúng tôi đều ít có người đến chơi, nhân chứng là cái mặt bàn luôn luôn sạch bong và ba túi đường tiêu chuẩn hàng tháng chưa bao giờ ở vào tình trạng báo động. Tôi đến muộn nên chẳng còn gì để chọn ngoài một góc ngay cạnh cửa kính mà các cố gắng không ngừng của chiếc lò sưởi điện chạy liên tục hai bốn trên hai bốn cũng tuyệt vọng trước đó năm mươi xăng ti mét. Sáng dậy đầu óc tôi mụ mẩm không phải dưới sức nặng của hai cái chăn bông mà vì một bên tóc cứ nhất định từ chối trở lại vị trí ban đầu. Khuôn mặt tôi từ lúc thức dậy chưa hề có được nét tươi lại càng nhàu nhĩ sau khi rửa bằng chiếc khăn mặt đã bị lau dang dở bởi hai cô, nạn nhân cùng với chiếc ri đô ngay cạnh vòi nước. Khoảng không gian chỉ nhỉnh hơn chiếc giường sắt

đóng khung giữa giá sách và tủ đựng quần áo chẳng gây cho tôi một ý định nào ngoài việc nhảy ra khỏi cửa sổ khi đêm đêm tôi nghe tiếng khóc của từ một mét bên tay phải và một mét trên đầu giường. Năm ấy tôi mới mười tám tuổi, vừa vào năm thứ nhất đại học.

Sáng sáng, tôi cắp cặp đến trường sau bữa điểm tâm duy nhất không bao giờ được thay đổi theo mùa gồm một cốc chè nóng với bốn thìa đường, năng lượng bảo đảm cho các môn lịch sử đảng cộng sản Liên Xô ở hai năm đầu, triết học Mác Lênin ở năm thứ ba và chủ nghĩa cộng sản khoa học hai năm cuối cùng. Kỉ niệm của tôi với cô thấp và cô cao cũng bị bó chặt trong các kì thi học kì, trong các điểm năm của tôi và trong mười lăm phút khóc dài hơn lệ thường của hai cô, mười phút cho lòng ghen tuông và năm phút cho niềm kiêu hãnh. Nỗi sầu muộn của các cô vì thế tuy mang tính chất chu kỳ nhưng lại ngắn ngủi và trở nên vô cùng mong manh trước hàng trăm câu hỏi ôn thi. Các câu trả lời sẵn với nét chữ của cả ba bất chấp những giọt nước mắt vẫn theo chúng tôi vào tận kì thi tốt nghiệp cuối cùng.

Cuộc sống ba người của tôi với cô thấp và cô cao chỉ được giải phóng một năm hai lần khi các cô ấy về thăm cha mẹ ở cách kí túc xá năm trạm tàu điện. Sự vắng mặt của hai cô láng giềng và của bốn thìa đường mà tôi tự cho phép mình trong buổi điểm tâm buổi sáng là những giây phút đáng ghi nhớ trong suốt thời gian tôi ở đây. Lần đầu tiên tôi quyết định mở tung chiếc cửa sổ luôn ẩm hơi nước và vuốt ve những ô cửa kính hình vuông cũng giá lạnh như những ngón tay tôi bị khép chặt không biết đã bao năm tháng.

Tôi từ chối cuộc liên hoan được tổ chức vội vã bằng những lạng đường thừa ngoài tiêu chuẩn, bao gồm mấy chục nữ sinh viên vừa đan len vừa góp chuyện, kết quả là vài tháng sau trong kí túc xá xuất hiện một loạt áo len đàn ông màu nâu đất, loại len duy nhất bày bán ở cửa hàng trung tâm thành phố, kiểu vặn thừng được đặc biệt ưa thích. Nhưng sản phẩm kế hoạch ba đã phản bội sự kiên nhẫn mà người đan đặc biệt dành cho nó, trước hết, vì độ cứng bất bình thường sua nữa là vì tình yêu, bằng cách đầu hàng trước bất kỳ loại bột giặt nào và nhất định không chịu dẫn trí tưởng tượng của người xem đến hình ảnh của cơ bắp đẹp đẽ ta vẫn nhìn thấy trong sách giáo khoa sinh vật.

Một lần, sau chuyến về thăm cha mẹ, cô cao trở về cùng với một người đàn ông còn trẻ, cao lớn tên là Vô-va. Gặp tôi anh ta hỏi: "Cô người Cam-pu-chia hay Việt Nam?". Tôi trả lời: "Tôi là người Việt Nam". Anh ta bảo: "Người Liên Xô đã giúp người Việt Nam đánh Mỹ". Vô-va trở thành trung tâm săn sóc của cô cao và cô thấp. Có lần ghen nhau, cô cao bảo cô thấp: Đừng có động vào Vô-va. Chính tôi đã đưa anh ấy về đây". "Nhưng vì tôi mà anh ấy quay lại cái phòng này", cô thấp xưng xỉa. Còn Vô-va khi không có các cô ấy ở nhà bảo tôi: "Hai cô bạn cô, một cô cao quá, một cô thấp quá, chỉ có cô là vừa vặn". Mọi đồ vật trong phòng tuy thế cũng không vì Vô-va mà đảo lộn, ba cái giường và cái bàn vẫn ở chỗ cũ, lò sưởi vẫn hoạt động không ngừng, chỉ có cái đồng hồ báo thức là thôi không làm nhiệm vụ nữa. Cô cao cất nó vào trong tủ và tuyên bố: "Từ bây giờ trở đi, ai muốn dậy lúc bảy giờ

cứ dậy, tôi không đi học tiết một nữa". Tôi biết cô thấp uất lắm nhưng chưa làm gì được, đang tìm cách trả thù. Buổi sáng chỉ còn có tôi và cô chiếm cái buông tắm, tôi nhẹ cả người khi chẳng còn ai vày vò cái khăn rửa mặt trước mình. Cô thấp hôm nào cũng cứ bần thần không biết nên đi hay ở, thế rồi nhìn xuống Vô-va vẫn đang ngủ say sưa trên tấm đệm kê giữa hai cái giường, cô lườm cô cao một cái rồi đi.

Một hôm cô thấp bỗng hỏi tôi: "Làm nem như thế nào?" Tôi trả lời: "Khó lắm". "Khó tôi vẫn học", cô bảo. Tôi nhớ lại cách đây không lâu trường tổ chức hội chợ ngày Văn Hóa Việt Nam, sinh viên Việt Nam bàn nhau làm nem đem ra bán. Huy động tất cả được gần hai trăm bánh đa nem với điều kiện khi bán xong sẽ trả một nửa tiền. Nem bán ba rúp một cái chạy như tôm tươi bỗng một cậu sinh viên Nga đang nhai dở cái nem quay ra hỏi: "Tao thấy nem chúng mày có mùi gì khang khác nem tao ăn ở Hà Nội". Cô bạn tôi tên Linh nhanh nhẩu đáp lại: "Vì nem ở đây làm bằng thịt lợn tươi mua ở nông trường, còn nem ở Hà Nội mà mày ăn là bằng thịt chuột". Cậu kia sợ quá không nuốt nổi miếng nem còn lại. Cuối cùng tổng kết tiền nem lãi gần bốn trăm rúp, Linh bảo: "Hoan hô văn hóa Việt Nam! Cứ thế này một năm hai lần văn hóa bảo đảm mỗi thùng biển một tủ lạnh". Đức, người yêu Linh, giơ tay phát biểu, nói như hát: "Tôi đề nghị lần sau đơn vị ta làm thêm món nộm, ở đây bắp cải rất rẻ". Hùng, đơn vị trưởng, bảo: "Đây là một ý hay".

Tôi bảo cô thấp: "Tôi sẽ dạy chị nhưng không có bánh đa nem". Cô thấp lập tức đưa cho tôi hai chục rúp nửa tháng học bổng: "Lần này chị lên Ốp Zin mua hộ tôi năm chục bánh". Hôm tôi mua bánh đa mang về, cô thấp đưa cho tôi một con gà ướp lạnh. Tôi bảo: "không được". Cô thấp bảo:"Không lo, thằng này chưa đi Việt Nam bao giờ đâu". Lần đầu tiên làm nem, cô thấp có vẻ vụng về, làm hỏng mất hơn chục cái. Tôi bảo cô: "Hay là giữ lại mà ăn". Cô thấp nói: "Đừng, thằng này rất thích mẽ ngoài". Vô-va được ăn nem thích lắm, ăn liền một lúc mười cái, mỗi khi ăn lại bẻ đôi cái nem như người ta ăn chuối, ăn xong mới húp nước chấm. Thứ năm hàng tuần có bán thực phẩm cho sinh viên, cô thấp xin xuất tôi và một cô bạn nữa thế là đủ bảy con gà cho một tuần. Cô để gà vào ngăn đá, mỗi ngày trước khi đi học lại lôi một con ra. Có hôm hết chỗ, gà phải để xuống ngăn dưới, sáng hôm sau bốc mùi thối, cả phòng hoảng hốt tưởng có chuột chết trong nhà. Cô cao vừa mở tủ lạnh vừa hát lanh lảnh một câu dân ca Nga: "Tình yêu ơi, người thơm như hoa hồng buổi sáng". Ba người chúng tôi chỉ có một cái bếp điện, cô thấp phải nhường cho cô cao và tôi nấu trước vì cô làm nem lâu nhất. Hôm nào cũng thế, cứ mười giờ tối cô và Vô-va mới bắt đầu ăn, mùi nem ám lại trong không khí, quyện cả vào quần áo chăn nệm. Cô cao bắt đầu gọi cô thấp sau lưng là "cái nem cháy", lại còn bảo tôi: "Nem của nước cô chỉ lúc nào ăn mới thấy thơm, bình thường tôi tởm mùi ấy lắm". Buổi sáng Vô-va thường dậy rất muộn, nhiều khi chúng tôi đi học về mới thấy anh ta uể oải xếp tấm nệm vào một góc và ngồi dậy mặc chiếc quần bò phên, quà tặng của cô cao hồi hai người mới quen nhau. Hôm nào hứng chí anh ta bảo chúng tôi đừng nấu cơm và tự

tay pha bột làm bánh. Vô-va khéo tay, làm rất đúng qui trình hai thìa sữa, một thìa bột, một thìa đường. Bánh làm xong thơm và ngậy, Vô-va hớn hở bảo chúng tôi: "Các cô phải biết là gặp được một người như tôi rất khó". Hai cô bạn tôi đều cười tươi như hoa, cô thấp nói: "Anh làm cái gì cũng giỏi". Cô cao thêm vào: "Có thế chúng tôi mới chịu cái cảnh thời trung cổ như thế này".

Câu chuyện bốn người cứ tiếp diễn như vậy, xoay quanh các kinh nghiệm bếp núc của cô thấp, những kiểu tóc mới của cô cao, nỗi kinh sợ của tôi mỗi khi tối đến cùng với món nem cháy kinh niên, và ước mơ của Vô-va được trở thành lái xe vận tải đường dài. Ngày sinh nhật của Vô-va tới gần và đã được chính Vô-va thông báo từ một tuần lễ trước. Cô cao và cô thấp kiên quyết không chấp nhận bất cứ một khách mời nào và ngày sinh nhật chỉ có bốn chúng tôi. cả tháng nay học bổng của các cô được giành cho những chiếc nem ngày sinh nhật và những chai rượu mạnh chỉ mua được ở chợ đen. Còn tháng nay học bổng của tôi có lẽ bởi sự tình cờ được chi tiêu cho kiểu tóc mới với hai dây xoắn hai bên má và một dây thứ ba không xoắc ở đằng sau gáy.

Ngày sinh nhật bắt đầu từ bốn cuộc cọ rửa buổi sáng trong phòng tắm, đầu tiên là của Vô-va và sau cùng là của tôi. Lần đầu tiên tôi nấm ná lại lâu hơn trong phòng tắm và lần đầu tiên tôi đối xử thật dịu dàng với chiếc khăn đã ướt sũng. Căn phòng sặc mùi hơi nước và một tiếng sau nhường chỗ cho mùi rượu mạnh và mùi nem cháy.

Ngày sinh nhật Vô-va uống hết ba chai rượu và không hề đụng tới một chiếc nem cháy. Vô-va nhảy theo nhạc tư bản, hai cô cũng nhảy và kéo tôi vào với họ. Song tôi chẳng biết làm gì hơn là đung đưa phần cơ thể ở phía dưới thắt lưng và hai bàn tay thì vuốt ve hai dây tóc xoắn. Người ta bảo nhạc tư bản rất hiện đại, còn nhảy cũng vậy. Tôi chưa bao giờ nghe nhạc tư bản và cũng chưa bao giờ nhảy lối tư bản. Đây là lần đầu tiên.

Vô-va mời tôi nhảy. Tôi chấp nhận và ngay lập tức biết rằng tôi sẽ không bao giờ hối tiếc. Tôi chấp nhận sự gần gũi với một cơ thể khác trong âm nhạc, với một hơi thở khác không chỉ có mùi rượu mạnh, và hai bàn tay không chịu cố định ở một nơi, cũng trong âm nhạc. Vô-va cảm ơn tôi về bộ tóc mới với những dây xoắn hai bên má và dây thứ ba không xoắn phía sau.

Buổi tối khuya Vô-va hát "Những đôi mắt đen". căn phòng về đêm thật dịu dàng. mắt của Vô-va màu hạt dẻ. Mắt của cô thấp màu xanh lơ. Mắt của cô cao màu xanh lá cây. Còn tôi, tôi có đôi mắt màu đen, lông mày đen và tóc cũng đen, giống như đêm. Tôi tới gần cửa sổ và nhìn vào đêm. Đêm cũng thật dịu dàng. Lần đầu tiên tôi thấy đêm, một cách vật chất, và thấy màu của đêm, giống như mắt tôi. Lần đầu tiên tôi từ bỏ ước mơ từ thời còn nhỏ được mang bộ tóc vàng và đôi mắt xanh. Tôi cảm ơn cha mẹ.

Vô-va ngừng hát và bắt đầu khóc. Rượu hết nhưng cơn say lại bắt đầu. Những chiếc cốc thủy tinh bắt đầu thay chúng tôi nhảy theo điệu nhạc tư bản.

Sinh nhật kết thúc. Vô-va vừa đập tan chiếc ly cuối cùng vừa nói: "Các cô làm chuyện buồn cười. Ba tháng học bổng cho hôm nay. Các cô không biết rằng các cô đều không đẹp. cả ba đều không đẹp và chao ôi hy vọng mênh mông".

Sáng hôm sau khi tôi tỉnh giấc chỉ có hai cô, cô cao và cô thấp. Phòng trống không, chiếc khăn tắm vẫn còn khô nguyên. Căn phòng toàn rác. Không có Vô-va. Cả ngày hôm ấy cũng vậy. Hai ngày sau cô cao bảo tôi: "Chúng tôi đã đuổi nó đi rồi".

Cả ba chúng tôi đều biết rằng, đàn bà chỉ nói thật trên giường chết, còn đàn ông trong cơn say. Từ ngày hôm ấy tôi bắt đầu viết nhật ký. Cô cao và cô thấp cũng vậy.

Chuyện của tôi ở Nga chỉ có như thế. Vụn vặt và tẻ nhạt. Những ngày này nước tôi đang chuyển mình. Tôi không biết mình vui hay buồn, chỉ có điều những gì người ta viết về nước tôi trên sách báo hoàn toàn xa lạ với tôi. Trong mơ tôi hay thấy mình ở một góc phố. Trăng ở đó cao và sáng hơn. Còn bóng đêm cũng yên lặng hơn.

THUẬN ÁNH
(Paris tháng 1, 1995)



NGÔ NGUYÊN NGHIỄM
hồng hạc

Trốt vàng bay, trốt vàng bay
thinh không sáng đọng rụng đầy bát thơm
đầm đìa thế sự xanh hồn
ai nghêu ngao bước mỗi mòn trong tranh

Ô kìa bào ảnh mong manh
lang thang trên mấy trường canh nhạc lừa
lạ không khí hậu xưa xưa
ủ nhân tình nở trái mùa lẻ loi

Qua sông dài, đếm sông dài
hồn thiên hạ có vơi đầy như sông
tận cùng thấy nụ sầu đông
nhẹ nhàng như áo tang bồng ra hoa
mỗi sầu đáy giấc mơ già
thấy không hồng hạc đợi giờ bay đi.

NGÔ NGUYÊN NGHIỄM



NGUYỄN PHAN THỊNH

long lanh

Sương gieo mấy giọt lạnh trời
giật mình / nghe vọng âm lời tự khi
ngoài đêm / hoa nở nụ chi
trong ta vụt hiện một vì sao xanh
sao xanh hay đóa long lanh
đất trời là một thiên thanh thuở giờ!

lòng thanh thản

Lòng thanh thản ta cúi đầu sụp lạy
ôi thênh thang gió mới thổi tung trời
xóa một cõi bàng hoàng xô sóng dậy
hồn điêu linh bừng nở đóa sen ngời!

ta sụp lạy run tơ trời phơi phới
trong lặng thinh bát ngát một điều chi
trời ôm đất giao tình cơn gió nổi
gieo hồng ân mưa mật xuống đời ni...

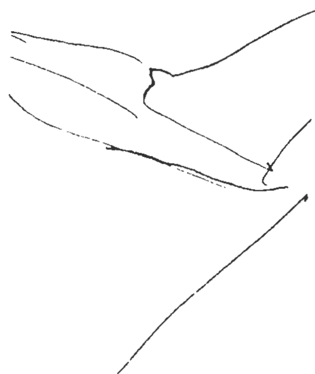
lòng thanh thản ta cúi đầu sụp lạy
ôi chan hòa cơn gió mới thênh thang
ta ngửa mặt uống hồn hoa nẫy mật
hương nhân gian và sắc của trần gian...

NGUYỄN PHAN THỊNH



TRUNG TRUNG ĐỈNH

tình ơi là tình



Ngay từ tích tắc đầu tiên, khi vô tình chạm vào đôi mắt ấy, tôi bị hút mất hồn. Một đôi mắt nâu, to, thoáng nhìn tôi rồi lơ đễnh hướng lên một điểm với cái vẻ kiêu sa, trống vắng đến nao lòng, nếu như không phải đúng buổi sáng rối bời ấy, có thể tôi chẳng để ý. Tôi vừa nhận tin vợ tôi đã đón được thằng Cò, con trai tôi, và hai mẹ con ở lại bên ấy (Đức). Có thể cô ta sẽ chuyển sang một nước thứ ba tùy thuộc vào tình hình... Tôi là kẻ thất bại trên mọi phương diện. Và tôi đang khao khát một cái gì đó ngõ hầu an ủi tâm trạng cải lương sướt mướt của mình.

Lúc này tôi vẫn còn trong cơn bi lụy. Vâng, lúc này chứ không phải lúc ấy. Vì lúc ấy tôi chân thực hơn nhiều. Lúc ấy tôi luống cuống nép vào đám lá, âm thầm khuấy ly cà phê đã nguội và lén nhìn khuôn mặt thánh thiện của nàng. Quán vắng. Hình như nàng đã hẹn ai và tới đây không phải để cho tôi ngắm. Nhưng tôi đang có nhu cầu tự giải thoát và cái trò ngắm trộm người đẹp đâu có tội tình gì? Dĩ nhiên là không nên, tôi tự khuyên và hững hờ đưa ly cà phê lên môi, chú mục vào con kiến đang tất tưởi tìm lối thoát trên miệng bát nước...

- Anh Bình, em có chút việc, muốn nhờ anh.

Tôi nghe rõ tiếng nói nhỏ nhẹ ấy. Tại sao nàng lại biết? Tôi rời mắt khỏi con kiến và ngước lên. Đúng là nàng.

- Anh ngạc nhiên lắm à?

Nàng chủ động kéo ghế hướng về phía tôi. Tôi giết con kiến một cách bản năng, và nói một cách bản năng:

- Cám ơn, tôi có thể giúp bạn điều gì?

- Anh chở em đi đằng này, nếu anh không bận. Em biết anh qua chị Thu.

Tôi đứng lên trả tiền cà phê và nhận được ánh mắt khá ý vị của cô gái bán

hàng.

- Chị đi nhé, nàng chào cô ta và bước theo tôi.

- Chẳng có việc gì cả, nàng nói sau khi đã ngồi lên xe. Anh có biết hôm nay là ngày gì không?

- Không.

- Rằm, nàng áp má vào vai tôi. Ngày sinh của em đấy. Hay anh đưa em lên chùa.

- Tùy bạn, tôi nói và cho xe chạy chậm, theo hướng tay nàng.

- Em đang chán đời, nàng tâm sự và đặt hai bàn tay vào mạng sườn tôi. Hôm nay em muốn được đi chơi, được quên.

- Anh cũng thế, tôi thật thà.

Chúng tôi đến chùa. Mọi việc hương hoa nàng lo rất thạo.

- Anh cầu gì, nàng hỏi.

Tôi lúng túng:

- Cầu... sự vui vẻ.

Tôi ngồi đợi nàng trong quán nước. Nàng trở nên nền nã, đoan trang khi bước lên bực tam cấp.

Mọi sự diễn ra nhanh quá, khiến tôi không kịp phản ứng. Còn phản ứng cái nỗi gì, một khi tôi đã giết chết chú kiến đen tội nghiệp ấy. Và giờ đây tôi đang được khoác tay nàng, thả những bước mơ màng trên con đường vào khu vườn ngợp bóng mát.

- Anh có thấy bọn đàn ông đang ghen với anh không?

Nàng hỏi và tôi trả lời bằng cách kéo vai nàng sát vào người. Đúng là chẳng ai đi qua chúng tôi lại không tìm cách liếc được nàng một cái.

- Em đẹp quá, tôi nói.

- Không phải chỉ mình anh nói với em câu đó, nàng nhận xét.

- Nhưng anh không có cách diễn đạt nào khá hơn, tôi phân bua.

- Nói chung đàn ông ai cũng thế...

Nàng ngước nhìn tôi. Tôi nao núng nhận được chút thông tin hóm hỉnh. Tuy nhiên vẫn đượm buồn.

- Em đang rất chán đời, nàng nói nhỏ, chân thật.

- Anh hiểu, tôi tự tin hơn. Đôi mắt em nói lên điều đó, tôi bắt đầu văn hoa. Nhưng em nên nhớ rằng, nỗi buồn là vẻ đẹp sang trọng nhất mà tạo hóa chỉ dành riêng cho con người.

- Anh mơ mộng quá đấy, nàng cười chua chát. Hình như anh là nhà thơ?

- Mơ mộng không phải vẻ đẹp dành riêng cho thi sĩ, tôi tiếp tục cái giọng ấy. Thế em làm nghề gì?

- Cô giáo. Bỏ dạy. Bán hàng giải khát chẳng hạn, nàng nói nhát gừng kiểu giễu cợt. Bên trong sự giễu cợt ấy có hương vị của nuối tiếc.

- Lẽ ra không nên bỏ dạy, tôi nói.

- Bốn năm dạy ngoại thành, lương không đủ sửa xe, xin mãi vào nội thành không được, em cũng tiếc lắm.

- Chắc ông xã muốn cho em ở nhà, tôi hỏi và cảm thấy ngượng vì sự tò mò

của mình. Vớ vẩn.

- Ngược lại, nàng không để ý tới tâm trạng của tôi. Chồng em là một cậu ấm vô tích sự, nhưng lại rất "bố tướng". Anh ta bỏ mặc em xoay sở. Nhưng dẫu sao em cũng đã thoát nạn.

- Có nghĩa là thế nào?

- Hắn bỏ em, đi lao động nước ngoài, chạy theo tư bản rồi.

Sao lại có sự trùng hợp ngớ ngẩn thế này? Tôi định tâm sự hoàn cảnh của mình, nhưng nghĩ thế nào lại thôi.

- Em ghê tởm...

Nàng nói và cúi xuống lượm một bông hoa dại. Tay cầm bông hoa dại, nàng trở nên tươi tắn khác thường.

- Em biết anh qua chị Thu, nàng tâm sự, bình thản. Chị Thu rất hay nhắc đến anh.

- Anh cũng quí chị Thu lắm, tôi nói. Đó là một người đàn bà... rất đàn bà. Một tâm hồn bình dị.

- Đàn ông chỉ thích đàn bà khi họ là đàn bà thôi, nàng bình luận. Chứ còn theo em, nàng dừng lại đưa bông hoa dại lên môi. Nói thực với anh, tâm hồn chẳng qua chỉ là món hàng trên lưng con ngựa thồ thể xác...

- Em cứ nói thế. Người ta bảo cứu rỗi là cứu rỗi linh hồn chứ có ai nói cứu rỗi thể xác bao giờ?

- Đó là một quả lừa vĩ đại, nàng cúi xuống lượm tiếp một bông hoa dại khác.

Tôi ve vuốt bàn tay nhỏ nhắn và thông minh, muốn nói một điều gì thật giản dị, nhưng không nói được.

- Nếu em xấu xí, chắc gì anh đã bật dậy như kẻ mất hồn, nàng nói và búng vào mũi tôi một cái. Đàn ông, thưa với anh, tán gái thì đề cao tâm hồn. Mười ông có tới chín ông háo sắc, nếu không nói là mười một. Toàn bọn lừa đảo khoác áo đạo đức. Khi chưa chiếm được thì họ giở đủ trò, đủ ngón, kể cả vật chất lẫn tinh thần. Khi chiếm được rồi thì... Nàng thở dài.

- Khi chiếm được rồi, họ hiện nguyên hình là một tên bịp bợm, tôi nói hộ nàng và cảm thấy gai gai trong đầu.

- Không ngoại trừ cả anh nữa, nàng nói và nhảy lên, vít một cành nhãn.

Tôi trơ tráo kéo nàng áp vào người. Cái khoảnh khắc tiếp xúc ấy tạo nên một khoảng cách. Nàng lừ mắt nhìn tôi:

- Mình về đi, nàng buông một câu êm ái và khoác tay tôi. Tôi vuốt tóc nàng. Hình như nàng nhoẻn miệng cười.

Chúng tôi quay ra bãi để xe.

- Anh muốn mời em ăn trưa, tôi nói.

- Em không thích ăn quán, nàng nói. Nhà anh có bếp không?

- Có, thậm chí đủ tiện nghi.

- Vậy em sẽ trổ tài nấu nướng cho anh xem, nàng tươi tắn trở lại. Hôm nay là ngày sinh nhật của em. Em thích nấu ăn.

*

Có thể nói nàng là một thiên tài nấu nướng, hoặc giả lỡ bạn có bảo tôi quá bốc đồng thì tôi cũng phải khiêm tốn nói rằng, nàng là một phụ nữ vô cùng thích hợp với công việc nội trợ. Đã lâu lắm, hôm ấy căn bếp nhỏ của tôi mới được hoạt động một cách vui vẻ và tôi mới được ngồi vào bàn, thưởng thức cái thú của người đàn ông chờ bữa.

- Ông chồng em thật là người hạnh phúc, tôi nói trong khi nàng pha cà phê.

- Em không ưa lối nói ấy, nàng trả lời thẳng thắn. Hạnh phúc đối với người này đôi khi là nỗi bất hạnh của người khác. Từ ngày lấy nhau, em chưa bao giờ được đức ông chồng khen lấy một câu. Thật kinh khủng!

Nàng ngồi xuống bên tôi, tự tin và kiêu hãnh.

- Gần chục năm trời, nàng tâm sự. Em chỉ nhận được những lá thư hàng hóa, giá cả. Những lá thư vô hồn, vô cảm, vô lương tâm, tàn nhẫn và phỉ báng nhân phẩm bằng những câu mở đầu và kết thúc y hệt nhau, còn phần giữa, phần của những con số và mệnh lệnh. Anh ta quên rằng em là một cô giáo dạy văn, đôi lúc cũng khao khát một cuộc sống mơ mộng, thèm muốn được biết đây biết đó...

- Anh tưởng thế nào anh ấy chả tạo cho em dịp sang bên đó? Tôi hỏi và chột dạ vì sự tò mò vô duyên của mình. Ở chỗ anh, tôi chữa thẹn, các bà vợ đi lao động thường thế nào cũng kéo được ông chồng mình sang vài tháng.

Nàng thở dài:

- Có đấy, nhưng là có hứa. Hết hè năm nay sang hè sang năm, nàng tiếp tục tâm sự. Cách đây hai năm, anh ta về phép một tháng. Anh ta quyết định không cho em đi dạy, ở nhà mở một cái ki-ốt đồ chơi. Nói thật với anh, em rất thích nghề dạy học, nhưng đúng là nếu cứ tiếp tục đi dạy thì đời sống sẽ ngày càng khó khăn. Cái ki-ốt của em thu nhập sơ sơ cũng gấp ba lương, mà vừa nhàn thân, vừa đỡ được cho mẹ em. Ngồi bán đồ chơi, lắm lúc em cứ nghĩ lẩn thẩn, rằng đời em sao giống con lật đật thế. Kể ra cũng xinh đấy. Nhưng là cái xinh của một con búp bê, ban ngày bán hàng, ban đêm phục vụ chồng. Em có cảm giác anh ta không biết sử dụng em vào việc gì, ngoài chuyện làm tình và mua bán. Mới đầu em còn chịu được, sau em thấy ghê sợ. Chưa một lần anh ta ngỏ ý rủ em đi xem phim hoặc tới nhà bạn bè. Không nghe nhạc, không đọc sách, không đi chơi, chỉ có ăn và ngủ với những toan tính ngay cả với bố mẹ, anh em, họ hàng. Anh ta bảo em: "Em sang đó với anh một tháng, tính ra tốn khoảng trên dưới hai cây, liệu số hàng mang sang có vớt lại được một nửa không?" Em điên lên, hét vào mặt anh ta: "Tôi không thèm đi đâu hết, anh cứ yên tâm!" Và đúng là anh ta yên tâm, chẳng tỏ ra ân hận tí ti nào. Anh ta thuộc loại người không biết ân hận...

Nàng trở nên nghẹn lời. Tôi kéo ghế xích lại gần, khẽ đặt tay lên vai nàng. Tôi vừa toan ôm riết lấy nàng thì ngay lập tức anh chàng Lý Trí của tôi nhếch mép:

- Dừng tay lại, anh ta nói. Nàng sẽ cho mày cái tát nếu như mày cũng giống như "bọn đàn ông giở đủ trò dủ ngón" mà nàng mô tả. Hãy rút tay ra khỏi bờ vai nguy hiểm và nhớ cho một điều, nàng tâm sự không có nghĩa là nàng ký gửi.

Tôi lặng lẽ đứng lên lấy đá bỏ thêm vào cốc.

- Cám ơn anh, nàng nói nhỏ nhẹ.

Tôi với tay bật cassette. Nàng ngồi chống tay lên cằm nhìn vào hư không. Tôi bật lửa hút thuốc. Im lặng. Không phải im lặng vì có âm nhạc của Liz. Tôi không cầm lòng được khi nhận ra trên má nàng có hai ngấn nước đang từ từ chảy xuống.

- Em...

Nàng khẽ lắc đầu, rút nhẹ tay ra khỏi tay tôi. Tôi không tìm được một lời an ủi.

- Đối với anh ta, nàng nói thêm, giọng lạc đi, đàn bà và tiền là hai thứ để tiêu xài.

Tôi đứng lên, đặt tay lên mái tóc dài buông xõa. Nàng để im. Giá tôi được bế nàng lên! Giá tôi được ôm hôn nàng! Nhưng tôi không đủ can đảm vì ánh mắt nghiêm khắc của chàng Lý Trí:

- Hãy biết tôn trọng nỗi buồn của người đàn bà trong trắng nhưng không còn ngây thơ này.

- Ta yêu nàng, tôi cãi.

- Tình yêu là hai mỹ từ phát ra từ những chiếc loa công cộng.

Tôi lại vuốt tóc nàng. Nàng nắm tay tôi, áp vào má:

- Anh nên nhớ rằng, nàng nói tỉnh khô, hơn một năm nay, em quan hệ với khá nhiều đàn ông. Mới đầu là thằng bạn học thời phổ thông, bây giờ trở thành Việt kiều yêu nước từ Mỹ về, hắn mê em và em mê hắn. Em bất chấp những lời nhắc nhở của chị Thu về bè bạn, bất chấp dư luận. Em yêu hắn thực sự. Em chưa được yêu bao giờ và em tin rằng tình yêu sẽ cứu em ra khỏi cõi u mê, trì độn của thói đời nhơ nhớp. Nhưng đúng là sau khi chiếm được em rồi, hắn hiện nguyên hình là một thằng bịp bợm. Hắn quay sang tán tỉnh chị Thu, nói xấu em và may rằng chị Thu đã sớm nhận ra, kịp cho hắn một cái tát trước khi hắn quay sang Mỹ làm nghề ăn mày.

- Em đừng nên ác khẩu thế, tôi nhắc. Không ngờ nàng quay ngoắc lại nhìn tôi như kẻ thù:

- Anh tưởng em khao khát những đồng tiền ti tiện của hắn à? Em đã xé nát hơn một ngàn đô khi hắn nhờ ông thầy dạy Anh văn của em đem tới. Và em cặp bồ ngay với ông thầy năm mươi tuổi ấy, trước mũi hắn. Em tưởng làm như thế là trả thù được, không ngờ chính em mắc bẫy. Hắn và lão thầy Anh văn đã thỏa thuận với nhau...

Nàng gục xuống bàn. Âm nhạc của Liz trào lên bi tráng. Tôi tắt máy.

- Em không tin trên đời này có cái gọi là tình yêu. Đó là cái bẫy. Đến như lão thầy Anh văn ba hoa của em, đến như thằng chủ thầu xây dựng, thằng đạo diễn phim hoạt hình, thằng thợ vẽ chuyê[illegible]nh áp phích cũng còn

biết nói yêu dương một cách thành thạo nữa là anh...

- Anh xin em, tôi ngồi xuống bên nàng. Thôi, đừng nói chuyện ấy nữa.

Chúng tôi ngồi như thế rất lâu.

- Anh có thích Moza không? Chợt nàng hỏi.

- Có. Anh có thích. Anh mở Moza nhé?

- Không. Em ghét sự hào hoa của ông ta. Em yêu chất Bethoven hơn.

- Vậy anh mở Bethoven nhé. Anh có đủ bộ các đĩa nhạc cổ điển, tôi hy vọng chiều được lòng nàng.

Nàng đứng lên tới giá băng chọn và hỏi tôi:

- Anh thích ai nhất?

- Ai anh cũng thích. Các nhạc sĩ cổ điển đều bắt đầu từ lãng mạn, tôi ba hoa. Sự lãng mạn bung phá...

- Anh là người quá dễ dãi, nàng bình luận. Thưởng thức âm nhạc mà cứ như tán gái không bằng.

Tôi cụt hứng.

- Anh thích Rock and Roll không?

- Không, anh không thích.

Nàng phá lên cười và tôi chạm tự ái.

- Mình nhảy đi, nàng mở một băng nhạc Rock.

- Anh không biết nhảy, tôi nói.

- Thế thì phải học. Không biết nhảy là một thiếu sót lớn.

- Có lẽ.

- Muốn làm bạn với em phải biết nhảy đầm, nàng nói và nắm tay tôi. Nàng trở nên linh động khác thường. Tôi đực mặt ra trước các bước nhảy đơn côi của nàng.

- Em dạy anh đi "bốp" nhé?

- Ừ, nhưng...

- Không nhưng gì cả. Này, anh mời em đi, nàng chìa tay hướng dẫn tôi mời bạn. Thế, nàng tiếp. Dễ thôi mà. Em đếm, anh bước theo em. Chú ý nghe âm nhạc. Nào: Bảy tám. Một hai ba. Bốn năm sáu. Bảy tám... Anh cứ bước tự nhiên. Thế. Bảy tám. Một hai ba. Bốn năm sáu. Bảy tám...

Tôi bước rất ngọng. Ta phải bình tĩnh, tôi tự khuyên.

- Bảy tám. Một hai ba. Bốn năm sáu. Bảy tám...

Tôi đã vào được nhịp.

- Anh khá lắm, nàng khuyến khích. Anh tự đếm, tự bước đi.

Tôi tự đếm, tự bước.

Nàng ngồi xoay xoay cái cốc trong tay và tôi cắm cúi tập.

- Hôm nay anh chịu khó tập "bốp", mai em kiểm tra, sau đó tập Tăng-gô, nàng nói và khoác cái túi trống xinh xắn lên vai.

- Em về, nàng tiếp.

- Ơ, sao lại có thể vội vàng thế được, tôi kêu lên.

- Em còn mẹ già, còn con thơ, hôm nay sinh nhật em, dành cho anh thế này là ưu tiên lắm đấy.

Tôi cảm thấy bị hẫng và nắm cánh tay nàng:
- Anh muốn tặng em chút quà sinh nhật.
- Không, để khi khác. Dẫu sao mình cũng mới quen nhau.
Tôi mở tủ lấy lọ nước hoa Pháp, món quà cưới mười năm nay tôi chưa có dịp dùng. Nàng kiên quyết không nhận. Cuối cùng tôi lấy tập thơ của tôi mới in, tặng nàng. Nàng khẽ reo lên:
- Cám ơn anh.
Tôi kéo nàng ép vào người. Nàng khẽ đẩy tôi ra:
- Sao không thể vô tư được, anh?
- Em nghĩ anh định lợi dụng em à?
- Không. Chẳng ai lợi dụng được em cả. Cái thời ấy qua rồi, nàng ngước nhìn tôi và nói tiếp: Em rất thích lời khuyên của một ông bác sĩ.
- Ông ta khuyên em những gì?
- Hãy giữ ấm đôi chân và giữ lạnh cái đầu, nếu bạn muốn sống lâu.
- Nhưng anh không ham sống lâu.
Nàng cười:
- Hỡi nhà thơ mơ mông, con người ai cũng ham sống. Có điều, ngân hàng tình ái của em đã quá dư thừa. Em đang thực hiện các chương trình phá vỡ nhà băng.
Phải một lúc sau tôi mới hiểu. Tuy nhiên, tôi vẫn rất hãnh diện với bà con lối phố khi đèo nàng về. Nàng ôm riết lấy tôi như thể chúng tôi đã yêu nhau.
- Mình lại quán Thu nhé, tôi gạ.
- Vâng. Em cũng chỉ nhờ anh tới đó.
Tôi chạm tự ái. Nhưng đó là sự thực, biết làm thế nào.

*

Thu đang đứng ngơ ngẩn trước quán. Hình như hôm nay là ngày gì đó mà khách vắng hoe.
Thấy tôi đưa nàng về. Thu reo lên:
- Xin chào hai người. Chưa kịp giới thiệu đã bắt được nhau rồi, phải khao đấy nhé anh Bình ạ.
- Nhất trí, tôi nói và cùng nàng bước vào. Tôi ngồi đúng chỗ khi sáng đã giết chết con kiến đen. Thu và nàng thì thầm với nhau điều gì đó. Rồi thu hỏi:
- Hai người uống gì nào?
- Anh mời hai em uống gì tùy thích, tôi thành thật nói.
- Cho em ly trà đường, nàng uể oải ngồi xuống ghế. Em hơi mệt.
Thu pha bình trà. Tôi và Thu thân nhau từ thời học phổ thông. Tôi đi chiến trường, Thu vào đại học rồi lấy chồng. Hai người đã ly dị, nhưng vẫn giữ được những quan hệ bình thường. Thu bỏ việc, vui với con và cái quán nhỏ này.
- Thứ bảy đi nhảy nhé, Thu nói.
- Còn tùy thuộc vào chàng học trò thông minh này, nàng đặt bàn tay lên

vai tôi và tiếp: Anh Bình đi "bốp" được rồi đấy.

Tôi cảm thấy bé nhỏ trước hai người đàn bà.

- Anh sẽ quyết tâm, tôi nói và nhìn nàng âu yếm.

- Anh cứ làm như đi đánh giặc không bằng, nàng trêu tôi.

- Chứ lại chả giặc, tôi khẳng định. Giặc dốt.

Cả ba cùng cười.

- Chỉ cần biết ba bốn điệu là vào sàn được thôi mà, Thu động viên.

Chợt nàng đứng lên, nói:

- Thôi, em phải nhờ anh đưa em về vậy.

Tôi lại chạm tự ái. Nhưng sự thực bao giờ cũng đắng, tôi nghĩ và đứng lên. Biết làm thế nào?

*

Tôi về nhà, lâng lâng vì cuộc quen chóng vánh, cứ tưởng như đã lâu lắm rồi. Tôi không muốn bắt tội mình phải nghĩ ngợi gì lúc này. Không nghĩ! Không nghĩ! Càng nghĩ càng rối rắm! Không biết nhảy là một thiếu sót lớn! Có lẽ. Vâng, đúng là như vậy. Không biết nhảy làm sao kết bạn với nàng? Tôi bật máy và tập nhảy.

- Bảy tám. Một hai ba. Bốn năm sáu. Bảy tám...

Tôi thuộc lòng nhịp điệu và tôi thấy tôi thành công ở "bốp". Tuy nhiên tôi vẫn tập tới khuya. Mệt nhoài. Tôi ngủ.

Sáng hôm sau dậy muộn, tôi vội vã phóng xe đến điểm hẹn đón nàng về nhà. Tôi nhảy thử với nàng. Nàng khen tôi và tiếp tục lên lớp "Tăng-gô".

Một chập. Hai chập. Ba bốn. Một chập. Hai chập...

Tôi làm theo nàng và sự việc diễn ra gần giống hôm qua. Tôi thành công ở Tăng-gô.

- Em hướng dẫn anh đi Xì-lô luôn, nàng bày tôi cách ôm eo và tiếp:

- Xì-lô là điệu đơn giản nhất. Anh chú ý nghe nhạc, chân hơi đung đưa, người hơi đung đưa, thoải mái. Ấy, đừng cứng như vậy. Thế, được rồi. Anh khá lắm, nàng khuyến khích. Và tôi cảm thấy hoàn toàn làm chủ được mình.

- Té ra cũng chẳng có gì ghê gớm, tôi vừa ôm nàng đung đưa vừa nói.

- Nhưng em phải cảnh tỉnh anh, nàng áp má vào ngực tôi. Cái mà anh bảo không ghê gớm lại chính là điều tồi tệ nhất diễn ra trong sàn nhảy.

- Sao em cứ hay lắt léo thế, tôi hỏi.

- Chẳng có gì lắt léo, nàng nói trong khi tôi cố tình ôm riết nàng áp sát vào người. Chính anh đang lợi dụng cái đơn giản, không ghê gớm, tạo nên sự rắc rối bên trong ý tưởng và dục vọng của mình.

Tôi nhận ra lời cảnh cáo và chúng tôi buông nhau.

- Anh thông minh và có nghị lực đấy, nàng nhận xét rồi khoác cái túi trống xinh xắn lên vai. Anh cho em về, nàng tiếp. Hôm nay và ngày mai em có việc bận. Tối thứ bảy mình đi cùng chị Thu, em chờ anh ở đó nhé?

- Anh không hiểu em, tôi nói giận dỗi.

- Rồi anh sẽ hiểu, nàng nắm tay tôi, đẩy tôi ra cửa. Tôi miễn cưỡng làm theo ý nàng. Anh cố tập cho nhuyễn, đừng để em phải xấu hổ đấy.

Câu nói trước lúc chia tay ấy khích lệ tôi rất nhiều. Tôi thầm cảm ơn Chúa.

*

Tối thứ bảy mong chờ đã đến. Tôi đến quán Thu trước giờ hẹn. Nàng và Thu cùng diện váy đen. Hai người da đều trắng và rất có năng khiếu trang điểm. Người đón Thu lại chính là anh chồng đã li dị. Tôi không hiểu. Nhưng tôi vẫn thầm mong cho hai người quay lại. Tôi tỏ ra rất tự tin. Một "trận đánh" đã được chuẩn bị chu đáo. Tôi chỉ nghĩ tới niềm vui và hy vọng sẽ làm vui lòng nàng. Tôi hãnh diện khoát tay nàng sánh vai cùng vợ chồng Thu tiến vào vũ trường. Chúng tôi chọn bàn kéo ghế ngồi chờ.

- Hôm nay anh Bình tha hồ vênh váo nhé. Thu trêu tôi.

- Hẳn rồi, tôi nói với cái vẻ đắc thắng. Đi nhảy với người đẹp không tự hào sao được.

Nàng níu vai tôi cười:

- Được-của-nó đấy chị Thu ạ. Cuối cùng anh Bình đã biết nói lời-có-cánh.

Đúng lúc ấy ánh sáng nhòa đi. Tôi có cảm giác hụt hẫng. Nhạc và đèn màu cùng nổi lên hào hển. Tôi không nhớ là tôi nên làm gì, đành ngồi nép vào nàng. "Điệu mở đầu cho qua", tôi nghĩ và đưa mắt theo dõi anh chồng Thu. Anh ta ngồi hơi ngả ra ghế, quàng tay qua vai cô không nhúc nhích. Tôi cũng quàng tay qua vai nàng, cũng không nhúc nhích. Người ta đã vào gần kín bàn. Nàng nói dịu dàng:

- Tăng-gô đi anh, mình vào đi.

Lạy Chúa! Tôi như chàng rô-bốt vừa được bấm nút. Anh chồng Thu mềm mại dìu cô đứng lên.

Chúng tôi vào sàn. "Bảy tám. Một hai ba. Bốn năm sáu...", tôi nhẩm đếm và bắt đầu nhảy. Chân tôi líu lại, cứng ở nơi đầu gối. Tôi chỉ cảm thấy âm nhạc rối mù lên trong đầu. "Bảy tám...", nàng giật khẽ tay tôi nhắc.

- Tăng-gô kia mà anh!

Tôi vẫn lú lẩn. Tay tôi huých phải mạn sườn một cô gái, còn chân tôi giẫm vào chân bạn nhảy của cô ta. Họ lướt tránh xa tôi. Nàng giật tay lần nữa, áp sát người tôi:

- Anh buồn cười nhỉ, nàng nhắc. Tăng-gô kia mà.

Tôi bị loạn nhịp mặc dù đang tự trấn tỉnh. Không được. Vẫn bấn loạn! Nàng buông tay tôi ra. Tôi hoang mang theo nàng về bàn. Thế mới biết cái sự học giỏi chưa chắc đã thành tài là vậy.

- Xin lỗi em, tôi ghé vào tai nàng.

- Có gì đâu anh, nàng nói và chống tay lên cằm.

- Em đừng buồn, tôi tha thiết.

Nàng nhìn vào hư không. Tôi ân hận. Nhạc ngừng. Các cặp nhảy tản về

bàn. Thu hồn nhiên hỏi:

- Ơ thế hai người không nhảy à?

- Có, tôi buồn bã đáp. Nhưng anh quên.

- Em phải dẫn anh ấy chứ, Thu bảo nàng.

- Chán thật, anh lú lẩn hết cả Thu ạ, tôi đỡ lời.

Lại nhạc. Lần này tôi cố lắng nghe. Thực ra tôi chỉ thấy xập xình. Đúng là xập xình. Tôi ghé vào tai nàng:

- Bao giờ tới "bốp" em bảo anh. Nhất định anh nhảy được.

- Vâng, nàng trả lời như một cô học trò.

Đúng lúc ấy có một chàng trai xuất hiện. Anh ta chẳng trẻ hơn tôi - bây giờ tôi mới có thời gian so sánh - Thậm chí ngó bộ chẳng có gì đặc biệt, nhưng ra dáng thành thạo chìa tay mời nàng. Nàng đứng lên theo anh ta ra sàn. Tôi cố trấn tỉnh ngồi ngả ra ghế. Vợ chồng Thu ngồi lại với tôi, không nói gì. Thế là nàng tiên cá của tôi nhanh chóng lọt vào tay chàng thủy thủ điêu luyện. Họ lướt trên sàn, thỉnh thoảng quay tròn, thỉnh thoảng ưỡn người, thỉnh thoảng nhập vào nhau. Các đôi khác cũng thế. Điệu ấy là như thế, không thể khác được, tôi nghĩ.

Rồi cũng tới lúc nhạc ngừng. Chàng thủy thủ dẫn nàng tiên cá trở lại bàn trao trả cho tôi. Tôi nói với nàng:

- Em nhảy đẹp lắm.

- Cũng được phải không anh, nàng kéo ghế xích ra phía quạt trần.

- Em nóng à? Tôi hỏi vô duyên.

- Dạ vâng.

Lại nhạc. Uych. Uych. Uych! Uych. Uych. Uych! Rồi lại Uych. Uych! Tôi chưa kịp nhận biết loại nhịp gì thì chàng thủy thủ đã tới và nàng tiên cá của tôi cùng vợ chồng Thu đứng lên. Tôi lại ngồi một mình, "Bảy tám. Một hai ba. Bốn năm sáu. Bảy tám...", tôi đếm thầm. Đúng là "bốp' rồi! Lần này thì tôi không còn lú lẫn nữa. "Bốp" một trăm phần trăm là "bốp"! Chả lẽ tôi đi vào sàn nhảy một mình? Thôi được, để Xì-lô ta nhảy với nàng, tôi nghĩ. Xì-lô là điệu đơn giản nhất, ta không thể để mất nàng. Dẫu sao nàng cũng đã cảnh tỉnh ta rồi!

Nhạc ngừng. Mọi việc vẫn diễn ra như nó đã diễn ra. Và nhạc lại bùng lên. Tôi chưa kịp phân biệt thì đã thấy họ đung đưa trên sàn. Thu kêu đau bụng đòi về. Tôi có cảm giác Thu không đau bụng mà đang tìm lối thoát cho tôi. "Chờ chút xíu nữa", chồng Thu nói và đứng dậy mua nước chanh. Nàng đang áp má vào ngực chàng, giống như hôm nọ đối với tôi. Và họ đan tay qua lưng nhau. Họ quấn vào nhau. Đấy, cái sự không ghê gớm đang bị lợi dụng. Hình như họ đang nói với nhau điều gì? Các cặp khác có cặp giống thế. Có cặp chỉ đặt tay vào nhau đung đưa. "Thể xác chẳng qua chỉ là con ngựa thồ, thồ món hàng tâm hồn", tôi nghĩ và lấy thuốc ra mời chồng Thu hút. Chúng tôi cùng uống nước chanh. Thu cũng uống, có nghĩa là Thu giả vờ đau bụng. "Món hàng tâm hồn của ta đã bị mất giá, hay con ngựa thồ thể xác của ta đã bị thương rồi?", tôi tiếp tục nghĩ và nhận ra họ đang níu vào vai nhau. Ô hô!

Điệu Xì-lô chẳng đơn giản chút nào. Tôi cảm thấy hình như cái thằng tâm hồn của tôi đang biến thành con ngựa hoang, chạy thí mạng trên cánh đồng, còn cái thằng thể xác lại cứ ì ra đần độn đến khó chịu. “Đàn ông mười thằng thì chín thằng bịp bợm, nếu không nói là mười một”, tôi nhớ lại và nhớ tiếp: “Hãy giữ ấm đôi chân và lạnh cái đầu”. Lời khuyên ấy bây giờ thiết thực với cả hai thằng thể xác lẫn tâm hồn tôi quá. Nếu ta muốn thuần hóa con ngựa hoang tâm hồn thì phải biết giữ cho cái đầu lạnh.

Thu níu vào vai chồng khi chàng thủy thủ đưa nàng tiên cá lại bàn. Chúng tôi cùng dìu Thu ra cửa. Chàng thủy thủ tiễn nàng và họ nói với nhau điều gì đó khi tôi và chồng Thu vào bãi để xe.

- Theo em anh nên thu xếp tới câu lạc bộ học lấy vài tuần, nàng nói sau khi xe tôi đã đưa nàng tới chỗ rẽ chia tay với vợ chồng Thu.

- Anh cũng cảm thấy thế, tôi nói lạnh lùng.

*

Sẽ chẳng có gì đáng kể sau cái đêm chia tay nhạt nhẽo ấy, nếu không có đám cưới của vợ chồng Thu. Ấy là cái ngày khá vui của nhóm bạn bè lúc nào cũng mong cho nhau được ấm êm hạnh phúc. Tôi đã âm thầm lên câu lạc bộ học nhảy và tôi không còn ngọng nghịu nữa. Tôi hy vọng sẽ được trổ tài. Nhưng thật rủi cho tôi, tối ấy mưa to quá, sân thượng nhà chồng Thu chẳng được chứng kiến những bước nhảy thành thục của tôi. Người đưa nàng tới không phải anh chàng “chẳng có gì đặc biệt” hôm nào, mà là một anh chàng khác, đúng là anh này có nhiều điểm đặc sắc. Cao, mảnh, đeo kính cận và tự lái xe con, và tự ôm khá nhiều quà cưới, và chủ động khoác tay nàng, và nói chung là có vẻ sang trọng. “Anh ấy là giám đốc công ty...” nàng nói với tôi. “Chúng em đang đầu tư làm một Restaurant Chine, tuần sau khai trương, thế nào anh Bình cũng tới vui nhé”. “Mừng cho em”, tôi nói và cầm ly chúc các bạn tôi hạnh phúc.

Cứ ngỡ thế là viên mãn, nào ngờ, lúc tôi dắt xe ra về, anh chồng ít nói của Thu tiễn tôi ra cổng, mặc dù chỉ có hai người, anh vẫn ghé sát vào tai tôi thì thầm:

- Có được sự vui hôm nay, cậu nên nhớ rằng, mình phải trả giá đắt lắm đấy.

- Dĩ nhiên rồi, tôi hồn nhiên nắm tay anh. Thôi thế là phấn khởi lắm rồi.

- Cậu này thông minh mà chậm hiểu, anh vỗ vai tôi vẻ thương hại. Tao nói cái giá là giá theo nghĩa đen ấy.

- Có nghĩa là thế nào?

- Là tao phải chìa ra mười cây vàng Thu nó mới chịu về...

- Anh nói gì mà ghê thế!

- Chứ lại chả ghê. May mà các cụ bán cái nhà trên phố, chia cho...

- Nhưng cái chính vẫn là tình nghĩa, anh đừng nghĩ xấu...

- Tình nghĩa cái con khỉ, anh ghé tai tôi nói gay gắt. Nếu cậu có mười cây,

tôi bảo đảm cậu chẳng chịu tới đây một mình.

Tôi không muốn nói chuyện với anh nữa, mặc dù có thể sự thực là như vậy. Tôi nhấn nút đề xe và vọt ra phố. Tôi có cảm giác cái thằng tâm hồn của tôi không muốn ở chung với cái thằng thể xác đần độn, mặc dù hắn đang phóng xe như điên trên đường phố vắng. Đâu đó như có tiếng kêu thất thanh khi tôi dừng xe trước cổng nhà. Tôi nhận ra chính cái thằng tâm hồn lãng mạn của tôi đang bắt con ngựa thồ thể xác ngoác miệng rộng ra, tru lên những lời thống thiết: TÌNH ƠI LÀ TÌNH!

TRUNG TRUNG ĐỈNH



BÙI THANH TUẤN

vụng về nỗi đau

Nương thân mãi chốn rừng già
Đa mang một gánh sơn hà vô tri
Bàn chân níu bàn chân đi
Trái tim đá níu cuồng si trở về
Rừng thiêng nước độc khôn thề
Nỗi đau ấy cứ vụng về nỗi đau
Với tay tóc bạc trên đầu
Tóc trên môi, mắt cũng màu ấy thôi
Đêm qua nghe tiếng con người
Âm ba vọng suốt một đời dã nhân

BÙI THANH TUẤN



NGHIÊU ĐỀ

về núi thăm người

● cho k.trường thời rong chơi ca múa

Ngày rạng – chút hơi sương trên đá
về trời – theo con nắng sớm mai
núi ở Imperial cao ngất
ngồi dưới đất này ta biết núi cao

đá dựng – vút đỉnh trời – đá dựng
từ im hơi đã mấy ngàn năm
con ốc thở hết đời sóng vỗ
dấu trong lòng đá – biển mênh mông

cây đau lá bỏ mình từng buổi
cái Bống còn xương trắng chẳng tan
nửa đêm thân hóa vàng rạng rỡ
tưởng mặt người, đỏ nến hồng soi

đêm lóng lánh những đồng xu cũ
bỗng lưng đầy âm tiếng vang xưa
thời đỏ đôi nụ hồng trên ngực
cây vương trời lá ngóng chân vua

Sài Gòn thứ bảy nạm châu ngọc
chân bước về xóm ngõ vi vu
ngoại ô rơm óng mùa gặt mới
lót ổ ta nồng ấm hơi người

kinh đen nước quẩn quanh thành phố
gót rực hồng khi bước chân qua
người lóng lánh đạp xe lóng lánh
đất trời theo dõi miết nan hoa

ghế đẩu, uống cà phê với nhau
ở Phú Lâm thời tên bay đạn lạc
môi vẫn nhiều như lá trên cây
giăng mắc lối đi về thơm ngát

ở chân cầu xa lộ đêm hè
gió con trẻ thả rong ngoài nội
những cánh dừa đêm – những cánh dừa đêm
dịu dàng dấu tiếng người đang thở

cỏ mềm ngậm một chút sương ướt
dụi đầu mê ngủ giấc thật thà
sáng mai thức, mặt trời lên mặt
phấn hoa còn bay miết đêm qua

mắt trách móc dậy nồng nàn cũ
chỉ mình ta riêng biết với nhau
Ngã Bảy, biệt đãi người, Ngã Bảy
dấu trong trời này hạt mưa sa

hạt mưa ở nơi nào chẳng biết
có về thăm lều cỏ ta chưa
hạt mưa ở nơi nào chẳng biết
vệt hồng đào – rượu cưới ta xưa

đi trên đường Minh Mạng buổi chiều
soi mặt đám đông người kẻ chợ
lửa thuốc dài đom-đóm-đêm-hè-phố
thuở làm vua từng đốt hết Sài Gòn

đứng trên bục giảng đường vừa tan
cầm chắc nụ hôn người lẫm liệt
lộc mở toang rừng mới tinh khôi
đi hành lễ thành thân cùng nguyên đán

lộng lẫy ta thời-rong-chơi-ca-múa
dấu in riêng hồng ngực đám ôn nhu
mỗi gốc cây ta một trời nhật nguyệt
thắp mặn nồng rạng rỡ bạn bè xưa

chỗ nước xoáy chân Cầu Kinh sâu
trăng sa chân đắm chìm đáy nước
cũng sa chân em nụ hôn đầu
hoảng hốt mở tay thời thương khó

con nước dậy qua cầu Bình Triệu
đổ hoang mang đám lục bình trôi
lá dăm cung cúc hoài mong ngóng
gió nào bay cây cải về trời

đi trên đường Nguyễn Huệ buổi chiều
xao xác cánh én bay về tổ
chiều tan theo từng cánh én tan
ta cũng mất tăm hơi từ đó

Sài Gòn ngồi bẹt dưới mặt đất
những ngày ta nín thở qua sông
Sài Gòn dẹp lép dưới mặt đất
bóng dần tan ra biển mù tăm

đập thịt xương ngươi vào đá núi
chẳng âm vang gì tiếng thở than
ông Bụt đã ra người thiên cổ
cái Tấm giờ đã bỏ đi hoang

Khuya khoắc có khi trận gió nổi
lòng ốc kêu đòi bến bãi xa
lá trạng nguyên thổi lửa bừng phố thị
về chờ trăng có buổi đi qua

ngày rạng chút hơi sương trên đá
về trời theo con nắng sớm mai
núi ở Imperial cao ngất
ngồi dưới đất này ta biết núi cao

Chocolate Mountain – tảng kẹo lớn
trầm tích người ôm ngủ thảnh thơi
ngàn năm sau nếu hoa dại mọc
kể như ta tặng dữ cho người

NGHIÊU ĐỀ



TRỊNH KHẮC HỒNG

người bác họ



Những năm học trên tỉnh, tôi ở nhờ nhà bác. Dĩ nhiên hằng tháng nhà tôi cũng có gửi tiền lên, những món tiền thật ít ỏi vừa đủ cho tôi ngày hai bữa. Gia đình tôi khó khăn, bác cũng thông cảm. Hơn nữa các anh chị tôi đều đã ra riêng, chỉ thỉnh thoảng mới dẫn cháu về thăm ông bà. Có tôi ở, nhà bớt phần vắng vẻ.

Bác trai tôi làm việc ở Bưu điện, cũng sắp đến tuổi về hưu. Những buổi sáng tối, ngồi bên ấm trà, có tôi chuyện trò lai rai cũng đỡ buồn. Tôi ở nhờ nhà bác như thế mấy năm, và qua những buổi chuyện trò đó, cuộc đời bác hiện ra trước mắt tôi rõ mồn một. Có điều đến nay tôi vẫn không hiểu rõ là bác tôi, ở đây xin dùng vài từ to lớn, đã hạnh phúc hay đau khổ?

Bác tôi sinh ra trong một gia đình sống ở vùng ven thành phố. Nhà có mảnh vườn, mảnh ruộng, nuôi thêm vài con heo, con gà, xoay sở quanh năm thì vừa đủ. Gia đình ráng nuôi cho bác ăn học, để có thể lên tỉnh làm việc, thoát khỏi cuộc sống vất vả. Bác đậu cao đẳng tiểu học, vậy là đã khá, đã có thể được xem là có học thức và bác đã thi vào ngạch hành chánh thời Pháp thuộc. Việc này đôi khi bác vẫn nhắc lại cho con cháu nghe, xem như một tấm gương nỗ lực. Thời đó máy đánh chữ là của hiếm, chỉ các cơ quan mới có và gia đình cũng không đủ khả năng cho bác theo học ngành chuyên môn này. Bác đã nghĩ ra cách giải quyết là gửi mua một cuốn sách dạy tự học đánh máy và tìm một mảnh giấy bìa cứng đúng kích thước mặt loại máy đánh chữ thông thường. Trên mảnh giấy bìa đó, bác vẽ những chữ cái đúng vị trí như trên máy. Bác mày mò tự học nửa năm và đã thi đậu vào ngạch thư ký đánh máy. Rồi bác được bổ vào làm việc tại bưu điện tỉnh. Đúng như gia đình mong muốn.

Sau đấy gia đình nhờ mai mối, hỏi vợ cho bác. Trước lễ hỏi, hai bác gặp

nhau vài lần tại nhà bác gái. Bác gái không đẹp nhưng được nết người. Hai bác sống với nhau yên ổn, ít khi phải to tiếng. Bác trai đôi khi nhận xét:

- Ông bà mình vậy mà có lý. Vợ chồng đâu cần phải yêu nhau mới ở với nhau trọn đời được. Miễn là mỗi người giữ bổn phận của mình. Đâu phải như đám thanh niên thời nay.

Thời cuộc biến chuyển. sau ngày toàn quốc kháng chiến, theo lệnh chính quyền lúc đó, gia đình bác cũng tản cư như nhiều gia đình khác. Thời gian tản cư khoảng hai năm, cả nhà sống nhờ vào quán hàng xén tạm bợ của bác gái, rồi sau đấy lại hồi cư, như nhiều gia đình khác. Trở về thành, bác xin làm lại ở bưu điện như trước. Việc này không khó vì bác không thuộc thành phần tình nghi đối với Pháp.

Như vậy là thời cuộc đã ra khỏi tầm quan tâm của bác. Về thành, việc đầu tiên của bác là để dành tiền mua một chiếc xe đạp, loại nhập từ Pháp.

- Chẳng thà mình chịu tốn một lần mà xài bền. Xe bác ngó bề ngoài vậy mà còn tốt hơn xe của cháu đó.

Chiếc xe đó hiện bác vẫn đạp đi làm ngày hai buổi. Đến sở, bác đem xe để trong góc phòng làm việc của mình. Về nhà, bác dắt xuống bếp cất. Thói quen giữ lại từ hồi còn trẻ. Như vậy hoàn toàn bảo đảm, chẳng sợ mất mà cũng ít có ai mượn.

Căn nhà này bác mua được nhờ tiền chơi hụi để dành. Trình độ học vấn của bác thấp nên mặc dù đã làm việc nhiều năm trong ngành, bác cũng lên được đến bậc trung. Ý kiến bác về chuyện này vừa phải:

- Cấp trên trước đây cũng có ý cất nhắc, cho bác đi học chuyên môn. Nhưng bác ngại, đi bỏ nhà lâu không yên tâm. Vài lần như thế rồi người ta như quên bác luôn. Vậy cũng có mặt khỏe của nó. Như thế này mình cũng đã đủ sống rồi. Đèo bòng mà làm gì.

Tiền lương không lớn, bác chia làm ba phần: phần lo chuyện học hành cho con, phần chơi hụi dành cho tuổi già, phần để chi dụng hàng ngày trong nhà. Đều đặn như thế, không sai chạy, tháng nào như tháng nấy. Món tiền xài duy nhất cho bản thân bác là những ấm trà vào sáng sớm trước khi đi làm và buổi tối sau bữa cơm. Trà cũng xoàng thôi, loại bọc giấy, bán ở hiệu tạp hóa kế bên. Một đôi khi cơ quan hay các tổ chức từ thiện bán vé xem phim hay ca nhạc cứu trợ nạn nhân thiên tai, hỏa hoạn, bác cũng mua một đôi.

- Trước để giải trí, sau nữa để người ta khỏi chê mình bủn xỉn.

Thời cuộc lại biến chuyển. Sau ngày hiệp định đình chiến được ký kết, bác cũng chẳng có gì phải lo. Chuyện tiếp quản, di cư vào Nam hay ở lại chỉ xẩy ra ở miền Bắc. Trong Nam chính quyền chuyển dần qua tay quốc gia. Ngày công chức được tập trung hai bên đường để hoan hô hoàng đế Bảo Đại về nước, bác phải có mặt là đương nhiên. Rồi ngày đi đả đảo Bảo Đại, hoan hô Ngô Tổng Thống, bác cũng có mặt. Còn chuyện phe quốc gia lục đục đến độ nổ súng vào nhau là chuyện xẩy ra tận Sài Gòn, tận trong Nam, không đụng đến bác.

Rồi chiến tranh lại tiếp diễn. Điều lo âu duy nhất của bác thời gian đó là

lo chạy giấy hoãn dịch cho đứa con trai một trong nhà. Thành phố nhỏ, người ta dễ quen nhau. Hơn nữa bác tôi ở, nhiều người thương nên anh tôi được cấp giấy miễn dịch vĩnh viễn. Sau này nhớ lại, bác chép miệng:

- Nước mình sao chiến tranh liên miên hoài. Cũng may là anh cháu khỏi đi lính.

Sau bảy lăm, bác tôi được lưu dụng. Đấy là điều bác tôi cho là may mắn nhất của dời mình.

- Cháu nghĩ coi, bao nhiêu người đi học tập, khổ sở mà vợ con ở nhà không biết ra sao. Mình được vậy là quá may mắn. Tranh giành làm gì? Đến lúc sa cơ, phải vậy.

Tất cả cuộc đời bác đấy. Tất cả con người bác đấy. Tôi sống bên bác một thời gian dài. Bác đối với tôi khá tốt. Nhưng đôi lúc nhìn bác ngồi lặng yên bên tách trà, một cảm giác bực bội dậy lên trong tôi. Lúc ấy tôi không hiểu rõ tình cảm của mình. Một hôm tôi buộc miệng hỏi bác:

- Trước đây bác có bao giờ yêu một cô gái nào chưa?

Bác cười, như hơi mắc cỡ lại có phần tự hào. Một lát sau bác kể, giọng ngập ngừng:

- Năm chị hai cháu được bảy, tám tuổi, nhà bưu điện tỉnh mình có nhận một cô mới ra trường về tập sự. Cô làm việc chung với bác. Thấy cô mới ra trường, công việc còn lọng cọng, bác chỉ vẽ tận tâm. Mấy tháng sau cô đâm ra có cảm tình với bác.

Bác im lặng. Tôi chờ đợi, biết thế nào bác cũng sẽ kể hết, vì có lẽ đây là lần đầu tiên bác có dịp kể về chuyện này.

- Cô khá đẹp. Có những buổi trong phòng vắng người, cô với bác nói chuyện với nhau rất lâu. Bác cầm tay cô, cô để yên.

Bác lại im lặng, như cân nhắc:

- Chuyện này lập lại đôi ba lần. Nhưng sau đó bác tự động tách ra. Bác nghĩ hậu quả sẽ phiền hà cho nhiều người. Mà rồi cũng vậy thôi. Sau đó cô xin đổi đi làm ở tỉnh khác.

Mà rồi cũng vậy thôi? Tôi nghĩ thầm.

Năm đó bác đã lo sẵn một cuộc đất dành cho hậu sự của cả hai ông bà. Bác chỉ mong kết thúc yên ổn như đã sống. Nhưng bác kết thúc không yên ổn. Bác bị ung thư cuống họng. Gia đình đưa bác vào bệnh viện. Lúc đó bịnh đã nặng. Mỗi lúc vào thăm, tôi ngửi thấy mùi hôi quanh người bác. Cổ quấn băng dầy, bác không còn nói được nữa. Phải buộc một cây bút và một tập giấy trước ngực để bác bút đàm. Bác vẫn để ý đến công việc nhà. Bác hỏi bác gái việc tiêu pha với những khoản tiền chi vào căn bịnh. Mắt bác đượm buồn.

Những ngày đó ở nhà, tôi tẩn mẩn dỡ những cuốn sưu tập tem của bác ra xem. Đấy là thú vui duy nhất của bác. Mà không tốn kém. Chỉ trao đổi thôi. Những con tem xưa cũ. Bỗng nhiên tôi cảm thấy ngao ngán trong lòng.

Sau đấy bệnh viện bảo đem bác về nhà. Gia đình biết là đã hết. Đôi khi tôi phải phụ để thay quần áo cho bác. Một chén trầm được đốt lên thường xuyên trong phòng cho bớt mùi. Nhưng những lúc lại gần bác, tôi muốn buồn nôn.

Cả cơ thể bốc lên mùi hôi thật nặng nề. Có những đêm đang mê man, bác ngồi dậy, ôm gối đi đi lại lại trong phòng. Tôi hỏi bác đi đâu. Bác viết ra như đang còn tỉnh: Đi chích thuốc.

Tôi đến đặt bác nằm xuống giường. Trong ánh đèn, tôi thấy nơi hai khóe mắt bác ứa ra những giọt nước mắt hiếm hoi. Những lúc đó tôi mới cảm thấy mình thương bác một cách sâu sắc.

Không biết bác khóc gì, tiếc nuối gì ở cuộc đời này?

TRỊNH KHẮC HỒNG
(Paris 12/94)



THÁI NGỌC SAN

tháng tư hoàng cung

Tháng tư chim Phụng không lại
Đến kỳ ngô đồng nở hoa
Nỗi buồn còn mắc trên ấy
Vấn vương một điệu tình ca

Người đi mờ theo lối cũ
Vàng son nhạt nhòa bay theo
Có tiếng ai như cung nữ
Gọi tình lang bên cửa triều

Màu hoa một thời ngọc biếc
Vẫn chờ dấu bóng chim xưa
Chim không về, hoa vẫn nở
Thành quách hồn đá son mờ

Người đi lạc vào cổ tích
Nhớ nhung tình cũ lạt phai
Tượng đá ngậm ngùi đứng khóc
Đâu đây vẳng tiếng đàn ai...

THÁI NGỌC SAN



ĐỖ TRUNG QUÂN

phía sau thơ

Cám ơn em, người chẳng bao giờ quan tâm đến những bài thơ anh viết. Người chẳng bao giờ để mắt tới những trang bản thảo anh quăng bừa bãi trên bàn, người đứng ngoài cuộc đời riêng của anh hằng đêm – nhưng vẫn thức cùng anh suốt sáng...

Cám ơn em tách cà phê nóng, khi cơn buồn ngủ đe dọa bài thơ ngày mai sẽ phải bỏ nửa chừng – cám ơn em những đĩa cơm chiên khi cái đói đã làm anh muốn rời bàn đứng dậy – cám ơn em, kẻ đứng ngoài chuyện văn chương nhưng đôi mắt cứ quầng đen sâu thẳm – vẫn thức sau lưng anh như chiếc bóng lặng thầm...

Ngày mai... có những người con gái đọc thơ anh, có những người con gái yêu thơ anh. Những bài thơ tình nồng nàn có tất cả những người đang yêu nắm tay nhau dạo phố. Những bài thơ có nắng ban mai, có chiều lộng gió. Có tất cả, trừ em – người không bao giờ có mặt torng thơ anh nhưng vẫn cứ cùng anh thao thức...

Cám ơn những đĩa cơm chiên không có trong thơ, những ly cà phê nửa khuya không có trong thơ, và những bước chân em thầm lặng...

thương nhớ hoa đào

Sài Gòn không mưa bụi
mùa đông hay mùa xuân
phố dài lên áo ấm
khói lên chiều cuối năm
cành lan nào năm ngoái
em gửi trước sân nhà
lạnh rồi - hoa chớm nụ
em có về thăm ta?
em có về phơi áo
dây mướp đã vàng hoa
em có về gội tóc
giếng ta còn xanh trong
em có về mở cổng
gom lá cũ trong vườn
kịp cùng ta đốt lửa
hong tay vào khói sương
em có về – tiếng guốc
(dù đã quên lâu rồi)
khua ngoài thềm gọi nhé
với riêng lòng ta thôi
em hiểu lòng ta với
còn thương nhớ hoa đào
em hãy về – áo đỏ
như Nguyên đán hômnào
Sài Gòn không mưa bụi
mùa đông hay mùa xuân
em có là chim sẻ
tha mây về cuối năm

ĐỖ TRUNG QUÂN



LÊ MINH KHUÊ

anh rất yêu em!



Đã cuối năm rồi mà thư mẹ chưa đến. Buồn quá. Tôi rủ mấy đứa trong phòng đi uống ly sữa nóng nhưng bọn nó không đi. Đành phải đi một mình vậy. Cái quán giải khát của sinh viên này mà bày đủ thứ, y như ngoài phố. Đến hàng chục lọ ngâm rượu nhiều màu sắc, nhìn khá ngon lành. Ngồi uống sữa, nhìn khuôn mặt lạnh như tiền của cô bán hàng mà nhớ tới bữa cơm tối ở nhà. Trong bữa cơm lúc nào bố mẹ cũng tủm tỉm cười nhìn mấy chị em chí chóe. Thức ăn chẳng có gì mà nồi cơm cứ hết veo. Ôi sao mãi đến bây giờ vẫn chưa nhập gì vào được đời sống thị thành, cứ quê một cục như thế này thì chán thật. Ma nào nó hỏi tới? Tôi cúi đầu rồi khi ngẩng lên bỗng giật thót cả người. Ở bàn bên kia anh Chiến và chị Thương, hai người nổi tiếng ở trường này, đến nỗi một đứa như tôi mà còn biết.

Chị Thương con nhà gia thế trong phố lớn. Lúc này chị mặc váy len màu xanh, áo len trắng, tóc cài một cái nơ trắng cực to. Khuôn mặt chị đẹp tới mức lúc nào nhìn thấy chị, tim tôi cũng đập như vừa chạy đường xa, dù tôi là con gái. Chưa bao giờ có cái gì đẹp một cách phi thường đến như vậy. Lúc nào chị cũng như nhìn thấy tất cả mà vẫn như không thấy gì. Cái nhìn làm ai cũng lo âu. Không hiểu sao tôi cứ có cảm giác sẽ trở nên lố bịch trước cái nhìn của chị. Chị đang có gì tức tối, tôi nghĩ mình chả đáng cho chị tức nhưng sao chị cứ liếc tôi hoài. Mắt chị tối sầm lại và tôi nghĩ có lẽ chị đẹp chứ không hiền. Không ai hiền mà lại gây cho người khác cảm giác sợ sệt khi nhìn chị. Chị và anh Chiến yêu nhau. Anh Chiến cũng đẹp trai hết sức. Cái đẹp thường có ở người đàn ông phương Nam, vùng mà nắng và gió đều rạch ròi, đều mạnh mẽ. Đàn ông trong đó có cái gì sinh động, không ù lì như mấy chàng sinh viên quê tôi. Anh Chiến có nước da nâu, mái tóc cắt cao kiểu mới nhất. Anh khoác cái gì vào người trông cũng tuyệt, như lúc này vậy, anh chỉ mặc một cái áo len đã bạc màu mà trông anh như ông hoàng. Anh Chiến không

cười trông đã hay, khi cười trông lại hay hơn nhờ cái răng khểnh bên phải. Tôi cố nghĩ xem hai người nói gì với nhau. Không phải tôi tò mò gì, nhưng cái nhìn của chị Thương làm tôi không yên.

Anh Chiến nói đặc giọng Sài Gòn:

- Em cứ hay giận lẫy như vậy, thật buồn hết sức.

- Em đâu có hay giận dỗi như mấy cô gái quê. Nhưng đang đi chơi thích vậy, anh lại kéo em vào đây. Cái quán lem nhem này đâu có đáng...

Anh Chiến cười dễ dãi:

- Xứ mình lúc này cái gì chả lem nhem. Em đừng để tâm.

- Vâng, em xin. Nhưng chẳng nhẽ vì như thế - chị liếc nhìn tôi - Mà anh bắt em vào đây? - Trời đất ơi - Anh Chiến cố lấy giọng đùa bỡn - Ước gì anh có thể phanh trái tim anh cho em thấy. Anh với em, chuyện đó hiển nhiên như trời đất rồi mà...

- Thôi đi anh. Thật chán hết sức...

Và chị Thương đứng bật dậy bỏ đi. Chị còn liếc xéo sang tôi một cái làm tôi rất sợ. Chị đi ra, chiếc váy len của chị căng lên như cánh buồm nhỏ gặp gió mạnh. Đôi chân thon dài trong tất và trong đôi giày cực đẹp của chị là một đôi chân chỉ thấy trong mấy tờ báo hay đăng ảnh các cô hoa hậu, người mẫu. Tôi chưa thấy ngoài phố hay trong trường này một người nào có đôi chân như của chị. Chị bước đi, dù đang bực bội nhưng vẫn uyển chuyển hết sức. Những bước đi có thể xoay vần cả thế sự, có thể biến đổi cả thế giới. Ôi, làm con gái đẹp thật tuyệt vời... Không chỉ tôi nhìn theo chị. Bao nhiêu cặp mắt quanh tôi cũng nhìn chị. Những cái nhìn như muốn nói: đẹp đâu mà đẹp dữ?

Chị Thương đi xa, tôi cúi xuống ly sữa, thấy bình tâm vì không còn cái nhìn xéo sang của chị. Tôi uống và ăn mẩu bánh mì nhỏ. Tôi chả có thì giờ nấu cái gì ra trò. Vả lại tiền cũng gần hết. Lúc đó anh Chiến ngồi lại một mình. Tôi rất ngại anh ấy nhìn cái áo khoác xoàng xĩnh của tôi, cái áo tự tay mẹ may cho từ thời trung học, tôi thích mặc vì mẹ may, vả lại nó rộng rãi, tiện lợi trong từng cử chỉ. So với các sinh viên trong trường, cái áo khoác trên người tôi quả là tồi tệ, bây giờ quần áo nhiều, người ta thay đổi mốt xoành xoạch chứ đâu có "tứ thời" như mình. Tôi cố ăn nhanh để đứng lên, về học bài thì anh Chiến đã mang ly cà phê sang ngồi ở bàn tôi. Điều này có cái gì rất chướng, đấy là nói về phía tôi. Tôi mà dám ngồi với anh Chiến? Tôi mở tròn mắt nhìn anh và cảm thấy mình lố bịch. Anh chiến đặt một bàn tay lên tay tôi, kiểu như bảo tôi là cứ bình tĩnh. Cái răng khểnh của anh quả có sức làm yên lòng. Đôi mắt nâu của anh cũng trong trẻo như nụ cười của anh.

Tôi nhớ cách đây ít lâu, trong buổi hội khoa, người ta có tổ chức vũ hội, tôi đã quen anh Chiến. Lúc đó tôi đứng trong đám bạn gái "nhà quê" cùng lớp, xem người ta nhảy. Từng đôi từng đôi, không ai đi sai bước, không ai dẫm chân lên chân ai. Tuyệt thế đấy. Mình mà sinh ra trong thành phố chắc gì lúc này mình phải đứng xem. Mấy đứa đang nói với nhau như vậy thì anh Chiến nhìn tôi chăm chăm. Tôi tưởng anh sẽ trêu tôi như mấy anh ở lớp trên vẫn

trêu vì thấy tôi nhút nhát. Nhưng anh Chiến đã tiến lại chỗ bọn tôi. Anh nắm lấy tay tôi, phía trên khủy và anh nói to:

- Nào, ra đây nhảy với anh!

Tôi co người lại, mặt nóng bừng. Lũ con gái đun đẩy tôi. Tôi thấy ngượng và sợ, anh Chiến bảo:

- Cứ tới đi em, cho vui.

Tôi lí nhí:

- Em ở nhà quê lên, em đâu biết nhảy.

- Nhưng em đã học ở đây gần năm rồi còn gì?

- Em ít đi ra ngoài lắm. Với lại em không có tiền học nhảy như các anh.

Anh Chiến cười rồi đứng lại chỗ bọn tôi. Mấy đứa ôm miệng cười rúc rích, y như ở nhà quê trong buổi họp đoàn vậy, cứ ôm miệng, cười tít lên. Tôi ngượng cho mấy đứa mà chả biết nói sao. Nhưng anh Chiến lại tỏ ra thích thú. Anh bảo tôi có mấy cô bạn dễ thương quá. Có cùng quê không? Tôi và anh chuyện trò dăm ba câu. Anh hỏi điểm thi trung bình của tôi năm vừa rồi ra sao?

- Chín phẩy năm, anh ạ.

- Trời đất, dữ thế. Con gái xứ Bắc dễ thương như em mà học lại giỏi dễ sợ. Anh thích mấy cô học giỏi lắm!

Bọn bạn tôi lại cười khanh khách. Tôi tức lắm nhưng cũng đành phải cười, biết làm sao? Anh Chiến đang định nói gì với tôi nữa thì chị Thương xuất hiện. Trong kia, người ta đang nhảy điệu cha cha cha - Anh Chiến bảo như vậy và chị Thương ở trong cơn lốc đó hiện ra. Chị mặc váy may kiểu Thượng Hải, tóc búi cao. Chị kiêu sa đến độ làm tôi cảm thấy mình nhỏ như con kiến. Tôi nhìn màu xanh trên cái váy của chị và nghĩ là trên đời này chắc không có gì đẹp bằng màu xanh. Cái màu xanh trên người chị dường như xanh hơn, sang trọng hơn bội phần. Một cách tự nhiên, anh Chiến khoác tay chị:

- Chào em.

- Anh bỏ em một mình trong kia.

- Em thì có lúc nào một mình?

- Thôi đi, anh chỉ được...! - Chị Thương dài đuôi mắt liếc anh Chiến và hai người cười với nhau, như họ đã là một từ lâu lắm. Anh Chiến quay qua tôi giới thiệu với chị Thương:

- Đây là cô bé Quyên, học năm thứ hai. Giỏi dữ nghe Thương. Điểm chín phẩy năm đó.

- Chào chị ạ! - Tôi rất sợ khi chị Thương nhìn tôi từ trên xuống, vì chị cao gần bằng anh Chiến mà anh Chiến phải cỡ mét bảy mét tám. Nhưng chị Thương đang vui và chị nhoẻn cười với tôi:

- Chào em, bắt tay cái nào.

Tôi chìa tay cho chị và cảm thấy chị có bàn tay rất cứng cáp, trái ngược với khuôn mặt mềm mại và kiều diễm của chị. Mẹ tôi thường bảo đàn bà đẹp mà bàn tay cứng là những người lí trí mạnh. Tư duy của họ rành mạch và duy lí hơn những người có bàn tay mềm. Mẹ là cô giáo ở làng, chắc mẹ nói không

trúng đâu... Chị Thương chỉ bắt tay tôi rất nhanh và tôi thấy chị để tay xuôi theo người, như động tác chùi tay nhưng có lẽ không phải. Rồi chị quay ngoắc qua anh Chiến:

- Đi anh. Anh phải biểu diễn bài này cho tụi nó lác mắt!

Anh Chiến có vẻ không thích nhưng anh cũng chào tôi, gật đầu và nheo mắt như làm cho tôi yên lòng.

Chuyện ấy xảy ra lâu rồi. Lúc này chị Thương đã đi khuất sau con đường trồng toàn cây bạch đàn. Có lẽ chị biết là mọi người vẫn nhìn theo chị sao đó nên chị vẫn đi những bước rất gợi cảm... Anh Chiến nhìn tôi, nhìn ly sữa và anh chỉ tay vào ly sữa:

- Em uống đi, nguội hết trơn rồi.

- Anh Chiến này, chị Thương bỏ đi mà anh không buồn sao?

- Ờ, chị ấy là con gái Hà Nội, hay giận lẫy, em đừng để tâm.

- Theo em, anh nên đi theo chị ấy...

Anh Chiến cười rồi nghĩ sao anh bật cười rất lớn: - Vậy mà anh tưởng em ngốc nghếch lắm. Thì ra cô cũng đâu có quê mùa, phải vậy không? - Anh đặt tay lên bàn tay tôi và nói như sợ tôi dỗi: - Chạy theo chị ấy là một ý hay đấy, nhưng anh không thích. Anh tiết lộ bí mật nghe. Mấy chị này ấy mà, đừng đuổi theo thì chị ấy đứng lại. Đã đuổi theo thì chị ấy còn chạy xa hơn...

- Sao vậy?

- Khi nào đó em sẽ hiểu.

- Nhưng sao anh lại cứ làm chị ấy giận?

- Ờ, hai đứa đang đi chơi, anh đột nhiên nhìn thấy em. Và anh thấy cái quán cũng hay hay, anh kéo chị ấy vào. Chị ấy thì làm sao xài nổi mấy cái quán này. Vậy là giận lẫy. Đủ chưa?

Tôi không biết nói thế nào. Vì sao thế, anh bảo cái quán có tôi ngồi trông cũng hay hay. Ôi, mấy cái anh này chỉ hay trêu chọc thôi.

Tôi không nói gì, chăm chú uống gần hết ly sữa. Tôi muốn đứng lên về học bài nhưng thấy anh Chiến vẫn ngồi, sợ rằng về sẽ bất lịch sự nên tôi không dám đứng dậy. Tôi đang phải phấn đấu để dành được cái học bổng của hội Từ thiện, giúp bố mẹ. Ước gì tôi được giàu có như chị Thương. Tới đó chắc tôi sẽ học dữ hơn để giỏi hơn. Và có tí chút thì giờ để làm cái đầu, để may áo quần và cái chính là đi xem Hà Nội người ta sống ra sao. Nghe nói nhiều cái sợ lắm!

Anh Chiến giơ tay ra:

- Anh xem chỉ tay tí chút được hôn?

Anh cầm bàn tay tôi có vẻ chăm chú xem các đường trên đó. Nhưng anh không phán xét gì hết mà chỉ nhìn vào mắt tôi. Cái nhìn sao đó khiến tôi thấy sợ. Anh bảo tôi kể về bố mẹ cho anh nghe. Chuyện tôi chẳng có gì hết. Bố mẹ tôi dạy học ở làng, sau lúc lên lớp còn trồng rau nuôi gà. Năm nay bố vừa đào cái ao để nuôi cá còn mẹ có thêm nghề may. Đêm nào mẹ cũng cặm cuội may hàng gia công mà tiền chỉ đủ cho mấy đứa em học thêm thôi. Quê tôi heo hút lắm, chưa có điện. Từ bé tôi chưa được lên tỉnh chơi, chỉ khi đậu Đại học

ở trường huyện là ra luôn Hà Nội. Bố tôi dạy toán, lúc nào cũng nói: "Học toán giỏi thì con sẽ không sợ một ai, không sợ một cái gì. Con gái học toán giỏi thì ngẩng cao đầu ở bất kỳ đâu." Bố tôi lụi cụi đi kiếm sách toán về dạy tôi học. Khi tôi đỗ đầu vào khoa toán trường Đại học, bố mẹ làm thịt một con gà to tướng để liên hoan và may cho hai chiếc sơ mi.

- Thế có sợ không? - Anh Chiến nghe chuyện tôi rồi hỏi.

- Sợ gì cơ ạ?

- Lớp em học đến chín mươi phần trăm là con trai, con gái ít dám thi vào đấy. Ít con gái thế thì phải sợ bọn con trai chứ.

- Bọn con trai lớp em hiền lắm. Chỉ hay trêu thôi. Mà em học có thua gì bọn nó đâu?

- Ừ, chín phẩy năm thì dữ thật. Anh cũng tròn mắt đó nghe.

- Anh cứ nói, em chỉ...

- Em chỉ xoàng xoàng thôi phải không? - Anh Chiến gọi thêm cho tôi một ly sữa mà không nói trước gì hết. Anh có vẻ đang nghĩ ngợi gì đó và im lặng khuấy đường trong ly sữa cho tôi. Anh ấy quá đẹp trai. Người như anh ấy quả không có nhiều và người đẹp như chị Thương cũng đâu có nhiều. Vậy mà cứ cãi nhau.

- Em nghĩ gì vậy?

- Em đang nghĩ về chị Thương. Bao giờ anh chị làm đám cưới ạ?

- Ngoài Bắc người ta không nói làm đám cưới như trong Nam nghe không?

Anh Chiến dùng ngón tay trỏ dứ dứ vào trán tôi như tôi vẫn làm với mấy đứa em. Rồi anh nhìn vào mắt tôi và tôi lại thấy sờ sợ. Tôi nói đùa để phá tan cái sợ sệt đó:

- Bây giờ dân ngoài Bắc, "xài" tiếng Nam dữ lắm.

- Em thấy chưa, em đâu có "quê một cục" như vẫn tự nhận. Đùa cũng dữ đó chớ. Nào, uống đi!

Tôi thấy anh cố tình trốn câu hỏi về đám cưới nên tôi cũng thôi. Từ đó anh và tôi im lặng. Lần đầu tiên tôi có được cảm giác dễ chịu tột cùng khi ngồi trong quán ấm áp bên cạnh một người đàn ông.

Một người đàn ông đáng tin cậy.

*

Chiều hôm ấy chị Thương lại vào trường trên chiếc xe máy sáng choang. Chị mặc áo màu ve và khoác một cái áo len rất sang trọng, khoác một cách hờ hững làm sắc đẹp của chị có một cái gì đó phi thường, quả là không mấy khi nhìn thấy. Đôi giày đồng màu với chiếc áo len. Chị không cột nơ mà chỉ để mái tóc chảy dài ra như dòng suối trên lưng. Anh Chiến đi cạnh chị. Anh cầm một cuốn sách dày, tay kia cầm cái vợt cầu lông và đôi giầy anh đi, cô bạn tôi đang đánh giá vì nó rất sành, nghe nói bán tới triệu bảy.

Kinh khủng thế đấy. Một đôi giày giá một triệu bảy. Bọn tôi, mấy đứa

cùng phòng, chụm đầu bàn tán. Nghe nói nhà anh Chiến ở Sài Gòn, giàu lắm. Nghe nói tháng nào ba má anh cũng gửi ra mấy triệu vì anh không học theo lớp đâu, anh theo học giáo sư Phúc về môn vật lý. Giáo sư Phúc ngày trước là một trong mấy nhà vật lý có công trong việc phá thủy lôi của Mỹ ở Hải Phòng. Ông không sành sỏi trong việc kiếm tiền nên sống chật vật lắm. Từ khi ông nhận dạy riêng cho mấy anh như anh Chiến, ông đã mua được xe máy và không thấy vợ ông cãi cọ hỗn láo với ông như trước nữa. Nhưng nghe nói, lại vẫn là nghe nói, dù giàu có, anh Chiến rất trọng thầy Phúc. Anh lễ phép với thầy như bọn mình hồi học lớp một yêu quí cô giáo vậy. Người như thế mới hay chứ!

Bọn tôi vừa bàn tán vừa nhìn qua cửa sổ. Anh Chiến đang nói gì đó rất sôi nổi với chị Thương. Chị Thương đã hết giận dỗi, lại đang cười mỉm làm cho khuôn mặt chị đẹp như mấy cô diễn viên trên phim Mỹ mà tôi được xem. Anh Chiến có vẻ yêu chị một cách công khai, nồng nàn và hai người vẫn như mọi khi, là một cặp độc nhất vô nhị ở trường này.

Cái Thảo nằm ở giường bên cạnh tôi, một đứa rất chịu chơi vì mẹ nó có cửa hàng ăn ở huyện, nhìn tôi soi mói:

- Quyên, mày có biết mày cũng đẹp không?

Cái Phương chen vào:

- Mày cao một tí nữa, son phấn vào một tí nữa, mà vất mẹ nó cái áo khoác cổ lổ sĩ này đi... thì cũng được giá đấy.

Bọn nó kiếm cái thước dây và đè tôi ra, đo đo đếm đếm làm tôi suýt hét lên vì khó chịu. Cả hai đứa gật gù:

- So với hoa hậu thì không thua. Làm sao mày lại có mấy cái số đo chuẩn thế?

- Thôi, vất chuyện học hành đi. Làm người mẫu hái ra tiền.

Bọn nó đùa dai nhưng tôi không thể cáu được - Tôi cũng tò mò muốn biết xem mình ra sao. Tôi để yên cho hai đứa chải mái tóc dài, niềm tự hào của mẹ khi mẹ gội đầu cho khi tôi còn học lớp cấp ba trường Huyện. Sau một lúc gật gù với nhau, bọn nó ngao ngán nhìn tôi:

- Nhưng bao giờ mày hết ngố, hả?

Ở nhà cũng vậy, mẹ cứ sợ tôi khôn nhà dại chợ. Còn thằng em áp tôi vẫn trêu chị:"Con ngố nó ám thì làm sao mà khá lên được?"... Thôi, thế nào cũng được đi. Chỉ cần sau này ra đời, làm sao gặp được một người đàn ông chỉ cần một tí chút đức tính của anh Chiến. Chỉ thế thôi, đâu có dám mơ ước cao xa. Tôi bỏ lại bàn, ngồi học, mặc kệ hai đứa thầm thì bàn tán gì đó. Lời bố cứ văng vẳng bên tai: “Con gái mà giỏi toán thì sẽ không sợ bất cứ một ai”.

*

Trời càng cuối năm càng lạnh dữ dội. Ban đêm bọn tôi phải mò vào bếp nhà trường xin cục than đang cháy dở về bỏ vào cái chậu và cả ba đứa xúm vào, dơ tay ra hơ. Phải mua thêm bánh mì về nhấm nháp, vì càng khuya càng

lạnh. Một buổi chiều anh Chiến đến phòng mấy đứa tôi. Anh mặc áo lông cao cổ, đi ủng lông. Trông anh thật ấm, như được sưởi từ bên trong. Đứng ở cửa, anh nhìn bao quát căn phòng rồi lại bên cái cửa sổ đã vỡ kính, phải che tạm bằng cót ép.

- Như thế này làm sao gió không vào? Người ta không bao giờ nhòm ngó vào phòng các em sao? Kỳ quá.

Anh biến đi đâu đó rồi quay lại ngay với hai tấm ván, cái cưa nhỏ và cái búa. Anh cởi, vất áo lông lên giường tôi rồi xắn cao tay áo len. Hóa ra chuyện cưa búa anh làm rất thành thạo, và có vẻ không phải con nhà giàu. Anh thay miếng cót ép bằng hai mảnh ván ghép lại vào chỗ cửa vỡ.

- Thế này hơi tối nhưng còn hơn lạnh. Con gái không giỏi chịu lạnh bằng anh.

Ba đứa tôi ngượng ngùng nhìn anh. Chưa có ai nghĩ tới chuyện giúp bọn tôi như vậy, dù lớp rất đông bọn con trai mà ông nào cũng nói thánh nói tướng cả. Sau đó anh rửa tay rồi ngồi nói chuyện cùng bọn tôi. Anh nhìn mấy cái soong, mấy cái bát, mấy cái va li nhỏ và cả mấy chiếc chăn bông mỏng. Anh cười nhè nhẹ:

- Con gái học giỏi lại ít lo việc khác. Trông các em ở đơn giản quá. Như thế này làm sao đủ sức mà học hành?

- Bọn em có đủ mà! - Cả ba đứa cùng nói. Cả ba đứa đều đỏ mặt.

Anh Chiến ngồi chơi lâu, nói chuyện trong Nam ngoài Bắc. Anh xem mấy đứa như em út nên anh nói gì cũng thoải mái làm cả ba đứa hết cả ngượng. Rồi anh tuyên bố:

- Chiều nay thứ bảy, mấy đứa nên đi chơi cho vui, đừng chúi đầu vào sách nữa. Còn Quyên, anh nhờ em một việc. Đi với anh chút xíu.

- Đi đâu ạ?

- Đến nhà chị Thương với anh. Đừng sợ. Anh nhờ mà.

Ngồi sau xe máy anh Chiến, tôi thấy mình bé tí xíu. Anh luồn lách đi trong thành phố cuối năm đông như một cái chợ khổng lồ. Anh rẽ một cách thành thạo vào con đường vắng đầy cây xanh. Những biệt thự kín đáo sau hàng rào có vẻ tách biệt với phố phường lầm bụi. Xe máy dừng lại trước một cánh cổng sắt có khóa rất to.

- Đứng đây chờ anh.

Anh tới bên cổng nhấn chuông. Một con chó to như con bê lao ra, nó hộc lên một tiếng và nhận ra anh Chiến, nó cụp đuôi lại, rít lên những tiếng ư ử và cào cào hai chân trước vào áo anh Chiến. Tiếng chị Thương thanh thanh từ trong nhà:

- Ơ... làm bẩn hết áo anh Chiến rồi. Vào đi!

Con chó ngoan ngoãn quay vào.

Chị Thương mặc váy mỏng trong nhà, khoát cái áo lông to xù vì đi ra cửa. Chị nhún đôi vai thanh nhỏ, hơi co người vì lạnh:

- Sao anh lại không bấm chuông? Vào thôi chứ!

- Anh muốn báo là tối nay anh không đi được...

- Cái gì? Anh bận à?

Đến lúc này chị Thương đã nhìn thấy tôi, nãy giờ tôi đứng hơi chếch vào gốc cây. Tôi sợ thực sự và có lẽ mặt tôi tái đi sao đó mà chị Thương nhìn tôi một cách kỳ cục. Chị không hiểu sao tôi ở đây. Không hiểu bằng cách nào tôi lại tới được chỗ này và lại dám đứng trước cửa nhà chị... Đôi mày của chị rõ ràng là nói tới những điều đó.

- Em mời khách vào nhà chơi đi.

Anh Chiến có một thái độ hết sức thản nhiên và rõ ràng làm chị Thương không thể chịu được. Nhưng chị giữ lịch sự. Chị nhún vai, nhoẻn cười chào tôi. Ôi nụ cười của cô gái đẹp đang tức tối. Chị lắc đầu:

- Em lại có việc bây giờ!

Lúc này tôi mới có thể cất tiếng nói:

- Em chào chị ạ.

Không có tiếng trả lời. Tôi cố nói to hơn:

- Em chào chị!

Anh Chiến ném điếu thuốc hút dở xuống đất, dùng mũi giày di đầu thuốc một cách bực bội. Anh quát tôi:

- Thôi!

Chị Thương quay ngoắt vào nhà. Anh Chiến lại gần tôi, dịu giọng:

- Đừng sợ. Chờ anh chút xíu anh ra ngay...

Có chuyện gì căng thẳng lắm sau cánh cổng sắt. Đứng ở ngoài tôi còn nghe chị Thương hét to:

- Em cấm anh!

Năm phút sau anh Chiến bước ra, có vẻ rất tức giận. Cánh cổng sắt ập vào thật mạnh và con béc ghê cũng hộc lên một tiếng ghê gớm. Anh Chiến dắt chiếc xe máy xuống đường, có vẻ như quên mất tôi. Tôi chạy lại bên anh, làm cho anh trở lại chú ý tới mình. Anh bừng tỉnh:

- À, thôi anh em mình đi chơi nhé?

- Còn chị Thương ạ?

- Chị ấy bận.

- Anh này, cho em về rồi anh trở lại nhà chị Thương đi. Em có lỗi gì đâu. Sao chị ấy giận em?

Anh Chiến đã bình tĩnh lại. Anh lấy giọng đùa cợt:

- Không phải đâu, ai người ta giận em làm gì? Chị ấy thấy anh hôm nay hơi quê. Em nhìn xem, có quê không? Không được bước vào phòng khách. Ôi, cái phòng khách của nhà chị ấy... em có biết thế nào là cung điện không? Giống như cung điện vậy. Lúc nào anh sẽ đưa em vào chơi.

- Không, em vào thế nào được. Em sợ ngất đi được ấy!

- Có anh cùng đi, không sao hết. Thôi, anh đưa em đi ăn nghe.

Tôi chưa kịp phản ứng, anh đã cho xe máy lao đi. Tim tôi vẫn còn đập mạnh vì chuyện xảy ra ở nhà chị Thương. Bậy quá, có lẽ vì mình mà anh chị ấy cãi nhau. Biết làm sao bây giờ? Khi anh Chiến ngoái lại phía sau hỏi lần thứ hai, tôi mới nghe:

- Em thích ăn gì?

- Em ấy à? Em chỉ thích ăn bánh mì thôi. Hay anh cho em về đi. Bọn nó thổi cơm rồi anh ạ.

Tôi nghe anh Chiến cười thật lớn, chả hiểu anh cười cái gì. Đầu anh lắc lắc như chê trách. Anh cho xe đi vòng vo mấy phố rồi vào khu sầm uất nhất. Trong một quán ăn nhỏ, anh gọi cho tôi một đĩa mì xào, thêm một quả trứng để bên cạnh.

- Em ăn đi. Sao trông em xanh dữ thế? Học căng mà không có giải trí thật không tốt.

Anh trầm ngâm ngồi bên cốc bia, không uống mà chỉ hút thuốc.

- Anh không ăn ạ?

- Anh sẽ ăn. Em ăn đi. Chưa bao giờ đi ăn quán phải không?

- Vâng ạ. Mẹ dặn em là đừng đi ra phố. Người ở thành phố không tốt đâu. Mẹ bảo chỉ nên học thôi, anh ạ.

Anh Chiến lại cười. Thật to. Rồi anh lại nhìn tôi, vẫn cái nhìn khiến tôi thấy sợ như mấy hôm vừa rồi. Anh có vẻ đã quên trận cãi nhau với chị Thương.

- Học xong em sẽ về đâu? Dự tính gì chưa?

- Mẹ bảo em là về tỉnh làm việc cho gần nhà.

- Sao không về nhà luôn cho an toàn?

- Nhưng...!

Lúc này anh Chiến cười đến nỗi tôi cũng phải cười theo. Mặt anh đỏ bừng và anh chảy cả nước mắt. Anh vẫn không giải thích vì sao anh hay cười tôi đến thế. Tôi nói sang chuyện khác:

- Nhà chị Thương làm gì hả anh?

- Gia đình chị ấy sống bằng tiền ở nước ngoài gửi về. Chị ấy đi học cho vui thôi.

- Ôi, sao có người sung sướng thế, không phải làm gì cả.

- Thế đâu phải là sung sướng, em nghĩ mà xem.

- Em thì chỉ thích sống với mẹ thôi. Ở nhà đi đâu em vẫn phải theo mẹ, không dám đi một mình.

- Cứ sợ mãi như thế đâu có hay gì? Người ta cười cho. Học giỏi như em là hạnh phúc nhất. Cuộc đời không có gì đáng sợ đối với em, anh coi chỉ tay rồi, anh biết. Có muốn khi ra trường anh đón em vào Sài Gòn xin việc không? Trong đó họ trọng tài năng lắm. Cái đầu của em là mỏ vàng đấy, cô ngốc ạ. Anh sẽ đưa em đi nhé. Đồng ý?

- Nhưng còn chị Thương?

- Lúc đó anh và chị Thương sẽ đón em đi. Được chưa?

- Vâng ạ. Nếu có chị Thương thì em sẽ đi xem sao. Còn mấy năm nữa cơ mà. Chị Thương chắc không giận em đâu?

Anh Chiến cầm ly bia lên uống và lắc đầu cười. Anh chê trách tôi cái gì nhỉ?

*

Những ngày cuối năm trôi đi rất nhanh. Tôi lao vào học cũng chẳng mấy khi để ý tới chuyện chung quanh nữa. Tôi lại thấy anh Chiến khoác tay chị Thương đi vào Câu Lạc Bộ Sinh Viên, hoặc là chơi bóng với nhau trên sân thể thao. Chị Thương trông như dịu dàng hơn, kiều diễm hơn và anh Chiến cũng vậy, trông anh rất đẹp trong bộ đồ thể thao mỗi buổi sáng anh chạy trong sân trường. Hình như mọi việc lại được thu xếp và chảy theo dòng chảy bình thường. Có hôm chị Thương còn vẫy tay chào tôi khi bọn tôi lên giảng đường. Thỉnh thoảng sau buổi cơm chiều, anh Chiến thường ghé qua phòng mấy đứa tôi, lúc cho cái kẹo, lúc cho mấy quả táo và có hôm anh còn cho tiền để mấy đứa đi xem phim ngoài phố. Anh hay làm như vậy, tôi không thích nhận của anh nhưng cái Thảo, cái Phương thì hồn nhiên reo hò ầm ĩ. Bọn nó trấn an tôi:

- Chả sao đâu, ngố ạ!

Và mọi việc cứ diễn ra như chuyện đùa vui.

Một tối thứ bảy, hai đứa cùng phòng đi chơi, tôi đang ngồi ôn lại bài bằng tiếng Nga thì anh Chiến tới. Anh ngồi một lúc lâu không nói gì làm tôi phải lúng túng tự hỏi không hiểu anh đang gặp chuyện gì buồn? Chắc lại cãi nhau với chị Thương? Hay giáo sư Phúc trách cứ gì anh? Ông ấy hết sức nghiêm khắc trong chuyện học hành mà tôi thì thấy anh hay chơi. Tôi đang định hỏi chuyện thì anh Chiến đã hỏi:

- Tết này em làm gì, Quyên?

- Em về thăm bố mẹ em. Em nhớ nhà lắm.

- Về nhà hả? Xa lắm không?

- Xa lắm ạ. Đi xe nửa ngày, về thị xã lại phải chuyển xe, đi hai tiếng nữa mới về tới nhà. Em đã đi về vài lần rồi, thấy cũng chả sao.

- Anh có một ý hay. Tết này anh sẽ đi về với em. Đồng ý?

Tôi giẫy nẩy:

- Không được đâu anh ạ. Đường về nhà em xóc lắm, anh người Sài Gòn, anh chịu sao được?

- Anh chịu được. Anh là đàn ông mà.

- Thế chị Thương...

- Đừng nghĩ đến chị Thương. Chị ấy không về nông thôn bao giờ.

- Em nói là chị ấy sẽ buồn khi anh đi chơi xa...

- Chị ấy có đông bạn bè lắm. Em đừng lo. Đồng ý nhé?

- Ôi, nếu mà được như thế... Chắc bố mẹ em mừng lắm. Em phải viết thư về để bố mẹ em biết là có khách Sài Gòn.

Có cái gì đó làm tôi thấy đau nhói trong tim. Có cái gì lờ mờ, không rõ ràng nhưng làm tôi rất sợ. Vì sao một người giàu có, đẹp tuyệt diệu như chị Thương lại cứ làm anh Chiến giận? Tết mà bỏ đi chơi ở nông thôn thì chắc là hai người cãi nhau to rồi. Sau này nếu như có ai yêu mình, mình sẽ yêu người ấy đến mức cả ngày hai đứa chỉ thầm thì.

Trước khi về, anh Chiến cầm tay tôi, kiểu như xem chỉ tay nhưng có lẽ anh không nghĩ tới việc xem chỉ tay. Anh đang nghĩ đi đâu. Đúng là cãi nhau to rồi. Không thế thì sao anh buồn?

Những ngày sau tôi thấy anh hay đi qua sân bóng mà từ cửa sổ, bọn tôi hay đứng nhìn mọi người. Anh ngước lên cửa sổ vẫy tay chào mấy đứa. Anh vẫn chạy buổi sáng. Và lạ chưa kìa, lại vẫn đi với chị Thương. Nhưng hai người lúc này trông như một đôi bạn trai, cười nói ồn ào, đánh cầu lông với nhau, không có vẻ như là yêu nhau. Hồi đầu năm tôi thấy anh chị ấy đi với nhau một cách dịu dàng, êm ả. Lúc này không như vậy... Còn thường thì anh buồn lắm. Đàn ông buồn như vậy đâu có nhiều. Bố tôi cả đời vất vả mà có mấy khi buồn đâu. Hay như bọn con trai ở lớp tôi ấy. Cả ngày cứ cười hơn hớn... Còn anh thì... Anh có thiếu gì đâu? Tiền bạc dư thừa, cha mẹ giàu có, người yêu đẹp... Vậy sao anh buồn thế? Mỗi khi thấy anh buồn như vậy, tôi cứ muốn khóc. Vì sao cũng không biết nữa. Lúc nào đến chơi với tôi, anh cũng nhắc: nhớ nghe Quyên, anh sẽ đưa em về ăn Tết! Và chỉ khi nào nói với tôi, anh mới lại cười phô chiếc răng khểnh bên phải. và khuôn mặt anh sáng lên vì nụ cười ấy.

Ôi, chả làm sao hiểu được mọi chuyện. Mong cho mau nghỉ Tết về nhà với mẹ. Mẹ thì nhất định giải thích được mấy chuyện này.

LÊ MINH KHUÊ

T

CHẾ LAN VIÊN

tín hiệu

Tả một môi son, có khi anh chỉ nói sắc sen hồ
Phải dấu tình cảm anh đi như ém quân trong rừng vắng
Chỉ vì anh nghĩ đến người độc giả mai sau
có cái thú đi tìm vàng trên trang giấy
Đang bơi thuyền giữa sen hồ bỗng bắt gặp môi son

vẽ cá

Anh đi xem cá và gặp người áo đỏ
Anh vẽ nên cá đỏ ở trong thơ
Rồi anh lại vẽ người bơi trong sóng thời gian như cá
Rồi anh chả vẽ gì, anh chỉ vẽ thời gian

CHẾ LAN VIÊN



HOANG LỘC

thuyền quyên cũ

● tặng chị ngọc bích

thuyền quyên của bốn mươi năm trước
chị cùng tôi chung phố, gần nhà
thuyền quyên cũ tới nay, tôi biết
nghiêng mắt bên trời tân gia ba

Nhớ cụ phan khôi, nhắm cái cái tình già
mắt ai, có lần chăng, đưa liếc?
thuyền quyên của tôi cuối thời lẫm liệt
che tay, vén tóc, trừng hôm qua

bởi cụ phan khôi xót chút tình xa
hai mươi bốn năm sau - giúp hai người ngó lại
thuyền quyên trong tôi hớt hơ hớt hãi
bốn mươi năm, trời cứ gió và mưa

có đêm nào như thế - như chưa
chưa đêm nào hai người gọp một
bốn mươi năm mía sâu có đốt
cớ gì mía hỏng cả đời cây?

HOÀNG LỘC



LƯU HY LẠC

mặt trầm

lộ rừng chim hú vía bay
miệng cắn cỏ vụt đường cày qua truông
ôm mát rượi mặt rẫy nương
nhánh tay thơm một thau hương hoa trời

LƯA HY LẠC



LỆ HẰNG

lồng lộn giữa trời



Hai đứa ngồi cười, cũng chẳng có gì buồn cười lắm, nhưng khi Mưa kéo ghế ngồi xuống, Hãn cười để chào bà chị của mình, bà ấy cũng ngu ngơ cười theo. Vậy là xong, coi như buổi hẹn hò với "bà chằng" thành công mỹ mãn. Hãn rất bằng lòng, thật ra hai chị em thân nhau từ lâu rồi, nhưng bây giờ Hãn muốn đối xử với bà chị theo cách của Hãn. Hai bà mẹ của chúng, trước kia, thời còn ở Việt Nam, là hai kẻ "tử thù" không thể đội chung một đấng đàn ông. Ông Tài, cha của Hãn, có một thời mê mệt bà Kim như thằng nghiện, có lẽ bây giờ vẫn còn cay cú lắm, nhưng ông kẹt, còn hơn người mắc xương cá. Ngày Cộng Sản vác AK vào Sài Gòn, ông Tài mất hồn, chạy bán sống bán chết. Leo lên Đệ Thất Hạm Đội, ông điếng người ngó ngoái chỉ thấy bà vợ và lũ con, nàng Kim đắm đuối của ông kẹt ở lại. Mặt mày ông nghệt ra, xanh nhợt như tàu lá.

Mười năm sau, bà Kim mới vật vã mò đến Úc. Mẹ của Hãn đổi ngay chiến thuật. Bà là người đầu tiên tìm đến thăm hỏi và giúp đỡ hai mẹ con bà Kim. Bà hì hục khuân vác soong nồi, bát đĩa, máy sưởi, chăn mền, quần áo, và cả một giàn máy may đến tặng không cho kẻ cựu thù. Bà sướng tê người. Kẻ thù của bà, con ma nữ xinh đẹp, bàn tay nuột nà kèm kẹp bóp họng bao nhiêu đàn ông. Bây giờ thời thế lật nhào phải ngậm ngùi ngửa tay nhận quà bố thí của bà. Đó là một ngày đại thắng trong đời bà mẹ ghê gớm của Hãn. Hai kẻ từng hăm he giết nhau, tạt át xít, tùng xẻo, rạch mặt, nay đành trở thành bạn, cùng chia hàng may cho nhau, cùng tính toán với nhau từng xu vắt sổ. Riết rồi họ trở thành bạn thật của nhau hồi nào không hay. Đến chừng hiểu ra mọi chuyện, người đau hơn hoạn vẫn là ông Tài. Cuộc bại trận này, ông đấm ngực một mình, loét cả bao tử mà không thể gân cổ đổ hô cho Mỹ Mẽo nào được nữa. Tội nghiệp ông. Hãn cười một mình.

Chị Mưa hử: "Hẹn chị ra đây làm giống gì mà ngồi đó cười ruồi?"

Hãn tò mò: "Cười ruồi, hay nhỉ, chị chưa dạy Hãn câu này nhá."

Chị Mưa nhăn mặt: "Hãn hư thấy mồ, dạy hoài không nhớ được câu nào ra hồn, học mấy thứ bậy bạ thì nhanh lắm".

Hãn nghiêm trang, vòng tay trên mặt bàn, nhìn thẳng vào mắt chị Mưa rồi chậm rãi từng lời như học trò trả bài: "Thưa cô ạ, em quá xá yêu chị Mưa, như thế là đàng hoàng chưa ạ?"

Mưa giật thót người, nhưng làm mặt tỉnh rất nhanh: "Hãn à, không ai nói tiếng Việt kỳ cục như vậy, chữ yêu của người Việt thiêng liêng lắm, ai đem chữ yêu ra dỡn mặt quỉ thần, bị vật chết liền đó".

"Em đâu có cà dỡn ạ, em đang nghiêm mặt học tiếng Việt với cô giáo của em ạ".

Mưa nói ngay: "Nghiêm trang chứ không phải nghiêm mặt. Này, nghe bác nói lúc này Hãn bỏ học phải không?"

"Học chừng đó đủ xài rồi. Đời là một canh bạc bịp không hơn không kém. Con người ghé vào tinh cầu này, dong chơi cho biết mùi, rồi chết cái rẹt. Tại sao phải đánh vật với chúng cho mệt, chị cứ quan trọng hóa, cả cuộc đời này có gì quan trọng lắm đâu. Học để làm gì? Những nhà thông thái chỉ là những tay kiêu hãnh rởm đấy ạ."

"Sự hiểu biết không bao giờ là đủ. Người thông thái có kiêu hãnh cũng khác thói kiêu căng của thằng ngu. Hãn không khổ cực như chị, bỏ học uổng quá. Quên nữa, chữ *ạ* mà chị cố bắt Hãn học, là tại lúc nhỏ Hãn gấu quá, bây giờ không cần nữa, lâu lâu mới dùng thôi. *Ạ* hoài người ta tưởng mình mát dây."

"Kệ bố người ta. Hãn thích là được, với lại mỗi lần Hãn nói *ạ* bao giờ chị cũng cười. Chị Mưa cười Hãn quá xá là mê".

Mưa lừ mắt: "Không được mê chị của mình, mê như vậy là mắc tội đấy. Hãn nói tiếng Việt ẩu quá trời".

"Hồi trước, chính chị nói, chỉ cần Hãn nói trơn tru tiếng Việt là chị mừng ạ, bây giờ bày đặt la mắng ạ".

Mưa đành cười, chợt nhớ vai trò cô giáo của mình, Mưa vội vàng lừ mắt. Cái quán cà phê này là một *kiosque* giữa đường giữa chợ, xế cạnh siêu thị BKK. Lũ choai choai rất ưa ngồi, chúng bảo nhau rằng người lớn họ kháo rõ ràng quán này rất giống những quán vỉa hè ở Việt Nam. Chúng bắt chước bày đủ trò ma mãnh vẫn không thành thằng Úc, thôi đành ra đây làm thằng Việt con. Chúng ngồi đó, dưới tàn cây nhỏ, lá lăn tăn, mặt mày lừ đừ, cố đóng vai thờ ơ với trần gian như bật thánh nhân. Bãi đậu xe chen chúc đủ loại, những chiếc xe bóng, rình rang khoe khoang, những chiếc tã hơn, nghênh ngang đe dọa. Những ngày cuối tuần hàng chục ngàn người Việt đổ về mua sắm, ăn nhậu, dạo chơi, nhởn nhơ lễ hội. Thiên hạ chắc mẻm người Việt rất có tài "saving". Họ đến Úc chưa đầy hai mươi năm, mua nhà gạch mua xe láng làm chóng mặt cả người bản xứ. Tài thắt lưng buộc bụng của người Việt được cả thế giới liệt vào hàng sư phụ, chứng cớ rành rành, cả một khu thương mại tấp nập người đi kẻ đến, cái nhà vệ sinh bé cỏn con. Thiên hạ thâm độc dữ, họ tin dân mình cũng tài ba hơn khi dành dụm cả những phẩm vật uế tạp

ấy. Mỗi khi nghe dấy trong lòng nỗi thèm nhớ. Mưa lại rủ Hãn về Cabramatta. Thành phố như bóng cây, như ảo tưởng khao khát trong sa mạc, như một bến xưa mờ trong quá khứ, với tiếng Việt xôn xao vây quanh, với tóc đen quen thuộc gần gũi. Thỉnh thoảng những ông những bà da trắng, những cảnh sát Úc diễu ngang, họ thoắt biến thành người "ngoại quốc" lạc lõng và xa lạ. Cabra, tên đã thành rất thân, tìm về để nghe lại mình, để thở lấy hơi đời, vậy mà Hãn vẫn hầm hừ: "Thành phố của ảo giác, nó vẫn là xứ Úc, không bao giờ là xứ Việt đâu ạ, những người tóc đen họ cũng khác, rất khác với chủng tộc cao quí mà chị nuôi trong khung vàng lịch sử. Nhìn đi, đâu phải là giống Lạc Việt của Mưa đâu."

"Trời đất!" Mưa than thầm: "Có thật là thành phố của ảo tưởng tội nghiệp không Hãn?" Bởi mỗi khi cần, Mưa vẫn phải lội ngược về Penrith để chui vào phòng vệ sinh ngào ngạt phấn son của người Úc. Lúc ấy Hãn lại cười, hàng mi dày nháy nhó, tinh ma và quái quỉ: "Vậy là ăn uống sa đà ở khu Việt, cuối cùng mò về *shop* xả xui, thâm độc hơn người Đông Hán nhá".

Thằng nhóc Hãn, cao thước tám. Có một thời, hắn không chịu nhận hắn là thằng Việt con. Hắn mặc quần *jean* thụng, áo lùng bùng dài thậm thượt đến gối, sủa tiếng Anh như gấu, uống sữa tươi, ngốn *Big Mac* mỗi ngày nên lớn nhanh như thổi. Rồi một chiều mưa ào xuống như trút nước. Hãn đứng trú mưa, mặt cũng nghênh ngang trên thềm ga lộng gió, tóc cũng rũ rượi trong mưa. Bọn *skin head* bỗng ngứa tay ngứa mắt, chúng nhào đến nện cho Hãn một trận đòn thừa sống thiếu chết. Trận đòn thù vô cớ của kẻ mất quyền chủ nhân, chảy trong máu thịt từ thời thuộc địa, thời tổ tiên của người da trắng vừa thoát khỏi bóng đen thẳm sâu của trung cổ, trương buồm đi khắp năm châu, chiếm lĩnh, đô hộ và xâm lược những chủng loại khác còn đang mơ ngủ trong chiêng trống gọi hồn của tôn giáo đa thần. Trận đòn biến thành những vết dao, cứa sâu vào trái tim lai tạo của Hãn, gây thành những trận sốt dữ dội trong linh hồn vất vưởng của thằng bé Úc da vàng. Chính lúc đó, Hãn mới chạy đến chị Mưa, tò mò nhìn ngắm Mưa như tín đồ nhìn Đức Mẹ Đồng Trinh lung linh giữa chùm nến nhỏ trong vòm cung giáo đường. Hãn bắt đầu thấm thía khi nếm thử chén nước mắm chua ngọt của mẹ con Mưa và không dám nhăn mặt chê *yuk* nữa. Từ trận sốt ấy, Hãn bắt đầu bảnh trai và hết là con nít, tay chân kềnh càng, thừa thãi đến khó chịu. Thứ tiếng Việt ngọt lịm hắn học của "cô giáo", được bồi bổ thêm ở đường phố Cabra biến thành một thứ ngôn ngữ rất kinh dị. Hãn chấp hết mọi cái nhăn mặt của thiên hạ. Hãn cảm thấy, nói tiếng Việt thật sướng miệng, nhất là chọc được chị Mưa. Hãn không dám nói yêu chị Mưa bằng tiếng Anh, thứ ngôn ngữ chính của Hãn, vậy mà nó vẫn ngoài da thịt Hãn, vẫn nhạt thếch vô hồn. Mỗi khi xài búa xua tiếng Việt, gan ruột Hãn thỏa thuê dễ chịu. Hãn khoái chí ra mặt vì tha hồ "phạm tội tà dâm" với chị. Nếu bị la, Hãn sẽ gân cổ lên cãi bướng rằng Hãn đang thực tập tiếng Việt với Mưa, chứ lòng dạ nào yêu cô giáo non choẹt đó đâu. Từ ngày nghĩ ra được trò chơi này, Hãn phởn phơ lắm, lâu lâu lại bày ra những chuyện rất nghiêm trọng như: "Chị Mưa ơi, sao tự nhiên

Hãn muốn tự tử... Chị Mưa à, Hãn bỏ nhà đi theo lũ bạn đây, lũ bạn ở ngoài đường sống hùng sống oai nghìn lần hơn Hãn đấy ạ..." Có đêm, Hãn nổi khùng, gọi cho chị Mưa rồi lạnh lùng gằn từng tiếng trong ống nghe: "*I want to cut his throat*". Mưa hiểu *his* chính là ông Tài nên lạnh toát người không dám buông máy, phải thì thào dỗ dành cậu học trò trời đánh ấy suốt đêm. Từ ngày cậu bé mọc râu lún phún, mái tóc rậm dày cứng như rễ tre, giọng đổi ồm oàm như vịt đực, mặt mày lừ đừ như lão nghiện, nàng Mưa nhà ta hoảng hồn, hẹn ở chỗ nào cũng phải chịu. Dù sao hai đứa cũng chơi thân với nhau gần mười năm chẵn.

Hãn khuấy nhẹ ly cà phê, bưng lên bằng cả hai tay đưa cho Mưa. Gương mặt Hãn khi nâng ly thủy tinh rướm thứ mồ hôi lạnh ngắt của nước đá, óng ánh màu hổ phách, trịnh trọng như người đang tế lễ. Vẻ khôi hài ấy vẫn không dấu nổi cơn sấm sét của hoang mang chập chờn trong đáy mắt, nửa hung hăng, nửa buồn dã dượi. Mặt Hãn bắt đầu gồ ghề, những chân râu gợi đầy nhục cảm, hai hàng mày đậm đà sinh lực. Hãn thành người lạ, như Mưa chưa từng ra oai dạy viết chữ Việt xấu như gà bới, như chưa một lần nào chia nhau những gói khoai chiên nóng hổi, chưa một lần nào... Ngày Mưa mới lóp ngóp bò đến Úc, một xu teng không có nổi, tối ngày phải tò tò đi theo cậu quí tử của bà Tài. Nó là thằng nhóc tì tóc đen, lì lợm và vênh váo, không biết mảy may về Sài Gòn dễ thương của Mưa. Mưa ơn Hãn nhưng cũng thương hại nó, thằng nhỏ lúc đó ú ớ không nói được một câu tiếng Việt, gặp Mưa nó gầm gừ lạnh lẽo như con thú hoang. Nó dắt Mưa đi ta bà bằng xe lửa, đôi khi cũng chọn lầm *platform*, có thể nó giả vờ để nhìn Mưa hoảng hốt dơm dớm khóc. Một lần, hai đứa phải chờ tàu ở trạm Blacktown. Đói quá, chúng vét tiền lẻ, mua hai cái *roll* của người Lebanon. Tiếng Anh ba rọi của bé Mưa ngày đó, đủ để đọc thấy hai chữ shrimp roll. Mưa làm tài khôn, hỏng thèm tham khảo ý kiến của thằng bạn lỏi, cô bé chỉ tay chọn. Lúc ra ghế ngồi chờ tàu, cô kéo tờ giấy bọc cắn miếng lớn cho đã bụng, tôm đâu không thấy, một vị nồng nồng tanh tanh ứ trong miệng lưỡi. Cô lén nhìn cái *roll* của bạn, rồi tỉnh bơ chìa ra: "Đổi cho, thử cái này đi."

Tội nghiệp thằng bé, dạo đó chưa có một sợi lông, nhưng cũng lây bệnh galant của bố Tài khá nặng, nó đổi ngay. Con bé tham ăn thản nhiên gặm cái món thơm ngậy của Hãn. Cu Hãn đói ngấu, nhưng cũng không nuốt nổi cái của nợ lạ hoắc đó, nó lén nhìn bạn rồi gói gọn trong giấy ném nhanh vào thùng rác. Ăn gần hết, Mưa mới khám phá ra, cô bé ân hận chừa miếng cuối cho bạn, dỗ ngọt: "Tưởng Hãn đẻ ở Úc, biết ăn đồ lạ."

Chuyện cũ chợt nhớ ra, ngồ ngộ. Mau thật, như một chớp mắt, đã mười năm. Mưa nhớ thói tham ăn của mình, tập mãi vẫn không sao bỏ nổi, mấy năm nay không dám có người yêu cũng chỉ vì cái tật háu đói tai hại đó. Trò hẹn hò nào chẳng mở đầu bằng ăn uống, lũ con trai chúng sẽ kết luận cô thuộc chủng loại tham lam và ngu đần. Thôi chả dại, xài đỡ thằng bạn nhỏ này cho khỏe thân.

Hãn tò mò nhìn Mưa: "Cái gì mà cười một mình, xấu chơi he, đích thị là

đang phạm tội tà dâm ạ".

Mưa phá lên cười, mặt đỏ bừng bừng. Hãn sững, mặt nghệch ra. Chưa bao giờ cu cậu thấy ai đẹp hơn chị Mưa lúc này, tóc vương những vệt nắng vàng óng như lụa, hai má tròn mát rượi những bụi phấn của lông tơ, đôi mắt xếch lên lúng liếng. Hãn nghe tưng tức trong vành bụng, cái bụng Hãn cưng cứng. Cái trò chết tiệt này. Sao nó lại lại là "cô giáo" của mình. Bà mẹ rùng rợn của Hãn đã phom phom đem Hãn giao ngay cho bé Mưa, để Mưa dạy thêm tiếng Việt cho "em". Mưa hơn Hãn vài tuổi ranh nhưng đóng vai cô giáo bảnh chọe lắm.

Mưa dòm Hãn lom lom, bộ dạng của Hãn như thằng khờ, học được hai chữ tà dâm, cu cậu có vẻ hứng chí gớm. Hãn cũng không vừa, giương giương như con gà chọi ngó lại Mưa và không hề nao núng, Hãn thèm thôi miên cô giáo của mình quá chừng, con mồi chì quá, mặt vẫn dơn dơn. Mưa thôi cười, nhìn quanh, rồi thì thầm nói nhỏ: "Trời đất, ai dạy Hãn chữ tà dâm vậy, có biết nghĩa nó là gì không?"

"Cần gì biết nghĩa, cứ xáng đại là xong hết".

"Không được đâu, ai cũng biết chị dạy tiếng Việt cho Hãn, nói bậy bạ như vậy, mang tiếng chị đấy".

"Nhằm nhòi gì, ở xứ này, người mình có sợ giống gì nữa đâu ạ... Lừa gạt cả nhà nước, ăn gian, làm lậu búa xua hết, ông bà già Hãn đó, hết chỗ mà chê. Nhiều lúc Hãn mắc cỡ muốn tự tử vì ông bà già cho rồi. Nói đến ông bà già là tức ói gan ói mật. Chị Mưa à, Hãn phải nói ngay với chị kẻo quên... Hãn quá trời quá xá yêu chị đấy. Chị phải nhớ như vậy."

Mưa nhăn nhó: "Chị nói rồi, cái chữ yêu đó, Hãn phải để dành lại cho một người nào thật xứng đáng, phung phí như vậy uổng lắm. Tiếng Việt tế nhị hơn tiếng Anh, anh chị em thương nhau, phải nói cách khác. Ấu tả như Hãn, tiếng Việt không chịu học còn khuya mới cưới được vợ ngoan. Chị dặn trước, con gái Việt ưa ngọt, em phải nói năng như mía như đường mới được, không thì ế vợ muôn năm."

Hãn thừ người ra, rồi rủa thầm: "Bà chằng ơi, bà ngu quá mạng. Tôi biết phải xoay trò nào nữa cho bà hiểu gan ruột tôi não nề thảm thiết."

Mưa vẫn thản nhiên uống cà phê, cái mặt đã bắt đầu ra dáng lắm, không còn ngất ngơ như mười năm trước. Lối tỏ tình mà Hãn khổ nhọc nghĩ mãi mới ra chẳng động đậy chi được cô nàng bướng bỉnh này, nàng vẫn tỉnh khô, khóe môi cong lên vì chiếc răng cời càng làm Hãn nẫu người ra vì ức. Cu cậu cáu sườn, ngồi lì một đống. Đến nước này, có phạng hàng trăm câu tỏ tình não nùng tới đâu cũng bằng thừa. Mưa cứ lạnh lùng coi như cậu ta đang tập dượt tiếng Việt để mai kia lớ ngớ theo mẹ về Việt Nam cưới vợ. Vậy là xong đời thằng nhỏ. Cuộc tình kiểu "Vòng Tay Học Trò" này coi như trét họng bằng một sợi lông. Hãn đổ lì, ngồi một đống, mặt chảy dài như mặt ngựa. Vẻ lầm lì trẻ con này, chị Mưa quen quá, nên chị ta tỉnh bơ ngó làng ngó nước, ngó ông đi qua, ngó bà đi lại. Những kiểu váy dạ tiệc được quấn quanh những bà nội trợ tay dùm dề túi nhựa chức đầy tôm cá, thịt rau. Những đôi chân

cong tấp tểnh trên giầy cao gót khệ nệ chai lọ, bún khô, củ kiệu, khoai mầm. Cả đất trời này, khổ thân cho đời, Hãn chỉ còn thấy mỗi mình chị Mưa. Cuối cùng Hãn gọi:

"Này chị Mưa, sao người Việt của chị lo ăn lo uống như chạy giặc vậy?"

"À à... Tại người Việt nhớ dai lắm. Bà nội kể có trận đói chết hàng triệu người năm 45. Mới rành rành đây nè, mẹ của Mưa nhắc hoài hồi Cộng Sản chiến quyền cai trị, hàng triệu người miền Nam phải ăn bo bo của heo và ngựa. Hãn quên rồi sao? Ờ hé, Hãn đâu phải là người Việt... Nhưng Hãn là người gì nhỉ? Nhiều lúc chị tự hỏi, không hiểu đại học xứ này dạy giống chi mà Hãn học tiếng Việt mãi không xong. Hãn không phải người Việt, cũng không thể là người Úc."

Hãn nhún vai ngần ngừ, không tìm ra tiếng Việt khi đụng tới chuyện gai góc đó: "Đại học ở đây... ờ... nó..."

Mưa phân vân nói nhỏ: "Vậy là người ta không dạy Hãn làm người?"

"No! Trường Đại học ở đây đào tạo hai loại người. Loại làm vua và loại giác đấu"...

"Rồi suốt đời, Hãn cứ chông chênh không biết mình đứng ở đâu giữa hai loại người đó?"

Hãn nhún vai bực bội và không trả lời.

Chị Mưa bỗng nghiêm mặt: "Có chuyện gì không, hay lại cà dỡn ông thần?"

Hãn nổi xùng, làm mặt tỉnh để trả thù thói kiêu căng của Mưa:

"Có chuyện chứ. Không cà dỡn chút nào đâu... Này, cái cô kia, ngộ gái hén, đôi chân giống như cái cột nhà, xực cô ấy chắc dễ hơn chị. Chị Mưa giỏi, tán cô ấy dùm Hãn đi."

Mưa quay nhìn thiếu nữ, rồi mắng học trò: "Hãn phải ăn nói lễ độ và dịu dàng một chút. Con gái nhà lành họ không bao giờ ưa những kẻ bặm trợn như em đâu. Bao nhiêu công khó chị dạy em bỏ sông bỏ biển hết."

"Kệ họ, chịu không chịu thì thôi. Tại sao Hãn phải nói những gì cô ta muốn? Lưỡi của tôi, miệng của tôi. Uốn lưỡi những bảy mươi lần như Chúa nói là mất cái chất tươi chói lọi của ngôn ngữ đấy ạ. Chính chị Mưa dạy Hãn, điều răn thứ nhất để làm người là trung thực ạ."

Mưa nhún vai: "Cũng được thôi, thứ tiếng Việt của Hãn nghe mà rợn tóc gáy. Mà thôi, chuyện đó chị sẽ tính sau. Thưa ông học trò, hôm nay ngài bày trò gì nữa đây?"

Hãn nhìn Mưa, nói gọn lỏn: "Chị uống xong rồi mình đi."

Mưa kéo Hãn đi băng qua công trường nhỏ, có những cụ già ngồi chơi với nắng, mặt già bình an và êm ả nhưng vẫn không che nổi vẻ côi cút bơ vơ nơi quê người xa lạ. Mưa cúi mặt, thầm thì một mình: "... Mai kia, khi mẹ già đi, mẹ có ra đây ngồi ngó trời ngó đất. Rồi mình có chồng, có con, mình có còn thương mẹ. Hay mình sẽ vất mẹ một bên đời, để mặc một mình trong cái thế giới thờ ơ này?"

Hãn đang lầm lì, chợt thấy Mưa bặm môi, mắt đỏ lên, cậu ta ngạc nhiên

hỏi khẽ: “Sao vậy?”

Mưa than thở: “Tuổi già ở đây khổ quá. Mưa sợ... sau này không yêu mẹ bằng một phần ngàn mẹ đã yêu mình. Cuộc đời bầm dập sẽ quay mình nát bấy ra, rồi mình cũng thành kẻ bất nhân mà không hề hay biết.”

Hãn thở dài bóp nhẹ tay Mưa thay cho một lời an ủi rồi ngó những con lân bằng đá. Chúng ngồi đó, nhe răng cùng năm tháng. Có bảng đá trên cao ngoằn nghèo chữ Hán của người Hoa đè nặng lên những hàng chữ Việt nhỏ xíu. Cũng phải chịu thôi, Mưa vẫn kể Tàu họ đô hộ người mình những mấy nghìn năm. Mưa ghé tiệm Hoa Sing mua bánh cốm, chè, xôi, gỏi cuốn cho Hãn, mua thêm vịt quay bánh mì cho cha mẹ nuôi của Hãn nữa. Cô ta lúc nào cũng tỏ ra đảm đang và chu đáo hết lòng với cậu em khó dạy. Lúc hai đứa leo vào xe, Mưa hầm trong bụng nhưng cũng phải đi theo cậu em ngỗ ngược. “Kiếp trước tôi mắc nợ cậu giống chi đây không biết, vái trời cậu nợ tiền, trả bằng tiền khỏe re, nợ tình chắc chết ông chết bà tôi nghe cậu.”

Hãn tỉnh bơ hát ong ỏng theo Whitney Houston... *Glad to be... Here alone with a lover unlike no other. Sad to see... a new horizon slowly coming into view. I wanna be living for the love of. All that I'm giving is for the love of you. Lovely as a ray of sun that touches me when the morning comes...*

Xe chạy băng qua những nông trại, rồi rẽ vào một vùng toàn bụi gai, hai bên đường những sườn đồi tím ngắt hoa *lavender*. Đất nước lạ lùng, nửa giờ xe chạy, mới đó là thành phố, cửa hàng, phố chợ bây giờ là một rừng toàn cội gum già, đất đá và hoa dại tím ngắt. Tuần nào đó, thiên hạ la hoảng, nếu trời không mưa, hạn hán năm nay sẽ nguy kịch nhất thế kỷ. Trời mưa cho một tuần trăng nhỏ, lũ lụt đã ầm ầm cuốn trôi nhà cửa súc vật như một trò ú tim. Ông trời đúng là một đấng toàn năng đáng gờm. Hãn lái xe băng qua con đường chạy giữa hai bờ thành đẽo vào vách đá, rồi chui vào giữa hai hàng bạch dương, những hàng cây thẳng tắp, vươn mãi trên tầng mây, cả cành lá, cùng với thân gầy khẳng cố vươn lên cao hơn muôn loài khác trông càng trơ trọi lẻ loi hơn. Vẻ ngạo mạn khinh đời của hàng bạch dương như biểu tượng cô độc của người nghệ sĩ, suốt một đời đu dây giữa hai bờ sinh tử. Mưa yêu những hàng bạch dương, nhưng dấu kín tình yêu ấy trong lòng bằng một nụ cười vu vơ. Hãn cho xe lao xuống thung lũng, hai bên là nương đồi, cỏ xanh ngắt chấm phá bằng bầy ngựa, đàn cừu lông xù, và những ngôi nhà nằm lưa thưa đó đây trên triền dốc.

Hãn ngừng xe trước một ngôi nhà thấp, ôm lấy khoảnh đồi, bước xuống tự mở cổng rào lấy. Nhà rộng, cũ kỹ, tường xếp bằng những thanh gỗ súc vạm vỡ, mái ngói màu rêu đá. Mưa nhìn quanh, rồi lại tò mò nhìn theo Hãn một mình đi vào nhà trại phía sau. Henry và Kat đi ra, chậm từng bước như đang đi trong giáo đường của một ngày hôn lễ đã mờ trong ký ức. Gương mặt hai người phẳng như mặt giấy. Hãn vẫn nói, họ đang mất dần trí nhớ. Với họ cả cuộc đời thu gọn trong một giây và tại chỗ này. Không dĩ vãng, không lịch sử, tất cả là không không. Họ vẫn biết ăn, biết ngủ, biết bài tiết, nhưng hoàn toàn không nhớ, không biết gì hơn ngoài ăn và uống ấy. Cái không không ơ

hờ trên hai mắt nhìn rất vu vơ của họ, vẫn làm Mưa xót xa. Da mặt của ông lẫn bà đều dày bì bì, cằm và cổ xếp đầy túi mỡ. Mưa giơ tay vẫy chào, hai ông bà vẫn nhìn ngu ngơ, không hiền, không dữ. Hãn dịu dàng ôm lấy cả hai, ấn vào tay họ bánh, xôi, chè ngọt và thịt quay nữa. Mưa chớp mắt, Hãn đổi thay nhanh như phép lạ, ân cần, và tử tế hơn bao giờ. Mưa đi theo họ vào căn nhà bếp thoáng mát và rất rộng, ghế bành của Henry quay mặt ra khung cửa sổ rộng đầy nắng. Hãn nói ông cụ cũng mê nắng lắm, ngồi suốt ngày chơi với những cụm nắng ấy không biết chán. Bà Kat đỡ hơn, còn nhớ được vài người thân, nhưng thỉnh thoảng lại chìm mất vào một vùng tối tăm nào đó. Hãn là con đỡ đầu của hai ông bà, thỉnh thoảng Hãn ghé thăm, tập cho hai ông bà ăn quà vặt của người Việt cho biết mùi, thật ra nhét thứ gì, hai người cũng nuốt, ngon dở chưa chắc đã hay. Hãn tỉ mỉ xắt, xé thịt quay thật nhỏ, sợ hai người mắc nghẹn. Chè và xôi bày ra ngay tầm mắt. Mưa không được phụ, Hãn dặn đi dặn lại, hai ông bà không chịu người nào khác ngoài Hãn. "Vậy là vẫn còn nhớ ra Hãn đấy", Mưa thì thào nói riêng vào tai Hãn, hai mắt long lanh, cảm thương và âu yếm. Lo cho hai người xong, Hãn dắt con Bobin lên đồi. Ngọn đồi chạy dài phía sau nông trại vòng quanh con suối, rồi vươn tới chân núi xanh, mờ mịt trong mây và những vòm nắng lạ đổi màu từng giây. Mưa vuốt ve bờm ngựa để làm quen và không nói nửa lời. Chúng đã quá thân nhau để Mưa hiểu rõ những chứng tật của Hãn. Hãn vẫn muốn làm người Úc. Mưa đau lòng hiểu rõ như vậy. Hãn cũng học giỏi như mấy anh chàng du học Colombo dù luôn luôn dè bỉu họ bằng những lời cay chua nhất. Hãn thông minh nhưng lười học. Sức chịu đựng mong manh, phẫn nộ, bất mãn thì dư thừa hơn người. Hãn sinh ra, để phấn khích, nghi ngờ và thất vọng. Cậu ta vẫn dài miệng chê: "Tụi nó ngu như ngựa vậy, bằng của tụi nó đúng là bằng ngựa, học cái gì chúng chỉ biết cái đó, không còn biết bất cứ thứ gì trên đời này. Giáo dục ở đây tạo những con người máy rất tốt, nhưng không thể đào tạo những con người ra hồn. *Some thing's wrong!!!... Some thing's wrong!!! Cu cậu bí quá, chêm luôn tiếng Anh cho tiện rồi ầm ừ lắc đầu cho bớt thẹn với cô giáo.*

Đất để hoang, cằn khô và lầy bụi. Đó đây những tảng đá, trần thân cùng mưa nắng. Khe suối đục ngầu, la đà những hàng liễu già đổ nửa chừng, vắt ngang con suối, chùm liễu mỏng, mềm xanh đong đưa giỡn nước. Rừng thưa phía xa, vàng xanh chen lẫn.

Hãn khoe: "Trông dơ dáy vậy đó, chụp hình quay phim hết sẩy nghe cô nương."

"Biết rồi, phim bao giờ chẳng đẹp hơn đời thực."

Hãn túm gọn ống quần nhét vào giầy da, giọng bùi ngùi: "Ông nội của Henry là dân *convict*, bà nội của Kat cũng là tội nhân của Nữ hoàng Victoria bị đày sang đây khi người Aborigines còn là chủ nhân của lục địa này. Trước khi mua được nông trại, Henry làm nghề đổ phân đấy. Ngày xưa nước Úc cũng nghèo nàn khốn đốn, hàng vạn người chết khi làm đường sắt, khi dựng cầu. Nhà vệ sinh hồi đó làm gì có nước để giựt ào ào như bây giờ. Nước hồi

đó quí như vàng. Sáng sớm Henry phải đi từng nhà, lấy phân. Họ không hề xấu hổ với ông nội tù nhân của họ, nhưng gian lận, tham lam như... bố mẹ Hãn thì... nhục nhã quá. Mình đến đây, nhà ga, trường học, đường nhựa thênh thang, bệnh viện có sẵn cho xài. Lẽ ra mình phải đàng hoàng nghìn lần hơn họ mới đúng."

Hãn gục mặt xuống, và không chịu nói nữa. Một lúc sau, Hãn nhảy phóc lên lưng ngựa, hét xuống: "Có muốn thử không?"

Mưa hét lại: "Tha cho con bố ạ. Bó bột đau lắm."

Hãn đánh vật với con ngựa một lúc nó mới chịu phép cho cu cậu chễm chệ trên lưng. Mưa leo lên đồi, một mình ngó mông bốn phía. Khu nông trại rộng mênh mông, gió hun hút từ lũng xa dạt về, cuộn quanh đồi rồi tung mình lao vật xuống, cuốn theo bụi đỏ mù mịt. Mây đen bỗng ùn về che kín một khung trời. Mây đặc quánh, báo hiệu dông gió. Hãn đang say với con ngựa, cậu ta thúc ngựa phi như điên lên đỉnh đồi, rồi quay ngoắc lao xuống vực đá phía Tây. Ở đó còn một ráng chiều vàng vọt, cố vương lên chống cự với tầng mây đen xỉn. Con ngựa hí vang, lồng lên, dựng ngược hai chân trước. Hãn cũng dựng đứng người trên yên ngựa để lao xuống dốc. Gió rít lên, thổi dựng bờm ngựa và tóc Hãn rối nùi như lông thú. Mưa hét lên, hoài công, Hãn không thèm nghe nữa, Hãn và con ngựa đã lao vào cơn điên thời hoang sử. Hãn nhảy chồm chồm trên lưng ngựa, bốn vó ngựa nện đầy giận dữ. Mây đen, và bụi đất tung hoành một góc trời. Mưa đứng trong gió ngược, hét khản cổ một mình, cơn điên như bệnh dịch đã ào ào chiếm cả hồn xác Mưa khi cô nhìn Hãn lồng lộn giữa trời, cơn phấn khích chưa từng có xé tan tành mọi ràng buộc câu nệ cũ. Mưa chạy vòng vòng, cố bắt kịp Hãn và con ngựa. Tiếng hét điên khùng của Hãn, tiếng ngựa hí, tiếng gào khô họng của Mưa nữa, tan trong sấm sét của lưng trời. Mưa khóc òa, khi con ngựa vật ngã, kéo theo Hãn lộn nhào xuống vực.

Lúc Mưa tìm đường xuống thung lũng với Hãn, Hãn lết tới chỗ Mưa và con ngựa. Bobin gượng dậy rất nhanh. Hãn cà nhắc. Mưa khóc, nước mắt nhòa nhoẹt cùng với mưa dòng dòng chảy xuống.

Hãn ân hận vuốt bớt nước trên mặt bạn, bùi ngùi nói nhỏ: "Xin lỗi."

"Không xin lỗi gì hết, lồng lộn như vậy ích chi đâu?"

"Mưa không thấy đau lòng và nhục nhã à? Có nhiều lúc Hãn phải chối, không dám nhận mình là người Việt Nam."

Mưa gật đầu, nhìn chăm vào mặt Hãn, một mặt người chứa đầy dông bão: "Mưa biết. Rồi đâu cũng vào đó. Tại người mình nghèo quá, làm bậy chút ít để gửi về nuôi bên Việt Nam. Hãn không chịu thấy đấy, có rất nhiều người Việt đáng cho dân Úc phải kính phục. Có người vừa đi làm, vừa đi học. Họ làm việc cần cù hơn bất cứ chủng tộc nào. Họ hy sinh hết lòng cho con cháu họ. Con cái họ đa số đậu rất cao. Người ta đếm không nổi những bác sĩ, luật sư con cái của những gia đình tị nạn Việt Nam ở đây mà."

"Mưa lúc nào cũng bênh Việt Nam chằm chặp. Mỗi năm gian lận nửa tỉ bạc của dân Úc. Họ è cổ đóng thuế để mình lường gạt họ à? Họ không tha

đâu. Rồi Mưa coi. Họ không tha đâu."

Mưa cáu: "Rồi họ làm gì được mình nào? Báo chí cũng kỳ, người da trắng cũng gian lận, trốn thuế đìa ra đó, họ chỉ thông báo tên họ, vậy là xong. Còn người mình cứ đụng chuyện là hai chữ Việt Nam in đậm trên báo. Chủng tộc nào chẳng có người tốt người xấu. Thử cho họ làm người Việt Nam một ngày, họ biết tay ngay."

Hãn hét lên: "Chị ngu lắm. Sở thuế còn kinh khủng hơn mật vụ KGB đấy. Thủ tướng, Bộ trưởng Úc cũng xanh mặt khi chúng gõ cửa đấy, bà nội ạ."

Mưa cũng hét lại: "Hãn cũng ngu lắm, lồng lên như ngựa vía, ích gì nào? Có giỏi thì mang súng ra pằng pằng coi. Hành hạ con ngựa như vậy không *fair* chút nào hết."

Mưa vẫn không ngừng. Hai đứa vừa đi vừa vuốt mặt. Hãn lẳng lặng dắt con Bobin leo ngược lên đồi. Gương mặt Hãn lặn xuống như đá, lầm lừ. Hãn nhìn Mưa, rồi quay ngược về phía nhà kho. Mưa tò mò đi theo. Hãn ngoắt Mưa theo. Nhà kho của nông trại bỏ hoang, lổn ngổn hàng trăm thứ không dùng. Hãn xách một túi vải dầu, mở dây kéo rẹt một cái mạnh. Khẩu súng lớn lộ ra nguyên hình. Mưa lỏ mắt nhìn súng rồi nhìn Hãn, mặt tái xạm đi, líu lưỡi không nói gì được nữa.

Hãn kéo dây khóa, quăng túi vào góc nhà kho, đóng xầm cánh cửa, rồi cà nhắc lội mưa vào nhà. Suốt buổi chiều, ngồi trong trại. Gương mặt Hãn chấp chới lẫn vào mưa dông. Chính là cơn dông đã xô hai đứa gần nhau. Henry và Kat nào có biết gì. Hình ảnh Hãn lồng lộn giữa trời, trong cơn dông, từ hôm nay bám mãi trong da thịt tim óc của Mưa không rời nữa. Hãn gục xuống bàn gỗ, cái bàn gỗ cắt từ một thân cổ thụ già hàng trăm tuổi của một tù nhân dòng họ Morgan thỉnh thoảng lại lóe lên, loang loáng vì chớp nổ.

Hãn rên rỉ: "Bộ Mưa tưởng tôi không yêu cha mẹ tôi sao chứ? Tôi yêu họ cháy cả ruột tôi mà. Nhưng cứ mỗi lần tôi muốn tỏ bày, muốn nói, thì như bị mắc họng. Tôi không nói được, đến chết, chắc họ cũng không biết tôi yêu họ chừng nào. Tôi biết họ bất lương, gian dối vì tôi. Họ muốn tôi sung sướng. Họ không biết tôi xấu hổ vì họ, cứ phải gục mặt khi tụi Úc nhắc đến dù chỉ một nửa câu vô tình. Suốt cả đời, tôi chưa một lần nói được hai chữ yêu bố, yêu mẹ... Chắc không bao giờ nói được nữa. Họ làm tôi xấu hổ đến gai người, cứ thấy họ là tôi phải né đi. Trời ơi, tôi không làm sao hiểu nổi mình. Đừng nói chi... đừng nói chi yêu thương họ."

Mưa làm thinh, vươn lên bàn đưa tay cho Hãn nắm. Bộ ngực con gái căng lên. Hãn vội vã chồm sang, chụp lấy, ôm chầm lấy Mưa rồi hôn ngấu nghiến. Mưa muốn bơi trên mặt bàn trăm tuổi ấy. Cơn dông ở bên ngoài và cơn dông trong xác thịt hai đứa lồng lộn cùng nhau, nổ tung lên, nháng lửa. Chớp sấm tung hoành quất vào cánh cửa. Hai đứa cùng vật nhau đùng đùng trên bàn gỗ cứng. Trời gầm lên vì sấm động. Hãn cũng gào lên vì hạnh phúc.

LỆ HẰNG

(Tháng 2/95)

DUNG NHAM

nơi tôi viết tên

Trên những mảng vỏ cây sần sùi, tróc lở, những cành khô
Trên những chiếc lá úa vàng sắp rụng,
trên những lá khô chất chồng chờ mục rã,
Trên mặt nhựa đường nóng bỏng dẹp xác chuột,
chó mèo, ngàn vết xe qua lại,
Trên vách tường nham nhở cầu tiêu công cộng,
trong chất phân nhầy nhụa nhặn ruồi,
Trên song sắt nhà tù, trong hầm biệt giam,
Trên ngực tử tù sắp hứng đạn,
Trên manh áo rách trẻ bụi đời, trong chén, gô trống rỗng
trẻ thơ đứng chờ chực góc đường, hàng quán,
trên bàn tiệc đầy thức ăn thừa mứa,
trên những áo quần sang trọng,
trên những gương mặt béo tròn căng bóng,
trên sự nhẫn tâm,
Tôi viết tên tôi
Tôi viết tên tôi trên mặt nước hôi thối
đen đặc những dòng kênh bao quanh thành phố,
trên lớp khói bụi đen che mờ những phổi hồng,
Trên những con đường mấp mo tăm tối,
những chòi lá rách bươm nơi trú ngụ mẹ già em bé,
Trên trang vở thiếu ánh đèn của trẻ thơ học vần,
trên môi khô khát sữa,
trên ngực trần nhàu nát bao cô gái bán thân,
Trên mắt khép bu đầy ruồi nhặn của trẻ thơ chết đói,
trên da thâm người nghiện ma túy,
trên thân thể lở lói của nạn nhân sida,
trên vết thương mưng mũ người cùi
nằm kêu rên ở ngã tư đường,
trên ánh mắt vô hồn của những kẻ tâm thần đi lang thang,
trên xác chết của những cuộc nội chiến,
tàn sát chủng tộc, hận thù tôn giáo,

Tôi viết tên tôi trên bản án tử hình Rushdie,
Trên tử thi Roméo-Juliette thời hiện đại,
Tôi viết tên tôi,
Trên phế tích những nền văn minh vùi chôn thiên cổ,
Trên những xác ướp ngàn năm,
những xương tàn cốt lụi ven suối ven sông,
nơi rừng thiêng núi thẳm,
Tôi viết tên tôi trong lòng những cơn bão-lửa-sắt-thép,
trong phổi nám, những sông ngầm,
dung nham sôi sục, sóng thần cuồng nộ,
Tôi viết tên tôi trên đường bay sao chổi,
trong sự bùng nổ những thiên hà mới,
trong trung tâm lỗ đen,
trên hành trình vẫn thạch nhắm vào địa cầu,
trên trần thủng ô-zôn,
Tôi viết tên tôi trên những nụ mầm xanh mỡn,
trên cánh lá thanh niên,
mặt đại dương và những dòng sông xanh ngát,
trên hoa nụ, trên mắt rạng rỡ trẻ thơ,
những đồng lúa ngậm sữa thơm tho,
trong ánh trăng rằm, trong niềm hy vọng mới,
Tôi viết tên tôi trong gió heo may,
trên ánh sáng những bình minh êm ả,
trong cơn mưa chiều, đồng mạ mới gieo,
Tôi viết tên tôi trên những tà áo lụa, trên eo thon, trên ngực nở,
trên tay mềm, trên môi em căng mọng ngọt ngào,
Và... Tôi viết tên tôi,
Trên cách diều no gió mang lên cao mộng ước tuổi thơ,
Cánh diều mong manh dây tơ căng thẳng luôn chờ những cơn gió lớn.

DUNG NHAM
(1/1993)



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

đêm diễn cuối cùng



Xách mớ đồ hóa trang định bước ra khỏi nhà rồi, nhưng ngó trật lại Trực đang nằm co ro ở xó nhà, chiếc quần xà lỏn mỏng manh không che nổi một thân thể gầy còm như con tép đói, tự nhiên Nguyệt Cầm muốn khóc. Có lẽ anh còn đang giận chị. Anh chẳng hay đêm nay có thể là đêm trình diễn cuối cùng của vợ anh. Suốt năm năm chung sống, anh kiềng riềng chị hoài, cái nghề vừa cực nhọc có gì vui đâu mà cứ bám theo mãi...

Gần như ai theo nghề này cũng phải kiếm thêm nghề tay trái. Cùng nghề mà đều lâm vào cảnh khổ thì rất dễ cấn đắn nhau. Nghề anh thì có khác chi nghề chị, vinh cũng lắm mà nhục cũng nhiều. Anh làm báo! Nói nôm na là phải có người để anh "báo". Đằng này, vớ phải một cô vợ diễn viên cũng cần một người để "báo". Lỡ yêu nhau không dứt được rồi, họ đành xoay ra "báo" lẫn nhau.

Suốt năm năm, chị giả lơ giả điếc trước những lời kiềng riềng ấy. Hai đứa như hai người đắm tàu cùng níu chung một cái phao chỉ tải nổi một người. Phải có một đứa hy sinh, không thôi chết chùm cả lũ. Chị yêu cái nghề của chị lắm. Nên dù rất yêu chồng, chị cũng chẳng dám hy sinh buông phao đi buôn để chồng đeo nghiệp "báo". Xứng vợ xứng chồng, anh cũng rất yêu cái nghề của anh. Anh chưa bao giờ dám tưởng đến chuyện chuyển sang các xí nghiệp xuất khẩu để vợ anh thong thả theo nghề, dù đã có rất nhiều người dụ dỗ.

Vậy mà đêm nay chị đành phải diễn xuất cuối cùng! Anh không biết, mà biết làm gì nữa? Tuần sau, họ sẽ ra tòa ly dị sau gần một năm bao nhiêu người hòa giải không xong. Trong đoàn cũng không ai biết, chị chỉ nói riêng với trưởng đoàn cách đây một tháng để ông ta chuẩn bị người thay, cho đúng "luật giang hồ".

Cầm gọi một chiếc xe-đạp-ôm đến bãi hát. Ngồi ké né một bên sợ dơ chiếc yên xe dù nó đã ngả màu. Năm năm, chưa bao giờ chị hưởng hạnh phúc được anh chở đến bãi hát. Bạn đồng nghiệp ai cũng rủa. Chồng con gì tệ vậy. Không bỏ phứt đi cho rồi. Bỏ được thì đã khối người bỏ. Người ta thường nói chồng con nợ buộc. Nó như cái nghề này. Nó như nghiệp chướng. Chị dứt được sau năm năm chung sống cũng là một kỳ công. Anh thì chắc không bao giờ thoát được nghề làm báo.

Cứ nhớ một dạo anh về cứ khoe toáng lên là mới tìm ra đề tài hay lắm. Nhưng rồi chờ mãi không thấy đăng, hoặc anh cứ giấu không muốn cho chị đọc. Hỏi, thì anh nói bài bị cúp rồi, hoặc đã cắt bớt một phần trên toàn thể hoàn chỉnh của nó. Có phải đó là lý do khiến cho cái nghề của anh, ngó quanh sao lắm kẻ nổi điên. Không điên trường kỳ cũng nổi lên điên một khoảnh khắc... Nghề chi cũng vậy... Và họ cũng đã chịu đựng cơn điên của nhau trong năm năm. Như thế, thật ra đã quá nhiều.

Chị bước xuống xe. Khốn khổ, đêm nay đoàn lại nằm ở một cái bãi không được sạch lắm. Hôm qua chị muốn ói vì chỗ đặt bàn phấn sặc sụa mùi nồng của W.C. gần đó. Những người chợ đen ở bãi này nổi tiếng dữ dằn. Nhưng họ vẫn là những người dễ thương với chị. Nguyệt Cầm! Nguyệt Cầm! Họ réo lên như thân thiết từ kiếp nào. Chị cũng cười chào họ rồi đi nhanh vào trong. Chị nghe tiếng xì xào sau lưng:

- Ngó bả mét chằng kìa!
- Vậy chớ lát nữa múa võ "sung" lắm cho coi.
- Phải để bả hát chớ thay con Yến Sơn hoài mất khách hết!

Nhiều đứa trong đoàn la chị hoài về cái tật để mặt trơn tới rạp. Họ nói vậy là chị có lỗi với khán giả. Họ thần tượng mình lắm. Đừng để họ thấy bộ mặt thật của mình trước và sau khi đắp bồi son phấn để diễn. Ít ra cũng phải bôi nhẹ lên một chút đỏ xanh cho thấm máu hồng da.

Không khí chỗ hóa trang vẫn lao xao đùa bỡn như thường ngày. Chung quanh chỗ Hoài Minh, anh kép đóng cặp với chị, đang được bu quanh rất nhiều chàng trai đẹp mã. Họ mê Minh! Mấy bà má thấy chị vô thì xàng qua bớt. Má Sáu kéo cái túi của chị thồn vào đó một cái bao bằng giấy xi-măng. Không cam thì cũng sữa, đường. Má lăng xăng:

- Tao canh mày hát để đi coi. Ráng hát ngon nghe con. Tụi tao bảy bà kéo rốc từ chợ Hòa Thành vô đây coi.

Má Sáu bán cá, mấy bà kia cũng là bạn hàng cùng chợ. Nghe nói, với khách hàng má dữ dằn dao búa, nhưng với kép đào nào má thích, má ngon ngọt như cháu con. Má vẫn tuyên bố:

- Gặp Phật tao lạy. Gặp quỷ tao trừ.

Nguyệt Cầm chấm những đốm màu lên mặt rồi xoa đều ra. Bỗng dưng chị nhớ tới Ngọc Hân. Ngọc Hân là diễn viên đàn chị trước Nguyệt Cầm một lứa. Sau một buổi diễn có người mời ly rượu, Ngọc Hân bị áp huyết cao cho nên đi liền trong đêm đó. Lúc chưa bỏ Ngọc Hân vào hòm, chị cùng đoàn đến viếng. Cũng khóc Ngọc Hân khi thắp nhang với người chồng, nhưng chị

thoáng lạnh xương khi ngó bộ mặt được bôi xanh đỏ của Ngọc Hân và hai miếng bông gòn trắng đút trong mũi. Bộ mặt ấy ngập tràn sự chết chóc được trá ngụy dưới lớp son phấn đẩy người diễn viên đàn chị trở vào một cõi nào tít tắp. Mà sao dưng không lại nghĩ đến Ngọc Hân? Có phải chăng vì máu vẫn tiếp tục ọc ra giữa hai chân chị? Căn bệnh nào lạ lùng cho ca mổ ngày mai!

Bác sĩ dặn nếu được nên nghỉ hát trước một tuần lễ dưỡng sức. Và sau đó thì nghỉ ba tháng. Đó là trường hợp ca mổ thành công. Còn nếu không? Tuần nào cho "Sương trắng hương cau", tuần nào cho "Linh hồn của đá", tuần nào cho "Nàng Sêda", tuần nào cho "Tâm sự Mỵ Châu", tuần nào cho anh và em ra tòa xé hôn thú với nhau?

Các cô gái học nghề đến phụ chải tóc, thay quần áo cho chị. Chị đã sống qua giai đoạn học nghề buồn thảm này. Những năm tháng ra sân khấu đứng hàng giờ liền không được một câu bẩm báo... Người trưởng đoàn tới hỏi Nguyệt Cầm ra nổi không? Mệt lắm thì để Yến Sơn đóng thay mấy màn đầu. Chị ra dấu để chị diễn hết. Bắt đầu ngày mai Yến Sơn tha hồ. Bề gì chị cũng đã đến đây. Mệt cách mấy nhưng ra tới cánh gà rồi cũng cười lồng lộng như vừa rồi bị bệnh giả đò cho coi.

Màn mà chị yêu nhất vẫn là màn chị đơn thương độc mã sang sông phó hội được diễn ở phần thứ nhất. Nước mắt chị trào ra ướt mảng nhung bào. Đàn ông đi biển có đôi! Chị nghĩ đến ca mổ ngày mai rồi tự dỗ dành mình. Nguyệt Cầm! Chị đang diễn nỗi đau của người nữ tướng trước xương trắng nhân dân rải thây vô ích cho những tranh bá đồ vương hẹp hòi của bọn cầm quân sanh sát trong tay. Chứ không phải là giọt nước mắt tủi thân của người vợ cô đơn ngày mai một mình đi phanh bụng rạch bỏ mớ trứng gây cơn xuất huyết miên man.

Trực không biết gì hết! Anh vẫn tưởng tượng là chị sẽ được một đứa con hú hí lúc tuổi già như mơ ước năm năm nay của chị. Đó là điều kiện chị giao phải có, nếu anh cương quyết chia tay. Hồng Nhung, một cô bé học nghề, nhân lúc giải lao, dán lại keo cho cọng tóc mai, đã thủ thỉ vào tai chị:

- Chiều qua em thấy anh Trực ngồi ở quán bia ôm với một cô. Mặt con nhỏ chào quao. Hình như nó đang trách móc ảnh cái gì đó. Ảnh thì hút thuốc lá liên tục, ngó bộ không vui.

Chị lại nhớ đến cái thân thể gầy còm của Trực lúc chị rời nhà. Anh có hạnh phúc không anh? Tấm mền không biết đã bị anh hất đi chưa? Bây giờ là mùa đông. Những miếng đạn còn sót trong người anh lại trồi ra nhức nhối. Chị sợ nhất là những khi buồn anh thường đi nhậu. Có khi say anh ngủ vùi. Có khi xỉn anh cung tay đánh vợ. Mà cũng tại chị một phần. Khi anh có lỗi chị cười khan làm trêu gan anh hơn. Anh cho là chị "diễn xuất" với anh. Nhưng trời ơi! Có phải là anh đánh chị đâu! Mỗi lần bị đau nhức dưới đòn chồng, chị vẫn biện hộ cho anh như vậy. Hãy nói theo mấy ông phê bình sân khấu, có phải đó là do chiến tranh, cái bóng đen của đói nghèo dốt nát đã cột chặt hai vợ chồng vào những điều tầm thường, ti tiện, xô họ dạt về hai hướng

khác nhau.

Chị phải ra diễn tiếp màn cuối cùng. Một cái chết hào hùng. Và cũng là một cái chết hạnh phúc được sử ghi muôn thuở. Chồng con treo trên giá gần đó. Những con voi giầy xéo dưới này. Chị phải bận bộ đồ mới tinh. Mà máu thì cứ ọc ra khi chân chị chuyển động như sự sống đang lìa bỏ chị từ từ. Cho dù những chú voi thân quen có cuốn vòi nâng niu thân xác chị.

Không ai biết hết, kể cả Trực, người có lẽ cũng góp phần vào khối trứng trong bụng chị. Tại sao không là một đứa con mà lại là một mớ trứng? Chị Ngọc ở bệnh viện nói với chị, tạm thời chúng tôi vẫn coi đó là hậu quả của chất độc hóa học khi nói với thế giới, vì rõ ràng số lượng sản phụ vướng phải bệnh này đã gia tăng tới mức độ không ngờ.

Chị vẫn còn tỉnh táo lắm khi tấm màn nhung khép lại. Nhiều khán giả đòi gặp nhưng chị dặn người trưởng đoàn rồi, hãy giải tán giúp chị đám đông. Chị cũng bảo các cô gái học nghề về trước, chị muốn tự tay thay quần áo mình. Bộ đồ chị bận độn thêm cho mập ướt đẫm mồ hôi. Mấy xuất trước, chị cũng không để các cô ấy thay giúp. Ngày xưa, lúc đi học nghề, chị sợ nhất là phải làm công việc này, không phải vì vấn đề vệ sinh, mà vì người đào chánh lúc ấy trông ghê rợn như một cánh hoa tàn, một quả cam khô đã vắt kiệt sức sống.

Khi đã rửa sạch phấn, sạch son, không đi lối hông của diễn viên, chị bước xuống bậc tam cấp phía khán giả. Chị thích những tấm ghế không người như những nấm mồ khi rạp không còn ai. Bỗng chị rợn người khi thấy một bóng trắng ngồi ở cuối hàng khán giả. Nếu không có bà già quét rạp đang dọn dẹp gần đó, chị đã nghĩ đây là một bóng ma bè bạn. Có thể là Ngọc Hân đến rủ chị cùng đi. Hóa ra là Lưu. Lưu vừa thoát chết trong một tai nạn ở miền Tây về. Anh vừa sang chỗ Mỹ mồi điếu thuốc. Vinh ngồi thay vào chỗ anh và Vinh chết thay anh.

Mặt Lưu còn chằng chịt những đường băng chưa tháo hết.

- Anh có biết là đêm nay tôi không muốn gặp ai không?

- Nhưng Nguyệt Cầm phải gặp tôi. Này, tôi mới xong một kịch bản trong đầu mà ngoài Nguyệt Cầm ra chắc khó ai đóng được. Đi ăn cái gì nhé? Mình sẽ kể cốt chuyện cho nghe.

- Kiếm người khác đi. Đêm mai tôi nghỉ diễn luôn rồi.

Lưu kéo chị ra xe, chở trên chiếc xe đạp cà tàng tấp vào một hàng cháo ở một góc chợ khuya, hào hứng kể về vở kịch anh chuẩn bị viết. Anh không hề tin đó là câu nói thật: "Đêm mai tôi nghỉ diễn luôn rồi". Chị không muốn nói đùa. Không ai nói đùa như vậy cả.

Họ gặp nhau ở khu hàng ăn Cửa Bốn này diễn viên của vài đoàn bạn diễn xong tấp về đây. Ai cũng than thở số vé bán bị sút vì không cạnh tranh nổi với video. Số người bỏ hát tăng cao. Chị chọc Lưu:

- Anh điên vừa vừa. Các đoàn đang kiếm những tuồng vui vẻ để hát Tết, anh cứ lo ôm mấy cái đề tài về cõi âm như thế này, người sống còn né mặt anh, đừng nói gì tới Diêm Vương...

Lưu có vẻ cụt hứng, thôi không nói gì về kịch bản đang nung nấu trong anh nữa. Chị ngó cái đầu anh, và liên tưởng tới những nhân vật đang lúc nhúc trong ấy suýt chết oan, nếu không tình cờ, Lưu đi mồi thuốc.

Và chị bỗng nhớ chồng tha thiết. Em biết trong người anh có nhiều nỗi đau không thể nói được với ai, kể cả với vợ hay với bè bạn, người tình... Nhưng nỗi đau không thể trôi ra khỏi cơ thể như những mảnh vụn của một thời chinh chiến vẫn bám theo thịt xương cho đến lúc xuống mồ. Lưu cũng vậy. Phải chăng đó là lý do khiến ta cứ mãi lây lất cùng nghề, với ảo tưởng sẽ chia nỗi đau lẫn nhau với độc giả, khán giả của mình.

Chị hối Lưu ăn mau để đưa chị về. Thả chị ở đầu ngõ, Lưu buồn buồn:

- Nguyệt Cầm hôm nay lạ lắm! Tôi đã thấy một người nghiện chê thuốc. Đó là điềm anh ta sắp chết. Hôm nay Nguyệt Cầm có vẻ không khoái kịch bản của tôi. Một là tôi viết không hay nữa. Hai là Cầm hết thiết theo nghề. Nghĩa là một trong hai tên mình sắp có đứa tiêu.

Chị không trả lời, chạy như bay vào con hẻm tối không đèn. Bóng đèn mới bị bọn trẻ con chọi đá, trong xóm đã đóng tiền mà ông tổ trưởng chưa thay bóng mới. Cũng may là lối này chị đã quá quen. Nhà chị sáng đèn bên trong. Ngó bộ anh nằm, chị biết ngay anh đã đi nhậu lúc chị đang diễn. Đồng xu và lọ dầu lăn lóc gần đó, vài đường cạo đỏ bầm trên tay Trực. Chắc là không muốn nhờ ai, anh tự cạo gió lấy.

Bỏ gói quà của má Sáu vào tủ cho chồng mà cho tới giờ này cũng chưa biết là món gì bên trong, Nguyệt Cầm mở hộp hóa trang lấy cái thẻ bài, chị lật lưng Trực lại, xoa dầu lên người chồng để tiếp tục công việc anh đang bỏ dở. Những đường đỏ bầm hình xương cá được chị vẽ lên lưng anh.

Đồng hồ nhà bên cạnh gõ mười hai tiếng. Còn vài giờ nữa chị lên bàn mổ. Người ta bảo bà Âu Cơ đẻ một trăm cái trứng. Ước gì số trứng trong người chị nở ra thành con. Máu vẫn ọc ra giữa hai chân chị. Còn quá nhiều việc phải làm. Chưa sửa soạn áo quần gì cả cho ngày mai.

Nguyệt Cầm bỏ tiền bồi dưỡng đêm nay vào túi quần sau của Trực như bao lần trước kẻo quên. Nếu cơn mổ qua được thì một tuần nữa là lần mổ thứ hai cho mối tình năm năm của họ. Dù chẳng nên đạo vợ chồng... Đàn ông đi biển có đôi...

Chị tiếp tục thấm dầu vào chỗ nhược ở đằng sau đầu gối anh. Những miếng dán nổi lên lấm tấm đen trong màu đỏ bầm của những mạch máu li ti bị vỡ. Anh ngủ, cái ngủ say sưa ngon lành của một người bị chất men thấm nặng. Máu vẫn ọc giữa hai chân chị. Mắt chị chỉ muốn nhắm lại vì mệt mỏi. Nhưng chưa đến lúc nghỉ ngơi đâu. Chị mới ba mươi tuổi. Vẫn còn quá nhiều việc chị muốn làm. Cho dù đêm nay có phải là đêm diễn cuối cùng hay không đi nữa.

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC.



THƯỜNG QUÁN

thơ gửi bạn

Cuộc đời đẹp nhưng ta cứ vất từng cuộc đời đi
những con người chung quanh quí giá làm nên cuộc đời
nhưng ta cứ đánh mất họ đi
đêm qua tôi bước trở về một thành phố tối tăm
của niên thiếu tôi
đứng ở một góc đường tối
rời bỏ những người tuổi trẻ
tôi bước tới một dốc mở nhìn lên bầu trời

chao rực rỡ!

những đứa trẻ đã bỏ đi ngày nào
bầu trời sao bắc bán cầu chẳng mấy khi tôi được nhìn lại
chỉ nở bung một lần
rồi biến đâu đi mất
tôi loay hoay chẳng biết nói gì
khi đứa trẻ chạy đâm xuống đồi
ngửa mặt òa khóc
thường người ta bôi xóa những cảm xúc
ngoài tầm kiểm soát như thế
tôi đổ cho giấc mơ
sáng nay dấu chứng bước đi kẻ nào đè nặng lồng ngực
và sự thúc dục kéo tôi bước về căn nhà cũ
bố mẹ tôi từng ở trên một ngọn đồi
ngày mùa hè căn nhà đã bỏ hoang từ lâu
những ngọn tần ô suốt sườn đồi khô hoa đâm chỉa lên trời
làm thành một vùng ao đầm cỏ dại
những trái mận mùa hè chín nát trên cây
lũ con tôi từng hái
chúng đang đi khuất vào đâu
mọi sự đứng lại
trước căn nhà hoang chờ một trận gió buổi sáng

cái gì thực hơn cái gì?
trong lớp vỏ khô mùa hè đã lấy đi nhiều năm tháng
tôi được trả lại
mấy khối mây loãng đè nặng
như đá vân
tôi sẽ sống đầy đủ những ngày trời xanh về sau
hay tôi vẫn sẽ vất đi với sự trợ lực của những trận gió
căn nhà hoang đĩa trái cây trên mặt bàn
tôi không thể nào một lần nữa bước trở lại
mấy góc phố tối còn chần chừ đứng nán
vẫn mãi không biết đi đâu, đám thanh niên
những mảng tường tối, tình yêu lẩn khuất
không còn đợi một người nào
hạnh phúc là được ngước nhìn lên
tá hỏa vì sự rực rỡ
của bầu trời đêm thăm thẳm đêm tối
tôi không còn giục giã ai bước đi.

THƯỜNG QUÁN
(10.1.95)



HỒ ÔNG

sợi tình em giăng

Nhả ra cụm khói vô thường
Khói bay, bay hết còn vương lại mình
Bám hờ trong cõi phù sinh
Chưa rơi nhờ bởi sợi tình em giăng

giữa đường nhân gian

Tưởng như mình đã xa rồi
Trong ta nổi dậy một trời nhớ thương
Hiểu ra được lẽ vô thường
Bước chân đã lạc giữa đường nhân gian

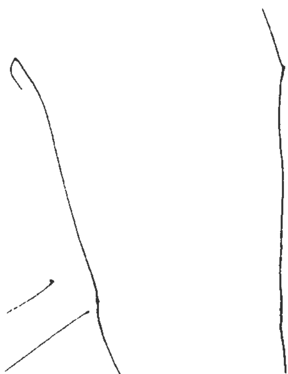
HỒ ÔNG
(Australia)



O'HENRY

MIÊNG *chuyển ngữ*

hai mươi năm sau



O'HENRY (1862-1910) sinh ở bắc Carolina, nổi tiếng nhờ truyện ngắn. Ông đã viết 10 quyển từ 1904 tới 1910. Những quyển nổi tiếng nhất in dưới dạng sách bỏ túi (Minster Classics, Pan Books) là Cabbages and Kings, The Four Million, The Voice of the City. *Khung cảnh khi thì cuộc đời thô thiển và giản dị của miền Tây và Nam, khi thì cuộc đời trong những thành phố lớn, nhất là Nữu Ước. Nhân vật thường là những tên vô lại, không đạo đức, được diễn tả một cách sống động, tự nhiên. Đoạn cuối của câu chuyện thường được kết cấu một cách khéo léo luôn luôn bất ngờ như trong truyện* "20 năm sau", *rút ra từ* O'Henry Stories *(Minster Classics, London)*.

*

Viên cảnh sát đi tuần ngược lên đại lộ một cách oai phong. Vẻ oai phong cố hữu chớ không cố tình làm le vì chẳng có mấy ai chứng kiến. Lúc đó khoảng mười giờ đêm, nhưng từng đợt gió lạnh và trời có vẻ muốn mưa làm đường sá vắng hẳn người.

Viên cảnh sát kiểm tra từng nhà một, quay tròn cây ma trắc bằng những động tác rắc rối và ngoạn mục. Thỉnh thoảng anh quay lại nhìn dọc đại lộ dài yên tĩnh bằng cái nhìn đầy cảnh giác. Với thân hình vạm vỡ, với vẻ đàng hoàng tự tin, viên cảnh sát là hiện thân của một hình ảnh đẹp của người gác cửa hoà bình. Ở khu này mọi sinh hoạt ngừng rất sớm. Thảng hoặc mới thấy ánh đèn của tiệm thuốc lá hay một cái "bar" mở cửa suốt đêm, nhưng phần đông là các cửa tiệm nên cửa đã đóng từ lâu rồi.

Khi đến giữa chừng một dãy nhà, viên cảnh sát bỗng dưng chậm bước. Ở lối vào tối đen của một tiệm bán đồ ngũ kim, một người đàn ông đang đứng

tựa vào đấy, điếu xì gà chưa đốt trên môi. Khi viên cảnh sát đến bên cạnh, người đàn ông nói vội vàng với giọng chắc nịch :

- Mọi việc đều ổn cả, ông cảnh sát ạ. Tôi chỉ chờ một người bạn. Đây là một cái hẹn đã định trước từ hai mươi năm rồi. Ông thấy có vẻ lạ lùng phải không ? Vậy thì tôi sẽ giải thích cho ông nghe nếu ông muốn chắc chắn là mọi việc đều bình thường đúng luật. Cũng gần khoảng hai mươi năm nay, trước kia có tiệm ăn tên "Big Joe Brady's" ngay chỗ tiệm đồ này đây.

Viên cảnh sát xác nhận :

- Tiệm ăn đó đã bị phá năm năm nay rồi.

Người đàn ông đứng chỗ lối vào bật diêm châm thuốc. Ngọn lửa soi rõ khuôn mặt hơi xanh, quai hàm vuông, cặp mắt sắc bén với một cái thẹo trắng nhỏ gần chân mày bên phải. Cái kẹp cà vạt của anh ta nạm một cục kim cương to tướng hơi kỳ. Anh ta nói :

- Tối nay là hai mươi năm rồi, tôi đã ăn tối ở đây, tại "Big Joe Brady's", với Jimmy Wells, bạn thân nhất của tôi, một người tuyệt vời nhất thế giới. Cậu ấy và tôi, chúng tôi đã cùng lớn lên ở Nữu Ước này cứ y như hai anh em. Lúc đó tôi mười tám và Jimmy hai mươi. Sáng hôm sau tôi phải đi miền Tây để kiếm tiền. Ông không thể lôi Jimmy ra khỏi Nữu Ước được đâu. Cậu ta cho rằng Nữu Ước là mảnh đất duy nhất trên đời, không đâu hơn. Rồi đêm đó chúng tôi giao ước là sẽ gặp lại nhau hai mươi năm sau đúng ngày giờ này, bất kể điều kiện sống như thế nào và dù bao nhiêu xa xôi cách trở phải vượt qua. Chúng tôi tin rằng trong hai mươi năm, số phận mỗi đứa đã được vạch rõ và của cải cũng đã có rồi, dù gì xảy ra chăng nữa.

Viên cảnh sát nói :

- Thật là thú vị. Tuy nhiên tôi thấy là giữa hai cuộc gặp gỡ có hơi lâu. Anh không bao giờ nhận được tin tức gì của bạn anh từ khi anh ra đi sao ?

- Có chớ. Chúng tôi có liên lạc với nhau một thời gian. Nhưng một hai năm sau chúng tôi bặt tin nhau. Ông coi, miền Tây là một áp-phe khá lớn nên tôi ngược xui khắp miền như một thổ công. Tôi biết là Jimmy sẽ gặp tôi ở đây nếu cậu ta còn sống, bởi vì cậu ta luôn luôn là người chân thật và trung thành nhất thế giới. Cậu ta không quên đâu. Tôi vượt cả ngàn cây số để tới đây tối nay, và tôi sẽ được đền bù nếu bạn tôi cũng tới.

Người đứng chờ rút trong túi ra một cái đồng hồ khá đẹp, nắp có cẩn hột xoàn. Anh ta nói :

- Mười giờ kém ba phút. Chúng tôi đã chia tay nhau ở đây, trước cửa tiệm ăn lúc đúng mười giờ.

Viên cảnh sát hỏi :

- Anh thành công ở miền Tây lắm phải không ?

- Còn phải nói ! Giá Jimmy làm được một nửa như tôi ! Cậu ta hơi chậm chạp nhưng là người rất tốt. Tôi đã phải vật lộn với mấy tên cáo già để có gia tài. Ở Nữu Ước con người đâm ra ù lì đi. Phải là miền Tây mới làm cho người ta sắc bén ra.

Viên cảnh sát quay tròn cây ma trắc và bước đi vài bước :

- Tôi tiếp tục đi tuần nhé. Hy vọng là bạn anh sắp tới. Anh ta phải đến thật đúng giờ à ?

- Ô không, tôi để dôi ra cho cậu ta ít nhất là nửa giờ. Nếu Jimmy còn trên quả đất này thì cậu ta sẽ đến khoảng giờ đó. Xin chào ông cảnh sát.

- Chào anh.

Viên cảnh sát trả lời và tiếp tục cuộc tuần tiễu, kiểm tra từng cửa khi đi qua.

Trời đổ cơn mưa bụi thật lạnh và gió nổi lên thổi từng cơn. Một ít người đi bộ còn trong khu này đang rảo bước, buồn rầu và im lặng, cổ áo kéo cao, hai tay thọc sâu trong túi. Ở lối vào của tiệm bán đồ ngũ kim, người đàn ông đã vượt cả ngàn cây số để giữ đúng một cái hẹn không lấy gì làm chắc chắn đến độ vô lý với người bạn thời niên thiếu, đang hút xì gà và chờ đợi.

Anh ta đợi khoảng hai mươi phút thì một người đàn ông cao lớn mặc áo khoác dài, cổ áo dựng đứng tận tai, đang từ đầu đường kia vội vã tiến tới. Anh ta đến thẳng chỗ người đang đứng đợi và hỏi hơi ngập ngừng :

- Cậu đấy hả, Bob ?

Người đàn ông đứng chờ ở lối vào la lên :

- Cậu đấy hả, Jimmy Wells ?

Người mới tới vừa reo lên vừa cầm hai tay bạn trong tay mình :

- Trời ơi chính là Bob, chắc mẫm như đinh đóng cột. Tớ chắc chắn là sẽ gặp cậu ở đây nếu cậu còn sống trên đời. Hừm, ừ, hai mươi năm quả là dài. Cái quán ăn cũ đã biến mất rồi Bob à. Tớ thích nó còn đó cho tụi mình ăn tối với nhau. Miền Tây đãi ngộ cậu ra sao, hở ông bạn già ?

- Tuyệt. Nó cho tớ tất cả những gì tớ muốn. Cậu thay đổi nhiều đấy, Jimmy. Tớ không bao giờ nghĩ là cậu cao như vậy, ít nhất cũng cao hơn cả ngón tay.

- Ơ, sau hai mươi tuổi tớ có cao thêm chút đỉnh.

- Ở Nữu Ước có thành công không Jimmy ?

- Tàm tạm thôi. Tớ có việc làm ở một trong các bộ của thành phố. Đi, Bob, tụi mình tới một chỗ tớ biết để nói nhiều về thời gian qua cho yên tĩnh.

Tay trong tay, hai người đi ngược lên phố. Người tới từ miền Tây mà tánh tự cao được phóng đại ra bằng những thành công, bắt đầu kể những nét chính về lịch sử nghề nghiệp mình. Người kia thì chìm kín trong áo khoác, lắng nghe một cách chăm chú.

Ở góc đường có một tiệm thuốc tây sáng rực ánh đèn. Khi họ tới dưới ánh sáng chói chan ấy, hai người cùng lúc quay lại nhìn chăm chú vào mặt nhau.

Người đến từ miền Tây bỗng dừng lại và nới tay ra. Anh ta nói khô khan:

- Anh không phải là Jimmy Wells. Hai mươi năm quả thực là lâu, nhưng không đủ lâu để biến cái mũi khoặm thành cái mũi tẹt được.

Người cao lớn trả lời :

- Đôi khi thời gian ấy đủ để thay đổi một người chân thực thành một kẻ xấu xa. Anh đang ở trong tình trạng bị bắt từ mười phút rồi, "công tử" Bob ạ. Chicago nghĩ là anh sẽ đi một vòng gần chỗ chúng tôi nên họ điện cho

chúng tôi biết là họ muốn tán gẫu với anh một chút. Anh bình tĩnh nghe dấy chứ ? Như vậy là hợp lý. Giờ thì, trước khi đến bót, anh hãy đọc cái giấy mà người ta nhờ tôi trao tận tay anh đây cái đã. Anh có thể đọc trước cửa kiếng này. Của cảnh sát viên Wells gửi cho anh đấy.

Người đến từ miền Tây mở miếng giấy nhỏ người kia vừa đưa. Tay anh ta bất động khi bắt đầu đọc, nhưng khi anh đọc xong thì nó run lên. Mảnh giấy ghi có vẻ ngắn :

"Bob, tớ đã đến chỗ hẹn đúng giờ. Khi cậu bật diêm châm điếu xì gà thì tớ thấy đó là khuôn mặt mà Chicago đang tìm. Không biết sao tớ không thể tự mình làm công việc ấy , cho nên tớ đã tìm một cảnh sát viên mặc thường phục đến để thi hành. Jimmy".

O'HENRY
Paris, Mars 1995



TRẦN MỘNG TÚ

ly nước và biển mặn

Ta yêu người như yêu ly nước lạnh
ta nhớ người như nhớ áng mây trôi
mây lãng đãng bay và nước đạm nhạt
ta yêu chậm rãi yêu xa yêu hoài

Khi nhớ nồng nàn ta đi rót nước
uống cạn ly người thở ngực ta đầy
yêu người quá ta mặc vào áo lụa
vòng tay ôm là áo nhẹ như mây

Ta yêu người như trăng yêu trái đất
trăng mờ tỏ trăng khi xa khi gần
trăng thẹn thò bàn tay mây dấu mặt
tình nôn nao như cơn hải triều dâng

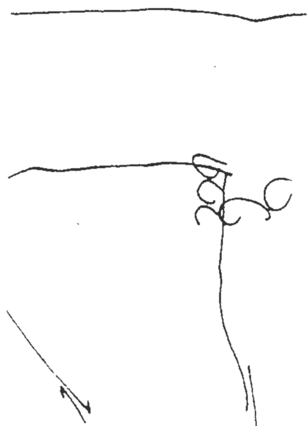
Ta yêu người như đại dương yêu muối
một hạt trên môi đủ mặn đời nhau
nếm từng hạt nên nếm hoài không hết
muối yêu đương còn mặn đến ngàn sau

TRẦN MỘNG TÚ



TIÊU DAO BẢO CỰ

thành phố không còn họa sĩ



Họa sĩ lên cơn đau tim và ngã xuống bất tỉnh khi tình cờ nghe một chương trình của đài phát thanh thành phố. Trong mục gọi là "Ý kiến người làm chủ", không nghe giới thiệu người viết hoặc tiêu đề bài viết, tự dưng ông nghe người ta nhắc đến tên mình:

"... Họa sĩ A là người ở nơi khác đến thành phố, tuy có vợ con, đã quan hệ bất chính với vợ một cán bộ địa phương..."

Ông choáng váng, xây xẩm mặt mày, mồ hôi nhỏ từng giọt trong cổ áo dù trời đang lạnh. Ông cố trấn tỉnh để nghe tiếp. Bài viết nhảy qua nói đến việc thiếu phụ đó lại quan hệ với một cán bộ khác, người đang bị kỷ luật vì gây ra những vụ tai tiếng ở địa phương này. Rồi người ta trích cả thư từ riêng của họa sĩ để đưa vào bài viết. Ông không hiểu gì cả. Đoạn cuối của bài viết nêu rõ cả chi tiết người thiếu phụ kia đã có một đứa con với ông.

Ông không chịu đựng nổi nữa. Ông chồm tới để tắt máy thu thanh, nhưng cảm thấy quả tim mình bỗng giật nhói lên, co thắt liên tục, hơi thở tắt nghẹn. Ông gục xuống trên mặt bàn, và lăn nhào ra khỏi ghế.

*

Gần cuối đời, họa sĩ đến định cư ở thành phố sương mù. Ông tự cho đó là diễm phúc của đời mình. Ông là kẻ đã đi nhiều, vẽ nhiều, hầu như khắp mọi miền của đất nước. Đôi mắt tinh tường của ông đã nhìn ngắm bao nhiêu cảnh đẹp hùng tráng, thơ mộng cũng như những cảnh tiêu điều, đau thương của

một quê hương hào hùng và khốn khổ, cả trong thiên nhiên và lịch sử, tâm hồn của dân tộc. Tất cả đã lắng đọng và ngân vang trong hàng ngàn tác phẩm của ông. Nhưng càng về cuối đời, ông càng nhận thấy những tác phẩm đó, dù đã được trưng bày nhiều nơi, trong và ngoài nước, ông cũng đã từng kiêu hãnh về chúng, lại chưa phải là tác phẩm đích thực của chính mình. Ông vẫn là kẻ trên đường tìm kiếm và chưa tới đích.

Lần đầu tiên đến thành phố này ông đã bị thu hút ngay bởi vẻ đẹp kỳ diệu, có phần bí hiểm của cảnh sắc thiên nhiên lạ lùng. Trước đó, ông đã nghe người ta ca tụng nhiều nhưng ông vẫn chưa hình dung, cảm nhận được sức lôi cuốn kì bí và âm thầm của nó như lần đầu tiên nhìn cảnh tượng huy hoàng của rừng thông trên ngọn đèo trước lúc vào thành phố. Thực ra đó là một cảm giác ông chưa nắm bắt được rõ ràng. Mãi cho đến bây giờ, sau một năm sống ở thành phố, cảm giác đó vẫn còn, như một sự bất lực, một nỗi khắc khoải lâu dài trước cái đẹp, thiên nhiên và nghệ thuật.

Ông là họa sĩ đã từng được học hành chu đáo, có điều kiện nghiên cứu phong cách của nhều trường phái hội họa Đông Tây, kim cổ, bản thân ông cũng đã từng thử nghiệm nhiều bút pháp, xu hướng, có tác phẩm được đánh giá cao, nhưng rồi ông vẫn cảm thấy mình còn xa mới đạt đến đỉnh cao nghệ thuật này. Phải chăng hội họa là sự hòa điệu của tâm hồn và ngoại cảnh bằng đường nét và sắc màu, nhưng ông chưa tìm được hòa âm lý tưởng nhất. Càng lớn tuổi, nhất là từ khi về thành phố sương mù này, ông càng cảm thấy gần gũi hơn với phong cách hội họa phương Đông, nhất là tranh thủy mạc. Ông hiểu tại sao có người suốt đời chỉ vẽ trúc, chỉ bằng một màu mực đen duy nhất nhưng lại đạt đến độ vi diệu của nghệ thuật mà con người bao nhiêu thế kỷ sau vẫn còn ngưỡng mộ. Ông bắt đầu tin rằng chỉ có thể tìm thấy hội họa đích thực trong thiên nhiên chứ không thể tìm ở đâu khác.

Chưa bao giờ ông được đắm mình trong thiên nhiên đầy đủ như ở đây. Với chiếc ba lô đựng đồ nghề sau lưng, ông đi lang thang suốt ngày trong thành phố. Hầu như mỗi ngày ông đi bộ không dưới hai mươi cây số, bất kỳ thời tiết nào. Ông đi để chiêm nghiệm thiên nhiên, thỉnh thoảng mới dừng lại vẽ vài nét phác thảo lên tập giấy dó mang theo. Gần suốt một đời cầm cọ, với tay nghề đã tới mức điêu luyện, ông ký họa nhanh như chớp. Nhưng vẽ đẹp thiên nhiên nơi này thật khó nắm bắt. Hồ, rừng cây, núi, mây trời, sương, hoa... nào có lạ gì đối với bàn tay lão luyện và cuộc đời từng trải của ông. Nhưng ở đây, mọi cái tưởng chừng như lắng đọng lại không hề yên tĩnh, từng lúc lại mang dáng vẻ và tâm hồn khác nhau. Có lúc, nhất là khi chiều tà, núi, mây, trời chỉ là những biên giới mờ ảo, bỗng chốc hòa lẫn vào trong sương. Trong một phút, vừa ký họa xong, ông đã thấy cảnh sắc khác đi. Ông vẽ lại lần thứ hai nhưng điều ông vừa ghi trên giấy đã không còn. Sau vài lần như thế, ông hiểu mình không thể vội vàng. Biết bao nhiêu tác phẩm nghệ thuật, kể cả văn, thơ, nhạc, họa, nhiếp ảnh từng mô tả và ca ngợi thành phố này, nhưng nào đã có tác phẩm thành công. Phần lớn chỉ là sự sao chép máy móc, nhợt nhạt hoặc ngợi ca sáo rỗng. Ông tự hứa sẽ dành thời gian mười năm -

Thời gian cuối đời mà ông hy vọng mình còn sống và làm việc được - để thâm nhập và vẽ về cảnh sắc ở đây. Ông hy vọng đó sẽ là những tác phẩm hội họa đích thực ở đỉnh cao mà ông sẽ cống hiến cho đời.

Điều ông ngạc nhiên là ở một thành phố như thành phố này - thành phố tĩnh lặng giữa thiên nhiên xinh đẹp, thành phố của hội họa - lại rất ít họa sĩ và hầu như không có ai nổi tiếng. Ở các bộ môn nghệ thuật khác cũng thế. Đáng lý phải là "đất lành chim đậu". Hoặc nói khác đi, thành phố này phải là nơi sản sinh các tài năng vì thiên nhiên ở đây chính là một nghệ sĩ lớn, một bà mẹ tài hoa nhan sắc tuyệt vời. Ngay người dân thành phố cũng chưa quen công việc của các họa sĩ. Khi ông dừng lại bên đường để phác mấy nét ký họa, nhiều người tò mò xúm lại xem, không phải chỉ có trẻ con, hỏi ông đủ các thứ linh tinh làm lắm lúc ông mất hết hứng thú.

Có lần ông nhận lời vẽ tranh làm phụ bản cho một tạp chí văn nghệ tại đây. Ông vẽ một cây thông cụt ngọn và một tháp chuông nhà thờ dáng như một cô gái đứng đơn độc trong chiều tà đẫm sương. Một hình ảnh ông rất thích thú vì vẻ độc đáo của nó. Sau khi tạp chí phát hành, ông nghe nói mấy vị có chức quyền đã phê phán ông bôi bác thành phố và có ý xuyên tạc về chính trị. Thành phố được mệnh danh là "ngàn thông" mà ông lại chỉ vẽ có một cây cụt ngọn trơ cành. Thiếu gì cái tiêu biểu mà ông lại đưa ra tháp chuông nhà thờ buồn bã trong sương mù. Tạp chí bị đe dọa cấm phát hành vì một số bài và cả vì bức tranh của ông. Ông ngán ngẩm và lờ mờ hiểu được lý do tại sao không nghệ sĩ nào có tầm cỡ xuất hiện trên mảnh đất này. Họ không bị thui chột thì cũng sẽ phải bỏ đi.

Thực ra, ông không quan tâm đến chính trị. Từ ngày còn trẻ ông đã là đảng viên nhưng sau đó ông xin ra khỏi đảng để có tự do cống hiến hết mình cho nghệ thuật. Khi nghe một người ở đây - một nhà văn - bị khai trừ đảng vì đấu tranh chống tiêu cực nhưng lại bị tiêu cực chống, ông đã chúc mừng người bạn được "giải phóng". Theo ông, nghệ thuật phải phi đảng, phải vượt lên để đối mặt với những gì nhân loại nhất, trường cửu nhất. Tuy nhiên, trong cuộc sống, khi phải nói chuyện với công chúng hay trả lời phỏng vấn trên truyền hình, ông bao giờ cũng mở đầu bằng việc ca ngợi đảng. Đó là sự giả dối ông phải chấp nhận để có được đôi chút tự do trong chế độ này.

Ông là một nghệ sĩ khá thành đạt, cả về phương diện tài chánh. Đó là may mắn lớn cho ông. Ông biết có bao nhiêu họa sĩ không có tiền mua sơn, cọ, vẽ tranh xong không có khung, kính để lồng, ngay cả lúc tổ chức triển lãm. Ông thuê dài hạn một căn phòng ở một nhà khách yên tĩnh để sáng tác. Ngay khi ở nhà, có lúc ông cũng không được yên tĩnh để miệt mài với tác phẩm. Một số người mới quen, phần lớn là các bà, đến nhờ ông vẽ chân dung. Hình như đây là một mốt mới. Vả lại, tên tuổi của ông làm cho họ hãnh diện khi treo bức chân dung trong phòng khách. Ông đã nễ nang, chiều ý một vài người nhưng sau đó ngán ngẩm. Phải ngồi ngắm nghía bộ mặt lòe loẹt son phấn cứng đờ hoặc làm duyên một cách kệch cỡm, ông thật sự ngấy đến tận cổ. Ông đã từng vẽ nhiều chân dung nhưng đó là chân dung nghệ thuật. Những

khuôn mặt thánh thiện hay hằn nét khổ đau, nhưng đôi mắt long lanh, mơ huyền hay áo não, những mái tóc óng ả chảy như suối hay bão bùng sóng biển... Những bức chân dung ghi dấu vẻ đẹp, hạnh phúc, khổ đau, chiều sâu và khát vọng của con người. Bây giờ ông ít tìm thấy những chân dung như thế. Phần lớn quanh ông chỉ là những bộ mặt thỏa thuê, hợm hĩnh, lạnh lùng hay mệt mỏi, lo toan. Đó là những khuôn mặt của thời đại mà ông không sao quen được.

Ông cũng đã từng vẽ tranh khỏa thân với nhiều người mẫu vào những năm trước. Gần đây ông không vẽ tranh khỏa thân nữa dù ông vẫn có tiền để thuê người mẫu. Có lẽ tuổi tác làm ông cảm thấy mình bất lực - một thứ bất lực tâm lý - trong một mặc cảm lạ lùng. Dĩ nhiên, đối với họa sĩ, người mẫu khỏa thân là một vẽ đẹp nghệ thuật. Nhưng ông vẫn cảm thấy dậy lên một niềm khao khát và cảm thấy cả sự bất lực của mình trước vẻ đẹp nghệ thuật lẫn sự bất lực của cơ thể trong tuổi già. Ông trở nên tức giận một cách vô cớ khi đứng trước người mẫu và đã thôi không vẽ tranh khỏa thân từ hơn năm năm trước. Mặc cảm về sự bất lực dày vò ông, làm ông đâm ra ganh tị với đám thanh niên nam nữ. Nhìn chúng nó mặt mũi tươi rói hồng hào, ôm nhau dạo chơi cười nói trên đồi, ông phát run lên và ngoảnh mặt đi. Ông đau đớn nghĩ thầm: ta già rồi. Ta đâu còn được như chúng nó. Thời thanh xuân của ta vĩnh viễn đi qua. Ông tức giận rồi lại xấu hổ vì sự ganh tị của mình. Chao ôi, sao ta lại vô lý, nhỏ mọn đến mức đê tiện như thế.

Cho đến một hôm tình cờ ông gặp một cô gái trên phố. Cô đang đứng trước cửa nhà, mặc một bộ quần áo cánh đơn giản màu đen tuyền. Bây giờ ít ai mặc màu đen, phần lớn quần áo đều có màu sắc sặc sỡ. Cô gái quả biết chọn màu vì nước da cô trắng ngời ngợi, hai cánh tay để trần nõn nà mủm mỉm như búp sen non. Trừ cánh tay để trần, bộ quần áo cô kín đáo, nhưng dưới đôi mắt sắc sảo của ông, ông cảm thấy cô có một thân hình tuyệt mỹ, không quá mảnh khảnh yếu ớt hay quá nở nang đến xồ xề mà căng tràn sức sống ở một mức hài hòa lý tưởng. Và khuôn mặt cô, khuôn mặt trắng ngần tươi non nổi bật đôi mắt to đen lóng lánh như trẻ thơ, đáng lý tươi cười thì lại dượm một nỗi buồn. Hình như cô có liếc nhìn khi ông đi ngang mà như không thấy ông vì đang theo dõi một cái gì xa vắng. Ông vượt qua nhà cô một khoảng xa rồi tự dưng quay lại nhưng cô đã không còn ở đó nữa.

Từ hôm ấy hầu như ông đi ngang nhà cô mỗi ngày và đã tìm cách làm quen được với cô. Cô đã có chồng và một đứa con nhỏ. Chồng cô vì làm ăn phi pháp bị bắt quả tang, đang nằm trong trại giam chờ ngày ra tòa. Hoàn cảnh cô giúp ông hiểu được vẻ đẹp viên mãn và nỗi phiền muộn phảng phất trên mặt cô. Biết cô đang gặp khó khăn, ông nảy ra ý nghĩ đề nghị cô làm người mẫu cho ông để ông có thể giúp đỡ cô phần nào. Thế là hàng ngày ông đến vẽ ở nhà cô, say mê đến độ quên cả thiên nhiên bên ngoài.

Những lần ông đến, cô thường hay tâm sự. Chồng cô là người say mê tiền bạc và quyền lực. Anh ta lao vào mọi việc phi pháp để đạt mục đích. Còn trước nhan sắc của cô, anh chứng tỏ dục vọng thô bạo hơn là tình yêu. Hồi

chưa cưới nhau anh không như thế, nhưng sau này anh đã thay đổi. Cô đã kết hôn vì sự ép buộc của gia đình muốn cô lấy một người chồng có địa vị. Mặc dù không yêu nhưng hồi đó cô không phản đối. Khi đã sống chung, càng ngày sự khác biệt giữa cô và chồng càng tăng lên. Cuộc sống gia đình cô tuy chưa tan vỡ nhưng không ít sóng gió. Cô bày tỏ những điều đó với ông một cách chân tình, tin cậy. Cô cũng thường lắng nghe ông. Cô tiếp thu những câu chuyện về hội họa của ông một cách thông minh và đồng cảm. Ông cũng kể cho cô nghe về cuộc đời của các họa sĩ nổi tiếng với lòng say mê nghệ thuật và những mối tình phi thường của họ, nhất là khi họ về già. Ông không chủ ý nhưng không hiểu sao ông đã kể về những chuyện ấy. Có thể đó là sự thôi thúc thầm kín của bản thân ông mà ông chưa nhận thức rõ ràng. Dần dà hai người cảm thấy đã đi vào một hoàn cảnh không khác bao nhiêu với những cuộc tình mê đắm điên rồ của các họa sĩ mà ông đã kể. Ông hơn gấp đôi tuổi cô. Và cô còn ít tuổi hơn con đầu của ông.

Điều làm ông cảm thấy ít mặc cảm tội lỗi là cô đã yêu ông với một tình cảm chân thành và trong sáng. Không phải ông chinh phục, lợi dụng cô mà chính cô đã yêu ông một cách hồn nhiên, say đắm như say mê một thần tượng nghệ thuật mà cô vừa tiếp cận. Ông cũng đắm chìm trong tình yêu này, nơi hòa lẫn nhan sắc, tâm hồn và nghệ thuật. Ông ít để ý đến những lời đàm tiếu xì xào chung quanh. Ngay một số người có chức quyền vốn không thích văn nghệ sĩ vì sự phê phán châm biếm của họ, nghe phong thanh chuyện ông cũng đã nói bóng gió đến, khi muốn chỉ trích và răn đe văn nghệ sĩ. Họ cho rằng văn nghệ sĩ là giới có rất nhiều thói hư tật xấu cần phải luôn luôn được lãnh đạo, uốn nắn. Có người còn nhân chuyện này, muốn đề nghị trục xuất ông ra khỏi thành phố.

Ông biết ông ở vào một tình thế khó biện minh khi đứng trên quan điểm đạo đức thông thường. Ông đã lớn tuổi, có vợ con đang ở xa. Chồng cô đang bị giam. Nhìn bên ngoài, người ta dễ dàng kết án cả ông lẫn cô đều phi đạo đức. Nhưng con tim có lý lẽ riêng của nó. Khi người ta yêu nhau vì yêu nhau, đó là tội lỗi hay sao? Thế nào là tình yêu chân chính? Vì những chuẩn mực đạo đức để hủy diệt một tình yêu tha thiết, hoàn toàn vô vị lợi lại là một hành vi đạo đức? Ông có đặt ra nhưng không muốn trả lời những câu hỏi đó nữa. Trong những ngày tháng này, ông thấy mình sống, yêu và vẽ như bản năng. Ông sống rạo rực, yêu cuồng nhiệt với một sức xuân hồi sinh phơi phới như thuở còn thanh niên. Còn tác phẩm của ông, những bức vẽ chân dung và khỏa thân gần như đạt đến độ xuất thần. Bởi ông đã thực sự đắm chìm vào người mẫu, hay ngược lại, người mẫu đã hòa tan vào trong ông. Cô ngồi làm mẫu, và ông nhìn ngắm cô, để vẽ, chẳng qua chỉ do thói quen nghề nghiệp. Thực sự, nhắm mắt lại, trong giấc ngủ, ông cũng cảm nhận được nét ngọc ngà, vẻ hồn nhiên tươi mát của cô ngời ngợi trong từng thế ngồi dáng đứng. Ông lại thấy ý nghĩ của mình về nghệ thuật và thiên nhiên không còn đơn giản như trước. Nếu không có con người, những con người đồng cảm hòa điệu, làm rung động, pha sắc cho tâm hồn thì thiên nhiên cũng chỉ là vẻ đẹp vô hồn mà

thôi. Những bức vẽ mới của ông về thiên nhiên nay cũng khác. Chúng như luôn luôn được tắm gội qua một trận mưa tươi mát hoặc sáng lên vẻ đẹp nồng nàn của ánh mặt trời rạng rỡ.

Thời gian ông sống, yêu và vẽ như cơn mê này không lâu. Người chồng của cô đã ra khỏi trại giam nhờ sự can thiệp của những ông lớn mà anh ta có quan hệ trong việc làm ăn. Lúc còn ở trong trại, anh ta đã nghe về mối quan hệ giữa vợ và họa sĩ. Sự ghen tương của người chồng bùng nổ một cách thô bạo, khi vợ anh ngang nhiên thừa nhận tình yêu của mình và nói với anh bằng những lời khinh bỉ. Anh không dám đánh vợ nhưng đã to tiếng chửi rủa thậm tệ họa sĩ khi gặp ông bất cứ đâu ngoài đường. Mới đây anh ta đã xông tới tận phòng vẽ của ông, lăng nhục ông và xé tan tác các tác phẩm hội họa ông vừa thực hiện. Ông cắn răng để cho anh ta muốn làm gì thì làm. Anh ta cấm ông không được lai vãng đến nhà và dọa sẽ đâm chết nếu ông còn tìm cách gặp gỡ vợ anh ta.

Ông đủ tỉnh táo để thấy rằng tuy anh ta xử sự thiếu văn hóa nhưng lại có lý về phía anh ta, một kẻ vừa thất bại trong cuộc đời, lại bị vợ phản bội, theo cách nói thông thường. Anh ta có quyền và có thể làm những chuyện thô bạo hơn nữa, kể cả việc giết ông như anh ta đe dọa. Đó là sự điên rồ mù quáng như tình yêu, dù đối với anh ta, đó không phải là tình yêu.

Thế còn tình yêu của ông và cô, tình yêu mà cả hai người đều tin chắc là chân thực và trong sáng, hai người có quyền yêu nhau bất kể mọi ràng buộc ngăn cấm của đạo đức? Dù có quyền hay không, điều làm ông đau đớn là ông tưởng rằng tình yêu đã thăng hoa con người và nghệ thuật đến độ thiêng liêng và thần thánh lại đã hạ thấp con người đến mức đê tiện, thô bỉ và trơ trẽn đến thế khi đụng phải giới hạn của đời thường. Ông không thể biện minh, giữ được tình yêu của mình trước người đời và tác phẩm của ông cũng đã tan tành dưới bàn tay của người chồng thù hận.

Sau khi có bài phát thanh trên đài nhắc đến chuyện của ông, ông được người quen cho biết thêm các chi tiết của nội vụ. Quả thật người thiếu phụ mà ông yêu không những đã có quan hệ với cán bộ đang bị kỷ luật kia mà còn quan hệ với nhiều người khác nữa, gần như là một thứ gái điếm bán chuyên nghiệp. Anh chồng ghen tương lại đóng vai một gã ma cô, đưa khách về cho vợ, kể cả khách Việt kiều để lấy đô la. Đã có những vụ ầm ỉ trong phố vì anh chồng chia chác không thỏa đáng cho những người dắt mối. Và tác giả bài viết trên đài không ai khác hơn là chính anh chồng. Anh ta được thuê viết bài với mục đích bôi nhọ người cán bộ đang bị kỷ luật vì người này đang chống lại và gây khó khăn cho lãnh đạo của thành phố. Vì mối thù riêng, anh chồng đã đưa luôn chuyện của họa sĩ vào một thể, thông qua làn sóng điện của đài tiếng nói địa phương, bằng tiết mục "Ý kiến người làm chủ".

Ông không sao hiểu nổi những điều này. Mới đây không lâu, ông và người thiếu phụ tuyệt vời kia đã bàn đến chuyện sẽ ly hôn với vợ, chồng của mình để về với nhau, quyết tâm vượt qua tất cả để sống cho tình yêu và nghệ thuật. Tất cả đã đi đến tận cùng, tột đỉnh của sự đê tiện và trơ tráo. Những sự thật

trần trụi được phơi bày tác động đến ông như một làn hơi độc. Mọi chuyện đối với ông đều sụp đổ. Cả nghệ thuật, tình yêu, cái đẹp và lòng tin vào con người, những điều thiêng liêng nhất đối với ông trong cuộc đời này.

*

Ông đóng cửa nằm trong phòng mấy ngày liền không ra ngoài. Khi thấy phòng ông yên lặng quá lâu, những nhân viên nhà khách nơi ông thuê gọi không được phải phá cửa vào. Người ta thấy ông nằm chết trên giường. Ông đã tự tử bằng cách dùng dao lam cắt động mạch ở cổ tay. Máu chảy chan hòa trên sàn nhà đã đông cứng lại. Trong vũng máu, người ta còn thấy một bức tranh của ông, có lẽ là bức tranh sót lại sau cuộc tàn phá của người chồng ghen tương. Bức tranh nhuộm một màu máu bầm đen, còn thấy lờ mờ dáng một thiếu phụ khỏa thân yêu kiều.

Cũng từ đó, thành phố xinh đẹp này không còn họa sĩ. Các họa sĩ nghe chuyện của ông không ai định cư ở thành phố này. Những người khác có dịp đi chơi ngang qua cũng không muốn vẽ gì dù họ có mang theo đồ nghề. Và thiên nhiên ở đây vẫn đẹp tuyệt vời trong một nỗi trông chờ khắc khoải.

TIÊU DAO BẢO CỰ



HỒ NGỌC DIỆP

sóng và em

Vỗ vào
bờ cát lặng câm
Là con sóng
mấy ngàn năm
bạc đầu
Vỗ vào
cõi nhớ đêm sâu
Là em
với chút tình đầu
phù du

HỒ NGỌC DIỆP



HỒ MINH DŨNG.

ngàn năm một thuở



Quê hương của anh chàng họ Đào này cũng là Việt Nam. Cha mẹ anh sinh ra trên một miền đất hẻo lánh, nghèo nàn, xác xơ và hứng chịu hầu hết những thảm họa do thiên tai và cuộc chiến tương tàn. Anh lại còn bị thêm cái ách vô phương cứu chữa mà người đời gọi là đại-họa-nhân-quần.

Thời thơ ấu, Đào Tường đói quá phải ra giữa chợ kiếm ăn. Em kiếm ăm trong một tình cảnh vô cùng ngặt nghèo. Trong những hàng quán, thực khách ăn thừa xương xẩu vất xuống đất, em cùng với chó vui vẻ chia nhau. Thời nào cũng có chợ búa, thời nào cũng có người ăn không hết khẩu phần cho em lớn lên. Thượng Đế coi như đã hoàn tất một công trình vĩ đại, ươm xong một thân cây giữa đời.

Lớn khôn, khi anh ý thức được những gì làm cho mình đau thì bị liên tiếp những vố đau hơn trời đánh. Trong mảnh hồn dôn hậu ấy, móng vuốt của đời đào bới một cách chu đáo.

Cũng như những người đàn ông khác, trước tiên là anh sa vào chiếc bẫy ái tình. Bẫy ấy há cái mồm khổng lồ, toát ra một mùi hương kỳ diệu không ngừng gọi mời mơn trớn. Những chiếc răng nanh nhọn hoắt bỗng một đêm long lanh như châu ngọc vuốt ve, an ủi, chia sẻ. Tình yêu đến với anh cũng như đến với nhiều người, tưởng chừng như không tìm đâu ra trên trần thế này một điều lạ lùng như thế. Chỉ có một cơ thể đàn bà, quanh quẩn chỉ có tấm thân ấy mà anh đã tưởng tượng ra cả ngàn thế giới hoa thơm cỏ lạ. Người đàn bà anh yêu chỉ là một thiếu phụ bị chồng ruồng bỏ, trong lúc ngơ ngác tự vấn lòng mình không hiểu cái ngọn nguồn phụ bạc kia thì gặp anh trong một chòi tranh bên đường, hai người cùng đụt một cơn mưa đầu mùa. Điều làm cho anh run bắn lên từng cơn không phải là nước mưa làm ướt đẫm châu

thân mà chính là những gì có trên người đàn bà ấy lồ lộ ra dưới làn áo mỏng ướt sũng nước. Chao ôi, đôi mắt nàng còn vời vợi tê tái hơn cả một dòng sông đầy mây mùa thu. Chính cái giang sơn gấm vóc của nàng đã toát ra một mùi hương dẫn đưa anh về một cõi phiêu du không biết đâu là bến bờ. Anh cũng đã từng sống qua những giấc mộng thần kỳ, cả một chân trời dài thăm thẳm như thế mà vói tay quấn lại thành một giải lụa đào cột ngang thắt lưng cho người, cả những ngọn núi cao chạm mây xanh như thế mà cũng trèo lên tuyệt đỉnh trong nháy mắt để tìm hoa khôi hái về dâng cho người. Thế mà, ngày nay, đứng trước nàng, cái thiên biến vạn hóa ấy không biết xoay xở làm sao để giữ thăng bằng cho mình khỏi ngã chúi xuống đất. Cơn mưa đầu mùa tầm tả bên ngoài. Hơi thở nàng nồng ấm bên trong. Không ai nói với ai một lời. Cho đến khi đêm xuống. Bóng tối giúp họ gần nhau. Bóng tối nói giúp họ những lời cần nói. Đến đây, Thượng đế lại xuất hiện can thiệp vào đời sống của anh. Cho anh một ân huệ từa tựa như ngày xưa giữa chợ, vui vẻ hưởng hết cái thừa thải dưới gầm bàn. Và sáng hôm sau, khi vạn vật thức giấc, hai người dắt nhau về. Cha mẹ anh đón nhận con dâu trong sự ngỡ ngàng không biết gốc gác từ đâu.

Người cha nói :

- Gia tộc nhà ta tu thân tích đức đến mấy vạn đời con mới lấy được một người vợ có nhan sắc như thế.

Người mẹ nói :

- Con làm quần quật suốt ngày mà nó chỉ đứng trước tấm gương lượt là son phấn. Con nhà bần đinh mà đi rước công chúa về, mẹ sợ không bền.

Những ngày ấy anh làm người phu khuân vác trên bến sông. Những bao lương thực chuyên chở từ nông thôn lên phố chợ đè nặng trên vai anh suốt ngày không còn là nỗi khổ nữa. Bởi vì khi đêm về, anh có bóng tối với những gì vô cùng quý hiếm không gì so sánh nổi trên cõi đời này. Tâm hồn còi cọt chất phát của anh bỗng nhiên trở thành nhà sưu tầm độc đáo. Anh truy tìm, lục lọi cái thế giới vô cùng tận ấy trong niềm cảm xúc vô biên. Có ai trên đời ngồi suốt đêm thâu chong đèn đếm hết những sợi tóc trên đầu người đem đến cho mình niềm hoan lạc tuyệt luân. Chỉ mái tóc ấy thôi cũng đã dìu anh bước những bước vững vàng, tự tin giữa đời. Còn biết bao nhiêu điều nữa, anh đã khám phá hay chưa khám phá hết, cho đến ngày người đàn bà ấy cuỗm hết tất cả quần áo, đồ đạc trong nhà ra bán chợ trời để đi theo người khác, anh vẫn còn bàng hoàng chìm trong giấc mơ thiên tải nhất thì, hãnh diện, cao ngạo, ngẩng mặt lên.

Không chỉ mất vợ thôi, một thời gian ngắn sau cha mẹ anh nối theo nhau vĩnh biệt. Cả hai người đều mang một căn bệnh như nhau trước khi lìa đời : buồn chán tình đời, không ăn, không ngủ, đêm đêm đi ra đường cái như rượt đuổi theo ai. Cả hai người chết không nhắm mắt. Khi bàn tay anh vuốt cho bốn con mắt ấy xuôi chiều, ấy là lúc anh tìm ra được nguyên nhân.

Cảnh nhà tan nát không bao lâu, anh nhận giấy lên đường nhập ngũ. Chiến trường khốc liệt, máu đổ xương rơi đang đợi anh ngoài chiến địa. Kẻ

vô thương độc mã này vẫn biết mình còn một quê hương đang lâm nguy. Thế là anh xông lên, không cần phải có tiếng kèn thúc quân, không một mảy may nghĩ tới huy chương deo ngực, vòng hoa quàng cổ. Đất nước mênh mông, chiến địa mênh mông, phía trước anh lao tới không bao giờ cùng. Đang nửa dường thì một chân anh bị đạn quân thù cắt ngang.

Người thương binh không còn ai thân thuộc để về nên cấp trên lưu lại trong quân ngũ để chăn mấy con bò cho đại đội công vụ. Người ta phải dặt cho anh một chiếc chân giả bằng nhôm nguyên chất tận Saigon để anh theo kịp những con bò trên đồi cỏ. Cỏ non xanh mướt, lông bò vàng rộm cùng với chân trời tím than màu lửa khói, vẽ nên một bức tranh mà con người ốm o xiêu vẹo kia không có một mầu sắc nào cũng tạo dược cái nét hài hòa giữa thiên nhiên bất tận. Anh vui vẻ làm việc vừa để phục vụ cho đồng đội, vừa dành dụm số tiền xây lăng đắp mộ cho song thân. Có ngờ đâu, một ngày đẹp trời, con bò đực đến lúc động tình, ngửng mỏ lên cao hít cái mùi hoa tràn bay lơ lửng giữa trời rồi tung một cú đá hậu toé lửa vào cánh chân còn lại của anh. Người bắn đã đau, bò đá càng đau hơn. Cũng như cái đau của cha mẹ chết, mãi đến một thời gian sau anh mới hiểu ra. Đó chính là lúc anh trở về trên một con phố đông người. Đây không phải là nơi chôn nhau cắt rốn, dĩ nhiên người đời không biết anh là ai.

Con phố đó chạy men theo bờ rạch bao quanh thành quách. Dân chúng ở đây đã bao đời sống bằng nghề cắt cổ nhổ lông gà vịt, mang ra chợ bỏ mối cho con buôn. Từ sáng tinh mơ tiếng kêu thất thanh của đám gia cầm bị lôi cổ ra khỏi lồng trở thành một bản hợp xướng bất ổn, phập phồng. Chính những bàn tay nhuộm máu đó, khi chiều xuống, mênh mang trong sương khói, họ cầm những mái chèo lèo lái những chiếc ghe đan len lỏi qua vô số cụm sen cố ngoi lên khỏi mặt nước đầy váng bèo để hái những nụ liên hoa về cắm trên bàn thờ. Ngai vàng vua chúa mối đùn lấp đã bao ngày. Rêu phong lớp lớp không ngừng phủ dắp lên thành quách vàng võ. Những đám mây bay qua trên bầu trời. Chỉ ngần ấy cảnh sắc bên người, trong đời. Con người tật nguyền không giống ai ấy đến đây, nương náu dưới mái miếu âm hồn từ lâu không người hương khói. Công việc trước tiên của anh là viết tên những đồng đội ngày nào cùng anh chiến đấu đã nằm xuống lên vách vôi đã vữa đục và thắp lên trước đó những nhánh hương. Anh làm công việc này một cách cẩn trọng, thành khẩn, máu móng trong tim óc anh chạy rần rần, tưởng chừng như hồn thiêng sông núi đã phó thác cho anh, ngoài anh ra không còn ai nữa.

Cái am hồn nơi chuột bọ, gián nhện chiếm cứ tung hoành đã lâu bỗng một sớm chiều âm vang lời kinh nguyện và nghi ngút trầm hương. Không biết góp nhặt từ đâu, con người ngu ngơ ấy đã dệt được một bài kinh dài nghe rất vui tai. Ngoài người sáng tạo ra nó, không ai hiểu được ý nghĩa của bài kinh, chỉ nghe lòng mình rộn rã lên, chói chan, nồng nàn, cảm giác an nhàn như mình đang sống trong thời thịnh vượng, chưa có gì mất, bóng tối bị đẩy lùi phía xa. Nhưng rồi, người ta cũng lấy làm lạ, khi con người phát ra lời kinh bí ẩn đó không phải là con người bình thường. Bao nhiêu nỗi gian nguy không chỉ kéo

về trên khuôn mặt nhăn nhó, xanh xao, mà cả tấm thân gầy còm kia cố trườn lên để khúc chân còn lại khua trên nạng gỗ, phát ra một âm thanh ngồ ngộ, lúc ớn lạnh như tiếng nhủ thạch rơi trong hang động, lúc chan hòa, thân thiết như tiếng chim muông âu yếm giữa trời xuân. Người trong con phố này, từ lúc lọt lòng mẹ đã từng nghe quen tiếng gà vịt quang quác lúc bị chọc tiết hoặc là tiếng sóng vỗ thì thào trong con kinh đào sắp đến hồi cạn kiệt, họ thì thầm bàn tán về một hiện tượng kỳ quái xẩy ra trong am miếu kia. Trên đời, không phải chỉ có đàn bà mới làm phù thủy được. Hắn là ai ? Ngoài giờ kinh nguyện ra, hắn chỉ làm một công việc nhặt lông gà, quấn thành chổi để bọn trẻ con đến mua với giá rẻ mạt mang đi bán dạo kiếm lời. Cũng không biết học hỏi kỹ xảo ở đâu, bàn tay hắn đã hình thành biết bao chiếc chổi lạ lùng tự cổ chí kim chưa ai làm được. Có cái đơn sơ như một chùm hoa xương rồng mới nở, có cái um tùm mượt mà như chiếc đuôi chồn, có cái rũ rượi bâng khuâng như cành liễu rũ, có cái lại hí hửng tươi vui vẫy chào như ngọn hoa lau. Thiên nhiên đã tô vẽ sẵn lên lông cầm thú muôn vàn màu sắc sặc sỡ, hắn là một nghệ nhân kết hợp tài hoa. Những chiếc lông vô hồn nằm lăn lóc bên hàng dậu, bỗng nhiên trở thành vô số vật thể lạ lẫm, lay động lòng người.

Hắn là ai ? Thời đại này không phải là đất dung thân của những kẻ vô lại. Nếu không nhanh tay trừ khử, một ngày nào đó, có thể thiên hạ tôn thờ hắn như thần thánh. Thế là hắn bị tóm cổ vào ngục thất. Luật pháp nương theo những lời tố cáo trong thư nặc danh, kết tội hắn vi phạm thuần phong mỹ tục phóng uế bừa bãi trên con kinh có hoa sen nở và xúc phạm đến những nơi tôn nghiêm mà người sống tưởng niệm đến người chết : kẻ tội phạm đã làm ra những chiếc chổi lông gà, trong ấy có lông vịt lẫn lộn. Vịt là loài thích lặn hụp trong chốn bùn lầy, lông nó tất nhiên dính chất cặn bã, người thành tâm nở lòng nào dùng nó quét bụi trên bàn thờ.

Với một bản án như thế Đào Tường mỉm cười. Trong nhà tù tối tăm, trong am miếu thanh thản hay trong cái quán dụt mưa xiêu vẹo bên đường ngày nào, trên chiến địa đỏ hoe màu máu hay trên đồi cỏ chăn bò chan hòa ánh nắng, cũng thế thôi. Đời, bức tranh vân cẩu, câu nệ làm gì !

Ở tù được bẩy năm thì nước nhà mất. Vừa ra khỏi nhà lao, không biết đi về đâu thì người thương binh chế độ cũ ấy lại bị một đám đông xưa kia hoạt động nội thành xúm lại đánh cho một trận tơi bời. Cho đến khi bọn kia thấy không cần phải đánh thêm nữa, bỏ đi. Chẳng những anh không chết mà còn sức lực để xoay cái thân mình nằm ngửa ra, nhìn lên bầu trời. Một vầng trăng sáng ngời và muôn vì tinh tú chung quanh vầng trăng lung linh. Giãi thiên hà ở tận bên trời xa tắp kia, đến giây phút này anh mới nhận ra, có một hình bóng tựa tựa như mẹ anh, đang đứng đó, chờ, đã bao năm.

*

Trong đám người chia lìa ngơ ngác tới đây trong những năm đầu, ai ngờ được, có cả Đào Tường. Không biết bằng cách nào con người đầy tật nguyền ấy lại vượt được trùng dương bao la để đến đây. Quả thật không lầm, chính

hắn. Một cánh chân bị đạn cắt ngang, cánh chân còn lại bị móng bò cứa mất mấy đường gân níu cơ bắp, cái bản mặt kia vẫn chưa lặn phai những vết đánh bầm dập của đám người nổi dậy. Chẳng có gì che dấu được dưới ánh mặt trời, huống chi hắn vẫn hiên ngang, ngẩng cao đầu lên, từng ngày lê đôi nạng gỗ chông chênh trên phố xá văn minh, khuôn mặt dị dạng nhưng đôi mắt vẫn sáng ngời ánh hào hùng thuở trước. Bây giờ tóc trên đầu người ấy đã điểm sương.

Người phương đông thâm trần, không muốn thua thiệt. Người ta hội họp nhau để lý giải cặn kẽ về một hiện tượng bất ngờ. Có kẻ đã khàn tiếng trước máy khuyếch đại âm thanh để định nghĩa hai chữ tự do và kết luận, hắn cũng như ta đi tìm tự do chăng ? Hồ nghi lắm. Có kẻ, trong tình huống khó xử, muốn xua đám người cùng chủng tộc vào cơn hỏa hoạn, bỗng dưng biến thành nhà văn, thức suốt năm canh bao nhiêu đêm để viết lại cuộc đời của một người bị tai vạ nhất trần gian, vết nạng gỗ của hắn giờ đây đang âm vang xốn xang trong lòng người tha phương. Kẻ khuân vác trên bến sông được hư cấu một cách lý thú với những tình tiết ly kỳ, dẫn dưa người đọc chứng kiến được toàn cảnh khi hắn làm tình với một cô gái tinh ma trong quán đụt mưa. Tác phẩm vĩ đại đó, đoạn cuối hô hào phải tìm mọi cách để tiếp tay hạ sát hắn, thả xác hắn xuống biển. Trước khi thả phải cột đá vào xác đừng cho trôi về cố hương.

Tự do, có rồi. Mỗi người còn có thêm một cái bao tử. Khi trái tim sinh vật còn đập, hệ thống tiêu hóa không ngừng hoạt động. Cái đói lại là một hiểm họa nhãn tiền cực kỳ cấp bách, nên người ta lao vào con đường tìm kiếm miếng ăn. Ma đưa lối, quỷ dẫn đường, bọn họ không mấy chốc chẳng những ăn no lại còn mặc đẹp. Nhưng trên con đường biến hóa từ chim bìm bịp thành phượng hoàng, có khi phải chui qua những cẩu đạo hôi hám. Hành tung họ bị săn đuổi dài dài bởi những đường gươm đạo lý vô hình. Khi ấy họ mới bật ngửa ra, chung quanh còn có biết bao mối hận cần phải rửa. Những cái xương nhọn hoắt, tẩm đầy thuốc độc trộn trong miếng ăn, mắc ngang cổ họng, thường xuyên nhức buốt, ray rức khôn nguôi. Con người dị dạng kia không còn là mối tị hiềm mà họ quan tâm đến nữa. Đó là lúc chính con người ấy khám phá ra rằng, mình đã đem điều không vui cho đám người lưu lạc cùng mầu da vàng. Vạn bất đắc dĩ, anh bỏ đi. Ngày anh đi, trời đất âm u, lòng nặng chĩu, thêm một lần nữa xa lìa một nơi mà anh muốn ở, còn một chút phảng phất hơi hám quê nhà.

Người Mỹ không phải vô tâm như ta tưởng. Họ là một dân tộc kết hợp nhiều ngọn nguồn khắp năm châu bốn biển. Khi đến đây, hành trang đầy hoài nghi và khát vọng kiếm tìm. Họ sống và lục lọi tìm kiếm bất cứ một điều gì chưa lộ bày ra giữa thế gian. Khi nền khoa học hiện đại giúp họ tìm kiếm ra hầu hết những vật thể, hiện tượng ở dưới lòng đất cũng như trên bầu trời, thì họ quay sang tìm kiếm những điều bí ẩn trong tâm địa con người. Họ đánh mùi rất nhạy trước những hiềm khích của đám thiểu số bị nghịch cảnh lùa đuổi đến đây. Trường hợp của một người Việt Nam mang đầy thương tích,

bị người đồng hương đòi cột đá ném xuống biển chẳng hạn.

Cuối cùng rồi họ cũng tìm ra manh mối. Hắn là ai ? Câu trả lời, đối với họ vô cùng kinh ngạc. Họ quỳ xuống, cám ơn Thượng đế đã cứu vớt một con người, từ trên đỉnh núi cao chót vót bị xô té lăn cù xuống vực sâu, trên đường rơi ấy bị xóc vào biết bao mũi đá, vẫn còn được sống, tâm hồn vẫn bình yên. Và chính con người lạc loài, bị ruồng rẫy ấy đem đến cho họ nhiều chứng tích của một cuộc chiến bạo tàn mà hàng vạn thân nhân của họ đã mai một ở đó. Họ vui mừng không xiết sau khi khám phá ra, lương tâm con người có thể tồn tại trong một thân thể bị tàn hại bởi chiến tranh mà đất nước họ lê thê trong nỗi hải hùng từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đào Tường bỗng trở thành một nhân vật nổi tiếng như cồn. Từ một thành phố ở miền đông băng giá, nhiều hội thánh, hội đoàn, cơ quan từ thiện đã công kênh anh lên xe không mui đi qua phố xá đông nghịt người. Có rất nhiều người không cầm được nước mắt. Có rất nhiều người không kiềm được cơn xúc động nhảy lên xe, ôm hôn anh thắm thiết như hôn một người thân từ cõi chết trở về.

"Thượng đế hiện diện ở khắp nơi và không hề từ bỏ một ai". Đó là câu thuyết minh dưới tấm hình của anh đang nở nụ cười hân hoan đáp lại tấm thịnh tình của mọi người đăng trên trang nhất của nhiều tạp chí lớn. Mở màn cho chiến dịch rộng lớn, mang anh đi diễn thuyết khắp nơi. Chỉ một con người ấy, nhiều đề tài khác nhau tuôn ra như mạch suối. Dưới những mái trường đào tạo mầm non cho tương lai đất nước, các vị giáo sư không cần phải lên bục giảng, nhìn thấy anh, đám học trò cũng hiểu rằng, ý chí con người sẽ thắng vượt tất cả, thân bại mà tâm không liệt là vĩ nhân, học lấy. Trong các giáo đường, nhà nguyện, các vị chủ chiên không cần phải đọc thêm Kinh thánh, nhìn anh, các bổn đạo cũng thành tâm hối cải, bởi vì tội lỗi nhân loại không chỉ đóng đinh Chúa Cứu Thế thôi, mà đóng đinh nhiều người. Người ta dẫn anh đến thủ đô, đứng thật lâu dưới bức tường Tưởng Niệm, anh là người đầu tiên trên thế giới lấy ngón tay trỏ của bàn tay mặt vuốt nhiều lần lên từng tên chiến sĩ trận vong, cử chỉ anh thận trọng, đằm buồn thương, y như ngày vuốt mắt cha mẹ. Qua người thông dịch, anh nói với nhiều người đang bần thần nhìn anh :

- Chỉ có những người này không bỏ nước tôi mà đi ...

Anh muốn nói thêm một vài điều nữa nhưng cổ ứ nghẹn không nói được. Những người nghe anh cũng cho câu nói như thế là đã quá đủ rồi.

Với đầu óc thực tế, người Mỹ không chỉ có thế đối với một con người mà họ coi như một tấm gương để soi chung. Cứ vài ba ngày, họ mặc cho anh một chiếc áo mới toanh có thêu hình chim đại bàng bằng kim tuyến lộng lẫy với bốn cái túi tổ bố. Hết người này đến người khác, trên những cành hoa hồng tặng anh, thế nào cũng có những đồng mỹ kim quấn vào. Trước đây, khi còn lênh đênh trên biển cả, anh vẫn nghĩ qua được bến bờ kia, với cơ thể vô dụng của mình, không biết lấy gì để nuôi thân từng ngày. Cho đến khi, bị đám người đồng hương thề không đội trời chung, anh chấp hai tay vái giữa trời, nếu có chết, xin được chết một nơi thật kín đáo hay ai đó đắp cho thân anh một tấm

vải để cho người nước khác khỏi thấy một người Việt Nam đến khi gục chết vẫn còn tiều tụy. Thế mà bây giờ tình thế đã đổi khác. Cơ trời biến hóa không thể lường được, không thể ngờ được. Cơ hồ như phi lý.

Lá thư dưới đây của anh gửi về cho những em bé ở quê nhà. Lá thư nầy tự tay anh viết, bỏ vào phong bì, dán kín, gửi bưu điện, không biết nguyên do nào lại được phôtô hàng triệu bản lưu hành rộn ràng khắp trong và ngoài nước. Trong nước, những tấm lòng son chưa phai tình yêu Tổ quốc, đêm khuya một mình chong đèn lên, tìm lại trên những dòng chữ này dư âm tiếng gào thét ầm ầm của hồn thiêng sông núi bị bức tử ngày nào. Những dòng chữ sáng ngời như máu đào, vòng vèo cày xới tận đáy lòng từng luống đau thương đời đời không khỏa lấp được. Kẻ cướp nước anh, cũng có người chộp được lá thư này, trong lúc vui say trong cơn chiến thắng không mấy vinh quang, bỏ ra một vài phút ghé mắt xem sao. Có kẻ chấn động thảng thốt kêu lên, tiếng kêu tựa hồ như bầy gia cầm khi bị chọc tiết trong xóm có miếu âm hồn kia. Còn đối với những người không thể sống trên quê hương của mình, phải đem thân lưu lạc chân trời góc biển, lá thư của anh như một sứ mệnh trên trời rơi xuống. Cả đám người ngày trước đã ra công viên lấy trộm đá về cột sẵn dây để chờ ngày trừng phạt anh, cũng coi những lời tâm huyết trong lá thư này như có chính mình hà hơi tiếp sức. Nghe đâu, con dốc thăm thẳm lên đồi cao, nơi lâu đài những người hâm mộ đã mua cho anh ở, mòn nhẵn như mài bởi dấu chân người trèo. Không biết ai đến đây, họ tìm anh làm gì mà nhiều thế?

Lá thư tưởng chừng ghê gớm lắm, cũng chỉ thế này đây :

"Thăm các em,

"Ở một nơi rất xa, anh viết vài hàng thăm các em. Đã mười tám năm rồi, mượn người lạ một vài phương tiện để sống, những ngày tàn cuối.

"Ở trên đồi cao, một mình, nhìn qua cửa sổ, lá phong đỏ ối một góc trời, lòng anh vời vợi biết bao nỗi niềm. Lá thư này, anh gửi theo địa chỉ ở sát nách Âm Hồn, bên con kênh đào ngày xưa, nơi các em từng buổi sáng sương chưa tan đã đến gọi anh ngoài ngõ lấy lội. Phải, anh là Đào Tường đây, người đã bán chịu cho các em những chổi lông gà ngày nào. Tất cả các em, ba mươi mốt đứa, từ Bao Vinh lên, An Cựu qua, Kim Long về, Nam Giao xuống. Bao nhiêu năm, trong cuộc đổi thay nghiệt ngã, thân lá rơi khỏi cành bị xua đuổi lăn lóc trên dòng sinh mệnh buồn bã, anh nhớ rất rõ từng khuôn mặt các em. Chẳng bao giờ quên, chẳng bao giờ quên.

"Anh bây giờ, khi không, trở thành giàu có. Người ta tưởng rằng tiền bạc sẽ làm cho chân anh đâm ra thịt non, thức ăn bổ béo sẽ làm lặn phai những vết bầm trên mặt. Nhưng không phải, cái tàn phế ấy, mỗi ngày một nặng thêm, kéo xuống, còm cõi. Trong khi ánh hào quang của vật chất lóe sáng, để làm chi, nếu không phải cho anh nhìn rõ mình hơn, một con người ngơ ngác, bị đọa đày vô lối ngay trên quê hương mình và cuối cùng cũng không được sống ở đó, phải nương thân ở xứ người, mà người coi mình chẳng khác nào bóng ma tả tơi lảng vảng ám hại đời họ. Anh cũng từng có những giờ

phút tưởng chừng như vinh quang, kẻ nông nỗi nghĩ thế. Nhưng không phải, khi họ kông kênh anh lên, thì tiếng gầm thét của loài cọp beo lại vang động khắp mặt đất. Điều họ làm, anh chẳng bao giờ hiểu nổi. Khi những đồng tiền nhét đầy túi, thì anh không còn răng để nhai nữa, hai quai hàm đã đến lúc teo lại rồi. Ăn! Trở thành một mối lo.

"Đêm đêm, anh thao thức không ngủ, một vầng trăng lại về. Cũng vầng trăng ngày nào các em quây quần bên anh trong sân Âm Hồn, các em đã kể cho anh nghe biết bao câu chuyện đời. Những chuyện trớ trêu mà chỉ có các em sống một đất nước như đất nước mình mới có. Và, nó cứ đuổi theo anh, rượt đuổi mãi suốt năm tháng, không ngừng, bất kể ở đâu. Anh nhờ thầy đến dạy thêm tiếng Việt đã năm nay, mong được làm một nhà văn, không ngoài ước nguyện viết lại những điều các em đã kể cho anh nghe, một con hẽm lầy lội không lúc nào không nghe tiếng gà vịt kêu quang quác, một con kênh đào nơi có hàng trăm chiếc cầu xí nổi mà hoa sen, hoa súng bên dưới, vẫn trồi đầu lên, nở những cành hoa rực rỡ ánh ngời lên dưới gầm trời. Nhưng mộng ước đó, chẳng bao giờ thành. Bởi vì, như các em đã biết, tất cả những người Việt Nam chúng ta, ngay từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đã bị quỷ ám, nanh vuốt của bọn quỷ-người này lục lọi cào xé không bỏ sót một cơ hội nào, kể cả khi đứa hài nhi cất tiếng khóc chào đời cũng bị bóp ngang cuống họng, để tiếng khóc ân huệ của Thượng Đế ban cho ấy trở thành những tiếng nấc. Không ai là người Việt Nam có thể trở thành những nhà văn, kể cả anh, cho nên món nợ đời với các em, anh còn đeo nặng. Có em nào còn nhớ bài kinh ngày xưa anh thường tụng cầu an cho vong linh những đồng đội anh đã nằm xuống không? Hàng đêm, cái chân cụt của anh vẫn tựa lên chiếc nạng, như tựa lên cả một dải sông núi ảm đạm thênh thang để phát ra lời kinh, bây giờ lại cầu cho cả một dân tộc.

"Ba mươi mốt em, không biết ai còn, ai mất? Lá thư này có đến tay các em không? Anh biết, ngày nay, cuộc bể dâu đã xóa đi tất cả, cái Âm Hồn và cái quán đụt mưa bên đường kia chưa chắc đã còn. Các em đã lớn khôn, dù trong tuyệt vọng, vẫn cố tìm ra một nơi nương náu tạm thời. Anh đây cũng thế. Địa chỉ anh ngoài bì thư, anh rất mong nhận được hồi âm của các em. Cần gì ở anh, cứ nói, anh nay thiếu tất cả, nhưng có rất nhiều tiền. Cáo chết quay đầu về núi. Một ngày kia, rất gần, anh cũng chỉ về bên đó với các em, hai bàn tay trắng thôi..."

HỒ MINH DŨNG

Nam Cali, 5/1995



PHÙNG QUÁN

mưa huế

TRAIS TIM EM KHOONG DUWOWCJ BINHF YEEN!
Bức điện khẩn tôi nhận từ đáy mắt em
Nói dại dột
Một sớm mai nào đó
Em bỗng bay mất
Tôi sẽ tan thành mưa Huế những ngày đông
Tôi sẽ xối xả xuống tất cả những nơi nào em đã đặt chân

Đá Ăng-ko Thom
Và bê tông Hồng trường
Sẽ phải xói lở
Vì những cơn mưa dằng dai dữ dội
Đêm trắng Pê-téc-bua sẽ sẩm tối
Đền Bai-on ngập lụt phải đi thuyền
Léc-măng-tốp
Pút-skin
Mai-a
Nàng Áp-sa-ra
Đồng và đá
Lần đầu tiên được nếm mùi mưa Huế
Họ liếm những cặp môi ướt đẫm
Và kêu lên
- Ôi cái mưa khùng điên
Mưa không còn biết gì tới chừng mực!

Mưa Huế trả lời trong tiếng rơi sầm sập:
- Làm gì có chừng mựa thơ!
Làm gì có chừng mực mưa!
Làm gì có chừng mực yêu!
Làm gì có chừng mực thiên tài!
Làm gì có chừng mực khổ đau

PHÙNG QUÁN



CHÂN PHƯƠNG

lời hang động

vét sạch túi thơ
ném nắm chữ còn sót cho trăng

cười lớn

nhìn thần gió nắm tay thần tuyết rượt theo chụp bắt

quay lưng với bình minh mất máu
mặc kệ thời tiết làm tội làm tình rặng cây trơ xương
mặc kệ nỗi lạnh quất những lằn roi lên con sông chết cóng

đóng chặt các cửa phòng
chui vào hang tối mùa đông

gom góp ký ức với củi mục
thắp lên ngọn lửa bập bùng

bắt chéo hai bàn tay
làm bóng chim chấp chới

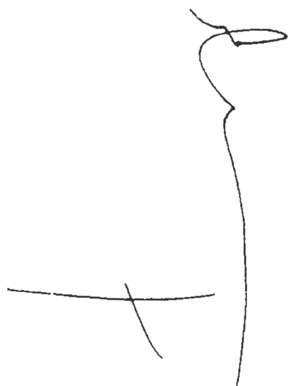
từng đêm
trên vách động

CHÂN PHƯƠNG



BÙI CHÍ VINH

bốn thí nghiệm trong đêm tân hôn



Chàng và nàng yêu nhau ngoài định nghĩa của hai mươi bốn chữ cái. Không có ngôn ngữ nào diễn tả được mối tình tuyệt diệu của họ. Tóm tắt lại: Họ yêu nhau.

Chàng nói:

- Anh không có nhà ở, anh đang ở trọ cùng ba người bạn trai trên một chiếc chiếu khổng lồ.

Nàng nói:

- Em có một bà mẹ và mười hai chị em gái, tất cả đều làm việc tới khuya.

Thí nghiệm đầu tiên sau đám cưới rắc đầy hoa hồng là ở rể nhà nàng. Và tới khuya thí nghiệm thất bại. Nhân loại trong căn nhà nàng không thể vì một đêm trăng mật mà quên đi sự sống của họ. Tiếng xay bột gia công đã làm chàng thoát khỏi cơn say chếnh choáng.

Chàng nói:

- Họ đổ tiếng động và sự tò mò thấp hèn xuống đầu chúng ta.
- Nhưng đâu phải vì thế mà anh hết yêu em?
- Đúng, con mèo nhỏ của anh ạ, phải tìm một chỗ trú khác.

Đêm đó nàng vẫn còn con gái.

Để mướn hoặc mua một căn nhà chàng bắt buộc phải ghi vào lý lịch nghề nghiệp: Thương gia. Nhưng trong bản đăng ký kết hôn chàng ghi rõ ràng một công việc duy nhất: Viết báo. Vì vậy để có thể yêu nhau cụ thể, chàng chỉ còn

nước dẫn nàng đến rạp xi nê bán vé thường trực. Bảy giờ tối lúc thiên hạ thưa thớt, chàng bắt đầu bài học vỡ lòng.

Nàng nói:

- Cẩn thận nghe anh.

Chàng nói:

- Em yên trí, không một bóng người, anh đã quan sát kỹ, anh còn xếp hai chiếc ghế của chúng mình dính liền nhau nữa kia...

Thiên đàng vừa hé mở thì ánh đèn pin lóe sáng. Con quỷ ở đâu xuất hiện giọng lạnh tanh:

- Này, đừng dở trò mất văn hóa ở nơi giải trí cao cấp của trí tuệ. Cút xéo khỏi rạp.

Hai kẻ yêu nhau lủi thủi rời khỏi hàng ghế dành cho lứa đôi, không thể ngày nào cũng đến vài rạp hát mua vé để rồi bỏ phim chạy lấy người đầy tốn kém. Họ còn phải ăn bánh mì để yêu nhau tiếp tục. Vậy là thí nghiệm thứ hai không may mắn gì hơn.

Đêm đó nàng vẫn còn con gái.

Chàng nói:

- Phải dồn tiền để mướn một căn phòng khách sạn, chúng ta phải hiểu biết tường tận cơ thể nhau, hỡi con mèo nhỏ.

Nàng nói:

- Em đồng ý, em rạo rực lắm rồi, chẳng thà nhịn đói mà được anh yêu, con chó lớn ạ.

Con chó lớn và con mèo nhỏ đèo nhau bằng xe đạp xuống một nhà trọ bình dân ở bến xe Văn Thánh. Mọi thứ có vẻ ổn thỏa, nàng bước ra từ vòi nước công cộng đẹp như một nàng tiên cá. Rất run rẩy, nàng tiên cá đặt lưng xuống giường.

- Anh ơi, rệp.

- Mặc kệ rệp, anh vẫn yêu em!

- Anh ơi, ai gõ cửa phòng mình?

- Hả?

Chàng mặc quần áo trước thời gian năm giây và xoay quả nấm. Té ra ông chủ thông báo cho từng phòng về hai chiếc xe đạp của khách vừa bị ăn trộm ở nhà dưới, trong đó có chiếc xe của chàng.

Đêm đó nàng vẫn còn con gái.

Chàng nói:

- Anh không còn gì nữa cả, tiền bạc lẫn xe cộ.

Nàng nói:

- Nhưng anh có còn sức khỏe để yêu em không?

Cái đó thì còn. Họ lôi nhau ra công viên như bị ma đuổi. Mười hai giờ đêm một chiếc lá rụng cũng trở nên huyền hoặc.

Chàng nói:

- Cần gì nhà em, cần gì rạp xi nê, cần gì phòng trọ, ngay trên chiếc ghế đá không tốn tiền này chúng ta cũng có thể...

Nàng nhắm mắt nói như rên:

- Hãy yêu em đi!

Chiếc nút thứ nhất mới đứt khuy thì chàng nghe thấy tiếng hắng giọng:

- Nộp thuế gấp hai ông bà nội. Năm ngàn đồng.

Tình yêu giật mình quay lại kẻ phá đám. Nguyên một băng bụi đời toàn đám nhãi ranh.

Chàng nói:

- Tụi mày muốn gì?

Chúng gầm gừ:

- Năm ngàn đồng không bớt. Cái giá của mỗi băng ghế đá cặp nào tới đây cũng trả như vậy.

Thí nghiệm thứ tư chấm dứt.

Đêm đó nàng vẫn còn con gái.

Bây giờ chàng ngồi ở vỉa hè như một pho tượng. Tình yêu của họ không thoát khỏi sự định nghĩa của hai mươi bốn chữ cái. Chức năng đàn ông của chàng đã tê liệt vĩnh viễn sau một loạt thí nghiệm đổ vỡ. Chàng đã mất hết cảm xúc và trở thành tu sĩ bất đắc dĩ. Nàng đã đau khổ bỏ đi với một người khác giống có khả năng yêu cụ thể với các điều kiện ắt có và đủ theo vật lý.

Trước ngực chàng treo lủng lẳng tấm bảng "Nhận làm trung gian các vụ mua bán nhà".

Đúng rồi, cơ may cuối cùng của chàng vẫn còn. Chàng chỉ có thể phục hồi tình yêu vĩ đại của mình nếu biết gắn nó với một chữ "nhà" thơ mộng.

Có điều đêm đó nàng đã trở thành đàn bà trên một tấm nệm mượt như nhung!

BÙI CHÍ VINH
(Sài Gòn)



LÊ THÁNH THƯ

thánh vịnh ngày thứ sáu

đàn cầm
bạch lạp
kính mừng
tôi đứng giữa nghệ vàng và mặt trăng
Đức Nữ Đồng Trinh
sáng rạng
Người bẻ gãy ánh chớp
và cung nỏ ngu si

Tôi chẳng vui thú gì
một bận đi
một bữa về
trước khi mặt trời và ánh sáng tối lại
tôi lần chuỗi
theo ngày niên tráng
buổi tóc xanh
kinh hãi khi phải khởi hành
giữa đám xương rồng khai hoa

Kính mừng Maria
mùa ca hát trở lại
tiếng chim cu nghe dậy vùng ta
người yêu thơm mộc dược
nghỉ ngơi
giữa nhuỵ hoa

Một ngày phép lạ
kính mừng
Ơn phước người tôi yêu

LÊ THÁNH THƯ



TRẦN HOÀI THƯ

ở một nơi nào rất xa



Một nơi nào ngồi lại. Nơi nào để bên trời là dòng sông, là thành phố. Nơi nào ở đây, ngôi trường cũ, những tòa lầu của thế kỷ 18 xa xưa, và bãi cỏ, và giảng đường, và caféteria, và lớp học. Nơi nào, con đường xuống phố, phố nao nao, vì người con gái Tây phương mắt xanh, tóc vàng bạch kim nơi quán rượu, Nơi nào, trời thật thấp vì đồi thật cao, và sông thật mờ vì sương thật dày và mây thật xám. Nơi nào, ngồi lại, tìm một chỗ ngồi. Chiếc bảng xanh chiếm trọn bờ tường, và cửa kính mở ra cả đêm Nữu Ước. Nơi nào, để anh còn cất dấu cả trời hiu quạnh. Em yêu dấu. Nếu có một tinh cầu nào cô độc thì em cứ nghĩ đến anh. Hãy cho anh ràn rụa cùng một vài giây yếu mềm. Hãy cho anh đứng lại ở bên trời, như người trở về và thua cuộc. Vai chắc phải nặng vì nỗi sầu ly hương. Mắt sẽ phải mờ vì tuổi đời và vì hình sương bóng khói. Nơi nào như ở đây, như thể hôm qua. *Người con gái Xóm Học, phố hôm qua trở về, trời hôm qua mưa bụi, đêm hôm qua còn sương...*

Phải rồi, đêm hôm qua còn sương. Sương mờ cả dòng sông, để trong phòng học, người sinh viên già giữa đám người trẻ tuổi phải chạnh lòng rán nghe cho kỹ những lời giảng của vị giáo sư. Rán nhập vào trí não những *beta, gamma*, những thống kê, sát suất, định đề, những kiến thức nhân loại. Rán nhớ những chứng minh, những thuyết lý. Rán níu kéo những tinh hoa của nền văn minh trong chuỗi ngày còn lại. Nhưng ngoài cửa kính kia, con sông đã dày đặc sương mù, để Nữu Ước thả mộng mờ run rẩy những ngọn đèn từ các tòa nhà chọc trời. Và cớ sao, lòng anh đâm chạnh lại. Lắng lại một giây. Ràn rụa lại một phút. *Người con gái Xóm Học, phố hôm qua trở về, trời hôm qua mưa bụi*. Mưa bụi thì mưa bụi. Như người xa xôi, vai em mềm, mắt em long lanh, da thịt em ngọc ngà yêu dấu... Em ngồi đằng trước, để anh quên hết sách vở học đường. Em đứng ở hành lang, để anh còn tập tành hút thuốc.

Có phải một đêm ở đâu đây, như của một đêm vĩnh cửu, từ hành lang mờ tối, từ những ô cửa nhìn ra dòng sông. Có phải người quá gần để mình còn cảm thấy thật xa, để nhớ nhau bằng những bài thơ đầu tiên nho nhỏ. Tội tình quá đi thôi. Cho anh hay cho em. Mấy mươi năm, thấy nhau thì quá xa nhưng như thể rất gần trên cả trang giấy.

Một nơi nào ngồi lại. Anh đang trở về để tìm lại một chỗ ngồi mấy mươi năm về trước. Một chỗ ngồi bên cạnh khung cửa kính. Một chỗ ngồi nhìn ra ngoài chỉ thấy dòng sông. Một chỗ ngồi quay quắt bao nhiêu kỷ niệm. Những người năm cũ, những người hôm nay, những người bỏ đi, những người ở lại, những người sống sót cuối cùng. Có thắc mắc gì không? Có câu hỏi nào không? Thầy hỏi và trò thì lặng im. Vầng trán nhăn, đôi mắt nhìn lên bảng, những hố thẳm, những khoảng không chập chùng. Chỉ nhìn thấy bờ vai em thèm ôm ấp, mái tóc em thèm vuốt ve. Còn nữa. Một bài toán mà anh đang đi tìm đáp số. Như hôm qua. Hôm nay. Và cả chuỗi ngày còn lại.

*

Bài toán ấy đã đến với đất nước chúng ta một lần. Ai đưa ra cái định đề buồn thảm, rằng trên quả địa cầu này chỉ *có một và một* chủ nghĩa. Và ai đã áp đặt vào cả lòng dân tộc những phương trình chẳng có lời giải suốt bao nhiêu năm. Quốc gia. Cộng sản. Tư bản. Xã hội. Trời ơi, ai đúng, ai sai. Để bao nhiêu phân ly. Để bao nhiêu chết chóc. Để điệp điệp trùng trùng tai ách trên một mảnh đất tơi tả đọa đày. Tại sao cả thế giới lại chọn Việt Nam để thử nghiệm cái bài toán chưa bao giờ được chứng minh, được tìm kiếm lời giải, mà trái lại, chỉ gồm những giả thiết. Một thời chúng ta đã bị đui mù cùng những hào nhoáng, hấp dẫn từ những giả thiết và kết luận của những tay phù thủy. Để sau những ô cửa từ một ngôi trường Quốc học, có những đứa mơ về mỗi phương trời, và để trong con tim mỗi đứa bắt đầu đen đặc những căm thù. Căm thù giai cấp. Căm thù bạn bè. Căm thù cha mẹ. Để cái hố thẳm vô hình cứ bủa xuống từng cá nhân. Để nghi kỵ, rình rập, ly cách cứ chập chờn từ những con người Việt Nam. Và để cha mẹ em thù căm anh bởi vì anh mặc đồng phục xanh gọi là lính. Và để anh không được quyền yêu em, bởi vì anh cầm súng đứng về hàng ngũ bên này. Trời ơi. Cả anh nữa. Mỗi ngày mỗi hận thù chồng chất, mỗi nghi kỵ bủa vây. Anh hận thù bởi vì từng đồng bạn gục chết bên anh, đôi mắt như trân trối nhìn anh một lần cuối. Và anh hận thù bởi vì anh mất em. Cái chủ nghĩa nào đã bắt em xa anh. Cái triết lý nào đã đẩy dưa anh bỏ xứ, trốn đôi mắt người yêu. Tại sao hở. Nước mưa hay là nước mắt. Nước mưa nhòa nhạt cả con đường lên Phủ Cam, về Bến Ngự, xuống Đập Đá, qua phà Thừa Phủ, Đông Ba, để thấy dáng em hao gầy, để được mờ đôi mắt trước một hình sương bóng khói, để bất lực nhìn theo. Và cả những thằng bạn năm nào nữa. Đôi mắt cứ mãi nhìn qua khung cửa lớp học, để cuối cùng tìm lại nhau, bóp cò súng, thọc dao vào tim, xẻ từng mảnh thịt, lóc từng mảnh da. Rõ ràng, ai cũng tìm ra cho mình một đáp số cho cái

bài toán cay nghiệt. Không ai chịu nhường ai.

*

Em yêu dấu và xa cách. Bây giờ bài toán ấy vẫn chưa được giải. Dù sau mấy mươi năm thử nghiệm. Như đêm nay anh đọc những dòng chữ từ những người được xem là ở bên kia hàng ngũ. Hãy lắng nghe con tim họ sau hai mươi năm. Hãy xem họ là những con người, những bạn bè, những anh em đã từng một thời ngồi bên khung cửa lớp. Hãy bỏ quên quá khứ, xóa hết tất cả mặc cảm, nghi kỵ, chia rẽ. Bởi vì hai mươi năm đủ dài để mỗi người nhận chân rõ về lịch sử, về việc làm của mình. Nhưng dường như cõi lòng anh vẫn còn đau. Bởi vì họ vẫn xem họ là những người đi làm lịch sử, hay hơn thế nữa, những kẻ chiến thắng. Chưa bao giờ họ nói họ đã lầm, dù một lầm lẫn nhỏ. Họ vẫn còn rình rập kẻ thù. Họ chưa hề nhỏ một giọt nước mắt để khóc cho một đất nước hàng triệu người nằm xuống, hàng triệu người ly tán bởi những danh từ ngoại lai, những bài toán không bao giờ có lời giải và đáp số. Chưa bao giờ họ đặt một câu hỏi về những người bạn của họ một thời giúp đỡ họ trốn tránh, nuôi dưỡng họ, đùm bọc họ để họ được cơ hội trở về trong hàng ngũ của kẻ chiến thắng, giờ đây đã từng bị đồng đội của họ mổ mật moi tim. Chưa bao giờ họ nhắc đến những điếu thuốc chia xẻ, mà chỉ nhắc đến căn thù và bây giờ là lòng từ bi của vị Bồ Tát. Trời ơi, đâu là đáp số của bài toán sau hơn hai mươi năm. Đâu là đáp số cho một cuộc kiếm tìm? Ờ, một năm cũng đủ dài, mười năm cũng đủ dài, và bây giờ đã hai mươi năm. Tóc của người trong cuộc đã nhuốm bạc hết rồi. Cuối cùng chỉ mong cõi lòng yên ổn, để gặp lại bạn hữu cũ, mà mời cốc trà, cốc rượu, để mà nhắc chuyện xưa, để mà xem chiến tranh như những bài thơ của Nguyễn Bắc Sơn. Rồi mặc áo bà ba về vui vầy cùng đám con cháu.

Đêm nay, em yêu dấu, chỉ còn một mình anh với căn phòng làm việc. Mùa thu đã trở lại. Gió gọi trăn trở ngoài kia. Và chút gây lạnh ở trong này. Anh biết, từ ngày anh chạm vào khoa học, tiếp xúc với kỹ thuật, đầu óc anh cũng đầy ắp những bài toán như bài toán hai mươi năm nay. Anh càng hiểu hơn bao giờ vị trí của toán học trong mọi áp dụng. Một công thức có thể tiên đoán cho cả một kế hoạch. Một phương trình cũng có thể giải được bao nhiêu triệu triệu bytes luân lưu không ngừng từ Thái Lan lên vệ tinh, qua Mễ Tây Cơ, về lại New Jersey. Toán học đã trở thành đáp số cho mọi tư tưởng mới. Nhất là toán học trừu tượng. Những *object*, những biến số, những giao, những hội, những cây, những lá, những cha mẹ, con cái bây giờ đã được đặt tên, và đưa vào toán học. Cái miệt mài say mê và nỗi phấn khích của một kẻ đi tìm giữa bốn bề kỹ thuật và khoa học, và bao nhiêu công trình đã hoàn thành từ chiếc computer và bộ óc, bỗng nhiên đêm nay lại bị rối bời bởi bài toán. Ồ, tại sao những thằng bạn ta, những thằng trên dưới mười năm tả tơi trong tù tội, lại xuất hiện trên HL, bên cạnh HPNT, người đã một thời là kẻ thù? Tại sai HMD, KDV, LH với những vết sẹo đầy mình từ Lào Cay, Yên Bái, Việt Bắc,

lại đứng giữa sự khoan dung và độ lượng? Bao nhiêu câu hỏi. Trả lời. Câu hỏi. Trả lời. Như một program chạy tìm hoài không thấy lối, chỉ cuối cùng là hàng chữ *disconnected* in trên màn ảnh, thách thức, vô tâm.

*

Chiều nay, em yêu dấu, anh lại trở lại trường. Còn một course nữa là xong hết chương trình. Thôi cũng coi đó là công trình của một tên tị nạn mang danh là đĩ điếm, phản quốc. Mở lại bản nhạc cũ. Chiều đã xuống. Và muôn ngàn ánh đèn từ phi trường Newark rộ sáng bên đường. Xe lên Cầu Trời. Xe đưa anh về một nơi vì cơm áo, hay đưa anh về Buôn Mê Thuộc của ngày xưa. Nhớ đến người con gái nào, hy sinh vì ta, nhưng ta chưa một lần đền đáp. Tà áo trắng nào ở tu viện Teresa. Những đồn điền cà phê hoa nở thơm ngát một trời, và sau đó là con đường ngập đầy máu, máu, và máu. Em đến bên ta, ban cho ta hớp nước, khi ta chạy, ta đào, ta kiệt sức. Bây giờ người ấy ở đâu, khi ta muốn giúp. Còn nữa, những người đồng đội cũ. Trà gọi ta kỳ này về, trở lại Bà Gi, tìn lại những người lính cũ. Ta nói thêm Đại ca nhớ cho tôi gửi chút ít cho bọn nó. Tội nghiệp quá đi thôi. Còn em nữa. Em cay nghiệt. Em vô tâm. Em bắt anh nghĩ hoài bài toán. Tại sao tình yêu lại thêm vào cọng trừ, để anh không được gần em, và em không được gần anh.

Em xa xôi yêu dấu. Bài toán ấy đã mang nặng suốt cuộc hành trình. Một lần ngồi lại để cầm lấy cây viết thử viết về những giả thiết, để tìm kết luận. Một lần ngồi lại, cố quên, nhưng tại sao con người anh vẫn còn bầm dập bởi những vết đau từ trại hkổ sai nào. Đầu anh ngoi ngóp giữa dòng kinh cuồng bạo, và bụng đói lả, và thau cơm cháy dành cho chó ở bên trại binh của Trung đoàn Bắc Việt, để hai tay anh bám vào, để miệng anh ngốn ngáo. Đau ngoài thân hay đau trong lòng. Hay là cái nghiệp. Và cũng vì cái nghiệp nên hôm nay anh lại có mặt trên đất người để viết những dòng chữ này về em.

Còn nữa. Còn những tủi nhục, những lầm than. Vết sẹo vẫn còn, không ai có thể tẩy xóa. Dù cũng muốn có con tim thật Bồ Tát nhưng con người vẫn còn yếu đuối. Thử nhắm khẽ mắt, thử viết lại bài toán, thử giao, thử họp, thử *pass* những *arguments*, để tìm một lời giải cho con tim thôi sôi nổi, thao thức, dằn vặt... Thử nhìn lên bàn trên để tìm đôi nam nữ sinh viên đến từ hai bờ Trung Quốc - Hoa Lục và Đài Loan - ngồi bên cạnh nhau, chuyền cho nhau thẻ chewinggum để nói thầm, chủ nghĩa cuối cùng cũng phải lùi lại và tình yêu cuối cùng cũng vĩnh viễn... Thèm lắm hai bạn trẻ ơi một ngày trong đời. Đừng Hoa Lục. Đừng Đài Bắc. Đừng Mao củ tịch. Đừng đồng chí, đồng môn... Hãy ra ngoài kia vì đêm sẽ dậy hương, và sông sẽ êm đềm in những vì sao trên cao, và tôi sẽ đếm dùm những vì sao trên bầu trời, những vì sao bất diệt, chứ không còn những vì sao vĩnh biệt như đời tôi hôm qua, hôm nay.

TRẦN HOÀI THƯ

---

* Tên tác phẩm của Trần Hoài Thư. Ý Thức xuất bản 1971.



PHAN NHIÊN HẠO

tôi, mùa hè và ruồi

Vẽ mặt lên với những con ruồi
vượt qua cửa lưới
thấy mình vô hình
giữa những ảnh, gốc rễ, đất và các lý tưởng quốc gia
mùa hè mặc toàn màu trắng
như sự ước lệ quê mùa
thói quen ngủ gật nông dân
trên chuyến xe chạy xuyên qua đại lục
có đủ các màu da
nhưng không có một ngôn ngữ nào
diễn tả ý nghĩ chung về sự mất mát
của những giá trị nền tảng mà một kẻ ra đi
bị tước đoạt mỗi ngày
ôi lời thở than nhược tiểu
cái chết là một nhược tiểu khác
mặc toàn màu đen
cầm sự ước lệ tẻ ngắt
nhỏ sáp lên xác tôi,
mùa hè,
và những con ruồi chồm hổm.

rắn

trườn đi trong đường hầm nút chặt
Rắn tháng chín
Biển bất an
Mùa hè bên bờ Thái Bình Dương ngã xám
Hàng cọ không vẽ nổi lên trời
Một phác thảo tương lai
Ban mai
Chôn khỏa thân
Dưới cát

PHAN NHIÊN HẠO



PHẠM CÚC PHƯƠNG

mắt phượng



Hạnh nói "Cháu chỉ sợ trễ. Khu này đông, tìm mãi không ra parking". Hắn nhìn cô gái, hắn nhìn mái tóc chấm vai mướt, mềm mại, hắn nhìn khuôn mặt sáng, môi phớt hồng màu son nhạt, hắn nhìn đôi mắt trong, có đuôi và xếch. Mắt phượng. Hắn nghe nói đàn ông mắt phượng thường thành công trong binh nghiệp. Còn đàn bà? Hắn kết luận bừa đàn bà mắt phượng bản chất liều lĩnh. Buổi tối, khi thân tình đã đủ, hắn nói điều ấy với cô gái. "Có lẽ chú nói đúng" và cười- "không liều lĩnh, đã không đến đây gặp chú". Bốn năm. Hắn hơi kinh ngạc. Quả, đã bốn năm. Hắn nói, "Nhanh thật, chú không ngờ lâu đến thế". "Dạ, bốn năm, hồi đó cháu mới ra trường, chú nhớ không?..."

Hắn có nhớ. Hắn như còn đọc thấy trước mắt những dòng chữ rất học trò, ngây thơ và buồn cười của cô gái, "chuyện ấy có thật không chú? Đời chú bất hạnh vậy sao?" Hắn nhớ đã trả lời cô gái, văn chương là hư cấu, nhưng chất liệu để làm nên văn chương luôn luôn được rút ra từ sự thật, sự thật của bản thân, của bè bạn, của cuộc đời. Kẻ làm văn giống như tay thợ khéo, anh ta biết dùng các thứ chất liệu thô, nhám, rời rạc ấy trộn thành vôi vữa. Từ vôi vữa, qua bàn tay và thiên năng, tác phẩm hình thành. Những điều cháu đã đọc, hiểu theo nghĩa nào đó, rất thật, thế nhưng cũng chỉ là hư cấu. Thành công của một người làm văn chương, có lẽ, là hấp lực của từng con chữ anh ta ném xuống trang giấy, tạo nên cảm giác "thật" ở người đọc, dù có thể chính anh ta, kẻ sinh thành ra nó, đóng vai trò rất nhỏ, hoặc có khi hoàn toàn vắng

bóng. Cô gái hình như vẫn chưa thỏa mãn với giải thích ấy, thỉnh thoảng đọc đâu đó một truyện mới của anh, cô gái lại thư, lại hỏi, lại "có thật không chú?" "Chú à, càng lúc cháu càng... tò mò về chú. Làm sao một con người có thể có nhiều khuôn mặt đến thế, và đời sống... kinh khủng đến thế? Chú bảo tác giả chỉ là chiếc bóng mờ sau hậu trường, nhưng cháu ngờ lắm. Không sống như thế, không trải qua trạng huống như thế, làm sao có thể tưởng tượng ra những điều như thế. Chú à, cháu chả tin chú đâu". Hắn vui. Ít nhất trong cuộc đời cần bút của hắn, cũng có được một độc giả dễ tin luôn vẩn vơ thắc mắc, để hắn có cơ hội vơ vẩn giải thích. "Đọc truyện, phải luôn ý thức rằng đó là nhân vật truyện. Cho dù 'hắn' đứng ở ngôi thứ mấy. Có thể là 'nó', là 'chàng', là 'nàng', là 'tôi'. Tùy yêu cầu của không khí chung, kẻ làm văn chọn cho nhân vật một ngôi vị. Chú thường dùng ngôi thứ nhất, 'tôi', để dựng truyện, vì theo chú, ở vị trí này, chú dễ đi vào nội tâm nhân vật hơn, dễ thuyết phục người đọc hơn. Vậy thôi. Chỉ vậy thôi. Đừng đồng hóa cái tôi của nhân vật với tác giả, sẽ có lúc cháu hoang mang, thậm chí thất vọng nữa đấy. Không thiếu những nhà văn chân yếu tay mềm, cả đời chả cắt cổ nổi một con gà, nhưng tác phẩm của ông ta lại ngổn ngang những anh hùng hảo hán chọc trời khuấy nước, sinh ra, chỉ để ngụp lặn trong máu, nước mắt. Cũng không ít các thi sĩ vợ con cửa nhà công ăn việc làm rạch ròi phân minh như một tay công chức gương mẫu, thế mà thơ thì đầy dặc hình ảnh lưng đàn bầu rượu rất phiêu hốt giang hồ. Có thể kết luận được rằng, văn chương là phần ước mơ được thăng hoa, phần thiếu muốn lấp đầy, phần hụt mong bổ sung. Những kẻ đói tình yêu, thường viết về tình yêu tuyệt vời, những anh quanh năm suốt tháng cơm nhà quà vợ, thường say mê mô tả những chân trời xa, những phần đất lạ, những quán trọ khuất nẻo dừng chân qua đêm dọc đường thiên lý...", hắn viết thêm cho cô gái như thế.

Và rồi, không biết từ lúc nào, hắn trở thành bạn vong niên của cô gái.

Cũng không biết từ lúc nào, hắn phơi trải cuộc đời thật của mình với cô gái. Trong vùng ý thức tăm tối, hắn hình dung cô gái như một đốm sáng. Những lúc mỏi mệt, chao đảo, muốn buông bỏ tất cả, hắn thường nghĩ về cô gái, nhớ đến những dòng chữ rất học trò, những suy tưởng rất trẻ con, và dần dà hắn hiểu rằng, hắn sống, hắn làm việc, hắn đêm đêm còng lưng trước trang giấy, có lẽ, là để nuôi dưỡng ngọn lửa kia, còn mãi bập bùng, tỏa sáng. Ngọn lửa, với hắn, cũng giống như niềm mơ ước, một điểm đích hắn luôn có khát vọng với bắt, dù rằng hắn ý thức rất rõ đóm sáng sẽ mãi mãi, muôn đời là ngọn lửa xa, một thứ ảnh ảo.

Vậy mà đã bốn năm. Cô gái kể, "Ngày đó cháu rất tự tin. Với bè bạn cùng lứa, cháu là một sinh viên giỏi, về mọi mặt. Ra đời, cháu có ngay việc làm, lương cao. Cháu nghĩ mọi chuyện đều dễ dàng, giản dị. Nhưng chỉ mới mấy năm, cháu thấy tất cả không còn đơn giản nữa, mới thấy mình chẳng là gì cả. Kiến thức, khả năng chuyên môn, cung cách ứng xử với cuộc đời... Tất cả không như mình tưởng... Đã có lúc cháu sợ". Cô gái nhìn hắn, đôi mắt phượng rất thông minh ánh lên một thoáng mỏi mệt. Hắn cười, "Cháu chỉ mới khởi

hành, đừng vội bi quan. Chú nghĩ như thế rất tốt. Khi người ta biết sợ, cũng có nghĩa người ta sẽ công bình, khách quan hơn trong hành sử. Duy có điều, lòng tự tin thì không được quyền đánh mất. Sống, thiếu tự tin là sống rán. Cháu còn trẻ, quá trẻ, không được phép sống rán. Vô lý và vô nghĩa".

Cô gái chống tay dưới cằm, quay nghiêng nhìn ra ngoài khung kính. Đêm lên. Bóng tối phủ sẫm thảm cỏ xanh dọc vỉa tường. Mái tóc mượt của cô gái phủ tràn một bờ vai. Mái tóc đen nhánh, những sợi tóc mềm phủ kín vầng trán phẳng, chấm chân mày. Hắn yêu những mái tóc dài, thẳng và mượt. Trong trí nhớ hắn, đã ngót bốn mươi năm, nhưng hình ảnh mẹ vẫn hiển lộng mỗi lần hồi tưởng. Mẹ. Những buổi trưa hè. Ngôi nhà mái tranh vách lá nằm bình yên giữa vườn cây rợp bóng mát. Chỗ chái bếp nhìn ra hàng rào dâm bụt, mẹ ngồi hong tóc. Mùi bồ kết quyện với mùi hương hoàng lan phả nồng trong gió. Tóc mẹ mượt đen và dày. Tóc mẹ, như tơ, phủ tràn lên mắt mũi má môi mỗi lần vùi vào ngực mẹ, tìm giấc ngủ. Tóc mẹ, như suối, chảy quanh đôi vai gầy, che kín khuôn mặt trái soan âm thầm cúi xuống, bên ngọn đèn dầu, nhẫn nại lần từng đường kim mũi chỉ trên tấm áo manh quần của hắn, của ba. Tóc mẹ, một ngày phải đành đoạn cắt đi vì căn bệnh nan y đốn mẹ gục ngã, không thể ngồi dậy, không thể gội đầu. Mẹ nhìn những mảng tóc dài và dày, từng mảng, từng mảng, lìa khỏi mẹ, dưới những nhát kéo gọn gàng của người y tá, nước mắt mẹ trào ra. Nước mắt hắn trào ra. Ngày ấy, dù chưa ra khỏi thế giới tuổi thơ, hắn cũng thầm hiểu, mãi mãi, sẽ chẳng bao giờ nữa, mẹ còn cơ hội nuôi lại suối tóc xưa. Mẹ chết, mang theo mùi hương bồ kết quyện phả trong gió. Mẹ chết, cái chết khắc đậm trong tâm hồn hắn, trái tim hắn hình ảnh thảm sầu của sinh ly tử biệt. Mẹ chết, ấn tượng về những mái tóc, dài và mượt, sẽ muôn đời là điều kiện tiên quyết khi hắn quyết định trầm mình trong một tình yêu.

"Hạnh. Cháu thích mọi người gọi cháu như thế. Đoan Hạnh, nghe ủy mị quá, nhi nữ quá...". Hắn giật mình. Hạnh. Đã bốn năm, những mẫu tự kia hắn từng viết nhiều lần, trên những bao thư gởi đi, vậy mà bây giờ cô gái ngồi trước mặt tự xưng danh, hắn mới giật mình bàng hoàng. Hạnh, tình yêu một thời của hắn. Hạnh, "con chim trắng nhỏ mang đôi cánh xanh mùa đông" bỗng hiện về. Hạnh. Tại sai Hạnh? Ừ nhỉ, tại sao Hạnh? Lần đầu tiên hắn phát hiện ra sự trùng hợp này. Cái tên định mệnh. Hắn muốn nói với cô gái, rằng người thiếu nữ năm xưa, người đàn bà nhan sắc tàn phai bây giờ, ở cách hắn một đại dương cùng với ba đứa con đã trưởng thành của hắn, cũng tên Hạnh. Hạnh. Tại sao Hạnh? Hắn không dám đẩy suy nghĩ đi quá xa. Giữa hắn và cô gái là khoảng cách vời vợi tạo nên từ tuổi tác, tương quan giữa hắn và cô gái là tương quan bình thường giữa người cầm bút với độc giả. Nhưng hắn vừa dùng chữ định mệnh để chỉ sự trùng hợp giữa hai cái tên, cũng có nghĩa trong tiềm thức hắn, đã manh nha ý nghĩ, phải chăng, định mệnh đang run rủi cuộc đời hắn vào ngã rẽ mới? Ảo tưởng. Hắn chua chát nhận thấy, càng già, con người càng sống bám vào ảo tưởng. Nhưng khổ nỗi hắn là một nghệ sĩ, tâm hồn hắn mỏng manh như những sợi tơ. Sự rung động, hắn biết,

ngàn lần sai nhịp, thế nhưng làm sao kiềm giữ được để đừng rung động? Bốn năm liên lạc qua những dòng thư, thật tình đôi lúc hắn có nghĩ về cô gái, có tò mò tự hỏi cô ta là ai, nhan sắc thế nào, vóc dáng ra sao, nhưng chưa bao giờ hắn hình dung cô sẽ là đối tượng làm xao động cái dòng chảy bình yên là cuộc đời hắn, hiện tại. Hắn tự giới hạn tương quan giữa hắn với cô gái trong chừng mực vừa phải. Đấy là một cô bé ngây thơ, yêu văn chương và thành thật. Chính sự ngây thơ, thành thật biểu hiện qua những con chữ, đã cho phép hắn thoải mái viết cho cô bé nhiều dòng tâm sự, bình thường, sẽ chẳng bao giờ hắn làm thế, với một kẻ chưa từng biết mặt. Cũng chính sự ngây thơ thành thật, như đã nói, giúp hắn thấy được công việc mình đang đeo đuổi có ý nghĩa và trách nhiệm hơn. Vậy mà giờ đây, đối diện với hắn, cách một mặt bàn với những vỏ chai rỗng cùng hai ly bia đã nhạt màu, cùng mái tóc mượt chảy tràn trên một bờ vai, cùng đôi mắt sắc và xếch, cùng vòng môi dày nặng đam mê, cùng giọng nói có thổ âm quen thuộc của vùng đất hắn đã sinh ra, lớn lên, và cùng cái tên được ghép lại bằng những con chữ, một thời, là nguồn cảm hứng giúp hắn tạo ra những bài thơ ngất ngất đắm say, hắn không thể nào nghĩ khác hơn: chính định mệnh, một lần nữa, sắp đẩy hắn vào một trạng huống ói oăm.

Oái oăm, bởi một tình yêu sẽ chẳng bao giờ có thật đã manh nha nẩy mầm, trong trái tim bồi hồi những nhịp đập già nua.

Thục,

Trước và sau khi những dòng chữ đầu tiên hiện xuống trang giấy, chú vẫn nghĩ sẽ, qua cuộc gặp gỡ giữa chúng ta, chú có đủ chất liệu để làm thành một truyện tình thơ mộng. Tại sao không nhỉ? Cuộc tao ngộ đầy kịch tính vừa rồi là thứ vôi vữa rất tốt. Hãy thử nghe chú phác thảo sơ qua truyện tình thơ mộng này:

Một cô gái trẻ đi tìm ước mơ của mình, khởi từ những sáng tác của một tác giả mà cô đã đọc, đã say mê. Trong tưởng tượng của cô, người đàn ông đó tuy đứng tuổi nhưng lại có đầy đủ mọi đường nét cô từng hình dung: tài năng, liều lĩnh, nam tính. Nhưng hình ảnh trước mắt làm cô thất vọng, chân dung cô nhìn thấy hoàn toàn không phải như hình ảnh cô đã ôm ấp bao ngày. Thần tượng của cô, mơ ước của cô, đối diện, chỉ là một thân thảo mộc sắp cạn kiệt nhựa sống, một "bình thịt xương" sắp ngả bóng chiều. Từ đó cô nhận ra, giữa ước mơ và thực tại, là núi non sông biển cách trở muôn trùng. Cũng từ đó cô nhận ra thêm, văn chương, nghệ thuật là trò chơi phù phiếm của những kẻ không còn đủ khả năng đẩy ước mơ thành hiện thực. Sau vài giờ chuyện trò trao đổi nặng tính cách xã giao, cô từ giã người đàn ông lên xe ra về. Khi cô gái dừng xe chỗ ngã tư đợi đèn xanh, nhìn vào kính chiếu hậu, cô thấy gã đàn ông vẫn còn đứng trên hè đường, chiếc bóng còm cõi của ông ta ngả dài xuống mặt xi măng lóa nắng. Một chiếc bóng câm, bất lực và tuyệt vọng. Lòng cô chợt rưng rưng chua

xót. Cô biết, từ nay, cô sắp đánh mất thêm một thú vui nữa: thú vui đọc sách. Trước đây, phía sau những trang văn, là hình ảnh người-đàn-ông-của-cô, cái hình ảnh giúp cho từng chữ, từng câu trên các trang giấy có riêng cho chúng một đời sống, kỳ diệu và ảo hóa. Nhưng giờ đây, chắc chắn, chúng sẽ chỉ là những xác chữ vô hồn mang trong tự thân sự giả dối lừa mị. Làm sao có thể tưởng tượng nổi, mọi chuyện đẹp đẽ tuyệt vời kia được khai sinh từ gã đàn ông tầm thường nọ? Tuổi cô còn quá trẻ để có thể tách rời văn chương ra khỏi tác giả.

Người đàn ông hiểu điều ấy. Hiểu ngay từ lúc gặp cô gái, hiểu hơn nữa ở thái độ dứt khoát khi cô bước vào xe, vọt đi, không một lần quay đầu nhìn lại. Người đàn ông vẫn đứng trên hè đường, khá lâu. Ông ta miên man nghĩ đến tấm nhan sắc phơi phới thanh xuân, nghĩ đến những lá thư từng trao đổi thân thiết, và nghĩ về niềm ước mơ hoang tưởng của mình. Bất giác ông ta bật cười, một tiếng cười khàn đục. Ai sinh ra đời cũng có một thời. Thời của ta, đã hết. Bao lâu nay ta tự đánh lừa ta, bao lâu nay ta ngỡ mình vẫn còn đủ hấp lực cuốn hút người khác. Vọng tưởng. Trong đáy mắt cô bé, ta thấy, chỉ tràn ngập duy nhất một thứ tình thương hại. Không, sẽ chẳng bao giờ ta nhận ở cô thứ tình cảm tội nghiệp kia. Này cô bé, yên trí, từ nay sẽ chẳng bao giờ ta viết cho cô. Sẽ chẳng bao giờ nữa. Ta còn đủ tự trọng và tỉnh táo để dừng lại ở vị trí nên dừng. Nhưng còn yêu cô? Tại sao không? Ai cấm được ta yêu? Cho dẫu chỉ là thứ tình một chiều đơn lẻ.

Người đàn ông lững thững bước xuống mặt lộ, băng qua đường. Nhiều tiếng còi xe inh ỏi. Khi ông ta vừa kịp biết mình là nguyên nhân của tai nạn thì thần trí đã mê man. Tai nạn xảy ra do người đàn ông bất cẩn, sự bất cẩn có thể bởi những chai bia ông uống cùng cô gái, làm đầu óc ông lãng đãng. Nhưng cũng có thể, biết đâu, từ đáy sâu thăm thẳm của tiềm thức, người đang ông đã tự nguyện tìm đến tai nạn? Để ước mơ trọn vẹn, mãi mãi là ước mơ, đôi khi người ta phải dứt khoát chối từ thực tại. Một trong những phương cách chối từ quyết liệt và hiệu quả nhất: cái chết. Chết, không phải vì tuyệt vọng, chết, chỉ giản dị là để dưỡng nuôi ngọn lửa hy vọng còn mãi cháy đỏ đến tận phút lâm chung. Một cái chết thơ mộng, đẹp đẽ. Một cái chết chỉ có thể khởi nguồn từ một tình yêu tinh khiết.

Cách nơi xảy ra tai nạn vài ngã tư, cô gái vừa từ chợ bước ra. Cô nhớ lời mẹ dặn, khi về, đừng quên mua ít thực phẩm cho bữa nhậu của ba chiều nay, với bạn bè ông. Lúc cô quay đầu xe ra khỏi parking, định nhập xuống lòng đường, thì từ hướng cô vừa từ giã người đàn ông, chiếc xe cứu thương chớp đèn và rú còi phóng vụt qua. Cô gái đạp sâu chân thắng, chặc lưỡi. Phố xá đông đúc thế này, tai nạn rất dễ xảy ra. Cô nhớ đến cậu em trai vừa mới được phép lái xe, thằng nhỏ bản tính hiếu động, lên xe, không bao giờ chịu chạy dưới năm mươi dặm, dù trong thành phố. Có lẽ mình phải lưu ý cậu em, mỗi lần ghé ngang khu vực này, nếu không cẩn trọng, sẽ có ngày ân hận. Cô gái hoàn toàn không biết trên chiếc xe cấp cứu kia, người đàn ông đã thong dong bước vào thế giới khác, cái thế giới, ở đó, ngọn lửa tình yêu của ông vẫn tỏa sáng, miên viễn.

Thục,

Với khả năng bẩm sinh, cộng thêm tí kinh nghiệm về kỹ thuật, chú có thể biến câu chuyện "cải lương" ấy thành một truyện ngắn cảm động. Và rồi, khi nó được in lên báo, biết đâu sẽ có khối cô rơi nước mắt!

Nhưng, như Thục thấy, câu chuyện không chảy theo tiến trình chú đã vạch ra, từ đầu. Tự nó, những con chữ, đã tách khỏi chú, đã dẫn dắt nhau, nối đuôi nhau làm thành một bản tường trình đầy tính chất tự sự. Chữ nghĩa luôn như vậy đấy: độc lập, tự do một cách ngang ngược!

Tuy nhiên dẫu sao thì chú cũng đã định tâm viết một truyện ngắn. Một định tâm tốt lành. Dù bị dẫn dắt về hướng nào, chú vẫn phải tiếp tục, phải không?

Hắn với tay nâng ly bia uống một ngụm nhỏ. Cô gái vẫn nghiêng đầu nhìn ra bên ngoài. Cô bồi bàn đến gần, tươi cười, "Cô chú dùng gì thêm?" "Cảm ơn, cần, chú sẽ gọi". Cô chú, hắn lặp lại hai chữ này trong đầu với một cảm giác ngất ngây. Cô chú. Hắn bật cười. "Chú cười gì thế?" Hắn đẩy ý nghĩ qua hướng khác, "Cháu có đôi mắt đẹp lắm". "Bố cháu cũng nói thế", và hai vành môi mở hé cho những hạt răng đều nở bung. Ngay cả cung cách biểu lộ sự thỏa mãn trước một lời khen, ở cô gái, cũng có cái gì là lạ. Hân hoan, phơi phới, tự tại. Không phải thái độ kênh kiệu của một người biết mình có nhan sắc. Cô gái cười, bởi vui. Chỉ giản dị là thế, nhưng lại bật ra rất rõ một nội lực vững vàng. Rất ít khi hắn gặp được một bản chất như vậy, ở phái nữ. "Hạnh uống nữa nhé?" "Dạ". "Không ngờ cháu uống được rượu". "Đâu phải rượu. Bia mà". "Thì bia. Thường, cháu uống được mấy chai?" "Dạ một. Cháu không dám uống nhiều, nhức đầu lắm". "Hôm nay ngoại lệ, phải không?" "Cháu không biết. Cũng lạ, lúc nãy ngồi trong quán cà phê cháu nhức đầu, bây giờ, hết rồi". Hắn rót bia cho cô gái. Ngày xưa, có lần hắn ép Hạnh uống một ly bia nhỏ. Nể hắn, nàng thu hết can đảm nín thở nốc cạn. Nhưng chỉ sau đó vài phút, Hạnh ngã vật ra sàn nhà, mặt mày đỏ gấc, mê man. Hạnh không uống được rượu. Tuyệt đối không. Nhưng nàng hiểu tường tận hơn ai hết những cơn say của chồng. Trên mười năm lấy nhau, gần như ngày nào hắn cũng say. Nhẹ, quần vất một nơi, áo ném một nẻo, lăn quay ra bất cứ chỗ nào trong nhà, ngủ. Nặng, nôn mửa, vật vã, thậm chí có lúc đập phá tan hoang. Lẳng lặng như chiếc bóng, Hạnh đi theo, Hạnh đỡ tấm thân đàn ông mềm nhũn trên sáu mươi ký lô trong đôi tay gầy, dìu vào giường, Hạnh chườm nước đá lên trán hắn, Hạnh lau mặt, chùi mình cho hắn, Hạnh buông mùng, ngồi cạnh, phe phẩy quạt đuổi xua cái nóng hầm hập của mùa hè nhiệt đới, giúp hắn tìm đến giấc ngủ. Sau đó, cũng lẳng lặng như chiếc bóng, Hạnh thu vén nhà cửa, dọn sạch các bãi nôn rồi xuống bếp nấu cho hắn tô cháo đậu xanh, chờ hắn thức giấc, dỗ ăn. Cháo đậu xanh, bài thuốc dã rượu Hạnh học được của ai đó, và một cách kiên trì, nàng đem ra thực hành đã hàng trăm lần, với hắn, bằng một thái độ phục tùng, nhẫn nhục đến nao lòng.

Về phần hắn, tỉnh lại sau cơn say, ý thức rất rõ hành động của mình, của vợ, hắn cảm thấy xấu hổ, ăn năn, tự nhủ lòng sẽ chẳng bao giờ nữa tái phạm tội lỗi khốn nạn kia. Nhưng rồi, chỉ một hai ngày, hắn lại rơi vào những cơn say khác, mỗi lúc cường độ mỗi dữ dội hơn, tồi tệ hơn. Và Hạnh vẫn vậy, vẫn lặng lẽ, âm thầm, chịu đựng. Đến một lúc, lòng vị tha, đức hy sinh của Hạnh trở thành cùm gông trên lương tri hắn. Càng sa đọa bao nhiêu, hắn càng cảm thấy sự cách ngăn giữa hắn và vợ thăm thẳm bấy nhiêu. Người ta không thể sống mãi với một mặc cảm tội lỗi luôn bóp nghẹt trái tim. Hắn yêu Hạnh vô cùng mà cũng oán Hạnh không biết để đâu cho hết. Người đàn bà này như tấm gương trong, mỗi lần soi vào, hắn thấy rõ đến chân tơ kẽ tóc chân dung mình, một chân dung lấm lem, bất toàn. Cuối cùng, chỉ còn hai con đường cho hắn chọn lựa: hoặc tự làm sạch mình, để đừng tự bỉ trước tấm chân dung bẩn thỉu kia, hoặc đập vỡ phiến gương, để không bao giờ có nữa cơ hội nhìn thấy chính mình. Bản chất yếu đuối, hắn không đủ nghị lực làm sạch bản thân, cũng không đủ can đảm đập vỡ phiến gương. Hắn đành chọn giải pháp thứ ba, rất dở: bỏ đi. Bỏ đi, cũng có nghĩa phó thác mọi trọng trách cho vợ.

Như thế, đã ngót tám năm. Những đứa con của hắn đã lớn, đã có đứa vào đời. Hạnh, đã tuổi đời chồng chất, những âu lo đã cày trên vầng trán thanh xuân năm nào những luống cày sâu. Nhan sắc tàn phai, tuổi trẻ dập vùi trong áo cơm lận đận, "con chim trắng nhỏ mang đôi cánh xanh mùa đông" đã tả tơi lông cánh. Không thể và không muốn bước thêm bước nữa, Hạnh sống âm thầm, lấy niềm vui bên cạnh ba đứa con do người cha vô trách nhiệm để lại làm lẽ sống. Vài ba năm, mỏi gót lãng du, hắn trở về, để rồi lưng bữa nửa tháng, không chịu nổi mặc cảm tội lỗi, hắn lại dứt áo ra đi, lại lao vào những trò chơi xác thịt, nhầy nhụa, nhợt nhạt, vô tình vô nghĩa. Ngày nay, tuổi tác đang đẩy hắn đến gần cảnh đời bóng xế, hắn ý thức rất rõ chỉ năm mười năm nữa, rồi sẽ sống trơ trọi một mình, trong căn phòng vắng lạnh nào đó, giữa xa lạ quê người, như người bạn già rất đỗi thân thiết của hắn. Nhưng người bạn già tự chọn cho mình thế sống đó, ngay từ lúc tóc ông còn xanh. Với ông ta, chỉ với thế sống cô đơn, ông mới chứng tỏ được phong thái độc lập của một người đàn ông. Ông ta xem đó là chân lý. Riêng hắn, thì không, hắn thèm khát không khí gia đình, hắn thiết tha với trật tự bình thường của khung cảnh đoàn viên, ấy thế mà hắn, chính hắn, lại là thủ phạm làm nên gãy, vỡ. Sự mâu thuẫn chỉ có thể giải thích bằng lý do duy nhất: Hắn là đứa ích kỷ. Hắn yêu bản thân hắn quá sâu đậm. Hắn không muốn nâng mình lên để ngang bằng với sự toàn thiện, ngược lại, chỉ muốn kéo sự toàn thiện xuống thấp để vừa với tầm cao của hắn.

Cô gái cúi xuống, lật cổ tay liếc nhìn đồng hồ. "Chừng nào muốn về bảo chú biết", hắn nói. "Thế mà đã gần mười giờ", cô gái nói. "Cháu có mệt không?" "Dạ không". Cô gái bỗng ngước lên, nhìn sâu vào mắt hắn, "Cháu đưa thư chú cho bạn bè xem, nói quen chú đã bốn năm nhưng chưa bao giờ gặp mặt, bọn chúng không tin". "Tại sao không tin?" "Tại vì... chưa gặp nhau, người ta không thể tâm sự thân thiết như thế. Chú à, chú có tâm sự với

ai không? Chú có nhận được nhiều thư của độc giả không?" "Có, nhiều, nhưng tâm sự thì không, chỉ cháu là người duy nhất". "Tại sao?" "Chú không biết. Có lẽ... vào những ngày quen cháu, chú đang cô đơn. Có lẽ... sự thành thật cháu biểu tỏ qua những trang thư tạo được cho chú một niềm tin. Có lẽ... Chú không biết...". "Rất nhiều lúc cháu muốn tìm gặp chú, nhưng cháu nhát. Suốt tuần nay, từ lúc nhận thư chú, cháu đã bao lần định gọi, nhưng rồi cứ tự khất lần khất lữa. Cuối cùng, cái việc phải đến, đã đến...". Dừng một chút, cô gái nhún vai, tiếp, "Xét cho cùng, có gì đâu mà trầm trọng, phải không chú?" "Phải, chẳng có gì trầm trọng". Hắn trả lời cô gái, tuy thâm tâm lại nghĩ khác. Tâm hồn hắn bao lâu nay như mặt hồ lặng sóng. Bao lâu nay hắn dồn hết mọi nỗ lực để hướng về một mục đích. Thành bại thế nào, để làm gì, chưa bao giờ hắn đặt ra câu hỏi đó cho mình, chỉ nhận thấy, rất rõ, sự tồn tại của hắn trong cuộc đời sẽ hoàn toàn vô nghĩa, nếu không có cái công việc hắn đang đeo đuổi, cái mục đích hắn muốn vươn tới. Thế nhưng từ lúc gặp cô gái, hắn biết, mặt hồ phẳng lặng kia không còn phẳng lặng nữa. Đã có những con sóng ngầm; đã vươn lên, từ đáy, những rong tảo ước mơ; đã dạt vào bờ, những bọt bèo hy vọng. Ước mơ gì? Hy vọng nào? Hắn chưa dám định hình. Bởi lẽ, hắn ý thức được sự già nua của mình. Phải, hắn đã quá già để có thể làm lại từ đầu. Hắn còn biết thêm giữa hắn và cô gái, là trùng điệp những cách biệt. Cách biệt bởi tuổi tác, cách biệt trong cung cách sống, cách biệt của hai nền học vấn và văn hóa từng đào tạo nên hắn và cô gái.

Nhưng mà, cô gái đã bảo, "chẳng có gì trầm trọng". Ừ, thì chẳng có gì trầm trọng. Hắn cố trấn an mình, hắn cố đưa suy nghĩ của mình trở lại trạng thái bình thường.

Trên mặt bàn hai ly bia đã cạn. Những điều hắn muốn nói cùng cô gái vẫn chưa nói được. Không sao. Chẳng có gì trầm trọng. Hắn thầm lặp lại lời cô gái. Đêm chưa khuya, nhưng ngày mai cô gái phải đi làm. Vả, hắn cũng muốn dành cho mình vài giờ cô độc, ở một quán rượu nào đó, để suy nghĩ và quyết định có nên đẩy mình vào ngã rẽ mới này chăng. Một ngã rẽ, hắn hiểu, nhiều bất trắc hơn an toàn. Hắn đứng lên, "Về nhé?" "Dạ". Cô gái theo hắn ra cửa. Đêm gây lạnh. Hắn đưa cô gái đến chỗ buổi sáng đã gặp. Trước khi chia tay, cô gái nói "Hy vọng sẽ gặp lại chú". Hắn cũng nói, "Hy vọng". Và dừng xe chờ cô gái mở khóa, đề máy. Cô gái xoay nghiêng đưa tay vẫy, hắn vẫy lại, cười nhẹ và nhấn chân ga. Chiếc xe lao về phía trước. Hắn nhìn vào kính chiếu hậu, hai vệt đèn tỏa sáng rời chỗ đậu. "Good night", hắn thầm thì, không biết cho mình hay cho cô gái.

Chỗ ngã tư đèn vàng, một con chim cánh rộng từ bóng tối lao ra, sà thấp xuống mặt đường, dạt nhanh về phía lề bên kia, rồi bất ngờ vụt lên không trung như một cây pháo thăng thiên, mất bóng.

Thục,

Có lẽ chưa bao giờ chú viết một truyện ngắn "dở hơi" thế này. Chả chuyên

chở được điều gì, chả đi đến đâu. Một cuộc gặp gỡ. Những mẩu đối thoại đầu cua tai nheo. Những hồi tưởng đứt khúc, rời rạc. Những điều muốn diễn đạt không thành văn mạch. Định tâm từ lúc cầm cây bút, ban đầu, đã bay biến không để lại dấu vết. Nghĩa là cái "cớ" chú tìm ở cháu, để làm sườn cho câu chuyện định viết đã lẫn lộn một cách thật kỳ cục với những suy nghĩ riêng tư của chú.

Cũng nghĩa là, trong tâm trạng giao động này, lẽ ra chú không nên ngồi xuống trước trang giấy. Lẽ ra, nếu đã lỡ ngồi, chú chỉ nên viết cho cháu một lá thư, như đã từng viết, nhiều lần. Và trước khi viết lá thư ấy, chú nên bình tĩnh xét lại lòng mình, tự hỏi chính mình: chú muốn gì đây? Chừng nào trả lời xong câu hỏi ấy, những dòng chữ chú viết xuống, sẽ trầm tĩnh hơn, minh bạch hơn, khách quan hơn. Có thể chú chẳng muốn gì hết. Có thể giữa chúng ta, chỉ nên duy trì mãi mãi một tình bạn vong niên tốt lành, như đã. Nhưng cũng có thể, nếu thực sự trái tim chú đã rung động, đã đang đập cái nhịp đập bàng hoàng của một tình yêu trễ muộn, thì cớ chi không, cớ chi chú chẳng thu hết can đảm để nói thẳng với cháu: Chú yêu cháu. Chú yêu vô cùng đôi mắt phượng ngời ánh sáng tự tin, trên khuôn mặt còn phảng phất bao đường nét trẻ thơ. Chú yêu vô cùng mái tóc dài, mượt, gợi nhớ hình ảnh người mẹ quá vãng. Chú yêu vô cùng những con chữ ghép thành cái tên tiền định. Chú cũng yêu vô cùng sự liều lĩnh một cách tuyệt đối vô tâm khi cháu theo chú, gần trọn mười tiếng đồng hồ, từ hàng này qua quán nọ, giữa một con phố với rất nhiều mắt nhìn soi mói. Phải, cớ chi không? Cớ chi chú không viết lớn và đậm ba chữ: CHÚ YÊU CHÁU?

Phải, chỉ đến lúc ấy, chỉ đến lúc chú nhìn thấy rõ lòng mình, và chỉ sau khi lá thư kia được gởi đi, chú mới nên ngồi vào bàn, khởi đầu câu truyện định viết. Và cũng chỉ đến lúc ấy, câu truyện mới thật sự được dựng lên từ hư cấu, bắt nguồn bởi một cái "cớ", là cháu. Còn bây giờ, quả thật, chú hoang mang quá. Chú hoang mang quá. Một nỗi hoang mang dịu dàng.

Một nỗi hoang mang dịu dàng. Đúng không, đôi mắt phượng?

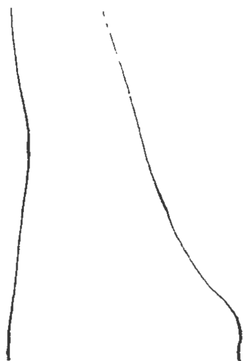
PHẠM CÚC PHƯƠNG



ĐOÀN CẦM THI

khi đàn ông viết cùng đàn bà

ĐỌC TRUYỀN THUYẾT VIẾT LẠI (1) của TẠ DUY ANH (2)



Truyền thuyết viết lại được mở ra với : "Ngày tôi rời làng Đồng ra đi, có một người đã thức trọn đêm để sáng sớm đợi tôi ở lối rẽ vào con đường sang phố huyện. (...) Từ xa tôi đã nhận ra chị Thư. Dưới chân đê Chùa, chị đứng như tạc vào không gian. Có cảm giác như chị đã đứng như thế cả ngàn năm ..." (tr. 136). Thấp thoáng đâu đây bóng hình nàng Tô Thị-chờ-chồng của những huyền thoại xa xưa, hay những mối-tình-chị-em trong thi ca hiện đại, từ Lỡ bước sang ngang đến Lá diêu bông. Một chuyện tình đẹp nhưng không còn là hiếm. Cái lạ có lẽ ở trong một câu gần cuối truyện : "Chúng tôi sẽ băng qua cả ngàn năm để viết lại một truyền thuyết" (tr.143). Một hình ảnh độc đáo, cuộc hành trình không trong không gian mà trong thời gian, không đi xuôi mà đi ngược, "băng qua cả ngàn năm". Một lời thách đố của những kẻ yêu nhau trước số mệnh, trước xã hội, "viết lại một truyền thuyết". Cuối cùng, một lời khao khát viết. Viết không phải một mình mà cả hai, "chúng tôi" - rất hiếm khi chúng ta bắt gặp khái niệm "lứa đôi" trong sáng tác, nhất là trong nghề cầm bút. Viết một tác phẩm trong đó có sự hòa hợp giữa kim và cổ, giữa văn học chữ viết và văn học dân gian - cụm từ "viết lại" cho phép liên tưởng đến sự tiếp nối, hơn nữa sự giao thoa. Viết một truyền thuyết mới trong đó "tôi" và "chị Thư" sẽ là những nhân vật chính.

Truyện ngắn Truyền thuyết viết lại của Tạ Duy Anh khép vào để mở ra

một tiểu thuyết, đang viết dở nhưng sắp hoàn thành, cuốn tiểu thuyết của tôi và chị Thư.

*

"Chúng tôi sẽ băng qua cả ngàn năm để viết lại một truyền thuyết", bài viết này bắt đầu từ hình ảnh đó. Vâng, chúng ta hãy thử mơ mộng đôi chút về cuốn tiểu thuyết tương lai này. Không phải về nội dung của nó - vì cái đó tuy không nói ra nhưng độc giả cũng tự đoán được - mà về cội nguồn của tác phẩm, về cái mà tôi vừa gọi ở trên là khái niệm "lứa đôi" trong sáng tác. Tôi muốn nhấn mạnh rằng quyển tiểu thuyết của tôi và chị Thư được tạo nên bằng cả hai người - cặp trai gái đó đồng nghĩa với cặp bạn đồng hành trên con đường đi đến tình yêu và đi đến văn học. Chính hình ảnh "lứa đôi" này làm nên vẻ hài hòa riêng của truyền thuyết mới. Không được quên rằng truyền thuyết cũ của làng Đồng được xây dựng trên mô hình bộ ba - Ông Giáp-Người đàn bà-Ông Ất, một mô hình có bề ngoài hài hòa đến lý tưởng, "người đàn bà đặt mỗi ông gối đầu một bên đùi nàng và cứ thế hát" (tr.139), "ngày ngày hai lão già lọm khọm bẫy chim đơm cá, hiền lành như những kẻ nhân hậu nhất trên đời" (tr.140), hơn nữa người kể chuyện còn thêm rằng hai người đàn ông này là hai anh em ruột. Nhưng hình tam giác đó chỉ "kéo dài ba năm", cho đến ngày người ta phá vỡ nó bằng cách gây ra cái chết của người phụ nữ, "tim gan chàng (một người con của ông Giáp) nhói buốt khi cha và chú chàng, mất hết vẻ đường bệ danh giá trước kia, đang tận tụy phục vụ người đàn bà (...) chàng thúc ngựa xông tới (...) chém ngay một nhát ngang lưng người đàn bà" (tr.140). Hạnh phúc, trong truyện ngắn này của Tạ Duy Anh, không thể tìm thấy trong sự cô đơn, của chị Thư, của anh Tú, của "tôi", và trong những mối tình tay ba, như trong truyền thuyết. Dường như trong quan niệm thẩm mỹ của Truyền thuyết viết lại, chỉ số hai, số chẳn, chứ không phải các số một và ba, những số lẻ, mới có được một vẻ hài hòa lâu bền, một cái đẹp vĩnh cửu.

"Vạn sự khởi đầu nan", mở đầu một cuộc tình, mở đầu một tác phẩm. Nhưng cái phần khó nhất đó, chị Thư đảm nhận.

Chị sẽ giúp nhà văn tương lai tạo ra "cái buổi ban đầu lưu luyến đó", tạo ra cảnh gặp gỡ - tỏ tình - chia tay, một cảnh gần như không thể thiếu được trong một tiểu thuyết tình yêu, một cảnh tưởng chừng như đơn giản nhưng có tầm quyết định không nhỏ đến sự tiến triển của nội dung tác phẩm. Lẽ nào không nhận ra chị Thư - nhà đạo diễn - người khởi xướng ? "Ngày tôi rời làng Đồng ra đi, có một người đã thức trọn đêm để sáng sớm đợi tôi ở lối rẽ vào con đường sang phố huyện (tr.136). Từ "đợi" sẽ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần để nhấn mạnh vai trò chủ động của người con gái. Không gian lúc đầu là "ở lối rẽ vào con đường sang phố huyện (...) ở chân đê Chùa (tr.136), sau đó là "trong chiếc lều canh vịt giữa bốn bề đồng nước" (tr.142). Thời gian là "một buổi sáng" với "vòm trời tinh khiết, chút thoáng se lạnh của gió heo

may" (tr.136). Mỗi chi tiết dường như đều được chị Thư lựa chọn kỹ lưỡng, tất cả đều lãng mạn, đều nên thơ, và vì vậy đều có khả năng đi thẳng vào văn học.

Chỉ bằng một câu nói thầm "cả đêm chị cứ lo không gặp được em" (tr.136), mà ý tứ sẽ được gợi thêm ở những câu sau "chị yêu em", "hóa ra em là chàng hoàng tử chị vẫn bịa ra hồi em đòi chị kể chuyện cổ tích" (tr.137), người con gái đã làm thay đổi hẳn mối quan hệ sẵn có giữa hai người. Từ người chị - dù không phải là tình ruột thịt - chị Thư đã biến thành người tình. Nhưng nếu sự thay đổi đó chỉ là một cái gì trừu tượng, nó trở nên cụ thể hơn nhiều trong sự lột xác của người con gái "từ phút ấy, chị Thư trở thành người khác hẳn. Chị cười mãn nguyện ..." (tr.137), và của người con trai "Tôi lớn vụt thành chàng trai trong chiếc lều canh vịt" (tr.142). Nó cụ thể trong sự nhận thức của người này giành cho người kia - trong khi người con gái nói "sao hôm nay chị thấy em lớn thế ?" (tr.136), thì người con trai tự thú nhận "mà sao buổi sáng ấy tôi mới nhận ra chị đẹp đến thế" (tr.137). Hai câu nói giống nhau đến kỳ lạ : hai cụm từ chỉ thời điểm hiện tại "hôm nay", "buổi sáng ấy", cộng với hai lời cảm thán "(mà) sao ... (đến) thế" cùng để nhấn mạnh độ nhanh chóng và bất ngờ trong biến đổi của nhận thức.

Địa điểm, thời gian, âm hưởng, và con người, tất cả dường như đều được người đàn bà chuẩn bị sẵn, để một hôm nào đó mở đầu cuốn tiểu thuyết tương lai. Mọi tâm tư và quan hệ của các nhân vật, đang ở trạng thái tĩnh, đột ngột trở nên căng thẳng, dường như để chờ đợi phần tiếp theo.

*

Sau khi trao nhẫn, sau khi trao lời yêu đương, chị Thư không trao thân, và cũng không chờ đợi lời tỏ tình của chàng trai : "Sợ tôi mềm lòng, chị giục : Bây giờ thì em đi đi" hay "Đi đi ! Chị đẩy vai tôi ...", không thể không đọc được ở đây, ẩn dấu đằng sau những lời nói và những hành động đó , một lời giao hẹn : "Không, cuốn tiểu thuyết của chúng ta không thể dừng lại ở đây. Chị đã bắt đầu. Chính em là người tiếp tục".

Xin nói ngay rằng đây là một người thầy giỏi, ít nhất trong yêu đương và văn học, vì chị Thư, từ buổi đầu đã ý thức được tầm quan trọng của thời gian, hiểu được cái giá của sự chờ đợi. "Nhưng không, em phải đi, phải bay nhảy cho thỏa chí ..." (tr.136), không phải ngẫu nhiên mà chị Thư đã khích lệ chàng trai dấn thân vào cuộc phiêu lưu sẽ kéo dài "Bảy tám năm", một quãng thời gian đủ để tôi luyện một nhân cách, thử thách một mối tình, và chín muồi một tác phẩm. Còn đoạn kết của cuốn tiểu thuyết tương lai, tuy không trực tiếp thực hiện, người phụ nữ này cũng đã gợi ra : "... để rồi em sẽ quay lại giải hạn cho làng Đồng", "chị sẽ trinh trắng đến lúc chết để chờ em về".

Nhưng sự ra đời của tác phẩm văn học này, chị Thư đã chẳng chuẩn bị nó từ rất lâu rồi đó sao ? Chẳng phải chị là người đã gieo vào tuổi thơ của chàng trai những hạt mầm đầu tiên của thơ ca ? Cũng như Phương của Nỗi buồn

chiến tranh, chị Thư là người-con-gái-kể-chuyện - Phương kể cho Kiên về cha của anh, còn chị Thư kể cho chú bé nghe chuyện cổ tích. Cả hai đều ấp ủ những bước đi đầu tiên cho các nhà văn tương lai. Những câu chuyện thần tiên của chị Thư đã đưa chú bé đi vào thế giới của những điều huyền diệu, "trí tưởng tượng của tôi tha hồ lang thang trên các giải Ngân hà ...". Hơn thế nữa, chị Thư giúp chú bé dựng lên một lãnh địa riêng cho mình, với hững nhân vật riêng và những khung cảnh riêng, "tôi bắt đầu mơ đến một thiếu nữ có thể ở tít đâu đó trên các vì sao ...". Giống như những bài tập đầu tiên trong nghề viết văn vậy. Và say mê đến độ cả thầy và trò đều nhầm lẫn giữa mơ và thực, giữa ăn học và đời thường, "gương mặt chị hòa nhập trong màn sương mỏng dính, gợi tôi nhớ đến những nàng tiên trong cổ tích di chính chị kể", "hóa ra em là chàng hoàng tử chị vẫn bịa ra hồi em đòi chị kể chuyện cổ tích".

Đoạn kết của tiểu thuyết ra sao ? Tôi đoán chắc rằng cây bút mới vào nghề này sẽ không phản bội lại công lao và niềm tin của thầy mình. Phần cuối của Truyền thuyết viết lại chứng minh điều đó. "Bảy tám năm lang thang gần khắp nẻo xứ sở", đã đủ biến chàng trai non dại ngày nào thành một người đàn ông chính chắn. Lời quả quyết : "Chúng tôi sẽ băng qua cả ngàn năm để viết lại một truyền thuyết", phải được hiểu như thành công của anh trong quá trình giải mã thông điệp của người con gái năm xưa, thông điệp đã hình tượng hóa bằng chiếc nhẫn chị trao cho anh ngày ra đi. Không phải ngẫu nhiên mà trong truyện ngắn này, tác giả lại giành cho chiếc nhẫn một sự chú ý hơi đặc biệt như vậy. "Chị Thư loay hoay tháo chiếc nhẫn vàng mười (...). Chị Thư cầm tay tôi nâng lên (...) chiếc nhẫn từ nay sẽ theo tôi trên mọi nẻo đời" (tr.137), "chiếc nhẫn tôi vẫn giữ qua mọi cảnh ngộ, kể cả lúc sắp chết đói" (tr.143), chiếc nhẫn chiếm gần hết nội dung ngày ra đi và là nguyên nhân của ngày trở về. Nó là một mã số, một bí mật. Nó có khả năng nối vào nhau những số phận rất khác nhau.

Xin thú thực cằng giải mã là một công việc không dễ, nhất là với những người không có kinh nghiệm như chàng trai. Chẳng phải chính anh đã nhận chiếc nhẫn của chị Thư rồi mà vẫn không cảm được sự thay đổi trong mối quan hệ của họ, "vào buổi sáng ấy (...) tôi đã khóc vì với chị Thư tôi vĩnh viễn chỉ là một cậu nhóc" (tr.142) ? Chẳng phải chính anh đã giữ chiếc nhẫn trên tay trong từng ấy năm mà không hiểu rằng anh, chứ không phải anh Tú, là người chị Thư muốn trao gửi ? Sự thành công của quá trình giải mã là kết quả của một loạt những so sánh, giữa quá khứ và hôm nay, giữa truyền thuyết và hiện thực. Thông điệp của chị Thư, chàng trai chỉ có thể hiểu được sau một cuộc hành trình dài, và sau lần gặp lại anh Tú ngày trở về. Ý thức được vị trí của mình trong cuộc đời của chị Thư đồng nghĩa với từ chối là "chàng trai dũng mãnh" cầm gươm chém người đàn bà đẹp trong truyền thuyết của làng Đồng, và từ chối là anh Tú, kẻ si tình câm lặng, mê say chị Thư nhưng không dám lại gần. Cũng xin mở ngoặc nói thêm rằng để miêu tả hai nhân vật này, người kể chuyện của Truyền thuyết viết lại chỉ dùng một hình ảnh,

"con thú", một bên với "toàn thân lông lá mọc tua tủa" (tr.140), "có tiếng thú gầm" (tr.140), còn bên kia thì "anh cởi trần trùng trục, mình đầy lông lá" (tr.143), hay "anh giống như một con thú ..." (tr.142) - rõ ràng là ai không biết tỏ lời yêu dương, kẻ đó không nói được ngôn ngữ loài người, "dường như đời người nào cũng có sẵn những lời mê đắm ấy từ khi chưa sinh ra. Ai không trao được cho người khác sẽ đau khổ, dễ bị ruồng rẫy" (tr.137).

Vâng, chàng trai xưng "tôi" - người kể chuyện của Truyền thuyết viết lại đã giải được bài toán của cuộc đời : anh sẽ là ng7ời mang lại hạnh phúc cho chị Thư, người xứng đáng nhận chiếc nhẫn chị trao, người sẽ nói lời tỏ tình cùng chị, hơn nữa, là người sẽ viết tiếp quyển tiểu thuyết dang dở. Và tác giả trẻ tuổi này sẽ trung thành với người thầy đầu tiên của mình, với những chuyện cổ tích của tuổi thơ. Hiểu được sự khác nhau giữa mơ và thực không đồng nghĩa với chối bỏ những giấc mộng thời non dại. Nhịp chân "cả quyết" của anh hướng về phía nhà chị Thư báo rằng chương cuối của tác phẩm anh đang viết sẽ là một kết thúc rất có hậu, rất happy end mà chỉ các chuyện cổ thần tiên mới có, cái "thế rồi chàng hoàng tử dũng mãnh cưới nàng công chúa xinh đẹp, họ có rất nhiều con, và sống hạnh phúc đến già".

*

Trở thành đàn ông - Trở thành nhà văn. Cùng một cuộc hành trình ?
Nói tình yêu - Viết tình yêu. Cùng một niềm khao khát ?

ĐOÀN CẦM THI

Paris, tháng ba năm 95.

---

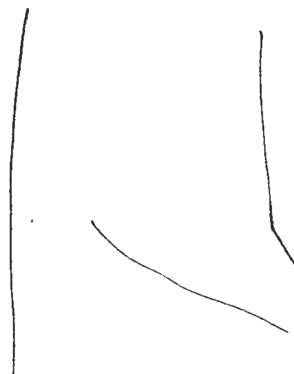
(1) Hợp Lưu số 21 - Những lời dẫn Truyền thuyết viết lại là lấy ở trong số này của Hợp Lưu.

(2) Trong "Khi đàn ông viết về đàn bà - Đọc Gió dại của Bảo Ninh" (Diễn đàn số 33), tôi đã nói đến vai trò hướng đạo của người phụ nữ trong nghệ thuật và tình yêu, một chủ đề sẽ được phát triển thêm trong bài viết này, nhưng theo một hướng khác. Theo tôi, Gió dại và Truyền thuyết viết lại đều xoay quanh suy nghĩ về vị trí của người phụ nữ trong cuộc đời sáng tạo của nam giới, nhưng đi theo hai chiều đối lập nhau. Gió dại có cái nhìn bi quan : người đàn ông chỉ có thể kể về người đàn bà sau khi đã giết cô, trong khi Truyền thuyết viết lại lạc quan hơn nhờ hình ảnh "lứa đôi" trong sáng tác. Hình ảnh này làm cho truyện ngắn của Tạ Duy Anh gần với Nỗi buồn chiến tranh hơn, (cũng của Bảo Ninh). Nhưng nếu Phương-Kiên-Người đàn bà câm tạo nên một bộ ba thật đẹp Nàng thơ-Nhà văn-Bạn thơ, thì giữa họ vẫn tồn tại những điều không thể chia xẻ cho nhau : họ vẫn là những kẻ cô đơn, vĩnh viễn cô đơn, nỗi cô đơn không gì cứu chữa nổi do chiến tranh gây ra. Chỉ với "tôi" và "chị Thư" của Truyền thuyết viết lại, chúng ta mới có được một cặp lý tưởng trong tình yêu và trong sáng tạo. Nhưng lạc quan và bi quan là những khái niệm không thể tồn tại tách rời nhau, vì vậy tôi nghĩ rằng Truyền thuyết viết lại sẽ mang nhiều ý nghĩa hơn khi nó được đọc song song với các tác phẩm trên của Bảo Ninh.



LÊ BÁ ĐẢNG

một cây làm chẳng nên non



LTS: Hợp Lưu số *20 đã giới thiệu* "Cái xưởng của Lê Bá Đảng". *Qua đó, chúng ta hiểu rõ ước muốn của họa sĩ: đem cái đẹp phổ cập vào sinh hoạt đời sống dân tộc. Hôm nay, Lê Bá Đảng lại gửi đến chúng ta một bài viết khác.*

Vẫn tinh thần ấy, và vẫn bằng chất giọng mộc mạc, chân thật, "viết như nói", phản ảnh trọn vẹn tâm hồn, bản chất của một người "xuất thân từ nơi đồng ruộng nhà quê", chúng ta lại sẽ được dịp nghe ông "dông dài" những vấn đề liên quan đến nghệ thuật tạo hình, đến quê hương bản quán, đến lòng thiết tha dùng nghệ thuật tạo thành của cải vật chất, giúp dân giàu nước mạnh, giúp đất nước đẹp đẽ, tươi sáng, "lộng lẫy", để "người ngoài" nhìn vào, không còn dám rẻ rúng, miệt thị.

Họa sĩ Lê Bá Đảng sinh năm 1922, tại làng Bích La Đông, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sang Pháp từ năm 17 tuổi (1939) và học tại trường Mỹ Thuật Toulouse.

Ông là họa sĩ Việt Nam lỗi lạc được quốc tế công nhận, với rất nhiều giải thưởng. Năm 1992, ông được bầu là "The Man of the Year" của thế giới. Mới đây, một giải thưởng văn hóa cao quí của Pháp cũng đã được trao cho ông.

Hiện nay, tại hoa kỳ, có trên 30 phòng trưng bày tranh của họa sĩ Lê Bá Đảng, và con số lên đến hàng trăm, nếu tính chung mọi quốc gia khác.

Hợp Lưu

*

Theo lệ thường: Nếu là nhà văn khi viết sách, có đề hay không đề cũng không cần thiết lắm, miễn là câu chuyện có đầu có đuôi, văn chương bay

bổng, ý nghĩa sâu xa, viết đúng văn phạm không thiếu một chấm một phết như sách đã dạy, và không cần biết có vừa ý mọi người hay không!

Còn là nhà toán học thì hai với hai phải là bốn.

Nhà luật học trong hành động, thậm chí cả cử chỉ lời nói đều trông theo luật lệ, nếu không dễ ở tù mọt gông.

Đã là họa sĩ thì phải vẽ cho giống, vẽ như in. *Không thầy đố mày làm nên*. Sống chết bắt chước thầy cho được. Mở miệng ra là trường phái. Đã trường lại còn phái nữa. Tranh vẽ xong phải cho vào khung lồng vào kính như thầy Tây, sư Tàu đã dạy...

Còn tôi, Lê Bá Đảng, làm nghệ thuật là sở trường, là nghề chuyên môn của tôi. Khi thì vẽ tranh, khi nặn tượng, Vui thì in tranh này, buồn in loại tranh khác. Nắng đúc đồng, mưa nặn đất nung, chạm gỗ, đục đá, vẽ áp phích, làm đề co, dệt thảm hay bày vẽ ra đồ nữ trang, không thì dựng lại không gian (espace). Luôn tay không thấy mệt. Nhiều khi thay cọ lấy bút làm hoanh. Ngủ ít thức nhiều mà không đuổi kịp thời gian. Ông trời là chủ!

Không có trước, không có sau, bao nhiêu ý nghĩ của tôi đều chồng chất lên bức vẽ để dụ giúp những ai không quen nghệ thuật có thể hiểu được.

Thường là một tác phẩm, dù lớn hay bé, cũng không thể gom góp được nhiều ý nghĩ một lượt. Lại có nhiều bức vẽ ra chỉ để thể hiện những ý nghĩa khó hiểu, phô diễn những tri thức chỉ dành cho một hạng người có học nào đó - hạng mọt sách, ngồi mòn ghế nhà trường hay ngồi lỳ trong những phòng đọc kín bưng...

Có lẽ tôi không giống các nghệ sĩ khác. Những ý nghĩ của tôi hay tràn ra ngoài, hay trốn sâu vào trong tác phẩm, trên trời, dưới đất. Ý nghĩ này chồng chất lên ý nghĩ kia, màu sắc, hình thức chất liệu cũng vậy. Có lúc hai ba ý nghĩ, mấy màu sắc gặp nhau thành ra ý nghĩ mới, màu sắc khác. Lại có khi vẽ màu sau che lấp màu vẽ trước. Hình thức sau làm méo xẹo hình thức trước, cái đẹp hôm nay không đúng với cái đẹp hôm sau.

Không trường phái. Không khuôn khổ. Tất cả cho vui lòng, đẹp mắt, cho đời sống đầy đủ hơn, cho mọi cái được hài hòa, cho người đã qua, cho con cháu mai sau, cho anh da đen, cho em da đỏ, cho người mù được nghe, người điếc được thấy, cho muôn vàn tình cảm, cho cuộc sống dồi dào, không có ý khoe khoang, nịnh hót.

Tôi không bao giờ quên mình xuất thân từ nơi đồng ruộng nhà quê. Cha mẹ bà con xóm giềng đều trong một hoàn cảnh thiếu thốn. Xứ Quảng Trị của tôi là xứ nghèo nàn, quê mùa, hết nắng hạn gió Lào, lại mưa rào lụt bão, mà cái lạ ở đây mấy ông thầy giáo sao mà cứng rắn, gay gắt khắc khe đến thế. Hồi ấy (1938-1939) tôi đi thi "Sơ học yếu lược" mấy lần mà không hề nới tay cho con người ta đỗ. Nhưng cái không may ấy lại trở thành cái may, cái phúc lớn cho đời tôi. Vì hồi ấy nếu như tôi có chút bằng cấp thì biết đâu bây giờ tôi cũng là ông này bà nọ bóc bên này lột bên kia, hay cũng đi làm chính trị như ai, ăn trên ngồi trước, lại hét ra lửa cũng nên.

Tôi cũng chưa quên xứ sở tôi, gạo ít khi cơm trắng, cơm ít khi no. May mà

có ông bà mất đi phù hộ cho nên thỉnh thoảng mới có ít thịt gà, thịt heo, mâm xôi trong những ngày cúng giỗ, hay những ngày rằm, còn thì Xuân Hạ Thu Đông, ngày lại ngày, lúc nào khoai sắn, mắm nêm, mắm cà trộn với ớt cay, mà nó ngon làm sao! Nói đến đây mà chảy cả nước miếng.

Ở xứ tôi, ruộng đồng, sông ngòi, mồ mả, miếu đình đâu đâu cũng lộng lẫy, uy nghiêm, linh thiêng, thân mật, duyên dáng mà tôi chưa tìm thấy ở đâu có, mà nếu có chỉ trong giấc chiêm bao. Đêm đêm hay có trăng, mà hình như ở quê tôi một tháng ba mươi đêm đều có trăng. Cái trăng nó sống động, linh hoạt làm sao, khi tròn khi méo mà lúc nào cũng nũng nịu, lúc trốn sau cây cổ thụ, lúc nấp sau bụi tre ngà như muốn đùa cợt với bọn trẻ con, hay có lẽ để rình mò, dòm ngó những cái của cải, tiền bạc, hột xoàn, vàng nén của bọn nhà quê cất giấu ở đâu chăng?

Mở mắt ra, đâu đâu cũng gặp bà con láng giềng, chân lấm tay bùn, ai ai cũng cần cù nhẫn nại, ai cũng khôi ngô đứng đắn, ai ai cũng một cái nghèo. Kẻ nào xa lạ đến đây mà chê đàn bà con gái không xinh vì chân lấm tay bùn thì tôi thù trọn kiếp. Phần đông dân chúng áo đà quần nâu, ngày ngày lặn lội giữa đồng ruộng, vườn tược. Khi xanh lè, khi nắng cháy, như họ đang đóng tuồng giữa tạo hóa thiên nhiên vĩ đại. Phải chăng nghệ thuật tuyệt diệu nhất chính là cuộc sống, tự nhiên chính là huyền thoại của cuộc sống vậy?

Người quê tôi cũng hay cộc cằn khó tánh. Nhiều khi để thay đổi bầu không khí, họ chửi nhau mà nghe cũng êm tai. Trâu bò, gà vịt, chó mèo, chim chóc, cây cối, tôm cá, vạn vật và con người đều sống chung với nhau như một xã hội văn minh, trong ấm ngoài êm như đã được giáo dục từ thời thượng cổ. Kẻ sống, người chết vẫn chung đụng với nhau. Làm chi cũng nhờ ông bà tổ tiên giúp đỡ. Mấy ông thần, mấy con ma cũng theo dõi đời sống hàng ngày.

Còn những cái xấu xa tồi bại là từ phía ngoài đưa đến. Nhưng đó chỉ là tạm thời, chốc lát không may thôi. Hết mưa thế nào trời cũng tạnh.

Sống ở xứ người ta, những hình ảnh này và tôi đã cùng nhau kết thành một khối trong tinh thần sáng tạo của tôi. Cho nên bất cứ tác phẩm nào của tôi cũng phảng phất cái màu sắc, cái linh hồn của giống nòi quê hương xứ sở này.

Về kỹ thuật, chất liệu, màu sắc, hình thức tôi không giống ai hết. Tôi cũng không nhìn, không diễn tả như mọi người khác. Về những điều này ai khen, ai chê đều có lợi, miễn là đừng có thái độ ghen tỵ, thù hằn, nói xấu sau lưng nhau là được. Về con đường nghệ thuật, tôi đoan chắc rằng không ai có thể làm cho tôi đi lệch con đường mà tôi đang đi, tôi luôn luôn linh cảm thấy rằng, ông bà, tổ tiên, thần thánh, cả ma quỉ nữa đang đứng về phía tôi, dõi theo và cổ vũ tôi bước đi trên con đường ấy - con đường cho bản quán, quê hương.

Trên đây là những ý nghĩ xuất phát từ LÒNG THÀNH của tôi - LÒNG THÀNH của một ông già lành nghề, giàu kinh nghiệm, đã từng lăn lộn, đã từng trưng bày tác phẩm và sống bằng nghệ thuật tạo hình mấy chục năm ở Pháp, cũng như lăn lóc ở nhiều nước, nhiều nơi, nhiều trung tâm văn hóa quan trọng của thế giới, không giàu tiền của nhưng cũng đã sống một cuộc

đời như ai ở xứ người ta. Tuy vậy, tôi luôn luôn lúc nào cũng nhớ về mảnh đất cũ, nhớ về quê hương. Bao nhiêu sáng kiến, bao nhiêu tài nghệ của tôi là để phụng sự cho cái xứ sở này, dân tộc này của tôi. Nhưng có lẽ:

Một cây làm chẳng nên non
Nhưng nếu
Ba cây chụm lại (thì) thành hòn núi cao

Xa quê hương xứ sở đã hơn 50 năm, sống về các nghề trong ngành nghệ thuật ở Pháp và ở các nước ngoài. Hiện giờ tôi thấy có *HAI* vấn đề cấp bách, liên quan đến nghệ thuật ở Việt Nam, và tôi xin trình bày một cách mộc mạc sau đây:

- Phải dùng nghệ thuật để làm ăn sinh sống như mọi kỹ nghệ khác.
- Nghệ thuật Việt Nam phải có tính cách *độc đáo thực sự* và phải lên đà quốc tế.

Nước Việt Nam từ hàng chục thế kỷ bị quân Bắc xâm chiếm, tàn phá. Chúng bắt dân Việt phải học hỏi văn hóa, chữ nghĩa, đạo giáo của chúng, mặt khác chúng lại đưa hết thầy tài thợ giỏi về nước chúng. Vậy lẽ tất nhiên, sau 1000 năm bị đô hộ thì cái gì của ta cũng phải bị ảnh hưởng của quân xâm chiếm.

Hết Bắc, lại đến Tây. Gần 100 năm nữa bị quân Pháp nhào vô cai trị, mọi thủ đoạn chúng đều dùng để lấn áp người bản xứ. Lập ra những trường học của chúng, sách vở, lý luận, kỹ thuật, cách suy nghĩ để đào tạo người tài của chúng, để phục vụ lý tưởng của chúng.

Thế thì Tây cũng như Bắc.

Cái thâm độc của chúng là làm cho nước Việt Nam không có thầy tài thợ giỏi. Chúng biết rằng một dân tộc không có thầy tài thợ giỏi sẽ đi đến chỗ đồi truỵ, xác xơ, chỉ biết tranh giành nhau miếng ăn mà thôi. Như vậy thì làm sao để khỏi bị ảnh hưởng ngoại xâm. Chúng ta hãy nhìn lại lịch sử thì rõ. Những lúc dân Việt đánh đuổi quân thù ra khỏi bờ cõi thì văn hóa nghệ thuật của ta trở lại độc đáo Việt Nam (như thời Lý Trần Lê), và ai ai cũng biết trước khi quân Bắc xâm chiếm, ông cha ta đã có thành Cổ Loa, có trống đồng, có văn hóa độc đáo.

Vậy ngày nay đã mấy chục năm không còn quân đội ngoại xâm trên đất nước mình nữa, hỏi thử nghệ thuật của ta đang ở giai đoạn nào?

Tôi yêu cầu mọi chúng ta để riêng ra một bên cái tự ái, cái đắc thắng, cái vô trách nhiệm mà nhìn lại con người và đất nước một cách sáng suốt và ngay thẳng. Chúng ta nên can đảm và thật thà công nhận rằng chúng ta chưa có một nền mỹ thuật *ĐẶC BIỆT VIỆT NAM THỰC SỰ*. Chúng ta có thể đổ lỗi, buộc tội cho quân giặc thì cũng một phần lớn rất đúng. Nhưng không đúng hết cả. Ở đây tôi không biết lỗi tại ai? Thiếu sót ở chỗ nào? Và vì sao? Cái đúng là chúng ta tất cả đều có lỗi và nếu không hối hận ngay từ bây giờ, con cháu mai sau sẽ không quên tội lỗi của chúng ta.

Có một điều tôi nhất định đúng là nếu muốn có một *NỀN NGHỆ THUẬT ĐẶC SẮC VIỆT NAM* thì trước hết phải *CỐ TÌNH MUỐN, CỐ TÌNH*

MUỐN BÃI BỎ tất cả những cái gì từ nước ngoài đưa đến. Từ lý thuyết, kỹ thuật, chất liệu, đường lối, cho đến cái giàu có vật chất của chúng.

Những người có bổn phận, có điều kiện, có quyền hành, có trí óc, có tài năng, có bằng cấp, học rộng tài cao và đầy lòng thương nước, thương nòi, có muốn xóa bỏ tất cả những gì ngoại lai hay không?

- Có muốn nước Việt Nam có một nền nghệ thuật riêng để làm ăn sinh sống ngày nay và lộng lẫy cho con cháu mai sau không?

- Có kiêu hãnh muốn mang cái nghệ thuật ấy đi đấu với nước ngoài không?

- Có biết kiêu hãnh mỗi khi cái gì Việt Nam được quốc tế nâng bốc lên không?

Hay là cứ khăng khăng trốn núp trong lâu đài sau mấy lớp người giữ của, sau sự đầy đủ cho chính mình, không cần biết cái gì xảy ra chung quanh, mà chỉ muốn có sự ổn định, thủ cựu, cha truyền con nối là đủ, đất nước thế nào cũng mặc.

Tôi là một người chịu ảnh hưởng nước ngoài hơn ai hết. Đã ngoài 50 năm rồi, tôi ở nước ngoài, học trường Tây, ăn bánh mì, uống rượu vang, nhiều khi hàng tháng, hàng năm không hề nói tiếng mẹ đẻ, không hề ăn cơm với mắm. Tôi sống về nhiều nghề trong nghệ thuật. Nghề nghiệp của tôi cho tôi sống đầy đủ ở xứ người ta với tư cách, bổn phận con người Việt Nam. Tôi đã trưng bày tác phẩm ở rất nhiều nước, nhiều trung tâm văn hóa và vẫn còn tiếp tục. Nhưng tôi thường rất buồn vì chưa lúc nào được thấy mỹ thuật Việt Nam trong những cuộc triển lãm quốc tế. Rất may mắn, tôi được phép về thăm Việt Nam một lượt năm 1976 và 1992 và lượt này (5/1994), tôi có bày tác phẩm của tôi tại quê tôi, làng Bích La Đông, hẻo lánh quê mùa, đồng khô cỏ cháy ở tỉnh Quảng Trị. Trước là để dâng cái quí giá của tôi lên cha mẹ, ông bà, tổ tiên và sau cho dân quê, bà con vùng tôi thưởng thức, và để cho bà con biết rằng những cái quí hóa của tôi là để chia sẻ cho mọi người. Tôi biết rằng ông bà tổ tiên không có mặt thực sự ở đây, bà con đang sống thì thiếu hiểu biết, quê mùa, chín mươi chín phần trăm không ai biết gì về Mỹ thuật và chưa từng có ai đưa cho họ xem thử cái tranh nó tròn hay méo. Thế mà, dù đã làm khá nhiều triển lãm lớn nhỏ ở nước ngoài giàu sang, nhưng chưa bao giờ tôi có một cảm giác lạ lùng, kiêu hãnh như lượt này. Tôi chưa thấy lúc nào người ta phân tích, so sánh, bàn cãi những tác phẩm của tôi như cái gì gần gũi họ. Tôi cũng chưa thấy lúc nào có sự liên kết chặt chẽ giữa người xem và tác giả, tác phẩm và cảnh vật như mấy hôm đó. Tôi có cảm tưởng là nghệ thuật của tôi không nói đến mỹ cảm mà nó đã gây cho tôi một cảm giác mới lạ, cái đó là cái tình cảm, tình người giữa con người và mây nước, cây cảnh thiên nhiên. Đứng về mặt nhà nghề tôi còn thấy sự hài hòa giữa đồng ruộng, bùn lầy, cây cối, hồ nước, miếu đình, dân quê, người trí thức từ Sài Gòn, Huế, Hà Nội đến người lãnh đạo và tác phẩm hòa thành một khối tươi đẹp lạ lùng, một cái mẫu cho đường lối sáng tác nay mai. Tác phẩm của tôi không còn lẻ loi với ánh đèn nhân tạo nữa và cái làng quê của tôi hai hôm đó như một bức tranh linh

động, tự nhiên và bà con của tôi thuộc về hạng người văn minh. Mấy hôm đó nghệ thuật của tôi đã làm cho tôi sung sướng thật sự, và tôi đã chia cái sung sướng này cùng tất cả bà con. Thật là một hạnh phúc cho cả hai bên. Những ai không có mặt hôm đó thì khó mà hiểu được. Những cái hẹp hòi, ích kỷ chỉ biết có riêng mình cũng không thể nào hiểu được. Những ai còn muốn nghệ thuật ở trên vách láng bóng, hay trong bảo tàng cửa đóng then cài thì tôi chia buồn cùng họ thôi.

Đã hai năm rồi mà lòng tôi còn hồi hộp, tình nghĩa đó vẫn xôn xao trong tôi và cho tôi một bài học quí giá.

Hiện giờ tuổi đã khá cao, sức lực đang đi xuống. Đã lâu rồi tôi suy nghĩ về chuyện "Nghệ thuật độc đáo Việt Nam", và bây giờ tôi chắc chắn cùng bà con trong nước rằng chúng ta có thể tạo ra được cái nghệ thuật độc đáo Việt Nam thực sự ấy nếu có điều kiện(1).

Trước hết được tự do làm vài triển lãm ở Việt Nam để mọi người có thể hiểu biết tôi qua nghệ thuật của tôi. Để bà con xem tay nghề của tôi đã đến đâu và có thể đi đến đâu? Vì lý thuyết chỉ là nước chảy lá môn nếu không đi đôi với thực tế. "Một thấy hơn mười nghe".

Riêng tôi, tôi muốn biết đồng bào, đồng nghiệp và tôi có thể hiểu biết nhau được không? Vì tôi đi xa quê hương đã khá lâu.

Tôi ước mong một nghệ thuật độc đáo Việt Nam. Hiện giờ chưa ai hình dung được cái nghệ thuật đặc sắc Việt Nam ra thế nào? Về phần tôi, tôi biết trước là cái nghệ thuật ấy không còn một mảy may ảnh hưởng Tàu hay Tây hay gì gì đi nữa. Nó phải độc lập từ trong ý nghĩ, chất liệu, kỹ thuật, dáng điệu, cách nhìn, cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất. Chất liệu sẽ từ trong rừng núi, ruộng đồng, đất đai, cây lá của mình, và lẽ tất nhiên ý nghĩ phải ăn khớp với cuộc sống hàng ngày, với màu sắc và trí óc, tánh nết con người Việt Nam. Đồng thời dựa theo cái di sản văn hóa của cha ông để lại (Lý, Trần, Lê...)

Rồi ngoài cái đẹp thông thường tôi muốn thêm vào cái tình cảm, cái thiêng liêng, cũng dựa vào phong cảnh, tạo hóa, con người để sáng tác ra một khối hài hòa ,hơn là để tác phẩm bơ vơ một mình hay là lòe loẹt bởi những hình khối to tát, nặng nề, vô hồn, chướng tai gai mắt, mang từ nước ngoài về với một đống bằng cấp.

- Nghệ thuật cho cả dân tộc, người giàu có, trí thức cũng như kẻ nghèo nàn thất học, người nhà quê cũng như người thành thị. Người đau ốm, tàn tật, già nua phải được hưởng cái đẹp ngày nay thực sự chứ không chỉ giả dối trên sách vở hay lý thuyết trống rỗng.
- Nghệ thuật Việt Nam phải có trình độ, cá tánh để cạnh tranh với nghệ thuật quốc tế.
- Nghệ thuật Việt Nam phải là cái chuông khổng lồ trong và ngoài nước.
- Nghệ thuật Việt Nam phải là một nguồn làm ăn sinh sống như mọi kỹ nghệ khác.
- Nghệ thuật Việt Nam sẽ làm đẹp thêm đất nước, con người, bề trong cũng như bề ngoài.

- Nghệ thuật Việt Nam có giá trị không phải ở số tiền buôn bán giả tạo mà là ở chỗ phụng sự con người.

- Nghệ thuật Việt Nam sẽ là cái đuốc cho nền nghệ thuật nhân loại.

- Nghệ thuật Việt Nam ngày nay phải đánh dấu thời đại, cũng như tặng vật cho con cháu mai sau, và trả ơn ông bà tổ tiên đã để lại cho ta những cái gì bất hủ.

- Nghệ thuật Việt Nam sẽ chặn đứng cái ý định dã man chia cắt đất nước ra làm hai, mỗi khi các gia đình chính trị không đồng ý với nhau.

- Nghệ thuật Việt Nam làm giàu cho dân tộc để chống lại bất cứ cái gì của người nước ngòi kiêu căng, đang chen lấn nhau vào đất nước bị tàn phá, thiếu thốn ngày nay để hòng bóc lột và cố tình kiếm lời, chứ không phải chúng thương yêu gì giống nòi da vàng mũi tẹt này. Lúc những cái lãi tiền nong họ đưa về nước họ, họ chỉ để lại cho chúng ta những bệng sida, ô nhiễm sông ngòi, khí hậu, ô nhiễm trí óc, lòng người, những cái hủ lậu tồi tàn, xì ke, thuốc phiện v.v...

- Nghệ thuật Việt Nam chống lại bán con gái non cho bọn mê dâm ngoại quốc, lông lá đầy mình đầy mặt với giá tiền rẻ mạt, để chúng khinh bỉ giống nòi mình. Hiện giờ ở nước ngoài họ đang xôn xao về việc đi thăm Việt Nam với ý đồ bẩn thỉu ấy.

Đây là đáy lòng của tôi và muốn cùng bà con trong nước thực hiện cho được. Không phải dễ dàng nhưng nếu chúng ta *MUỐN* thì rất có thể được.

"Muốn là được", "ba cây chụm lại thành hòn núi cao". Chúng ta phải khác hẳn mọi người. Chúng ta muốn kiêu hãnh, sang trọng, phải có gan thay đổi cái *BẢN CHẤT* của nghệ thuật cũ kỹ, lỗi thời, cứng nhắc, cái suy nghĩ chật hẹp.

- Chúng ta không cần vàng thoi bạc nén để đi tới. Bàn tay khéo léo chúng ta sẵn có. Chất liệu tại chỗ, trí óc cũng của ta.

- Chúng ta không đi con đường sáng tác của mọi người. Hiện giờ trong tác phẩm của người ta chỉ thay đen ra trắng, thay đàn bà cười ra đàn ông khóc, thay người đứng ra người ngồi, thay tròn ra méo. Thay hiện thực ra trừu tượng, đi qua trừu tượng, loanh quanh lẩn quẩn trong một vòng tròn và cứ thế đi mãi. Còn giá trị của tác phẩm thì dựa theo giá thị trường giả tạo. Tên tuổi của nghệ sĩ phần nhiều dựa trên đà quảng cáo, ít khi đứng đắn, chân thật.

Thay đổi, thay đổi. Nhưng cách nào thì vẫn lẩn quẩn chưa thoát ra khỏi vòng vây.

Nhưng đấy là chuyện của người ta.

- Còn chúng ta, chúng ta phải tự thay đổi, phải bắt đầu bãi bỏ cái nhìn nhỏ nhen, chật hẹp, đi vào cái nhìn tổng quát, mới mẻ hơn. Không nhìn thẳng như người Tàu, cũng không ngắm nghía, phân tích, lý giải, đo đạt... như người Tây. Cái nhìn của ta phải ở trong thời đại, cái nhìn của người du hành vũ trụ, hay gần gũi hơn: cặp mắt của loài chim. Rồi từ trên ý tưởng này bành trướng cái kỹ nghệ nhỏ, làm bằng tay. Không cần máy móc, kỹ nghệ nặng như nhiều

nước khác, ồ ạt sản xuất, bao nhiêu sức lực, trí óc, thông thái đều dồn vào sản xuất, sản xuất đến nỗi không đủ người tiêu thụ, để rồi không biết chứa vào đâu, phải đập bỏ đi để sản xuất nữa, rốt cuộc đi đến chỗ bế tắc, gây ra giặc. Bắt chước nhau, xô đẩy nhau đi đến cái hạnh phúc vô lý. Tôi chưa thấy cái hạnh phúc thực sự ở chỗ nào cả.

Nhưng đây cũng là chuyện của người ta, của các nhà kinh tế học rộng tài cao.

Cái độc đáo, cái khác người ta là những đồ cần dùng hàng ngày của chúng ta sẽ không còn nhạt nhẽo như đồ làm bằng máy móc, hàng trăm hàng vạn cái giống nhau, lạnh lẽo vô duyên, mà là đồ nguyên bản làm bằng tay, gần gũi với tâm hồn, ăn khớp với trí óc tự nhiên, thân mật với kẻ mua dùng.

Những cái chung đụng ngày đêm; cái nhà, cái vườn, đường sá, mồ mả, cái làng, cái xóm, thành phố sẽ là *những bức tranh thực sự* hài hòa với tạo hóa thiên nhiên vĩ đại. Tác phẩm của chúng ta từ trong thuần phong mỹ tục, con người, con vật sống và làm ăn trong đó. Trăng gió, nắng mưa, tình cảm, đạo lý, con người, con vật, đất đai, cây cỏ, sông núi, cái đẹp, cái xấu sống chung trong một bầu khí tự nhiên như *THỰC SỰ VĂN MINH*, chứ không giả dối như bao nhiêu sách vở, lý thuyết vô hồn, đạo giáo, đảng phái ồn ào chướng tai gai mắt, ô nhiễm khí hậu, ô nhiễm tâm hồn.

Chúng ta sáng tác ra những không gian lớn lao dựa theo núi theo đèo cho con người làm ăn sinh sống, cho du lịch thả chơi, cho đất nước đẹp tươi mà các nước khác chưa có. Chúng ta đưa mỹ thuật xuống dưới nước cho thêm kỳ quái, linh động, ngộ nghĩnh mà ai ai khi nghe nói đến cũng muốn biết, muốn xem, vì chưa bao giờ và chưa đâu có, dù họ giàu có đến đâu đi nữa.

- Chúng ta đưa mỹ thuật vào bệnh viện cho người đau ốm, lăn lóc hàng tuần hàng tháng trong một căn phòng chật hẹp. Phải biến nghệ thuật thành một thứ thuốc an thần.

- Chúng ta phải đào tạo ngay một nhóm người để dạy cho những kẻ mồ côi, tàn tật, thương binh về nghề nghiệp, những cách làm ăn giản dị, mang ít nhiều tính chất mỹ thuật, nhưng không xa rời thực tế, để tạo ra của cải và lấy lại tư cách con người. Họ không còn là ăn mày ăn xin la lết nữa, mà họ sẽ làm ra thực phẩm bằng bàn tay, như tất cả những con người bình thường khác. Đây không phải là cử chỉ của người từ thiện, hay mánh lới của nhà chính trị, mà là lẽ tự nhiên, lẽ thường giữa con người văn minh, giữa phong cảnh đẹp, giữa xã hội Việt Nam thật sự.

Rồi còn bao nhiêu cái chúng ta có thể làm thêm cho toàn đẹp như: vườn mộ, vườn đá, đào tạo người tiêu thụ mỹ thuật v.v... Chúng ta sẽ đi xa hơn ai hết nữa.

- Sau vài ba năm đào tạo và sáng tác theo lối *MỚI* (2), chúng ta có thể mang chuông đi đánh nước ngoài. Chúng ta đưa ra triển lãm những cái bất ngờ và độc đáo. Hay hơn nữa, chúng ta không mang đi triển lãm như họ, vì tác phẩm của ta quá lớn lao, vĩ đại và cần sống giữa không khí Việt Nam, ai muốn xem xin mời đến nước chúng tôi. Đấy cũng là một cách tự cao, phô trương văn hóa

và dựa theo đó làm ăn sinh sống. "Ta về ta tắm ao ta".

Cái sống vật chất cũng là cái cốt yếu. Sống bằng nghệ thuật cũng là một cái hạnh phúc lớn, nhưng cái sống bằng cơm áo cũng cần thiết như tinh thần, có khi cái sống vật chất còn cần hơn tất cả, vì những thiếu thốn, nhu cầu hàng ngày không cho phép mình có sức khỏe, tinh thần để suy nghĩ, sáng tác cùng làm tròn phận sự con người. Hơn nữa cái sống vật chất không chỉ một mình người sáng tác chịu đựng thôi, mà cả gia đình con cái cùng bao nhiêu hệ lụy chung quanh nữa.

- Người ngoài cuộc có khi xem người nghệ sĩ như kẻ điên cuồng hay là thần thánh. Cả hai cách nghĩ đều không đúng sự thực. Theo tôi, người nghệ sĩ phải sống trong xã hội như mọi người khác. Có bổn phận làm ăn, trách nhiệm như mọi người khác. Nhưng hãy nhớ là ông trời đã phát cho ta tài ba hơn nhiều người, vậy không nên quên chia xẻ cho đồng chủng. "Ông trời có mắt".

Tác phẩm nghệ thuật rất gay tiêu thụ trong các nước giàu có, huống là trong một xã hội đang thiếu thốn như Việt Nam. Nhà nước chưa có tiền để mua tác phẩm như các nước giàu có. Lại các cô gái nhà giàu hay có lòng tốt muốn nuôi người tài ngày nay cũng hiếm hoi. Các nhà có tiền của ít ai biết đến nghệ thuật, họ chỉ thích mua vàng, kim cương, hột xoàn. Nếu có một vài người nào đó mua tranh mua tượng, thì cốt là để làm hoanh, để tô điểm thêm cái thừa thải của mình trước mắt bạn bè. Còn dân chúng quá ư thiếu thốn, như sống ở một thế giới khác.

Thị trường buôn bán chưa có gì hết. Nếu có, chỉ khách du lịch người nước ngoài, chín mươi phần trăm là hạng người tầm thường, chỉ mua đồ kỷ niệm, đồ để biếu. Nhưng dù sao họ cũng biết chọn cái đẹp và loại bỏ cái xấu. Nghệ sĩ không thể trưng bày tranh tượng ra đó rồi đợi khách đến ngắm nghía và mua. Như thế là thiếu thực tế. Sống trong một khung cảnh như vậy, theo tôi, người nghệ sĩ nên khiêm tốn chuyển một phần cái tài nghệ của mình, nếu có, vào những cái gọi là mỹ nghệ, những cái để biếu, những đồ cần dùng hay không cần dùng mà cần có. Thay hình đổi dạng những cái đồ tiêu thụ tầm thường thành ra *đồ có ít nhiều chất mỹ thuật*, mới họa may. Không phải là trang trí lại những cái đồ ấy bằng cách thêm con rồng con rắn, mà là thay đổi cái *BẢN CHẤT* của nó ra *đồ có mỹ thuật*, ra một thứ *tác phẩm hiện đại*. Hiện giờ ở ta, hầu hết những đồ gọi là mỹ nghệ không có trình độ, rất xấu xí, lạc hậu, lại giống Tàu giống Tây chứ không có tính cách gì Việt Nam hay thẩm mỹ. Những cái có ít hình thức Việt Nam thì thiếu tay nghề, thiếu đủ thứ và không chu đáo.

Những đồ mỹ nghệ mới, những *tác phẩm hiện đại* này phải cho hoàn hảo mới buôn bán làm ăn được, mà đến khi hoàn hảo rồi cũng chưa đủ. Đây là một cuộc vật lộn cần thêm nhiều suy nghĩ, phải nghiên cứu thị trường, mánh lới, mềm dẽo để chen vào thị trường trong và ngoài nước.

Từ cái nhỏ đến cái lớn phải tránh những con đường của Tàu, của Nhật, Thái Lan v.v... Đồ của họ đã trưng bày đầy các quán hàng khắp năm châu.

Vậy mình phải làm sao nằm ngoài khuôn khổ, hình thức, màu sắc, đường lối của họ. Đấy là điều kiện thứ nhất. Điều kiện thứ hai là khi làm cái gì phải làm cho cẩn thận, cho hoàn hảo. Dù khách không muốn mua cũng không chê được, phải khen thầm. Nên bỏ hết cái lề thói cẩu thả, làm dối. Lại nhiều khi phải đi qua những cái nói trên bằng cách phải bày vẻ ra cái cần-có khác, liên quan đến những món hàng, như bán một cái gì phải bán thêm cái hộp để đựng, cái giấy để gói cho khéo léo. Lúc đặt cái vừa bán vào trong cái hộp đẹp, người khách tấm tức khen cả hai thứ, rồi khen cả cái sợi dây cột, khen bàn tay khéo léo gói gắm gọn gàng và trao cho khách với nụ cười xã giao nữa. Ở các nước văn minh người ta quí khách, chìu khách: *Khách là vua. Chiều khách không phải là lòn cúi, là nô lệ mà là trao đổi văn hóa, xã giao, lịch thiệp giữa hai con người văn minh.*

Ở Việt Nam hiện giờ rất cần *TỔ CHỨC*, đào tạo, bành trướng các nghề dệt thảm, thêm, đất nung, chạm gỗ, sành sứ, uốn mây, uốn tre, uốn sắt, đồ nữ trang, đồ lặt vặt. đồ vô ích, áo quần, giày dép v.v... Tổ chức một cách *thực tế THẬT SỰ* chứ không phải làm cho có lệ. Ông thì giám đốc, bà thì phó giám đốc, còn thực tế, kết quả thì không đốc nào hết. Có ai chê bai thì bị tố cáo không đúng đường lối đảng, chống chính phủ.

- Những công trình này không tốn kém vàng thoi bạc nén vì nhân công sẵn có, chất liệu tại chỗ, và bàn tay trí óc của mình.

Tóm lại, đồ mỹ nghệ, tác phẩm hiện đại, cách tổ chức làm ăn và con người phải *ĐỔI MỚI.*

Phải chịu khó đặt cái đời sống hiện nay và tương lai của dân tộc lên trên hết, trên những cái nhỏ nhen, phe phái hay lý thuyết lỗi thời. Chuyện làm ăn là chuyện chuyên môn nhà nghề. Phải lành nghề. Muốn lành nghề phải kiên nhẫn, chịu khó, kinh nghiệm, học hỏi. "Không thầy đố mày làm nên". Sống bằng nghệ thuật là phước trời cho nhưng phải có tay nghề rành rõi, phải biết thị trường.

Muốn sáng tác độc đáo phải có điều kiện tự do. Muốn có thầy tài giỏi phải có gan và sáng suốt về cách đào tạo, đừng có "nhồi sọ". Phải để cho trí óc có thể hấp thụ được cái MỚI. Cách dạy phải thực tế. Lý thuyết không đủ, và lý thuyết phải là lý thuyết trên điều kiện Việt Nam, trên hiểu biết sâu xa, rộng rãi các nghề về nghệ thuật, nếu không thì chỉ như con vẹt thôi. Tục ngữ ta có câu: "Có biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe", không phải là thừa.

Đổi *MỚI* là bỏ cái cũ, cái ngoại lai, đưa cái tinh túy chưa có vào chứ không phải đổi mới là đưa bất cứ cái gì của ngoại quốc, của xấu xa, điên cuồng, của tệ nạn vào cũng được. Và cũng không phải cái gì của ngoại quốc cũng xấu xa cả. Nhưng mỗi khi học hỏi được cái của người ta phải nhồi nhuyễn cái đó cho mềm dẻo, phải thêm ớt thêm tiêu, vắt thêm chanh vào cho nó tiêu cái nhiễm độc, xóa bỏ mùi tanh, để ăn khớp với mình mới được.

Cái gay go nhất là tiêu thụ. Phải biết uyển chuyển để chen vào thị trường trong và ngoài nước. Muốn được thị trường quốc tế phải *LỖI LẠC*, phải *MỚI*

và giá cả phải chăng. Thế cũng chưa đủ. Lúc ký kết hợp đồng phải đắn đo, phải trung trực, phải giữ lời, không được xảo trá, lừa dối. Mình phải có những cái *KHÁC HẲN* với những cái mà các nước lân cận đã bày vẽ ra. Trên thị trường quốc tế đã đầy những nhố nhăng ấy rồi.

Ngoài ra, chúng ta có thể sáng tác ra những "tránh cái tranh", những không gian mỹ thuật lớn lao dựa theo núi theo đèo, những không gian dưới nước, đưa mỹ thuật vào nhà thương mà chưa ai có, đem lại cái tình nghĩa nhân đạo và mỹ thuật những triển lãm độc đáo mà các nước lân cận chưa bày ra được. Như vậy sẽ lôi kéo khách du lịch.

Du lịch là một cái cần thiết, là nguồn làm ăn sinh sống rất hay, rất thuận tiện để phô bày cái văn hóa và sau dựa theo đó để làm ăn.

Nhưng tổ chức du lịch phải thận trọng, khôn ngoan, sạch sẽ, lịch sự, ngoại giao. Du lịch văn hóa chứ không phải như nhiều nước lân cận đã bán con gái non, nhà thổ, xì ke, thuốc phiện như muốn bôi nhọ cái dân tộc của họ. Phải ngay từ bây giờ sáng tác ra những không gian rất kín đáo, sâu xuống dưới mặt đất để dành riêng cho mấy sở khanh, tú bà mới được. Phải dẹp ngay những cái hạt mầm, chất độc ấy ngay từ bây giờ, không thể dung thứ được.

Mặt khác là nếu chúng ta biết "Ở bầu thì tròn ở ống thì dài" thì có phần dễ hơn. Nêu chúng ta cứ vẽ ra tranh, nắn ra tượng như sư Tàu thầy Tây đã dạy thì mấy ai mua tranh mua tượng. Nhưng nếu chúng ta tạo ra những thứ bánh, thứ chai có nước thơm, thứ áo, thứ mũ, thứ giày, cái quán cơm, cái xe xích lô, cái dĩa, cái bát v.v... cho khác thường, cho độc đáo, cho hợp thời, chưa ai có thì tôi chắc sẽ có nhiều người tiêu thụ trong và ngoài nước. Không phải là dễ dàng nhưng đây là một ngõ đi ra. Nói phách và viết thì dễ, còn làm ra thì thật gay go.

Những con đường mòn, những trí óc hẹp hòi, những lăng nhăng thủ tục, giấy má, hối lộ, kiêu căng sẽ đi đến chỗ đồi trụy, chết đói, làm nô lệ và để cho người ngoài khinh bỉ giống nòi Việt mà thôi.

Đến đây chắc có nhiều vị học rộng tài cao, bằng cấp chất đống, cười chê tôi về chuyện nói gì cũng nghĩ đến chuyện làm tiền, làm ăn sinh sống. Nhưng tôi xin lỗi các vị, tôi không có nhận bố thí của nhà nước, không có xương sống mềm dẻo, cũng không có vợ giàu, nhưng lại muốn sống đầy đủ như ai. Và hơn nữa tôi còn ngạo ngược muốn phần đông đồng bào tôi cũng được sống đầy đủ như tôi, giàu có trên đất nước đẹp tươi và chỉ sáng tác toàn cái mới đẹp hoàn hảo chưa ai có.

Đây là cái cao hãnh của tôi, là nền móng của đời sống nghệ thuật của tôi. Nếu ngày nay chưa bành trướng ra được vì một lẽ gì thì sau này con cháu tôi sẽ dựa theo một vài ý trên để đi tới. Vì tôi chưa thấy con đường nào khác đi ra trên môi trường nghệ thuật.

- Tôi lại không đồng ý với bất cứ một trường nào hiện giờ và bất cứ ở đâu. Sinh viên lăn lóc trên ghế nhà trường năm bảy năm chẳng biết làm ăn sinh sống bằng nghề nghiệp thì thật là vô lý và uổng công. Người xưa có nói: "*HỌC HÀNH*". Vậy học phải hành.

- Còn về mặt tác phẩm mỹ thuật, có lẽ tôi chưa được thấy nhiều, nhưng những cái tôi đã thấy, phần nhiều có tính cách lỗi thời và có tính cách lịch sử hơn là mỹ thuật. Tôi muốn nói theo đà mỹ thuật quốc tế.

Thời buổi hiện giờ chúng ta phải sáng suốt, nhũn nhặn, hạ mình xuống một tí để tìm tòi hiểu biết thêm, học hỏi thêm, để bước vào cái đà tiến triển của loài người, sống đầy đủ và hòa đồng với tất cả.

Lý thuyết chỉ là lý thuyết, sức mạnh chỉ là sức mạnh mà thôi. Duy trì cái ý nghĩ cứng rắn, cũ rích, cái đường lối lỗi thời, lạc hậu, là đi thụt lùi, thiếu thông minh thực tế, là bôi nhọ danh tiếng của giống nòi, là chậm tiến với cả dân tộc và loài người.

Lịch sử hiện đại cho chúng ta thấy rất rõ: Những đường lối nghệ thuật không ăn khớp với thời đại, đất nước, lòng người, không để cho đầu óc, tài nghệ tiến triển, không mang lại hạnh phúc, và nhiều chính quyền cứ ỷ lại và khăng khăng ôm ấp mãi mấy chục năm ròng cũng vẫn không có bề sâu và không để lại một cái gì độc đáo cho nhân loại.

Đấy là một bài học mà tất cả con người Việt Nam không có quyền không biết.

Cái đỉnh cao của loài người vẫn còn là *TRÍ ÓC, TÀI NGHỆ* và *TÌNH CẢM*. Mọi chúng ta nên cẩn thận, trách nhiệm, đừng vì một cớ gì mà chậm trễ sự đi tới của cả dân tộc thông minh và hiếu học trong lúc khó khăn này, cũng đừng để sau này con cháu trách móc, sử sách bôi nhọ và cũng đừng để cho các dân tộc khác chê bai khinh bỉ.

Cái đời sống vật chất và tinh thần, cái danh tiếng của cả một dân tộc hơn 70 triệu người là *TẤT CẢ*.

LÊ BÁ ĐẢNG

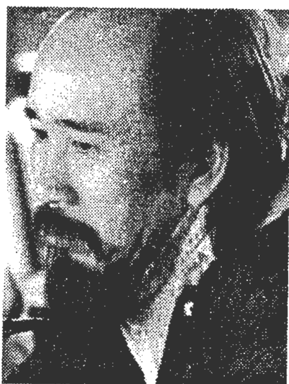
---

(1) Không có ý xin xỏ một chân đứng cũng không muốn tiền bạc làm giàu cho bản thân, vì tôi đã có cả ở nước ngoài.



THỤY KHUÊ

Nói chuyện với họa sĩ Trịnh Cung



Họa sĩ Trịnh Cung đến Paris vào trung tuần tháng 10 năm 1994. Trong thời gian hơn 3 tháng anh đã không ngừng hoạt động, tiếp cận với hội họa Tây phương, gặp gỡ những bậc tiền bối trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam và hoàn thành 10 tác phẩm giá trị để khai mạc buổi triển lãm tranh tại Nhà Việt Nam từ ngày 21-1 đến ngày 30-1-1995, ngày anh lên đường về nước.

Từ Paris tiếp xúc với Lê Phổ, Phạm Tăng, Trịnh Cung lặn lội xuống miền Nam nước Pháp để gặp gỡ Vũ Cao Đàm tại Saint Paul de Vence, làng hội họa thơ mộng nằm gần bờ Địa Trung Hải. Trong chuyến đi này, Trịnh Cung còn tìm đến những họa phẩm lừng danh của Chagall, Matisse, Tapiès trong những hành lang nghệ thuật ở Nice. Những sự gặp gỡ đó đã gây ấn tượng xâu sa trong hội họa của Trịnh Cung và cây cọ của anh rạng lên, đậm hơn, sâu và bạo hơn, ấm và nồng hơn. Dường như màu vàng thu Paris, màu nắng, màu lam điềm của trời nước Địa Trung Hải hay trên vitraux của một chapelle Chagall nào đó, đã không còn lạnh nữa mà trở nên tha thiết, u uẩn một niềm nhớ về vùng nhiệt đới xa xôi.

Trong buổi khai trương phòng triển lãm, công chúng và bạn hữu yêu chuộng hội họa ở Paris đã đến chật phòng tranh, đến với người họa sĩ tài năng và nghiêm túc, trong tinh thần dung hợp không chia màu sắc đôi bờ

*

Thụy Khuê: *Thưa anh Trịnh Cung, cũng đã từ lâu anh mong muốn đến Paris và đây là lần đầu tiên anh đến Paris, xin anh cho biết mục đích chuyến đi này của anh là gì?*

Trịnh Cung: Đúng như vậy, tôi đã mơ đến Paris từ lúc còn rất trẻ, nhưng tôi sinh ra vào thời điểm rất nhiều khó khăn, cho nên đến bây giờ, gần 40 năm, tôi mới được đến Paris. Mục đích chuyến đi của tôi rất đơn giản là tôi muốn nhìn lại, làm một cái tổng kết sơ bộ cho chính tôi về gần 100 năm phát triển của hội họa hiện đại, của Châu Âu mà Paris gần như là một trung tâm. Hơn nữa một chuyến đi rất khó khăn với cuộc đời và tôi cũng muốn làm thêm một chuyện mà có lẽ nhiều người nghĩ là cũng hơi khó, tức là tôi muốn tìm hiểu sự thành đạt cũng như những kinh nghiệm của một số họa sĩ tiền bối của nền hội họa hiện đại Việt Nam, như họa sĩ Lê Phổ, họa sĩ Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, Mai Trung Thứ, Phạm Tăng, và của một số họa sĩ đang làm việc trên đất Pháp. Tìm hiểu và ghi nhận lại những thành công của họ mà có thể là trong thời gian qua, vì nhưng khó khăn ở trong nước mà những người đó không được nhắc đến, và mình cũng không giữ gìn những giá trị mà họ đã làm ra. Họ là những người Việt Nam, đã nhân danh người Việt Nam làm nghệ thuật.

- Trong mục đích đó và qua thời gian ở Paris, anh đã được gặp một số họa sĩ tiền bối, vậy ấn tượng họ để lại cho anh như thế nào và việc gặp gỡ này đã mang lại cho anh những suy nghĩ gì về các họa sĩ tiền bối đó?

- Sự gặp gỡ các họa sĩ đó không phải là dễ, vì mỗi người sống một nơi và trên đất Pháp, sự đi lại cũng như gặp gỡ vô cùng khó khăn. Hơn nữa, họ là những người mà có thể chúng ta rất ít nghe tên ở Việt Nam, nhưng trong chuyên môn, họ là những người để lại tên tuổi rất lớn, đồng thời nổi tiếng cũng không thua kém gì những Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí ở trong nước. Họ đã thành đạt và nay tuổi cũng cao lắm, như họa sĩ Lê Phổ đã 88 tuổi, Vũ Cao Đàm 87, Lê Thị Lựu, Mai Trung Thứ đã mất rồi. Nhưng nếu không tìm cách để tiếp xúc, để nhìn thấy công việc họ làm, thì thời gian sắp tới đây, những người đó cũng gần kề sự ra đi. Cho nên tôi nhờ những người bạn đã sốt sắng giúp đỡ tôi để gặp họ. Và tôi đã được họa sĩ Lê Phổ tiếp đón rất thương yêu. Họa sĩ Vũ Cao Đàm, tuy không còn đủ sức khỏe, cũng đã giành cho tôi một buổi nói chuyện tại ngôi làng rất đẹp Saint Paul de Vence dưới vùng Côte d'Azur. Điều đó làm cho tôi vô cùng cảm động và hãnh diện là những thế hệ, tưởng là đã cách biệt, tưởng là không bao giờ có thể gặp được, thì tôi đã đến tận xưởng vẽ, thấy tận công việc làm, thấy được cả một sự nghiệp của họ rất đáng ghi nhớ, rất là vàng son so với chúng ta. Dĩ nhiên là đối với thế giới, họ chưa được thừa nhận như những bậc thầy của thế giới, nhưng nhìn tận mắt những công việc thì chất lượng và nghệ thuật của họ đúng là bực thầy của chúng ta. Và cũng đừng lấy chuyện có tên trong từ điển này hay từ điển khác mới là thiên tài hay mới là những người có giá trị. Qua đây tôi thấy rằng có chân trong một chỗ đứng là chuyện cực kỳ khó khăn trong vùng đất nghệ thuật của thế giới, bởi vì có rất nhiều thế lực, có rất nhiều con đường mà chúng ta không thể tưởng tượng ra được. Thế giới nghệ thuật ở đây là một thế giới quyền lực rất dữ dội, mà họa sĩ Lê Phổ đã được một galerie

chuyên môn đặt tranh và phổ biến độc quyền. Đó là một điều rất hãnh diện. Chẳng những tại Pháp, mà ở Mỹ, tại Nhật, tranh của ông Phổ được ưa chuộng, và tôi quan sát về chuyên môn ngay trong xưởng của họa sĩ Lê Phổ, thì chất liệu được thực hiện trên toile rất đẹp, màu, matière sơn dầu, kỹ thuật rất cao. Đặc biệt là kỹ thuật đó rất phương tây, nhưng tinh thần và hình tượng trong tranh lại vẫn nuôi dưỡng, từ lúc trẻ cho đến ngày hôm nay, hình tượng người phụ nữ Việt Nam; họa sĩ vẫn giữ cho tác phẩm mình luôn luôn có một hình tượng, một tâm hồn của đất nước, của người Việt. Đó là điều tôi rất ngưỡng mộ và hãnh diện. Cũng như họa sĩ Vũ Cao Đàm. Vũ Cao Đàm cũng nổi tiếng, cũng được galeries Findlay của Mỹ chuyên nghiệp tiêu thụ tranh, đặt tranh. Vũ Cao Đàm sống trong một ngôi làng rất nghệ sĩ, rất đẹp là Saint Paul de Vence ở vùng Côte d'Azur, một làng cổ trên núi mà con đường vào làng toàn galerie. Nhà của ông Đàm là một trong những galerie trên con đường chính yếu của ngôi làng đó. Tác phẩm của ông cũng mang tinh thần Việt Nam, với một bút pháp rất mới, kỹ thuật hiện đại chứ không cổ lỗ, và luôn luôn mang cái tâm trạng, cái hướng về, cái niềm hãnh diện là người Việt Nam. Đó là điều tôi luôn luôn nhìn được trong tác phẩm ông ta. Và tôi nghĩ rằng đất nước chúng ta đang bước vào thời kỳ tốt đẹp, thời kỳ phát triển thì nếu làm được điều gì để có được những tác phẩm của hai họa sĩ này tại một trong những bảo tàng của Việt Nam, thì điều đó làm phong phú, làm giầu có, làm hãnh diện cho nền hội họa Việt Nam. Tôi rất ước mơ làm được việc đó. Cũng như có tranh của bà Lê Thị Lựu, của ông Mai Trung Thứ. Họa sĩ Phạm Tăng cũng là một tài năng có tiếng từ lâu của chúng ta. Nay ông cũng đã gần 70 tuổi và vẫn còn tha thiết với hội họa Việt Nam,
với đất nước, và cũng đã đem hết cuộc đời mình để làm cái gì cho tên tuổi người họa sĩ Việt Nam được người ngoại quốc kính trọng.

- Tuy rằng anh không định sang đây để làm một cuộc triển lãm, nhưng rút cục anh cũng khai mạc một cuộc triển lãm, anh có thể cho chúng tôi biết rõ hơn về cuộc triển lãm này của anh hay không?

- Như tôi đã nói mục đích của chuyến đi, thêm nữa tôi ở trong một hoàn cảnh đặc biệt là những tháng trước khi đi, tôi không thể sáng tác được, cho nên tôi đi mà không mang được tranh sang Paris triển lãm như các bạn khác, và tôi nghĩ rằng không nhất thiết phải sang Paris để làm triển lãm. Cái quan trọng nhất là tôi cần lấp khoảng trống mà tôi đã nhiều năm hụt hẫng về kiến thức, về chuyên môn; tôi lấy làm sung sướng làm được chuyện đó. Đồng thời học hỏi thêm các bậc đàn anh, biết các bạn họa sĩ Việt Nam đang sống trên đất Pháp làm việc thế nào, và được đến các viện bảo tàng, được chứng kiến tác phẩm của những bậc thầy của nền hội họa thế giới. Đó là niềm mơ ước lớn thành ra tôi không nghĩ rằng tôi làm triển lãm. Nhưng sở dĩ hôm nay có một cuộc triển lãm là vì các bạn ở Paris cũng như một vài thành phố khác trên đất Pháp đã muốn giữ lại một kỷ niệm của tôi, muốn có bức tranh để lưu niệm; họ đã tạo điều kiện cho tôi, họ mua cho tôi những toile, sơn, ... tất cả

dụng cụ hội họa tôi được họ lo cho đầy đủ, và trước những tình cảm như vậy tôi không thể bỏ qua được, một tình cảm mà nếu không có nó, tôi không làm được việc gì ở trên đất Pháp dữ dội, rộng lớn, cực kỳ đắt đỏ này. Tôi phải quý trọng những tình cảm đó và nó là niềm cảm hứng làm cho tôi có thể làm việc được. Tôi giành tháng cuối cùng để sáng tác và tôi cũng không nghĩ rằng mình có thể làm được một số tranh như thế này, tôi chỉ nghĩ là sẽ vẽ vài bức để tặng, để làm quà kỷ niệm, để cám ơn sự tiếp đón tôi ở Paris. Nhưng giống như người uống rượu, hết ly này nó lại gọi ly khác, cho nên tôi vẽ được bức này nó lại thúc đẩy tôi vẽ bức kế tiếp, và tôi cũng không ngờ là có thể có được 10 bức tranh tương đối có thể trình bày được. Và cuộc triển lãm cũng lại do bạn bè đứng ra làm và những bức tranh mà tôi vẽ ở đây là những cảm hứng mới nhất, những điều mà tôi đã hấp thụ được về một mùa thu đẹp mà trước đây, tôi chỉ được nghe các nhạc sĩ Việt Nam, các nhà thơ Việt Nam mô tả như anh Phạm Trọng Cầu, như nhà thơ Cung Trầm Tưởng chẳng hạn. Mùa thu tuyệt vời Paris là cái gamme màu tôi sử dụng và cảm hứng trong loạt tranh này là mùa thu Paris.

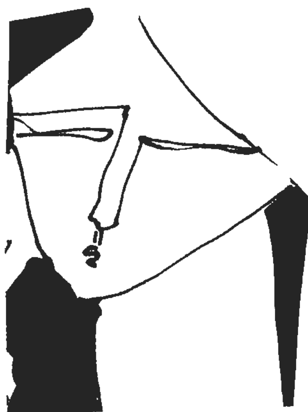
- *Xin cám ơn họa sĩ Trịnh Cung.*

THỤY KHUÊ thực hiện



NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

trò chuyện với phan thị trọng tuyến



- Xin chị cho biết một vài dòng về tiểu sử?

- Sinh năm 1951 tại xã Thuận Điền, quận Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, lớn lên ở Sài Gòn, rồi Gia Định, học tiểu học trường Chi Lăng,trung học trường Lê Văn Duyệt (bây giờ là Võ thị Sáu). Từ cuối tháng mười năm 69, học đại học, rồi lập gia đình, làm việc ở Nancy (Pháp) cho đến bây giờ. Đã gửi bài cho các báo Văn, Văn học Nghệ thuật, Làng Văn, Tân Văn, Nhân Văn, Phụ nữ diễn đàn, Trăm Con, Ái Hữu, Diễn Đàn. Sách đã in : **Mùa hè, một nơi khác** (Văn Nghệ) 1987, **Một trang đời** (An Tiêm) 1991, Calif. USA.

- Chắc chị khởi sự cầm bút từ sau 1975

- "Chính thức dấn thân" vào cuối năm 1984. Trước đó, cùng với vài người bạn, chúng tôi có làm một tờ báo văn nghệ in ronéo, ở Nancy, được vài số thì chết . Tôi cũng có gửi vài bài thơ, truyện cho báo Sinh Viên (của Tổng hội Sinh viên VN tại Pháp) ở Paris do anh Lê Tài Điển làm chủ nhiệm kiêm chủ bút (năm 70, 71?). Đời cầm bút sinh viên hấp hối từ cuối năm 73 (lúc tôi lập gia đình) và chấm dứt khi tôi sinh đứa con gái đầu lòng vào Noel 74.

- Biến cố 30-4-1975 có ảnh hưởng thế nào đến đời sống cá nhân của chị? Cũng như tác động thế nào đối với công việc cầm bút của chị?

Tôi vui mừng chắc mẩm rằng phen này sẽ được khăn gói về quê. Vì thèm

về. Dù trong suốt học trình 70-75 tôi được phép về thăm nhà đến hai lần ! Năm 71 thì gia đình chở đi chơi xa gần trong ba tháng hè. Hè năm 73, sinh viên ở hải ngoại đi trại "nối vòng tay lớn" với sinh viên trong nước. Tụi tôi đi một vòng lớn, từ Sài Gòn đi miền tây, miền đông, đi Mỹ Tho, An Giang, Tây Ninh...đi Đà Lạt, Huế, Đà Nẵng v.v..cho tới Quảng Trị, đi thăm cổ thành, coi sông và cầu Thạch Hãn, ranh giới mới sau trận Quảng Trị...Hình như đây là lần đầu (?) nhà nước (VNCH) "o bế" sinh viên cho đi chơi xa như vậy. Hình như tụi tôi chỉ phải trả một số tiền tượng trưng .Quả là một chuyến đi mở đầu...Mở đầu cho nhiều thứ... Hãy tưởng tượng nỗi vui mừng và hồi hộp của bọn trẻ chúng tôi thời đó khi nghĩ rằng từ nay (30-4-75) sẽ tha hồ đi "từ Nam ra Bắc, từ Sài Gòn ra Trung, Hà Nội vô Nam"... Nhưng khi đó và dài dài về sau "đất nước còn khó khăn..." không ai cho phép tôi về. Người ta khuyên ở lại học thêm."Chứ cái bằng của chị, ở nhà có khối!". Mà thật tình ngành tôi học lúc đó cũng còn vài ba năm mới xong. Vì không rõ lý do thật của "khó khăn" nêu trên, và cũng vì "trẻ dại" tôi vẫn ương ngạnh, toan tính sẽ về VN vào năm 78 hay 79. Nhưng số trời đã định cho tôi một chương trình khác. Thế là tôi bị "kẹt" lại cho đến bây giờ. Hú hồn! Chứ không thôi sau đó thế nào cũng phải mất công...vượt biên. Dù sao mộng viết văn đã tàn lụi. Bất đầu một phần đời nhiều xáo trộn với những hoang mang, đau đớn, nghi ngờ chen lẫn với lạc quan ngây thơ...Cho đến gần mười năm sau...

- Chị viết tác phẩm đầu tay trong trường hợp nào? Có kỷ niệm gì đặc biệt không? Chị sống ở Pháp nhưng lại có sinh hoạt văn chương nhiều ở địa bàn Bắc Mỹ, Tại sao lại có sự kiện như vậy?

"*Mùa hè, một nơi khác*" có lẽ là truyện ngắn đầu tiên tôi viết trên đất Mỹ vào cuối năm 1984, lúc gia đình "nhỏ bé" của tôi được đoàn tụ với gia đình ba má và các em- đi chương trình ODP do em trai tôi, du học năm 70 ở SF, bảo lãnh. Một năm tròn để "hàn huyên" và hoàn tất những truyện ngắn của tập Mùa hè... Lúc đó tôi làm quen và dùng ngay máy điện toán, dù rất tiếc nuối cái máy đánh chữ thời cổ đại nặng gần một tạ của một người bạn tặng từ thời làm báo ronéo, dù khoái viết mực Pilot và trang giấy trắng có kẻ hàng. Và vì tuy gõ chậm, tôi có thể bắt đầu ba bốn truyện ngắn cùng một lúc mà không bị rối loạn và nhầm lẫn. Mắc chứng gì mà cứ như say men rượu (?!), viết hối hả và ham thích, như thể ngày mai sẽ bị the big one giáng xuống. Thật tình tôi không hề nghĩ tới nó và may quá, trong suốt một năm này, đất Orange county vững như bàn thạch, bà (?) thần Andreas ngủ quên...Vậy thì tại sao?. Ngày xưa tụi tôi mê xem xi nê. Thứ bảy chúa nhật xin ba má vài chục đồng, mấy chị em dẫn nhau qua bên kia cầu Bông chui vào rạp Casino, rạp Moderne hoặc Văn Hoa, Kinh Đô coi phim cao bồi kiểu *Les sept mercenaires*, phim tình cảm có Anthony Quinn làm thằng gù nhà thờ Đức Bà và phim ca nhạc có Doris Day với Rock Hudson...Phim nào cũng được miễn là không "cấm trẻ em dưới mười tám tuổi" và "có phụ đề Việt ngữ". Đa số phim đã được chiếu nát bét ở các rạp lớn ở Sài Gòn, tôi nhớ Casino, Đại Đồng là

ưa làm đứt phim nhất. Gần như lần nào cũng vậy, cứ hễ tới khúc gay cấn thì tiếng nói của nhân vật nhão ra, phim cháy chảy nhoè thành những bông lửa trên màn ảnh, rồi đèn bật sáng trong tiếng ồn ào "bằng lòng với số phận" của rạp chiếu bóng bình dân mười đồng hai phim, màn ảnh không đại vĩ tuyến và thiếu máy lạnh (nhưng có nhiều quạt máy!). Anh chàng soát vé lập tức xuất hiện với bình cà lem. Ở rạp Huỳnh Long có khi người ta xịt thuốc trừ muỗi, mùi citronelle (xã) ngộp ngụa. Tụi tôi chạy vội ra ngoài coi giờ, mua hột dưa, cóc ổi v...v.

Đứt phim!. Như một entr'acte bất ngờ. Vả lại chắc anh còn nhớ, thuở đó tại các rạp hát bình dân, phim thường trực chứ không có xuất. Khán giả con nít tụi tôi rất quen với système đó, vào rạp bất kể giờ, cái đầu tự động "nối phim", ráp đặt lại những tình tiết khi hai đoạn phim được giáp mí sau hai, ba tiếng đồng hồ (tính luôn phần quảng cáo phim sẽ chiếu, tin tức quốc tế-Pathé, Gaumont...thời sự Pháp, có lúc phải chào cờ và suy tôn Ngô tổng thống nữa chứ, lúc tụi tôi còn nhỏ tí, chưa coi kịp phụ đề nên được cho xem phim VN như *Thoại Khanh Châu Tuấn, Chúng tôi muốn sống* hoặc phim Nhật hay Ấn Độ đã được chuyển âm như *Bạc trắng lửa hồng, Vì hiếu phụ tình.*). Thì có khác gì khi phim bị đứt, có phần hơn vì được coi tiếp sau chỉ năm mười phút ngắn ngủi. Ồn ào tiếng la ó, huýt sáo, dậm chân, vỗ ghế... mà coi bộ ai cũng hớn hở (vì được la hét có lý do?), không một chút hậm hực, bất bình. Không lẽ đè anh chàng gác cửa hay bà bán vé ra "oánh"?. Dân xứ nghèo mà. Trong khi đó, mới tháng rồi, ở Paris, có người dân kiện hãng chuyên chở nhà nước, vì xe điện tuyến đường đi làm của ông ta thường ghé trể vài phút (vài phút thôi).Toà đã cho ông ta thắng kiện. Tôi cứ nghĩ sao chưa có bà mẹ Việt nào mất con trong thời Tây, thời Nhật, trong dãy Trường Sơn, ở Bình Giả, ở Ấp Bắc, ở Lạng Sơn, Hoàng Sa...làm đơn kiện Pétain, Hiro Hito, kiện ông Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Thiệu hay, Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình?. Năm ngoái, một số phụ nữ Triều Tiên đã kiện và đòi Nhật Hoàng phải chính thức xin lỗi, bồi thường về tội ác của quân đội Nhật trong đệ nhị thế chiến. Các bà cụ này, còn sống sót cho đến bây giờ, đã bị lính Nhật bắt cóc, giam hãm để phục vụ sinh lý cho bọn chúng trong suốt thời chiến. Việt Nam và Tàu, chắc cũng cùng chung số phận, tôi không nhắc đến những người chết vì họ không còn làm chứng được...Người Mỹ, đã phải "đền bù" nhiều vì hai trái bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki nhưng người Nhật, với vô số bom nguyên tử "anti personneles" này, đã xin lỗi ai chưa?

Tôi lan man sa đà rồi, chúng ta đang nói về cái gì? Xin coi như vừa có ..đứt phim. À, chuyện đứt phim.

Đứt phim. Chuyện đi du học của tôi cũng là một vụ đứt phim. Bỗng dưng mà một bữa, mở mắt ra, tôi thấy mình thức dậy trong phòng một cư xá đại học, xung quanh chẳng còn ai, gia đình, bạn bè, hàng xóm...

Đứt phim. Và mãi hơn mười năm sau, tôi nối phim: ở Cali, tôi gặp lại gần hết từng ấy người thân quen.

Đứt phim. Hai chữ này có người dùng để nhắc nhở biến cố 30 tháng tư 75,

nghe nó "cool" và đầy kỷ niệm dễ chịu, hơn là "động đất"," giải phóng" "trong rừng ra" hay "ngoài Bắc vô". Đứt xong là có nối, chứ có bao giờ phải đòi "trả tiền lợi" hay bị "ngày mai coi tiếp" đâu. Dĩ nhiên, đó là đối với tôi, người ngoài cuộc, chứ gia đình tôi, nhiều bà con, bạn bè đã sống những chia ly, những bất công, những nghịch cảnh tày trời . Hầu như chỉ có những kỷ niệm đau thương và cười ra nước mắt. Ai cũng có chuyện để kể. Phần phim nối tiếp đó cho tôi bỗng kinh khủng và không ăn nhằm gì với khúc đầu cứ như *Affreux, Sales, et méchants*- phim Ý của Ettore Scola(?) 1976-nguyên tựa Brutti, sporchi e catture nối vào *Mary Poppins Hoặc Orange mécanique với My fair lady; Apocalypse now hay Platoon* vào với *E.T / Indiana Jones and the lost ark* ... Đó là cú "choc" đầu tiên. Từ nơi tôi ở sang tới Bolsa đại lộ như là từ Năm Căn lên Sài Gòn (anh không tin cứ hỏi anh Khánh Trường). Tôi lại rỗi rảnh, chỉ lo cơm nước trong nhà và nuôi con mọn, nên có thì giờ xem báo (biếu), gặp lại bạn bè cũ, đi thăm nhà sách, đi phòng trà, coi ra mắt sách...

Trong tuần lễ đầu ở Orange county, tôi đọc vô số báo, gặp lại nhiều bạn cũ, gặp... báo Văn cùng Văn Học Nghệ Thuật. Một ngạc nhiên thích thú . Những hồn ma xưa bỗng thức dậy... Rồi kế đó, nhìn thấy các nhà văn, nhà thơ bằng xương bằng thịt lù lù trước mắt, những người tôi đã đọc từ lúc còn bé tí ...Cứ như tôi lần lượt nhận những món quà êm ái, cứ như sau khi phim nối xong, tôi được mời ngồi lại xem thêm vài phim nữa, loại phim vui, tràn trề hy vọng ở con người của F. Capra, với màn ảnh đại vĩ tuyến, Eastman-color, âm thanh Dolby Stereo gì đó...Đó là cú "choc" thứ hai. Thế là tôi nhắm mắt nhắm mũi ngồi viết say mê. Như ngày còn nhỏ, mê say đọc sách và hơn một lần, mơ rằng mình cũng sẽ viết được những câu chuyện làm say mê những đứa trẻ ham đọc sách. Cùng một lúc tôi gửi hai ba truyện khác nhau cho Văn và Văn Học Nghệ Thuật (bộ mới) Món quà lớn kế tiếp là tôi nhận được sự khuyến khích thân tình của các nhà văn tôi ngưỡng mộ. Làm sao mà bỏ bút khi bỗng dưng được ngần ấy quà quí giá và bất ngờ?

- Hơi tò mò, chị cầm bút để làm gì? Để muốn thành một nhà văn có danh, hoặc để tâm sự với chính mình, hay đôi khi giải tỏa một ẩn ức?

- Viết để làm gì? Tại sao viết? Câu hỏi này chỉ đến với tôi gần đây thôi. Hình như Balzac đã trả lời "để được giàu có và danh tiếng" điều này đúng cho ông (dù ông có hơi vất vả gian nan) và nhiều nhà văn nổi tiếng trên thế giới. Umberto Eco thì nói tại con cái lớn hết, chẳng biết kể chuyện ai nghe...M. Vargas Llosa thì muốn sống tận tình, sống phóng khoáng nhiều đời sống không thể có trong đời thường, muốn kéo dài những phiêu lưu mạo hiểm đã (đọc) sống trong thời niên thiếu. Có người bảo viết vì yêu văn chương, người thì viết vì không thể không viết, có người viết để đấu tranh cho một chính nghĩa, có người viết để giữ quân bình cho đời sống tâm linh, để khỏi điên v...v... Phần tôi, khi đặt câu hỏi này "là bắt đầu có chuyện rồi đó" (lời anh N.M.Giác)...Quả thật vậy, chưa bao giờ tìm ra câu trả lời mà còn

khiến tôi bực bội, khó chịu, thôi thì ngừng viết quách để khỏi phải tra vấn lôi thôi. Viết để làm gì? Tại sao viết? Phải đợi một lúc thanh thản, trầm lắng nào đó... Viết là một điều tuyệt vời, rắc rối... Thì viết để thực hiện ước mơ mãnh liệt thời tuổi nhỏ, viết để tạ ơn, viết để đền bù, viết để xin lỗi những người thân yêu, gia đình và bè bạn, hàng xóm và những kẻ vô danh. Viết để kêu réo, để níu kéo. Viết là gửi những tín hiệu...mơ hồ. Viết vì bất bình, viết vì nổi giận, viết vì bất lực, viết để nói điều không nói được. Viết để đặt câu hỏi, viết để trả lời *"....Viết để quên đi, viết để nhớ lại. Viết để có một cứu cánh, một niềm cứu rỗi, để mà chịu đựng, để giữ lấy lòng tin, để mà còn muốn sống. Cần phải viết về những người thân yêu cũng như về những con người xa lạ hàng ngày nườm nượp qua đường vô tình trở thành những chứng nhân của đời nhau. Viết về những khoảng trời khác nhau, tương phản nhau trong đời sống và trong tâm hồn, về những mái nhà, những tổ ấm, về thành phố mẹ đẻ...có biết bao số phận, biết bao nông nỗi đời người thấp thoáng trong bóng tối đêm mưa...(....) Kiên cảm thấy mình đang đi trong quãng lặng của bản nhạc lớn lao và trong đêm tối phố phường cảm thấy rõ mình đang sống. Sống một cách thôi thúc, một cách đầy giục giã, bất chấp cuộc đời tham lam không trí nhớ, bất chấp sự trì trệ của đời sống thị dân, không ký ức, không ước mơ. Phải viết thôi, phải viết thôi!..."* (Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*, nxb Hồng Lĩnh, USA, trg 195-196,1992). Viết vì từng ấy lý do, từng ấy nguyên nhân đã đang có và những lý do cùng nguyên nhân sẽ được khám phá về sau... Viết văn (cũng như làm thơ, vẽ tranh hay ...yêu đương): một công chuyện, một việc, (một nghề?), một thú vui, một dấn thân, hành động rất tuyệt, rất đau đớn, sẽ có lúc nhớ tiếc, có lúc hối hận, thù ghét... Viết để thành một nhà văn có danh? Cái này thì hoàn toàn ngoài sức của các tác giả rồi đó. Anh nói như cứ nấu ăn đi sẽ thành ông Bocuse hay nhảy xuống hồ bơi sẽ thành M. Spitz. Ra patinoire sẽ thành cô Lu Chen. Cầm vợt tennis sẽ là M.Chang. Nhưng anh có lý, khi làm gì ai cũng đặt một "chỉ tiêu" cao phải đạt...Một hình ảnh tiêu biểu, một kiểu mẫu... Ngày xưa, tôi mê Lê Văn Trương, Nguyễn Triệu Luật, Vũ trọng Phụng... mong muốn viết được những quyển sách như *Lấy Nhau Vì Tình, Giông Tố, Bà Chúa Chè* ... Nhưng lớn hơn một chút, cỡ mười bốn mười lăm, tôi khám phá ra rằng "muốn" không bao giờ có nghĩa là "sẽ được". Có danh gì? là "phải có danh gì với núi sông"? Cái này dành cho các đấng nam nhi thôi mà...

Tâm sự với chính mình? Giải toả ẩn ức? Cám ơn anh (gà câu) trả lời giùm tôi, nhưng chắc là trật lất rồi. Tâm sự với mình thì chán chết, mình lúc nào cũng chủ quan, tâm sự với "nó" thì có mà chết, nó cứ xúi vào với xúi dại thì có mà chết đứ đừ cả chủ lẫn tớ, cả bóng lẫn hình. Giải tỏa ẩn ức? Dễ dàng vậy sao? Đi thăm bác sĩ phân tâm học, có khi lại hiệu quả hơn chăng? Ở Pháp bà văn sĩ M. Cardinal cho biết hết đã lành bệnh (tâm lý) nhờ viết sách và cũng thêm rằng đã tốn khá nhiều thì giờ và tiền cho bác sĩ phân tâm học. Một bà văn sĩ (người Úc?) Janet Frame, được ra khỏi nhà thương điên (và thoát được trong đường tơ kẽ tóc đòn phẫu thuật lobotomie) tác giả của An angel at my table, quyển sách tự truyện được này Jane Campion (*The piano* -) quay

thành phim. Có lẽ rất nhiều người cũng đã giải toả được ẩn ức nhờ viết (cũng như vẽ, đóng phim, diễn kịch, gặp người vợ, chồng lý tưởng hay như ý muốn v..v..). Vậy thì xin thêm: viết để "phân tâm", để chia sẻ (tức là giải tỏa, sang bớt gánh nặng). Như vậy, khi đã giải tỏa xong nỗi niềm thì các văn, thi, hoạ sĩ trong catégorie này sẽ treo bút vĩnh viễn? Thật tình, cho mình, tôi không biết, có thể là tất cả các lý do trên, như đã nói khi nãy. Viết, còn đem lại một món quà tuyệt vời và vô giá nữa: anh bỗng dưng có thêm những người bạn, lắm người chưa gặp mà như đã quen biết từ lâu... Đôi lúc tôi thấy viết là ném những cái chai ra biển. Đừng quên ghi địa chỉ người gửi... Xin nhớ trả lời cho những người cầu cứu...

- Trong những truyện ngắn mà chị đã viết, chị "yêu" truyện nào nhất? -Và cũng "ghét" truyện ngắn nào nhất?

- Đa số truyện tôi rất yêu trước khi và trong khi viết. Xong rồi, nhất là sau khi in ra sách, đọc lại, thấy rất chán, chỉ muốn thêm, sửa hay bỏ đi. Và cần ngưng viết một khoảng thời gian nào đó để lấy lại đam mê và can đảm. Truyện ít ghét nhất hình như là Giương cung bắn nhạn, truyện ít thương nhất là Người bị bỏ quên.

- Chị có thói quen nào khi viết truyện? Có cần phải đợi cảm hứng không? Hay muốn viết lúc nào cũng được?

- Thông thường tôi thích nhất khi xung quanh không có ai, có tiếng nhạc càng hay. nhạc Trịnh Công Sơn chẳng hạn. Nhưng vốn tính lười và thiếu ít nhiều kỷ luật, tôi không vẽ ra một đường lối hay thể thức nhất định trong chuyện viết cũng như nhiều chuyện khác. Khi say mê viết, nhất là thuở vừa bắt đầu, thì chẳng cần gì, ngay cả cái máy computer, chỉ cắm đầu cắm cổ viết, khi chán (hay bí, hay chùn tay, hay bế tắc v...v...) lại muốn vứt viết vứt máy... Say mê đó bây giờ đã bắt đầu lắng đọng, chán nản và đồng bọn thừa thắng xông lên hơi nhiều. Chắc là vì "tuổi đời chồng chất"? Hình như càng già người ta càng ý thức về phần thời gian trôi đi vĩnh viễn (...élémentaire, mon cher Watson!). Nên tôi cũng vậy, cố sống tận cùng hơn, kể cả "sống (còn chết?- chưa biết) với văn chương" như lời khuyên của một người tôi rất yêu. Sống là được hoài hoài đọc (viết?) sách, thơ, xem tranh, viếng cảnh, đi thăm bạn, đi chơi, nhớ tới bạn bè, kỷ niệm. Đời sống thực là đời sống như vậy, ngoài những tam tứ khoái gì đó. Và lục dục, thất tình. Lục trần, lục căn... Làm toán cộng thôi (chưa lũy thừa âm/dương bởi đam mê hay kẻ khác) cũng bộn bàng để nhét vào hai mươi bốn giờ của một ngày. Khó lắm, nhất là khi phải chọn lựa những ưu tiên, và không quên những thứ còn lại. Bị bệnh Alzheimer thật là kinh khủng... Ưu tiên của một thi sĩ là gì, khi không kể tới chuyện làm thơ? Phải cho tôi hỏi lại anh một chút...

- Tôi ấy à? Chà, để xem... Nếu không làm thơ, tôi đọc. Nếu chán đọc, tôi leo lên xe chạy long vòng kiếm bạn bè tán phét, hoặc bắt chước ông KT, dở trò

trăng hoa với các cô hàng cà phê...

- Chỗ này hấp dẫn... Nếu không ngại "chị nhà" phiền hà, đề nghị anh nói tiếp...

- Chúng ta đang nói chuyện văn chương. (cười)

- Thôi được, tha cho anh.

- Cảm ơn chị... Thế trong truyện ngắn của chị, đời sống thực thường ngày có phải là những yếu tố chính để tạo thành văn chương không? Còn những hư cấu thì sao?

- Trong các truyện ngắn, dài nói chung thường là đời sống thực thường ngày với tất cả những "sự cố" lớn nhỏ, bất thường và bình thường. Chỉ có cách nhìn và cách trình bày là khác nhau. Tâm linh, hiện thực, trừu tượng, khách quan, tích cực, chủ quan, tiêu cực, hay cubisme, dada, symbolisme..v..v.. Chuyển được các cảm giác, cảm tưởng thật đó đến người đọc là người viết đã đạt nửa nguyện vọng, tôi nghĩ vậy,là đã thành công một nửa rồi..Tôi ưa dùng những sự kiện nhỏ nhưng bất thường, đến khuấy động cái dòng sông đời lặng lẽ, quấy rầy những con người giản dị không làm chủ được đời sống thực thường ngày này . Tôi rất "ấn tượng" và mê tranh ấn tượng dù không ghét Picasso, trái lại là đằng khác. Những hư cấu?. Thật ra, đối với tôi, hư cấu chỉ là những sắp đặt trong không gian và thời gian. Tất cả đều là của đời sống, đến từ đời sống và con người.

- Chị hay viết về kỷ niệm. Vậy kỷ niệm ấy (?) buồn hay vui, đẹp hay có nhiều bất toàn. Và chị thích viết về những nỗi buồn hay niềm vui nhất?

Hình như không phải chỉ riêng tôi, đa số chúng ta ai cũng ít nhiều "A la recherche du temps perdu". Buồn hay vui, kỷ niệm đối với tôi đều như nhau vì chúng kêu réo, lôi kéo, làm rung rinh, đôi khi thay đổi đời sống và cách nhìn đời. Điều thích thú là khi bị nó vây khổn rồi thì ...như sống lại một lần nữa với cái nhìn an bình hơn...Điều độc đáo, ngộ nghĩnh (hay khờ khạo) là chúng luôn luôn khiến "đương sự" (ảo) tưởng rằng chúng là duy nhất, đẹp nhất, buồn nhất, thê thảm nhất, đáng khoe nhất...Thế mới phiền cho "hàng xóm đang cần sự yên lặng để nghỉ ngơi".

- Có nhận xét rằng chị viết về quê hương, bằng hữu với giọng khôi hài, đôn hậu, say mê tận cùng mà cũng tỉnh táo, sáng suốt tận cùng. Chị nghĩ sao về nhận xét ấy?

- Còn anh? Anh thấy thế nào? Xin cho hỏi khó lại một chút. Nãy giờ anh tra khảo tôi quá trời! Làm sao tôi biết được "chân diện mục" mình ra sao và nó ở dưới mắt người khác?. Nếu viết về tình địch hoặc thằng xếp của tôi, tôi sẽ rất dữ dằn và hắc ám. Có lẽ tỉnh táo và sáng suốt, vì là cái nhìn "đã lóng phèn" của mấy chục năm sau? Chúng ta ai mà không tỉnh táo và khôn ngoan hơn khi đã bị "đời đá" và "bị" vợ (hay chồng) "săn sóc" sau mười mấy, hai

mươi năm yên bình trong vòng tay mẹ hiền? Không say mê về điều mình viết thì khó bắt đầu lắm, đối với tôi. Hồi tiểu học, mỗi lần cô giáo đưa hình chụp chung cả lớp, tôi và vài đứa khác trong lớp cứ luôn phải nhờ cô đánh dấu thập trên áo trong ảnh để "về nhà chỉ cho ba má". Ở trung học cũng vậy tuy đỡ hơn một chút; bây giờ thỉnh thoảng bạn bè gửi cho một vài tấm hình đen trắng của thời này. Từng nhóm ba bốn, năm sáu đứa xúm xít cười toe với ông phó nhòm. Tôi đấy a, con nhỏ đầu tóc sởn sơ, ốm nhom ốm nhách trong chiếc áo dài rộng thùng thình? Tôi đã học hành, chơi đùa ra làm sao, bạn bè thương ghét như thế nào? Đứa nào tôi cũng nhớ mà nhớ rành rành cả nụ cười tiếng nói, dáng đi. Có ai nhớ tôi không, và nhớ tôi giống...cái gì? Chắc ai cũng vậy, ít biết về mình. Thảm kịch đôi khi cũng từ đó mà ra!

Sau năm năm, mười năm, hai mươi năm tản lạc, mất dấu, gặp lại tình cờ: hạnh phúc lắm. Vài năm trước, tôi gặp con bạn hồi... lớp tư. Hai đứa cùng nhớ rằng cuối năm học, chúi vào lưng nhau khóc tỉ tê vì sắp phải xa...cô giáo. Tôi cũng còn nhớ năm lớp ba, rồi lớp nhì, lớp nhất, đầu hè nào cũng vậy, cả lũ khóc nhè nhẹ vì các cô không chịu lên lớp theo mình. Ngày nay, tôi luôn ngạc nhiên trước cái "sang froid" của lũ con cháu tôi, đứa nào cũng bản lĩnh cùng mình, chẳng thấy khóc lóc vì xa bạn xa thầy, có nhớ nhau thì ôm lấy cái máy điện thoại...Có nghe chúng nhắc cô thầy thì chỉ để trách cứ hay khen chê dăm ba câu. He (she) did his (her) job! That's it! Ngày xưa chắc anh cũng có rủ bạn đi thăm viếng thầy cô, trao đổi tùy bút ngày xanh vào dịp hè? Con trai không khóc thì làm gì nhỉ?

- Khi dựng chuyện chị để ý đến những điều gì nhất? Bố cục truyện, nhân vật truyện, đề tài truyện, phong cách truyện...

- Anh khiến tôi nhớ đến những giờ giảng văn thời trung học, vốn là những giờ tôi sợ và ngán ngẩm vô cùng. Học thì kỷ, cô thầy tận tâm nhưng áp dụng được không lại là chuyện khác, thuở đó, tôi thấy áp dụng công thức đại số, hình học, quang học dễ hơn nhiều. Trở lại câu hỏi của anh. Điều gì phải để ý nhất ? Chắc là từng ấy thứ cùng một lúc, còn "nhất" hay "nhì" thì khó nói quá, hình như tôi thích nhân vật hơn là đề tài, phong cách và ít khi để ý đến kỹ thuật cùng cách trình bày. Hình như tôi ưa lối "trực khởi" hơn là "lung khởi". Thông thường thì tôi xúc động và bị lôi cuốn vì nhân vật trước nhất, rồi nghe thấy hoặc tưởng tượng ra một lời nói hay lối hành xử của họ. Có lẽ vì ít để ý phần kỹ thuật, hình thức nên truyện của tôi nhiều khi lủng củng, vụng về. Nhìn ra bệnh, chắc là không đến nỗi nan y (?!), tôi hy vọng sẽ tìm ra thuốc chữa (?!). Lắm lúc tôi có cảm tưởng mình không đủ ngữ vựng, phải loay hoay đi tìm, nên tôi phục Phạm thị Hoài nhất về tài dùng chữ, chữ nào cũng được tác giả này cho nằm ở chỗ của nó, một cách tài tình, bóng lộng, khít khao và dễ dàng khiến cho cái cynisme của (giọng văn) chị rất hàn lâm và trôi lướt hồn nhiên, thênh thang, khi chị muốn. Nói theo Phạm Việt Cường là rất "đường bệ", nhưng tôi không thích chữ này, nghe nặng nề và già lắm, mà Phạm thì Hoài thì nhẹ nhàng, tươi mát và khéo léo (khi chị không

cố ý làm exercice de style).

- Chắc chị có trí nhớ rất tốt. Bởi chị tả cảnh về quê nhà với những chi tiết rất chi li và cập nhật. Hay có thể do tâm tư hướng vọng và bám chặt đến phần đất quê hương đã xa?

- Như vần a,b,c đã biết lúc nhỏ lớn vẫn đọc được hay biết lội rồi thì khi nhào xuống sông hồ, biển cả hay piscine gì thân cũng nổi phình chăng? Có lẽ tôi cũng có trí nhớ tốt, có những khuôn mặt, những sự kiện vẫn còn lồng lộng rõ nét trong đầu tôi dù đã qua rất lâu. Những chi tiết chi li và cập nhật tôi nhờ nghe kể, rồi lắp ráp, chuyên viên "nối phim" mà. Bây giờ thì chuyện đi về Việt Nam không còn khó khăn đối với hầu hết mọi người..Quê hương bây giờ gần mà xa...Xa mà gần..Hướng vọng mà cũng là quay mặt đi... Anh "khen" tôi về điều khác đi...

- Nhân vật của truyện ngắn chị có những người già rất đáng yêu. Tại sao chị lại tạo dựng được những mẫu nhân vật ấy? Có phải do tấm lòng hay những điều thúc đẩy khác?

- Tôi rất mê những người già. Họ là kinh nghiệm, là phần đời chúng ta không bao giờ thể biết được hay chỉ biết một cách rất thản nhiên, nông cạn. Họ vị tha, rộng lượng, tế nhị, họ là sự giản dị, lịch duyệt, họ là đời sống cô đọng, là những trang sử sống động, không chính thống nhưng lôi cuốn, dễ cảm, gần gụi. Đó là những người đang hoặc đã thấy được "mệnh trời", đang/ đã không còn nghi hoặc. Người còn trẻ là người không thể, chưa thể có đủ các điều tuyệt vời này. Tôi luôn luôn bị lôi cuốn bởi những người già. Luôn luôn muốn biết họ đã sống, yêu đương, đau khổ v..v..như thế nào qua những biến cố của đời sống của thời cuộc. Người già mỉm cười nhìn chúng ta quay cuồng, điêu đứng, nổ tung vì những chuyện vui buồn lớn nhỏ. Mà đố có người trẻ nào chịu nghe. Tôi yêu họ vì sự bất lực này, tôi yêu họ vì hình ảnh những "chiếc bóng bên đường" này, lặng lẽ và cô đơn. Chắc chắn là có những lý do thần kín (ẩn ức?) khác, tôi không biết nổi.

- Nhà văn Võ Phiến phát biểu "...ở Phan thi Trọng Tuyến, nụ cười vốn giản dị. Cười như nghịch ngợm hồn nhiên, như nét tinh quái thường ánh lên trên các gương mặt thông minh". Sự thực ra sao từ một nhận xét về chính mình?

- Anh thì thấy sao? Câu hỏi này giống như câu trên rồi đó. Thú thật tôi có cảm tưởng anh chỉ đọc lời tựa và lời bạt của hai tập truyện của tôi? Không đúng thì anh xá tội cho tôi nhe.

Tình thật tôi hay cười và thích chọc cười, tôi biết như vậy vô duyên và nhiều khi khiến người khác khó chịu và bất bình. Nhưng biết là một chuyện, chữa được tật xấu là một chuyện khác. Nhà tôi đông anh chị em, bà con lủ khủ nên lúc nào cũng ồn ào và vui vẻ, ai cũng có chuyện để kể.Từ nhỏ, tôi đã quen như vậy. Ai đó đã nói rằng không bao giờ người ta lành bệnh (thời) niên thiếu (on n'est jamais guéri de son enfance). Vào đời sống, tới lúc nào đó.

bỗng dưng tiếng cười trở nên khó khăn hơn, hiếm hơn, ít dòn dã hơn. Rồi dần dần tiếng cười che tiếng nấc, không tham vọng bằng tiếng hát (át tiếng bom) nhưng tiếng cười làm tạm quên nỗi chết và cười thì luôn luôn dễ chịu cho mình cũng như cho người chung quanh hơn là tiếng khóc. Hồi học đệ ngũ tôi bị cô giáo dạy Việt văn rầy hoài. Cười để rút lui để chạy trốn. Cười để khỏi phải nói điều khó nói. Cười là hành lý của người yếu đuối. Với lại chắc tôi là người An Nam standard/typical?

- Còn chị nghĩ gì về tình yêu và suy nghĩ ấy biểu lộ ra sao trong những dòng chữ của chị?

- Anh hỏi thiệt kì cục, người ta tắm đẫm, ca ngợi, tận hưởng tình yêu chứ ai lại đi suy nghĩ về nó cho mất thì giờ? Suy nghĩ tức là "có vấn đề" rồi đó, vì thường thường, chỉ khi nó đi mất tiêu hay đã đổi dạng, đương sự mới tỉnh dậy và bắt đầu suy nghĩ, triết lý về nó. Nói cho đàng hoàng : Tình yêu nào cũng đẹp tuyệt vời và duy nhất, bao nhiêu người là bấy nhiêu chuyện tình. Tình yêu trong nghĩa rộng và hẹp. Và những "phó sản" của tình yêu như ghen tuông, phản bội, ngoại tình v..v...cũng tuyệt vời lắm lắm. Viết về cái tuyệt vời dễ hơn viết về chuyện đau đớn và xấu xa. Vì viết, lắm khi, nếu không nói là luôn luôn, là sống (lần nữa/ thử/ thiệt) những tuyệt vời đó.

- Theo chị thế nào là một nhân vật" đẹp" nhất, có thể là toàn tính tốt, hoặc toàn tính xấu, hoặc pha trộn giữa cả hai tốt và xấu?

- Nhân vật đẹp là nhân vật luôn luôn cầm chổi đánh nhau với cối xay gió, Nhân vật đẹp là nhân vật thiểu số bị "ăn hiếp" bởi đám đông. Nhân vật đẹp , với tôi, cũng là thứ nhân vật đam mê, trung thành với đam mê của mình, dám sống đến cùng cho đam mê đó, bất chấp mọi thứ mọi chuyện, bất chấp thời gian và không gian. Trong khi đi đến tận cùng đam mê, các tính tốt cũng như xấu sẽ tỏ lộ ra, nhưng (lý tưởng và lý thuyết nhất là) bao giờ họ cũng dành cho đối tượng của đam mê phần tốt nhất của họ. Nhân vật đẹp là nhân vật sừng sỏ,"cứng đầu" với trái tim mềm như lụa , là Scarlett của M. Mitchell, là Pierre của Tolstoi trong *Chiến tranh và hoà bình*, là Gatsby của Fitzgerald, là Phương của Bảo Ninh, là cô Tâm của Dương Thu Hương trong *Những thiên dường mù* . là các nhân vật tầm thường trong đời sống gian nan của Nguyễn Huy Thiệp...

- Đời sống của một sinh viên du học có được thể hiện trong tác phẩm của chị không? Có hay không? nhiều hay ít và tại sao?

- Tôi có nhắc tới khoảng đời sinh viên du học nhưng rất ít và khá phiến diện có lẽ vì tôi chưa đủ khoảng cách thời gian để nhìn lại hoặc mọi sự chưa lắng đọng, hoặc chưa bị thúc giục bởi một tình cờ nào đó. Hay giản dị hơn, tôi chưa đủ dữ kiện và điều kiện để nhắc tới, dù đó là một trong những ước mơ tôi muốn thực hiện.

- Chị có nghĩ văn chương phản ánh những ưu tư thời thế và biểu hiện sắc thái của một thời kỳ lịch sử? Và suy nghĩ ấy có biểu hiện trong tác phẩm của chị?

- Văn chương phản ánh ưu tư thời thế và biểu hiện sắc thái một thời kỳ lịch sử có rất nhiều trong mọi thời, mọi nước. Vì người ta hay nói văn tức người, mà người thì bị chi phối bởi thời thế, lịch sử.(Mà người tạo thời thế hay lịch sử thường ít khi được văn chương chiếu cố) Như chạy trời không khỏi nắng vậy mà, nhại bà M. Duras thì nói "forcément..." nhưng tôi vốn sợ nắng làm nhức đầu nên đội nón kỷ lắm. Dù nhiều khi tôi thấy tôi giống y như cái ông người nước Lỗ, cứ lo trời sập, lo bò trắng răng... Ưu thời mẫn thế mà không làm nhà chính trị thì ...ức, chỉ làm chủ khơi khơi như dân Việt nam hiện tại chắc cũng không sung sướng gì hơn. Làm...thơ, viết văn, nhạc hay vẽ...tuyệt hơn nhiều. Biết vậy mà dôi lúc chẳng đặng đừng, tôi lỡ tay cho vào vài bài viết của mình mấy chút "ưu tư" đó nhưng tôi tự hứa sẽ chừa...

- Chị nghĩ gì về giao lưu văn hoá trong thời buổi bây giờ và trong tương lai?

- Sao anh hỏi tôi chuyện kinh khủng? Văn hoá nào và ai với ai? Văn hoá và giao lưu văn hoá giữa /ở các nước giàu và tiên tiến luôn luôn làm tôi ngạc nhiên thích thú, đồng thời cũng đem mặc cảm bất lực, choáng ngộp. Vì quá khứ và gốc gác của tôi là dân của thế giới thứ ba. Anh nghĩ sao khi anh thấy nước Mỹ nước Pháp nước Anh v..v..lâu lâu cho mượn nhau tranh của danh họa này danh họa nọ để triển lãm cho dân xem, còn nước ta, họa sĩ nổi tiếng gửi tranh tặng mà nhà nước cứ làm ngơ? Anh nghĩ sao khi anh vừa viếng Louvre hoặc xem triển lãm collections của Barnes, thấy một đám con nít (Mỹ. Pháp, Đức...) được thầy cô dẫn vào Cité des sciences(ở Porte de la Villette) Paris hay Exploratorium ở San Francisco...Mà về nhà được thư mấy đứa em họ bên Việt Nam đứa thì hỏi kem thoa mụn, đứa thì xin đô la làm vốn, đứa thì hỏi bên đó anh(chị) có mấy chiếc xe, nhà có hồ bơi không? Hoặc em ghi tên học thêm điện toán, Anh văn, cần trả tiền học và quà hối lộ thầy cô...? Văn hoá cũng là giáo dục, là đem văn hoá đến với trẻ con (mà không đòi hỏi một đền bù tức thì) Nhưng phải "thông cảm" nhà nước (độc tài và ngu xuẩn),con nít càng chỉ biết mong đòi từng đó chuyện thì càng dễ cai trị. Chúng mà muốn các thứ chung chung và không sờ được như dân chủ, bình đẳng, giáo dục, văn hoá...thì khó thực hiện, khó trả lời và vô cùng nguy hiểm. Anh nghĩ sao khi thấy người ta xây cất thư viện để chứa cả chục triệu quyển sách, tác phẩm văn hoá tồn trữ từ bao nhiêu thế kỷ và còn dự trù đủ chỗ chứa sách tương lai cho tới năn 2050! Còn chúng ta (Hà Nội và nơi nào đó) đem "thanh (toán)lý" sách cũ cả trăm năm cho hàng ve chai? Thật tôi quá vô lý khi so sánh một đất nước là nguồn gốc của Tuyên ngôn nhân quyền với một nước đã/đang bắt giam vu khống trí trức và người tu hành...Tại anh đặt câu hỏi...

Chết chưa, tôi lỡ "ưu tư thời thế" và bị lôi kéo bởi "giai đoạn lịch sử hiện tại" rồi, thôi, cho cọp muốn đi đâu thì di, có gì thì mai kia anh cho tôi vài hàng

đính chính hay "nói lại cho đúng". Hết trẻ mà còn dại! Giao lưu văn hóa? Bây giờ và trong tương lai? Anh muốn nói ta với ta? Ta với người? Khi "giao lưu" với ai về bất cứ chuyện gì, cần phải xét người xét ta để khỏi lạc vào chốn "đoạn trường". Như cha mẹ, ông bà vẫn dạy :chọn bạn mà chơi. Như thầy Nhất Hạnh dặn dò hãy ở gần tăng thân. Chúng ta có những di sản nào, tài sản nào và tiềm lực nào? Nửa thế kỷ nay, chúng ta đã tàn phá, gầy dựng ra sao? Đã có bảng tổng kết khách quan và chính xác nào chưa. Đụng độ, giao lưu với các nước Tây phương hay các con rồng lớn bé quanh VN lợi hại trước sau, lớn nhỏ ra sao đã có nhà lãnh đạo nào cho chúng ta biết chưa? Giao lưu để mà tiêu mất trong dòng sông người thì buồn quá. Kinh tế cũng như văn hóa. Có quần áo đẹp mà mất linh hồn thì sống sao đây? Với Hongkong, nếu VN bán qua được thực phẩm thì ngược lại, đầu karaoke, băng vidéo của họ tràn vào khắp chốn. Nhà nước VN sợ giao lưu văn hóa với Việt kiều thì bị diễn biến hòa bình thâm nhập. Thế còn ảnh hưởng cuả văn hóa của khối dân Trung Hoa "rồng Á Châu theo giao lưu kinh tế thâm nhập vào thì sao? Nhìn thấy Tây Tạng đang mất dạng dần dưới ách Trung Hoa mà tôi sợ. Hay là chúng ta tiếp tục chu kỳ mất còn, sinh, hoá không ngừng? Thì có gì đâu mà buồn sợ? Ngày xưa, hàng năm con cháu Lạc Long quân hẹn gặp ở vùng sông Tương, rồi bị đẩy dần từ nam lưu vực Dương tử xuống đến đồng bằng sông Hồng, rồi sông Cửu, đến thế kỷ 21 thì mất luôn? Một đất nước sống hơn bốn ngàn năm, gọi là quá đủ?

Trở lại chuyện giao lưu, càng ngày trái đất càng thu nhỏ. Dù muốn dù không không chẳng nước nào có thể sống riêng lẻ. Con người luôn luôn thích sống gần nhau, trao đổi mọi thứ. Chỉ những nhà nước độc tài, cần che dấu điều xấu xa, mới tự đóng cửa hoặc lục đục sao đó khiến hàng xóm không chơi với mình (cấm vận). Giao lưu văn hoá giữa chúng ta cũng không khác gì mấy. Lãnh tụ trong ngoài sợ văn hoá, ghét những người làm văn hoá độc lập tự do. Nên cấm đoán,đàn áp, không cho giao lưu văn hoá; nhưng lãnh tụ không thể nào cấm một cách hữu hiệu chúng ta liên lạc, thông tin cho nhau, (gửi sách báo, băng nhạc, phim...) thậm chí gặp gỡ nhau (âm mưu diễn tiến hoà bình? Chiến dịch bông hồng xám?) Khống chế chỉ được tới một chừng mực nào thôi tuy nói riêng về trường hợp Việt Nam, dù từ mấy mươi năm nay những màn giam hãm, đầy đọa, vu cáo của nhà nước đối với một số người làm văn hoá trong nước chưa bao giờ ngừng.

Lãnh đạo cũng biết rằng khi kinh tế khá hơn thì nhu cầu tăng lên trong đó có những đòi hỏi tinh thần và kế hoạch tương lai, nghĩa là văn hoá, giáo dục, mà nhà nước bây giờ bị qua mặt quá nhiều, đổi một chút cách xử sự có lẽ là hơn(?), nên ông Đỗ Mười đã khen "*...Càng ngày càng có nhiều Việt Kiều lập được những thành tích tốt, có người xuất sắc trở thành nhân tài trong các lãnh vực khoa học và công nghệ hiện đại, văn học, nghệ thuật,quản lý kinh doanh..Trong các trường học ở nước sở tại nhiều con em Việt Kiều và gốc Việt là những học sinh, sinh viên ưu tú. Đây là niềm tự hào của cả dân tộc ta có những người con ở chân trời góc biển nào cũng làm rạng rỡ dòng giống con*

Hồng cháu Lạc" . Cam đoan trích nguyên văn, kể cả các chấm, phết từ bài viết của ông Hoàng Ngọc Hiến, trang 8, HL số 18 tháng 9-1994. Và trong một bài nói chuyện chỉ dành cho người đồng đảng của ông, Ông Tổng Bí Thư nói lý do vì sao ngài không thể chấp nhận đa nguyên và lôi một triết gia danh tiếng của Pháp ra làm bằng. Người ta cũng đã mỉa mai nhiều về tình cảm thắm thiết của nhà nước đối với khúc ruột (tượng, nhiều đô la) ngoài ngàn dặm này rồi, xin chỉ nói sơ về ưu ái của ông tổng về chuyện "ưu tú" làm rạng danh rồng tiên... Tình hình hẳn là nguy, nên ông ấy ban sắc chiếu khen Việt kiều, trích dẫn Jacques Derrida. Bao giờ ông nhỏ nước mắt thương thằng bé Việt kiều/con Việt kiều đang nằm rục xương trong tù ở sa mạc Nevada vì tội ăn cướp và hãm hiếp đồng bào của nó và trích dẫn văn chương Võ Phiến/Đỗ Kh./ Nguyễn Huy Thiệp/Dương Thu Hương thì đồng bào ơi, hãy dậy mà...mừng: sắp tới hồi...dứt phim nữa rồi. Chỉ còn là vấn đề thời gian. Còn chuyện giao lưu(hoà giải hòa hợp) về chính trị, tôi đã bị gạt rồi, như đã nói lúc nãy, chuyện này lại đưa tôi về mối "ẩn tình" xa xưa: trong suốt từ lúc sang Pháp cho đến 75, tôi có những người bạn ở hai phe quốc cộng (tất cả đều đi từ Sài Gòn). Người nào cũng tốt và dễ thương . Điều tôi không thích là họ thường không chơi với nhau và hay tìm cách lôi kéo tôi về phe họ. Tôi đã chạm phải vấn đề này khi còn ở quê nhà và luôn khổ sở vì không muốn mất người thân. Rồi khi lớn hơn một chút, và vẫn chưa có cơ hội cùng phương tiện để tìm hiểu lịch sử và chính trị của thời đang qua để tự giải thích về một chọn lựa phải có, tôi đành đặt cho mình một chọn lựa (không phải là chọn lựa?): những người bạn đúng nghĩa là những người đặt tình bạn trên căn bản tôn trọng lẫn nhau và tôn trọng những chọn lựa của nhau. Thật là khe khắc và lý tưởng ngây thơ. Thật là cải lương, nhưng tôi dám chắc, có một lúc nào đó trong đời sống, chúng ta ai cũng nhìn nhận điều hiển nhiên này, và kinh nghiệm của từng người cho thấy, khi như vậy thì đời sống vô cùng dễ chịu. Không chấp nhận?- cứ việc "nghỉ chơi". Bây giờ già đầu mới thấy mình đã đơn giản hoá hơi nhiều vấn đề này và nhất là đã nhẹ dạ, cả tin, vào năm 75, lời hứa hẹn hoà giải hòa hợp của những người chiến thắng. Dù khi đó chưa là "nhà văn" (trích DTH). Kinh nghiệm cho thấy: kẻ có sức mạnh và khí giới trong tay không bao giờ là kẻ muốn hoà giải hoà hợp thực sự.

Nhưng về văn chương, nghệ thuật, tôi tin tưởng vào sự khát khao gặp gỡ, ước muốn tìm đến nhau giữa những con người làm/có cùng đam mê này. Một chiều thì một chứ có làm sao đâu, khi người ta đến từ chiều kia có phần khó khăn hơn mình (như Hoàng Bắc đã trả lời anh hôm nọ). Thà bị gạt còn hơn đi lường gạt thiên hạ. Nhưng gạt tôi một lần thôi nhe, vì tôi nhớ dai lắm! Tôi yêu vô cùng những người đi trước, đã khai phá đường chảy của nước, bất chấp những cản trở, hay đã chịu ít nhiều oan khiên. Những người cô đơn này sẽ hết cô đơn khi đường đi trở nên tấp nập. Khi đó hãy ngồi xuống bên đường, nhớ lại và thưởng thức, nhấm nháp cái nỗi lâng lâng hài lòng thú vị như khi vừa hoàn thành một bức tranh, một bài thơ, một truyện ngắn, như khi ra ngắm biển buổi sớm mai, bước trên bãi cát trinh nguyên chưa in dấu chân

người. Những kẻ cô đơn này (Thụy Khuê, Khánh Trường...)tựa những anh hùng viễn tây xứ Mỹ vài trăm năm trước, không, ngon hơn nhiều vì chẳng phải bước qua xác (ông da đỏ) nào hết, và chẳng phải để thoả mãn chí phiêu lưu hay vâng theo chiếu lệnh nào và càng không phải để chiếm đất, khoanh vùng đồng cỏ bằng rào kẽm gai cho vợ con nuôi bò ngựa và nô lệ (để trồng cam,táo, bông vải..). Anh KT đừng phỗng mũi nghe, chứ nói anh đi giữa hai làn đạn thì sáo quá lại thêm khiến anh xì nẹc (nhớ tới dĩ vảng oai hùng và đau thương?), hơn nữa tôi cũng không ưa mùi thuốc súng... (Chuyện giao lưu đó, ở đây, ngoài Việt Nam, cho đến bây giờ chỉ làm tốn giấy mực đôi bờ. Hy vọng chúng ta dừng lại ở mức này : chỉ tốn giấy mực. Người có văn hoá, nhất là văn hoá Hồng Lạc, rồng tiên thì dù không đồng ý nhau tới tận cùng trời đất cũng chỉ xài tới lý luận, giấy mực một cách thẳng thắn và minh bạch. Như vậy mới hay. Chứ cho xe húc vào gia đình người ta, rút hộ khẩu, đi bắn lén, ám sát, bắt giam, rút quyền công dân, vu cáo, quay video mập mờ, ngụy tạo chứng cớ, cho thư rơi v.v.thì dở ẹc!)

Tôi tin tưởng ở cái "bon sens" và sự thông minh, khoan dung của những con người, và người Việt Nam, nói riêng, nhất là những bà vợ. bà mẹ, bà chị, cô em. Anh thấy có bà nào hễ có bạn tới là lăn kềnh ra trên bàn nhậu không? Coi bộ lạc đề rồi nhưng không lạc đâu...

Tương lai của văn học vn ở hải ngoại, theo chi? Sẽ hội nhập vào nền văn học bản xứ hoặc nhập chung và giao lưu với nền văn học ở quê nhà? Chị có nghĩ trong thời gian sắp tới, những nhà văn vn sẽ bước vào văn đàn quốc tế bằng những tác phẩm Anh ngữ hay Pháp ngữ?

Sao anh biết rằng tôi mê bói toán và ham được biết về tương lai, vận mạng? Nhưng từ đó tới chuyện bảo tôi tiên đoán tương lai văn học... Ôi thôi, tôi đành phải lập nghiêm mà trả lời anh, lần đầu và cũng là lần cuối. (Sao anh không nói chuyện về Spike Lee hay Tarantino, về dự định tương lai của họ, có phải thoải mái hơn không? Anh xem Malcolm X chưa? Pulp fiction chưa ? Thiên hạ làm phim hay dễ sợ) Anh thấy rồi đó, "người mình" ở khắp trên thế giới, là những dòng lớn nhỏ, không chỉ là dòng văn học, chảy đi khắp mọi phương hướng, đã có và sẽ còn có những dòng đi theo những hướng khác nhau, riêng biệt có, hội nhập vào nền (văn học) bản xứ cũng có và giao lưu với nền (văn học) ở quê nhà cũng có. Kết quả của tự do (chọn lựa) và tài năng. Thì càng hay chứ sao. Trên thực tế chúng ta cũng đã thấy : Kim Lefèvre, Huỳnh Quang Ngọc, Huy Lực, Phan Huy Đường, Lê Hữu Khoá ...(về hội họa có Hương Alaska, Võ Đình, Lê Bá Đảng v..v.). Phim ảnh có Trịnh thị Minh Hà, Tiana, Trần Anh Hùng v...v..thực hiện các tác phẩm của mình bằng tiếng Anh ,Pháp. Ngoài ra Bảo Ninh, Dương thu Hương,Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thi Hoài, Trần Vũ v...v..đã được dịch sang nhiều thứ tiếng Như vậy là đã bắt đầu bước vào văn đàn quốc tế rồi, dù chậm hơn các bộ môn khác (như hội họa chẳng hạn). Chắc chắn sẽ càng lúc càng mạnh mẽ và kiện toàn. Nói như người xưa thì phần tiên thiên vẫn còn nhiều, với những đổi thay ở vn và thế giới, với sự trở về của hàng vạn người Việt từ khắp nơi trên thế giới,

những ảnh hưởng tốt đẹp (và xấu xa) ...tất cả sẽ làm nên một khí "hậu thiên" phong phú, vô phương trở nên tồi tệ hơn, chắc tôi lạc quan nhưng tôi mong mỏi rằng tôi có lý trong tương lai về điều này. Và rồi tất cả các giòng sông khác nhau này sẽ gặp gỡ hội tụ ở đại dương con người, không màu da và quốc tịch. Làm công dân của trái đất. Chúng ta sẽ có những Kenzaburo Oe ,người vừa được Nobel văn chương 94, người Nhật sống ở Nhật và Kazuo Ishiguro tác giả của The remains of the day, người Anh gốc Nhật và sống ở Anh (truyện này được quay thành phim với Anthony Hopkins và Emma Thompson, hình như được Oscar). Người "mình" hay người gì cũng không sao, sáng tạo ra những tác phẩm làm rung động lòng người bất kể là người gì, là làm hãnh diện người mình, là đã đóng góp với đời không cần vua (bản xứ) ban sắc.

- Chị có đọc những nhà văn trong nước? Và nếu có thể cho một vài nhận xét.

- Như đã nói tôi ở chỗ quê mùa sơn dã, thỉnh thoảng có lên được Sài Gòn, xin lỗi, Paris, mò tới vài tiệm sách hiếm hoi có bán sách Việt Nam trong (ngoài) nước thì ô hô, tên TV đã đến trước vơ vét hết ráo. May mắn lắm mới mua được một vài cuốn nằm trong hốc kẹt hay chưa kịp bị TV chiếu cố. Đôi khi TV động lòng thương hại, mách cho một mớ tên tác giả và tựa sách. Lọ mọ đi tìm, mua, mượn gì đó, cuối cùng thì tôi cũng đọc được một số, luôn luôn sau người khác, nhất là sau tên TV! Hãy tưởng tượng hắn hỏi-giọng đắc thắng-: - Chị đọc cuốn ABC chưa? - Chưa! Của ai vậy? Giọng hắn càng lúc càng đắc thắng: - Trời ơi, thì của ông X (hay bà Y, cô Z..) chị không biết à? Tôi càng lúc càng lí nhí: - Ai vậy cà? Sao tui chưa biết ? Cho mượn đọc nhe, hứa sẽ trả liền... - Thôi chị dọn nhà lên Paris đi... Dĩ nhiên chuyện hắn cho tôi mượn sách dễ thực hiện hơn chuyện tôi dọn nhà mà hắn cứ lờ đi. Tối ngày hắn chỉ cho ...ai mượn sách mà thôi. Chết chưa, lạc đề rồi. Tóm lại, nói cho cùng có khi cũng nhờ TV, tôi đọc được một số tác giả (cần nói lại là hắn vẫn chưa cho tôi mượn quyển sách nào cả, hồi hắn đi Mỹ về, động lòng từ bi khi thấy tôi cứ hít hà trước đống sách hắn xin được của người ta, bèn cho tôi tập thơ của một thi sĩ hắn không ưa!) Xin lỗi chuyện lạc đề (nhưng nói xấu được một người!) Đọc Bảo Ninh hai ba lần mà không chán cái nỗi buồn...của ông ấy, người cứ mềm đi theo những cơn mưa rừng những dòng sông độc đáo những khám phá về hào quang cũ... *"Bốn bề mìn mịt chỉ một màu mưa trĩu lòng, một màu mưa ảm đạm và đói khổ. Khắp Tây Nguyên, từ miền non cao Cánh Bắc tới Cánh Trung, Cánh Nam thảo nguyên bao la vô định nơi thì im lìm chết lặng nơi thì rền vang tiếng súng. Cuộc đời của bộ binh B3 thời Hiệp Định vẫn đằng đẵng chuỗi ngày cùng cực.(..)..Hết trận thắng này đến trận thắng khác nhưng đường chiến tranh vẫn hun hút mịt mù, tuyệt vọng vô phương" (sđd, trg29).* Và bao nhiêu ý nghĩ, bao nhiêu tác phẩm, phần đời khác nữa của những người trong nước đã nhắc ở trên cũng như những người khác như Nguyễn Quang Lập, Lê Lựu, Dương Hướng... và gần đây... Phan thị

Vàng Anh, Lý Lan.v...v... Tôi đã tìm thấy những đoạn đời, những suy nghĩ khác mà gần gũi, thân mật...Những người này làm phong phú văn học Việt Nam, như những Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn ý Thuần...v...v... Phải nhiều hoa cho vườn nghìn sắc nghìn hương chứ độc một thứ vạn thọ hay uất kim hương thì chán biết bao, phải chảy nhiều dòng thì sông mới lớn, phù sa mới nhiều.(...mon cher Watson...) Ai cấm thì cứ cấm, cứ bưng bít, khống chế , tôi tin rằng không có độc ác, độc tài, xấu xa nào kéo dài được, nhiều lắm là...bảy mươi năm. Nhưng tôi không ham "chiều dài" đó cho đất nước mình... Nhờ đọc như vậy, tôi gần hơn với họ, với những người dân thường. Có khi, những cảm tưởng có được ngày xưa qua văn thơ Tự Lực Văn Đoàn, được rõ nét hơn, được sắc cạnh, sâu xa hơn. Cũng như hiểu hơn tâm tình, điều kiện sống, vật chất cũng như tinh thần, của thế hệ cỡ tôi ở Bắc, lớn lên trong cuộc chiến quốc cộng và cả thế hệ sau. ở khắp nước, trưởng thành trong hoà bình.

- Có phải văn học ở trong nước đã có nhiều thay đổi sau những đợt đổi mới về kinh tế? Chị có suy nghĩ gì về hiện tượng này?

- Như đã nói, tôi không được đọc sách báo trong nước thường xuyên nên không biết có những thay đổi nào trong văn học gần đây không. Lúc trước, hình như sau vài đợt nhà cầm quyền cởi ra cột lại, đóng cửa báo này, giải nhiệm nhà văn kia, dân Việt Nam sung sướng khám phá ra nhiều nhà văn và tác phẩm tuyệt hay. Từ hai ba năm nay chắc họ lại bị cột ? Về kinh tế, ai cũng có vẻ dễ thở. Nhưng đổi mới kinh tế không phải là đổi mới về chính trị. Được phép buôn bán, mở nhà hàng, so với cách đây một chục năm. khi một gánh hàng nhỏ còn bị chửi bới là không sản xuất, quả là một bước tiến một trăm tám mươi độ, nhưng nhà nước chưa cho văn thi sĩ tự do viết theo ý riêng, tự do đọc sách vở "phản động", chưa thả những tù nhân chính trị và văn hoá thì còn chưa khá . Tuy nhiên, đổi mới kinh tế này có lợi nhiều cho thế hệ tương lai, để chuẩn bị cho những nhân tài (về văn chương hay mọi ngành nghề khác) sẽ có. Chắc chắn một số trong thế hệ này sẽ không có những vướng mắc, ưu tư về nghèo khổ, bất công, không say sưa, tự phụ quá lố về một chiến thắng huy hoàng và tàn khốc, không mơ tưởng về một chủ nghĩa đẹp đẽ viễn vông...toàn những đề tài cũ mèm và chật hẹp. Họ sẽ có cơ hội nghe, nhìn thấy thế giới bên ngoài, chắc chắn họ sẽ có những suy nghĩ gần gũi hơn với những người trẻ khác trên thế giới về triết học, văn chương, con người...Dĩ nhiên điều kiện số một là đường lối giáo dục không còn kiểu nhồi sọ, mà thực tiễn hơn, có trình độ quốc tế hơn. Thay đổi đường lối giáo dục nghĩa là thay đổi đường lối chính trị, thay thế những đầu óc đã thành thạch chỉ, những cái lưỡi bằng cây, những trái tim bằng sắt đã coi mạng người như cỏ rác...

- Chị có làm thơ không? Và có những suy nghĩ nào về thơ ca? Những bài thơ nào chị thích nhất?

- Tôi mê thơ và thích làm thơ nhưng không tin tưởng chút nào ở "tài nghệ"

của mình, đọc thơ người khác sung sướng hơn nhiều. Với lại làm thơ cần nhiều...can đảm. Tánh tôi đại nhát và đại nhác. Tôi yêu thơ dân gian cũng như thơ của thi sĩ thời xưa và thời nay. Thí dụ? Anh làm khó tôi quá đi, vì bình thường tôi đọc ai thì nhớ sơ sơ chứ không thuộc lòng nổi. Anh báo hại tôi phải đi lục, may mà tôi có tật xấu ưa xếp trang đánh dấu... Đây :

Thiếp thương chàng đừng cho ai biết
Chàng thương thiếp đừng lộ tiếng ai hay
Miệng thế gian nhiều kẻ thày lay
Cực anh chín rưỡi khổ em rày mười phân

Thương chàng thiếp phải đi đêm
Té xuống bờ ruộng, đất mềm không đau
Không đau ơi hởi không đau
Té xuống năm trước, năm sau chưa lành.
(ca dao)

Chị đưa Em đến bến này
Cheo leo mỏm đá

Trước vực
Sau khe

Thòng lọng tơ gì quấn gót
Tua khăn vuông còn buộc búp hoa lan

Ù ù gió thổi
Em vọng ai đâu mà hoá đá
....
(Hoàng Cầm - Cỏ Bồng Thi)

Em ơi thử đếm mấy giêng hai
Đêm hội Lim về
đê quai rảo bước
Đuổi tà lụa nhạt
ánh trăng đầm thấm đường sương
Ấy bởi thương em
vườn khô bỏ ngỏ
....
(Hoàng Cầm - Theo đuổi- Xuân 1960)

Hai bài trên trích trong tập Bên kia sông Đuống.nxb VH. Hà Nội 1993. Tôi cũng thích bài *Cuối năm:*

Tận ngữ tìm lung một tĩnh từ
Tưởng còn xót lại ở phần thư
Đập tay điếu thuốc tàn không rụng
Đã lượng đời vơi tới đáy ư?
(Mai Thảo (Ta thấy hình ta những miếu đền)
nxb VK- Calif-1989)

Anh ngán chưa, chưa thì còn đây, mời anh thưởng thức Tequila Blues, không có M. Pfeiffer và Mel Gibson vì blues chớ không phải sunrise

uống một mình
say một mình

men say
giấy trắng
hai người tình

thơ sau lưng nhoà nhạt
rượu trước mặt trào dâng

vứt bút vào chai
cắn mối sầu đứt hai

đọc nửa câu kinh
quên phần còn lại

giả vờ cười hoát ngộ
nghe ma quỉ vỗ tay
(Chân Phương)

- Chị thích một nhà văn nào ở hải ngoại nhất? Và ghét một nhà văn nào nhất?

- Thích thì rất nhiều, tùy theo những thơ văn đọc được những lúc khác nhau, kể ra sao cho hết? Với lại mai kia tôi sẽ còn thích vô số những người mới khác? Còn nhất thì thay đổi từng lúc, với lại làm sao xếp hạng những tác phẩm và tác giả? Còn ghét thì có một người duy nhất (ở trong nước) tôi ghét đến nỗi đọc xong truyện nào của ông ta tôi cũng xì nẹc, nhưng ông ta viết khéo mà hấp dẫn, nên cứ phải đọc, đọc xong lại bực... Mà không biết tại sao, thôi không nói chuyện ái ố nữa, mệt quá, mà còn tạo nghiệp thêm; tôi thật là kỳ cục và bất công, vô duyên, ghét thương không lý do. Thôi, anh tha cho tôi nghe.

- Chị có một quan niệm nào khi sáng tác? Thí dụ như văn dĩ tải đạo, hoặc

văn phong trong sáng giản dị?

- Nói như trong khi đánh bài các tê, cho tôi "thiệp" câu này đi, như lúc đi thi thì xin cô cho trứng vịt. Khi anh làm thơ (tặng chị Thế) anh có quan niệm gì không?

- Nhìn lại 20 năm văn học hải ngoại, có sự kiện những nhà văn nữ đã tạo được những cống hiến quan trọng. Theo chị sự kiện ấy có nguyên do nào?

- Trong đời sống thông thường, "những cống hiến" của phụ nữ thì vô số- mà có lẽ thiên hạ coi như chuyện đương nhiên nên-ít được tuyên dương, hoặc nếu có thì cốt để lợi dụng hòng rút tỉa thêm nữa sự hi sinh, những cố gắng của họ, trong thời chiến chẳng hạn, anh biết tôi muốn nói tới ai rồi. Mà hễ có chút xáo trộn là họ bị đổ thừa. Ông Clinton trúng cử lần nữa thì thiên hạ sẽ khen ông tài giỏi hơn người, ngược lại thì bà Hilary sẽ mang tội khiến "chàng" bị thất bại. Người Tây phương nói tại bà Eve xúi ông chồng ăn táo cho nên toàn nhân loại không biết tới đời sống địa đàng. Người phương Đông cũng chẳng công bình hơn chút nào, trái lại là khác. Ra khỏi VN, chúng ta bắt đầu đời sống nơi đất lạ, ai cũng phải cố gắng để thích hợp và tiếp tục cuộc sống, nam cũng như nữ. Có điều chúng ta nhìn ngắm nhau kỷ hơn. Nếu ở lại trong nước, tôi nghĩ đôi bên cũng sẽ có "những cống hiến quan trọng" như nhau. Cái khác có lẽ là thói quen và luật lệ. Thí dụ, ở Cần Thơ (hay Huế, Hải Phòng...) anh say sưa, bị vợ cằn nhằn, bèn lỡ tay uýnh vợ một tát trẹo quai hàm, trong tuyệt đại đa số trường hợp, bà ấy không dám nói năng chi, có khi còn bị mẹ chồng và làng xã bắt phải... cười mà rằng "Tay chàng êm quá, êm quá! Dạy thiếp nữa đi!". Ở Westminster, trong 99.9 phần trăm trường hợp, nếu bà ấy không kêu cảnh sát,thì gia đình bà ấy, hay bạn bè, hàng xóm kêu hộ và anh có thể bị cảnh sát đến còng tay lôi ra khỏi nhà. Thí dụ quá khích và quá đáng, ông Đỗ Mười sẽ phán rằng Đông là Đông, Tây là Tây... Ông Lý Quang Diệu cũng sẽ kêu rằng giá trị căn bản gia đình phe Nho, Khổng chả giống phe Thiên chúa giáo... Nói giản dị hơn thì từ lâu quí vị coi thường phụ nữ quá, nên chi khi chúng tôi chỉ tập tễnh viết, mới có hơi bằng bằng các ông thôi, thì được khen rối rít...

Thành ra,"phụ nữ ta" được khen (hơi trễ và hơi quá). Nhưng có còn hơn không, Nguyên do? Quí vị sắp sửa công bằng và lịch sự như đàn ông Tây phương! Đừng nghĩ rằng tôi mỉa mai, không đâu! Tôi rất sung sướng và hãnh diện vì phe ta được "tuyên dương", tôi không mong gì khác hơn là tiếp tục "cống hiến", không , nên nói là cùng đóng góp với mọi người.

- Đời sống bận rộn. vừa lo việc nhà vừa lo việc sở làm, có phải đã gây nhiều trở ngại cho công việc sáng tác của chị?

- Hình như khi viết, nhất là khi say mê viết, tôi "ăn lấn" qua không gian và thời gian của mọi chuyện khác. "Tía con nó" có bất bình, đình công hay than thở thì họp nhau mà bàn tính và đối phó...về sau. Thành ra chính thị là "công việc sáng tác" của tôi, đôi khi, gây nhiều trở ngại cho đời sống gia đình

. Ở hải ngoại này, như vừa ca với anh đó, lịch sự, bình đẳng nên đa số các ông đều giúp vợ rất tận tình trong việc nhà; đấng phu quân của tôi cũng gương mẫu như thế, thành ra có trở ngại gì, trong bất cứ chuyện gì của tôi, tôi đành lãnh đủ, không thể "đổ thừa" được cho ai cả.

- Một ngày của nhà văn Phan Thị Trọng Tuyến?

- Có khi nó dài một thế kỷ, thí dụ khi đưa con đi khám răng hay bác sĩ Nhi khoa mà lỡ gặp phải một bà khách đến trước với ba đứa con cùng bệnh cả ba và ba bệnh lại khác nhau và bà ấy thì muốn hiểu nguồn cơn cùng cách chữa trị của từng bệnh. Và lượt về lại bị kẹt xe trong thành phố. Có khi nó qua vèo chớp mắt: Bữa nào làm việc từ sáng tới chiều, thấy mặt chồng con đâu độ vài chục phút. Và khỏi nói tới cái máy computer ở nhà (khác với cái máy ở sở, cái máy sở này chán lắm, chỉ toàn số là số...) Nhưng dài ngắn gì chắc cũng chẳng khác mọi người. Ngày vui qua mau, ngày chán thì lê thê...Lãnh lương thì chịu lắm, mua sắm vung vít. Mà hôm nào tới tám chín giờ tối mới bò về nhà, mệt quá và khùng lên, tôi tự hỏi tại sao ông Adam ăn táo làm chi khiến mọi người phải đi làm mới có ăn ? Tự hỏi mãi thì có ngày...thất nghiệp! Thất nghiệp rồi, nằm nhà ngày nấu bếp hai ba bận thì lại rên lên *to be (bà nội trợ) or not to be (femme active et émancipée?!)*... Một ngày không viết lách, đi chơi với bạn hay đọc sách báo thì như vậy đó: nấu ăn, giặt ủi đồ, quét lau nhà, đổ rác, xem ti vi, xử kiện lũ con ưa cãi nhau, viết thư, thanh toán giấy tờ v.v...may mà còn có chuyện khác để làm, như đã kể và ...không kể.

Có người đã viết truyện bằng mang chính hình dáng và đời sống của mình vào văn chương. Chị có hay viết tự truyện như thế không? Tại sao ?

Ai lại không có hình dáng và đời sống của chính mình trong tác phẩm văn chương. Không ít thì nhiều, "forcément..."Nhưng có người đem toàn bộ, có người chỉ thoáng nét, bởi vì tình cảm, cảm nghĩ của mình chắc chắn mình tả dễ hơn là kể lể cảm nghĩ của người hàng xóm về một chuyện gì. Tôi chẳng thể khác hơn, nhưng "hay viết tự truyện" thì chắc là không vì cuộc đời của riêng tôi cho tới bây giờ không có gì là bất thường hay đáng nói tới, chỉ có vài sự kiện nho nhỏ, như mọi người: đi làm, đi học, dọn nhà...viết đôi ba hàng là đã đi giáp hết vòng đời!

- Nỗi niềm riêng của một người đôi khi thành mẫu số chung của sự suy nghĩ trong nhiều người. Chị có nghĩ như vậy không trong thời đại bây giờ mà chúng ta đang sống?

- Đúng rồi, bởi vì chúng ta bị ảnh hưởng bởi môi trường chúng ta sống, bởi giai đoạn lịch sử bây giờ như anh đã nói tới lúc nãy. Thí dụ, có một thời, ở hải ngoại, nỗi niềm riêng mà chung là nhắc nhở quê hương, kể lại những bất công, lý do căm thù cộng sản....trong nước thì kể chuyện nghèo, chuyện oan khiên thời cải cách ruộng đất, chuyện hy vọng thời đổi mới v...v.. Bây giờ thì nói tới cơn sốt trở về quê, sức cám dỗ của đô la, sức mạnh của đồng tiền...Toàn là chuyện người ta đã kể hết rồi trên thế giới. Mình đi sau coi dễ

vậy mà khó, làm sao để có thể kể lể nỗi niềm riêng mà thiên hạ không giơ hai tay lên trời mà rằng "biết rồi, khổ lắm..."?

- Thao thức đối với quốc gia dân tộc, ai cũng có nhưng còn tùy mức độ. Riêng với chị, nó phản ánh thế nào trong khi chị viết?

- Mấy ông lãnh tụ cứ thao thức hoài nên ngủ luôn trên ngai vàng, đòi hy sinh tìm đường cứu nước cho đến ngày trăm tuổi. Phó thường dân như tôi thì nhiều lắm là bị đau bao tử và mất hứng để viết lách. Thôi xin cho tôi "lặn" nghe, hình như khi viết tôi không nghĩ tới những vấn đề siêu hình và khó khăn...

- Trong lúc này chị có nhận xét gì về văn học hải ngoại? Bi quan? Lạc quan? Có sự khựng lại khi sáng tác của nhiều người trong lúc này không? Nếu có, chị có thể cho biết nguyên do?

- Theo Trần Vũ thì văn chương hải ngoại và trong nước lúc này dở ngang nhau(Hợp lưu.8-9/94), tôi không được đọc toàn bộ các sách in ra nên không dám nói như vậy, mà hơi dè dặt về chuyện dở hay, hay với người này chưa chắc hay với người kia, và ngược lại. Về sự bế tắc hay khựng lại, chắc chắn là có. Các lý do đưa ra trong cuộc tranh luận trong vòng mấy năm qua rất nhiều, xin miễn nhắc lại, tôi nghĩ có thể đúng phần nào hay đúng hoàn toàn, với người này, hoặc người kia. Tôi cũng đồng ý nột cách giải thích của anh Bùi Vĩnh Phúc, rằng đấy chỉ là sự bế tắc thẩm mỹ, là một cái "panne" nhất thời và hy vọng đa số người bị khựng (trong đó có tôi) sẽ mau chóng say mê viết lách trở lại, khi có những đổi thay, chấn động mới trong đời sống, trong cách nhìn đời v..v...Với lại đâu phải ai cũng là Barbara Cartland hay Picasso, Dali. Hoặc Simenon. Đa số người "bình thường" cũng như thiên tài đều cần một số điều kiện nào đó để làm đầy lại nguồn cảm hứng và sự say mê. Thời gian là một.

Nhưng nói chung là tôi lạc quan cho cả trong lẫn ngoài nước. Hai triệu ở ngoài và gần tám mươi triệu ở bên trong. Cả hai đều có những cơ hội và tiềm lực chưa từng có trong suốt mấy nghìn năm...Với lại hình như phải giàu sụ như người Thụy Sĩ mới bế tắc về văn chương nghệ thuật...Chúng ta thì chắc lâu lắm mới như họ. Giàu sụ, chỉ lo đi chơi và thưởng thức công trình, tác phẩm của người khác hay là nghèo rớt mồng tơi, đêm nằm trên võng (bị muỗi cắn, nghe con khóc và vợ đay nghiến) rung đùi làm nên những vầng thơ tuyệt dịu. Theo anh, nên chọn cái nào? Tốt nhất là vừa giàu sụ, vừa đi chơi lại được nằm võng và làm thơ nồng nàn... Chết rồi, anh khiến tôi sa đà, nói năng như ứng cử viên loại hạng bét không có chương trình hành động qui mô, rõ ràng nên ca cẩm khơi khơi, mị dân ấu trĩ...Nói chuyện nhỏ hơn đi...

- Chị có một giấc mơ nào cho tương lai riêng mình?

- Hình như mỗi ngày tôi có một giấc mơ khác nhau nên tôi vẫn giận mình không "sérieuse". Sống trọn vẹn cho hiện tại mà còn phải cố gắng, đôi khi

hoang mang...

Và dự trù nào trong thời gian sắp tới cho công việc cầm bút của mình?

Thì đã nói sống cho hiện tại đã... Thì vẫn viết lai rai...chờ ánh sáng ở cuối (nhiều) đường hầm ...Ước mong sẽ viết được một quyển sách mà khi in xong rồi, đọc lại vẫn thích...Nhưng tôi lười lắm, năm tới, anh hỏi câu này, tôi sẽ trả lời y chang.

- Câu chót, dành để chị tâm sự thêm với độc giả về mình và đời sống của mình?

- Rất mong rằng những gì tôi viết, đôi khi cũng đem được cho một vài người, chút vui vẻ, thông cảm và tin yêu nơi đời sống và con người. Nếu không, xin đừng giận hờn, vì tôi viết bằng bằng tất cả tấm lòng mong ước đó.

- Cảm ơn nhà văn Phan Thị Trọng Tuyết

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*



tư liệu



NGUYỄN Q. THẮNG

MỘT PHÁT HIỆN: BẢN CHỮ NÔM TUỒNG **KIM THẠCH KỲ DUYÊN** (1)

Nói như Paul Midan (nhà nghiên cứu Pháp sống và làm việc ở Nam Kỳ trước thế chiến) thì "*Kim Thạch Kỳ Duyên* là một bổn tuồng mà ở Bắc Kỳ không ai biết tới, nhưng ở Nam Kỳ thì nó là tác phẩm dài hơi duy nhất. các nhà Nho Nam Kỳ đều có đọc *Kim Thạch Kỳ Duyên* và thích nó như thích thơ *Lục Vân Tiên* (...) Bùi Hữu Nghĩa là một nhà thơ lớn của Nam Kỳ và *Kim Thạch Kỳ Duyên* là một áng văn chương hiếm có".(2)

Thật vậy, *Kim Thạch Kỳ Duyên* là một áng văn chương đầy nghệ thuật (vừa văn chương vừa nghệ thuật trình diễn) của nền văn học cổ điển Việt Nam. Tác phẩm này đã làm cho tên tuổi Bùi Hữu Nghĩa sống mãi với lịch sử văn học và nghệ thuật sân khấu Việt Nam.

Kim Thạch Kỳ Duyên là một tuồng hát bội, đề tài mượn từ một cuốn truyện Tàu vào đời nhà Tống. Nội dung tuồng không nói rõ việc xảy ra từ một niên đại nhất định nào, nhưng dựa theo diễn biến của tuồng và nhất là căn cứ theo bản đồ lập trận mà Thái Thượng Lão Quân đội lốt sư Thiết Chỉ đã đưa cho Hữu Quang, thì kinh đô là Khai Phong thuộc tỉnh Hồ Nam. Năm 1233 kinh đô Khai Phong bị nước Kim xâm chiếm. Vậy nhà Tống trong tuồng phải là nhà Bắc Tống trị vì Trung Hoa từ năm 906 tới 1126. Trong hồi II, chúng ta nghe nhắc tới một ông vua Tống cưỡi ngựa đất lội qua sông Trường Giang. Vua đó là con của ông vua cuối cùng nhà Bắc Tống. Theo P. Midan

thì ta có thể định chừng là chuyện trong tuồng xảy ra dưới thời ông vua này (1101-1126).

Bối cảnh là vùng sông Hoài, sông Hoàng Hà và sông Tương, là vùng bao gồm các tỉnh Hồ Nam, Hiệp Tây, Giang Tô và vùng duyên hải phía Tây đảo Đài Loan. Chuyện tuy lấy đề tài từ chuyện Tàu, nhưng những sự việc trong tuồng có thể là những sự việc xảy ra ở bất cứ nơi nào.

Gần một thế kỷ nay, kể từ ngày có bản Quốc ngữ đầu tiên (1895) ra đời, giới nghiên cứu khi đề cập đến *Kim Thạch Kỳ Duyên* đều dựa vào bản Quốc ngữ của ông Bùi Quang Nhơn(3) chứ chưa có ai giới thiệu đầy đủ các bản chữ Nôm như bản mà chúng tôi giới thiệu ở đây.

Do nhu cầu tìm hiểu về văn học miền Nam, từ lâu chúng tôi đã ra công sưu tầm và một số tài liệu đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn *Tiến Trình Văn Nghệ Miền Nam* ((NXB An Giang, 1990). Từ những năm 70, chúng tôi đã lặn lội từ Châu Đốc, Cần Thơ, Sài Gòn, Thủ Dầu Một - nơi các tủ sách gia đình của những người thân, may mắn chúng tôi có được trong tay gần đủ - nếu không muốn nói đầy đủ - các bản tuồng chữ Nôm đến các bản Quốc ngữ. Hiện chúng tôi có tất cả bảy bản Quốc ngữ và bốn bản Nôm:

A. **Các bản Quốc ngữ:**

1) Bản Bùi Quang Nhơn (viết tắt BQN) tuồng *Kim Cổ Kỳ Duyên*, Imprimerie Librairie Nouvelles Claude & Cie Sàigòn, 1895. Đây là bản Quốc ngữ đầu tiên được phiên âm từ một bản Nôm nào đó mà không thấy có tên người phiên âm, giới thiệu (ở đây tạm xem ông Bùi Quang Nhơn là người phiên âm, chú thích, nhưng thực tế không thấy ông Nhơn ghi), và điều đáng nói là ông Bùi Quang Nhơn đã tự ý ghi tên tác giả Bùi Quang Nghĩa thay vì Bùi Hữu Nghĩa như thực chất của bản tuồng và bài *Tiểu tự* ghi tên Bùi Quang Nhơn cũng còn là một nghi vấn, vì ông Nhơn là một người Tây học (thông dịch viên tiếng pháp thuộc Thống đốc Nam Kỳ) mà trình độ Hán Nôm như trong bài thì cũng còn là một vấn đề chưa giải quyết ổn thỏa. Tuy nhiên đây là bản Quốc ngữ ra đời sớm nhất và kể từ đó các nhà in khác đều in lại từ bản này mà thôi, chứ không hề khảo chứng từ bản nào khác. Thậm chí ông P. Midan tuy có bản Nôm mà khi in vào sách mình giới thiệu cũng dựa theo bản Thạnh Phát, Cần Thơ, in năm 1919.

2) Bản *Trung Bắc Tân Văn* (viết tắt TBTV): Tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, par Bùi Quang Nghĩa dit Thủ Khoa Nghĩa annoté et publié par Thạnh Phát (Cần Thơ) Hà Nội, Imprimerie du Trung Bắc Tân Văn, 1919. Bản này cũng in lại từ bản Bùi Quang Nhơn, Sài Gòn.

3) Bản *Thạnh Phát, Kim Thạch Kỳ Duyên* par Bùi Quang Nghĩa dit Thủ khoa Nghĩa annoté et publié par Thạnh Phát (Cần Thơ). Đây là bản gốc của bản TBTV.

4) Bản *An Hà* (viết tắt AH): Tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* par Bùi Quang Nghĩa dit Thủ khoa Nghĩa, Cần Thơ, Imprimerie de l'Ouest, nhà in An Hà, 1932. Bản này cũng in theo bản Thạnh Phát năm 1919, mà thật sự cũng theo

Bùi Quang Nhơn năm 1895.

5) Bản P. Midan (viết tắt M.D): *Kim Thạch Kỳ Duyên* (L'Union Merveilles de Kim et de Thạch) in trong Bulletin de la Société des Etudes Indochinoise, 1934.

6) Bản *Nam Cư (viết tắt NC):* Bản này do Nam Cư biên tập, tập I An Giang Thơ Xã xuất bản, Châu Đốc, 1952. Đây là một tuyển tập thơ văn Bùi Hữu Nghĩa gồm một số thơ, văn tế, câu đối và một phần tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* (có lẽ chỉ in được một tập - tập I - mà thôi). Bản này cũng in theo bản AH, Cần Thơ 1933.

7) bản *Trần Văn Hương* (viết tắt TrVH): Tuồng hát bội *Kim Thạch Kỳ Duyên*, nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1966. Bản này cũng in theo bản BQN (Quốc ngữ), chú thích rõ, nhưng chỉ dựa vào bản Quốc ngữ mà thôi.

B. Các bản chữ Nôm:

Hiện chúng tôi có tất cả bốn bản chữ Nôm:

1) Bản *Bùi Quang Nhơn* (chúng tôi tạm gọi như vậy, vì dưới bài *Tiểu tự* có ghi tên ông, nhưng thực tế chắc còn tồn nghi. Bản này chúng tôi tìm được torng một loạt sách cũ (vừa chữ Hán vừa chữ Nôm) ở Búng, tỉnh Thủ Dầu Một (cũ) trong những năm gần đây. Người có sách này bảo là của con cháu ông Bùi Quang Nhơn sống ở Gò vấp, Th. Ph. HCM. Sau đó chúng tôi có dọ hỏi nhiều người mà vẫn không tìm được địa chỉ con cháu ông, có người (cụ Vương Hồng Sển) cho chúng tôi biết: "Hình như ông Bùi Quang Nhơn cũng là người lớp đầu theo học tại trường Algérie (thuộc địa của Pháp), sau khi về nước làm Thông dịch viên tại Soái phủ Nam Kỳ". Bản chữ Nôm này chúng tôi "trao đổi vật ngang giá" với người có sách bằng một vật phẩm văn hóa "ngang giá", mà sau đó chúng tôi vẫn sợ chủ nhân cũ đổi ý (Sau hỏi lại thì vị ấy cũng sợ chúng tôi "đổi ý" đòi lại thì khốn. Té ra tâm ý hai kẻ mê sách cũ giống nhau phần nào!). Như đã viết ở trên, có thể đây là thủ bút (?) của ông Bùi Quang Nhơn, tuy nhiên sau khi khảo chứng chúng tôi thấy luận cứ này không vững, vì theo ông Nguyễn Đại Liêng tác giả một bài báo trên *Tri Tân* (số ngày 9.6.1943) Hà Nội thì thân phụ ông (NĐL) là Nguyễn Phước Dương, nguyên là "học trò ruột" của Bùi Hữu Nghĩa ở Cần Thơ hồi thế kỷ trước, và chính thân phụ ông NĐL (NPD) là người chép lại bản thảo của Bùi Hữu Nghĩa khi ông còn học với thầy mình ở Bình Thủy. Vả lại trong một trang của bản tuồng chữ Nôm này, ông Bùi Quang Nhơn có ghi "Theo bản của ông Nguyễn Phước Sanh..." (Ông Nguyễn Phước Sanh là bào huynh của ông Nguyễn Đại Liêng). Thế cho nên (theo chúng tôi) có lẽ bản này sao chép lại từ bản của ông Nguyễn Phước Dương (ông sanh và ông Dương là anh em ruột). Theo bài viết của ông Nguyễn Đại Liêng thì bản của gia đình ông đã thất lạc trong thời gian anh em ông dời nhà ở Bình Thủy hồi đó. Theo chúng tôi có thể đây là một dị bản hoặc có thể là bản chính của ông Nguyễn Phước Dương, chép lại từ bản đã hiệu đính của Bùi Hữu Nghĩa lúc sanh tiền. Nếu cho đây là thủ bút của ông Bùi Quang Nhơn thì không vững vì trong bản

Quốc ngữ của mình, ông (BQN) đã phiên âm không đúng với bản Nôm này. Từ đó cho thấy rằng bài *Tiểu tự* ở đầu chưa chắc là văn của ông Bùi Quang Nhơn; mà có thể đó là bài viết của Nguyễn Phước Dương cũng nên (?). Điều này còn liên quan đến việc ông Bùi Quang Nhơn đã tự ý in tên tác giả tuồng này là Bùi Quang Nghĩa thay vì Bùi Hữu Nghĩa như trong các văn bản khác. Ngay trong gia đình họ Bùi ở Bình Thủy không thấy ai (con cháu Bùi Hữu Nghĩa) lót chữ *Quang* cả trừ ông Bùi Quang Nhơn (!), có thể ông Bùi Quang Nhơn muốn có một sự liên hệ máu mũ xa xôi nào đó rồi tự động ghép chữ *Quang* vào một cách gượng gạo như vậy. Từ các dữ kiện đó cho phép chúng tôi nghĩ rằng đây có thể là *thủ bút của ông Nguyễn Phước Dương chép theo lời đọc miệng và phủ chính của thầy mình* (BHN), và cũng có thể ngay bài *Tiểu tự* cũng của ông Nguyễn Phước Dương nữa.

2) *Bản P. Midan*: bản này gồm ba phần.

a) Phần chữ Nôm: chữ chân phương, trang 14 dòng, dòng 18 chữ, 108 trang, khổ 17 X 27cm.

b) Phần chữ Quốc ngữ: 107 trang, khổ 17 X 27cm in theo bản Thạnh Phát.

c) Phần chữ Pháp: do ông P. Midan dịch sang tiếng Pháp, ông Mai Thọ Truyền hiệu đính.

d) Hai bài *Dẫn nhập* (Introduction) tiếng Pháp viết về cách cấu tạo chữ Nôm và nội dung tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên.*

Phần chữ Nôm viết chân phương, hàng ngay thẳng gần như bản khắc in. Trang đầu chép nhan đề mà không có bài *Tiểu tự* như bản BQN. Bản này chép gần giống với bản BQN, chỉ khác một số chữ về cách cấu tạo mà thôi. (Bản này ông Vũ Anh Tuấn - một người chơi sách - tìm hộ và cùng "trao đổi ngang giá" với nhau).

3) Bản *Huỳnh Mẫn Đạt*: là một bản chép tay, trang 8 dòng, dòng 26 chữ, viết hơi thảo và sắc. Chắc đây hẳn là thủ bút của một người thông và hay chữ. Theo ông Ngô Ngọc Đổng (chắt ngoại Huỳnh Mẫn Đạt) thì bản tuồng này "từ trước đến nay, trong gia đình chúng tôi có truyền lại rằng: chính đó là một tác phẩm của ông Huỳnh Mẫn Đạt"(4)

Theo chúng tôi bản tuồng này không hoàn toàn giống với các bản Quốc ngữ đã in từ trước và nhất là khác hẳn hai bản Nôm vừa dẫn. Dư luận đương thời, lúc sanh tiền Bùi Hữu Nghĩa có nhờ bạn mình là Huỳnh Mẫn Đạt hiệu đính dùm tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*. Do đó, có thể đây là bản đầu tay của Huỳnh Mẫn Đạt nhận của Bùi Hữu Nghĩa nên còn giữ trong nhà con cháu họ Huỳnh chăng (?). Điều đáng chú ý là các câu văn, hát trong bản này khác xa với bản trên. Cho nên bảo rằng đây là bản mà ông Bùi nhờ ông Huỳnh nhuận sắc là có cơ sở nhất. Bản này nay chỉ còn một số bản, vì trong năm 1975, ông Ngô Ngọc Đổng in xong đều gửi tất cả sang Pháp, nhưng sau ngày 30.4.1975 số hàng này đã thất lạc, gia đình ông ở Pháp không nhận được và nghe đâu các kiện hàng này lạc sang một nước ở Nam Mỹ và không được hoàn giao lại cho nơi gửi (vì thay đổi chế độ).

4) Bản *Thư viện Hoàng Gia Anh*: Đây là một bản khắc gỗ, trang 9 dòng,

dòng 13 chữ, không ghi năm khắc in và tên tác giả. Tuy là một bản tuồng mà khắc là *Kim Thạch Kỳ Duyên truyện*. Bản này tàng trữ tại thư viện Hoàng Gia Anh, trước năm 1971 chính phủ Anh gửi tặng chính phủ Sài Gòn lúc đó (gồm 54 truyện Nôm). Bản này chúng tôi tìm được trong một điểm bán sách cũ trên hè phố tại đường Bùi Quang Chiêu cũ.

Về câu chữ hai bản 3 và 4 gần giống nhau. Nói là *gần giống* chứ không phải *giống nhau* vì ngay trang đầu mà đã khác nhau rất nhiều.

Thí dụ bản HMĐ viết:
... Thoại ứng hà thanh
... Mừng hội thăng bình
thì bản Thư viện Hoàng Gia Anh:
... Thoại ứng *phụng minh*
... *Mừng cuộc* thăng bình v.v...

Chính vì vậy chúng tôi phiên âm theo bản chép tay, mà chúng tôi nghĩ có thể là bản ra đời gần với lúc sinh thời Bùi Hữu Nghĩa (tức bản chúng tôi tạm gọi là bản BQN), do ông Nguyễn Phước Dương chép theo lời đọc của Bùi Hữu Nghĩa tại Bình Thủy, Cần Thơ.

Như trên đã nói, hiện chúng ta có tất cả bảy bản Quốc ngữ và bốn bản Nôm, nhưng thực sự chỉ có *một bản Quốc ngữ* vì 6 bản in sau năm 1919 *chỉ in lại* từ bản BQN, mà bản BQN thì phiên âm không sát với bản Nôm mà chúng tôi giới thiệu. Tất cả bảy bản trên đều phiên âm theo cách đọc của miền Nam như: Xoay vần phiên là *xây* vần, Quí nương phiên là *Quới* nương, tiên phong phiên là tiên *Phuông* v.v... Thậm chí tên người như Thiết *Quang* mà tất cả 7 bản đều in là Thiết *Hoan*... Điều đó cho thấy tuy tất cả 7 bản mà thật chỉ có *một bản* mà thôi tức bản BQN in năm 1895.

NGUYỄN Q. THẮNG
(Ngã Ba Ông Tạ tháng 12. 1993)

---

(1) *Bùi Hữu Nghĩa và Kim Thạch Kỳ Duyên*, Nguyễn Q. thắng phiên âm và khảo đính. Nhà xuất bản Văn Học, Fahasa phát hành tháng 11 năm 1993.

(2) Theo bài *Dẫn nhập* của Midan cho tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên (L'Uniom Merveilleuse de Kim et de Thạch) Bulletin de la Société des Etudes Indochinoise* 1934 Sài Gòn.

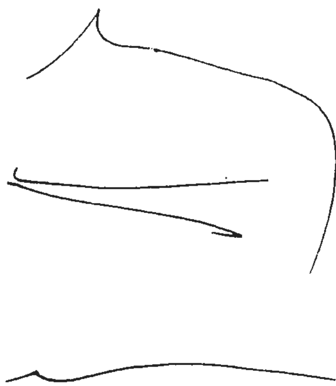
(3) Tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên, Imprimerie Librairie Nouvelles Claude & Cie* Sài Gòn, 1895 (Ông Bùi Quang Nhơn là Thông dịch viên thuộc Phủ Thống đốc Nam Kỳ).

(4) Ngô Ngọc Đồng - *Lời nói đầu* trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, Minh Tải Đặng Văn Ký phiên âm, NXB Cống Quỳnh.



PHẠM VIỆT CƯỜNG *phụ trách*

sinh hoạt văn học nghệ thuật



NHÀ VĂN MILOVAN DJILAS QUA ĐỜI

Milovan Djilas, người chống đối cộng sản Nam Tư nổi tiếng thế giới vì đã tố cáo các đồng chí cũ của ông tự tạo thành một "giai cấp mới", vừa qua đời ở Belgrade hôm thứ năm 21-4-95. Ông hưởng thọ 83 tuổi.

Trong mấy năm qua, bệnh tim đã làm ông càng ngày càng suy yếu và dẫn đến sự chấm dứt một cuộc đời can trường, đam mê, trí thức và đầy sóng gió của ông.

Là một nhà cách mạng, một chiến sĩ, một nhà lãnh đạo chính trị, và nhất là một nhà văn bất khuất, Djilas tự cho là ông đã "du hành qua toàn bộ con đường của chủ nghĩa cộng sản". Vào lúc đầu, ông là người thân cận nhất với Thống chế Tito, nhưng sau đó ông bắt đầu có thaí độ bất đồng trong nội bộ đảng; do đó từ năm 1954, Tito đã gạt ông ra khỏi những chức vụ quan trọng trong đảng và chính phủ.

Vào năm 1957, Djilas đã lén tìm cách đưa bản thảo quyển "Giai Cấp Mới" ra in ở nước ngoài và lập tức làm chấn động thế giới. Lý do vì đây là lần đầu tiên các lãnh tụ cộng sản ở Nam Tư và Xô Viết bị tố cáo như một giai cấp chủ nhân ông, bóc lột nhân dân, xây dựng quyền lợi và quyền lực cho riêng bản thân, chứ không còn biết hy sinh nữa. Bọn này đã trở thành một bọn đạo đức giả đang sống và hành động giống hệt như những người mà họ đã từng chống lại. Quyển sách cuả Djilas là sự tố cáo đầu tiên từ một người có thẩm quyền bên trong hệ thống đảng cộng sản.

Vì quyển "Giai Cấp Mới" này, Djilas đã bị buộc tội là có hành động "thù nghịch với nhân dân và nhà nước Nam Tư" với bản án bảy năm tù giam.

Sau đó, khi một quyển sách khác của ông có nhan đề "Trò chuyện với Stalin" - trong đó ông tố cáo đích danh Stalin là " một kẻ tội phạm vĩ đại nhất trong lịch sử "- xuất hiện ở ngoài nước, thì ông bị đem ra tòa xử thêm năm năm tù nữa. Tuy nhiên, Tito đã ra lệnh trả tự do cho ông sau khi ông chỉ ở tù chín năm rưỡi mà thôi. Sự qua đời của Djilas là một sự mất mát lớn đối với văn học và lực lượng những người yêu chuộng lẽ phải, công bình trên thế giới.

GIẢI THƯỞNG PULITZER NĂM 1995

Một tờ nhật báo nhỏ ở Virgin Islands đã đoạt giải thưởng cao quý nhất về báo chí ở Hoa Kỳ hôm 19-4 vừa qua. Tờ The Virgin Islands Daily News đã đoạt giải thưởng baó chí Pulitzer năm 1995 với loạt bài điều tra về vấn đề mức độ phạm pháp ở địa phương trong mối liên hệ với tình trạng suy sụp hệ thống pháp lý về tội phạm nói chung.

Tờ The Virgin Islands Daily News chỉ gồm có 8 ký giả với số in khiêm nhường 16 ngàn số mỗi ngày đã vượt lách qua các nhật báo khổng lồ và đoạt giải một cách đáng ngạc nhiên.

Một số các giải đáng kể khác về báo chí gồm có: tờ Los Angeles Times đoạt giải tường trình tin tức thể thao, tờ New York Times về các bài phê bình, hãng thông tấn Associated Press đoạt hai giải về tin thế giới và về nhiếp ảnh...

Về lãnh vực văn học nghệ thuật, giải Pulitzer năm 1995 được phân chia như sau:

- Tiểu thuyết: nhà văn nữ Carol Shields với quyển "The Stone Diaries."
- Kịch: Horton Foote với kịch bản "The Young Man From Atlanta."
- Lịch sử: Doris Kearns Goodwin với quyển "No Ordinary Time: Franklin and Eleanor Roosevelt: The Home Front in World War II."
- Loại Tiểu sử: Joan D. Hedrick với quyển "Harriet Beecher Stowe: A Life."
- Thơ: Philip Levine với thi tập "The Simple Truth."
- Loại biên khảo tổng quát: Jonathan Weiner với quyển "The Beak of the Finch: A Story of Evolution in Our Time."
- Âm nhạc: Morton Gould với quyển "Stringmusic."

MỘT GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC KHÁC

Thi sĩ A.R.Ammons, 69 tuổi, giáo sư tại đại học Cornell, vừa được trao tặng giải thưởng thi ca có trị giá hiện kim cao nhất nước - 75 ngàn mỹ kim -

là giải Ruth Lilly vào hôm 25-4-95.

Ammons đã từng phục vụ trong Hải quân, làm hiệu trưởng trường tiểu học, và là một thương nhân ở New Jersey suốt 10 năm. Ông dạy ở Cornell từ năm 1969 cho đến 1981. Tập thơ Collected Poems 1951-1971 của ông đoạt giải National Book Award năm 1973, và năm 1975 ông lại nhận giải thưởng Bollingen. Tác phẩm của ông gồm có: Ommateum, 1955; Corson's Inlet, 1965; Tape for the Turn of the Year, 1965... Gần đây nhất ông có các tập "Lake Effect Country" và "The Really Short Poems".

CỰU BỘ TRƯỞNG QUỐC PHÒNG MỸ RA SÁCH

Sau một thời gian dài im lặng, cựu bộ trưởng quốc phòng Robert McNamara vừa tung ra một quyển sách làm xôn xao dư luận thế giới. Quyển sách của ông có tựa đề "In Restropect: The Tragedy and Lessons of Vietnam" do nhà Times Books/Random House xuất bản, dày 356 trang.

"Chúng ta đã sai lầm, sai lầm ghê gớm", ông viết. Theo ông, lẽ ra quân đội Mỹ đã nên rút ra khỏi Việt Nam từ năm 1963, khi mà chỉ mới có 78 lính Mỹ tử trận. Ông đã phải phá vỡ "sự im lặng đau đớn lâu dài" để nói ra điều sai lầm đó, vì theo ông, "chúng ta nợ những thế hệ tương lai lời giải thích tại sao".

Năm nay đã 79 tuổi, MacNamara là bộ trưởng quốc phòng trong những năm Mỹ bắt đầu sa lầy ở Việt Nam từ 1961-1969. Hành động nhìn nhận trách nhiệm quá muộn màng của ông đã gây ra phản ứng bênh chống trái ngược nhau từ khắp nơi trên thế giới. Dù quyển sách của ông là một thứ mea culpa đầy nước mắt đi nữa thì người ta cũng không thể xin lỗi những người đã chết. Hơn 58 ngàn quân nhân Mỹ và bao nhiêu triệu người Việt đã bỏ mình có hẳn chỉ là do sự thiếu can đảm và do dự của một mình cá nhân MacNamara hai mươi năm trước hay không?

HỌC GIẢ NGUYỄN BẠT TỤY QUA ĐỜI

Vào ngày 15 tháng 4 năm 1995, tại Đà Lạt, học giả Nguyễn Bạt Tụy (1920-1995) đã từ trần. Tin đến thật bất ngờ, với độc giả và những người quen biết, yêu mến ông

Hình ảnh cao lớn, khỏe mạnh của ông, thường "ngự" trên chiếc xe Lambretta cà tàng "hiên ngang phóng" trên đường phố, hay những lúc vai mang máy ảnh băng rừng Trường Sơn - từ Quảng Trị đến Lộc Ninh, Hớn Quản... để nghiên cứu ngôn ngữ học, phong tục học, dân tộc học của nòi Việt. Hình ảnh ấy cùng các bài viết - trên tạp chí *Đại học Huế, Nghiên Cứu Việt Nam* - một thời tạo nên dư luận mà nhiều người am tường văn hóa cho là

"hiện tượng Nguyễn Bạt Tụy" trong sinh hoạt văn hóa miền Nam, trước 1975, giờ đây không còn nữa, vĩnh viễn không còn nữa.

Sau 1975, học giả Nguyễn Bạt Tụy gặp khá nhiều khó khăn trong sinh hoạt cũng như trong nghiên cứu, nhất là khi ông tiếp xúc với các vị phụ trách học thuật. Trên Hợp Lưu số 18 (tháng 8 & 9 năm 1995), qua bài phỏng vấn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, hẳn độc giả đã phần nào nhìn thấy những khó khăn đó.

Học giả Nguyễn Bạt Tụy ra đi, để lại một khoảng trống khó lấp đầy, đó là một mất mát lớn cho giới học thuật, nói riêng, và văn hóa Việt Nam nói chung. Điều chúng tôi vô cùng âu lo, không hiểu "kho" tài liệu đồ sộ, từ bản thảo đến phim ảnh, hình chụp, tang vật... ông đã sưu tầm, cóp nhặt, ghi chép, phân loại... rồi ra sẽ rơi vào tay ai? Và sẽ được bảo quản, sử dụng như thế nào? Chả còn cách nào hơn: mong những người trách nhiệm, hãy vì văn hóa dân tộc, lưu ý giữ gìn giùm. Nếu không làm được điều đó, chẳng những chúng ta sẽ tủi hổ với vong linh người đã khuất, mà ngày sau, lịch sử văn hóa Việt Nam sẽ xem chúng ta chẳng khác chi những tội đồ phần thư bỉ ổi. (Theo tài liệu của giáo sư Nguyễn Q. Thắng, Việt Nam).

HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA NHÀ VĂN PHAN NHẬT NAM

Vào lúc 1 giờ trưa ngày Chủ nhật 30-4-95, tại vũ trường First Club, San Jose, nhà văn Phan Nhật Nam đã trình làng quyển sách đầu tiên ông cho ấn hành ở hải ngoại. "Những Chuyện Cần Được Kể Lại" là tựa quyển sách mới này, do tác giả tự xuất bản. Buổi ra mắt sách đã thành công ngoài sức tưởng tượng, với hơn 200 quan khách tham dự, nhiều vị đã phải đứng suốt buổi. Sau lời phát biểu chân tình, cảm động của tác giả là phần cảm tưởng của các ông Nguyễn Bá Trạc và Hà Thượng Nhân. Buổi ra mắt - với ưu điểm thấy rõ là được tổ chức đúng giờ giấc, ngắn gọn - đã kết thúc vào lúc 3 giờ chiều trong bầu không khí thân mật, vui vẻ.

Tiếp theo, vào 2 giờ chiều ngày thứ bẩy 6/5, tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt, nhà văn Phan Nhật Nam lại cho ra mắt cuốn "Những Chuyện Cần Được Kể Lại", song song với một cuốn nữa: "Đường Trường Xa Xăm", với sự hiện diện của hơn 200 thân hữu và độc giả miền Nam California.

Theo nhật báo Người Việt, đây là một buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật đúng nghĩa, không khai mạc ở vũ trường, đúng giờ, theo sát chương trình và cử tọa chọn lọc. Trong phần phát biểu cảm tưởng, nhà thơ Đỗ Quý Toàn cho rằng, "hàng chục năm sau khi đọc lại Phan Nhật Nam", ông "vẫn bắt gặp những chấn động cũ". Nhà văn Hoàng Khởi Phong thì "cầu chúc Phan Nhật Nam sau 14 năm lính, 14 năn tù và đã viết những tác phẩm để đời trước 75, giờ đây sẽ tiếp tục con đường đúng nhất của nhà văn là cống hiến cho đời

những tác phẩm lớn, bởi Phan Nhật Nam là một trong những người không may mắn trong đời thường, nhưng may mắn trong đời văn, vì đã sống được trong một môi trường ác..." Phần tiếp theo, nhiều "bạn tù", như ký giả Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, "bạn đồng ngủ", như cựu Đại tá Phạm Như Mai... cũng đã lên diễn đàn và phát biểu cảm tưởng, gợi lại những kỷ niệm đã cùng chia xẻ với nhà văn Phan Nhật Nam, một thời. Cuối cùng, là phần tác giả tự nói về tác phẩm của mình, và đọc vài bài thơ trong một thi tập đồ sộ có lẽ sẽ ra mắt nay mai. Để kết thúc, nhà văn Phan Nhật Nam đã vui vẻ "hứa" với mọi người: Sẽ nỗ lực hơn nữa cho việc hoàn tất những tác phẩm mới. Theo ông, đó là cách duy nhất của một nhà văn, dành để trả nợ cho người và cho đời.

NHÀ VĂN CÓ THỜI

John Gray, tác giả "Men Are From Mars, Women Are From Venus" là quyển sách đã trở thành best-seller suốt gần hai năm qua, lại được nhìn thấy tác phẩm thứ hai của mình được liệt kê song hành với quyển trước trên "bảng hổ".

Tác phẩm mới của ông, "Mars and Venus in the Bedroom", là "một quyển chỉ nam nhằm kéo dài sự lãng mạn và đam mê", đã được tờ New York Times số ngày 30-4-95 sắp hạng nhất trong loại sách "Advice, How-to and Miscellaneous". Trong khi đó, quyển "Men are from Mars" của ông đứng đầu bảng trước đó đã tụt xuống hạng nhì. Cả hai quyển đều do nhà Harper-Collins ấn hành.

Hai quyển sách của Gray nhằm tìm hiểu những khác biệt trong ngôn ngữ và khát vọng tình dục giữa đàn ông và đàn bà có lẽ đã đáp ứng nhu cầu độc giả đang tìm đọc loại sách viết về vấn đề này.

Quyển "Men Are From Mars" đã bán được hơn ba triệu bản bìa cứng từ khi xuất bản vào năm 1992. Với số in 30,000 bản lần phát hành đầu tiên, quyển sách phải mất một năm mới trở thành best-seller được.

Còn quyển "In the Bedroom" với cả những hình ảnh chỉ dẫn việc làm tình thì thành công nhanh chóng hơn và đã bán được hơn 500,000 bản từ khi mới xuất hiện ở các nhà sách cách đây hai tuần lễ.

Trong khi đó, một siêu nhà văn khác của Hoa Kỳ hiện nay là John Grisham vừa tung ra một tác phẩm mới là "The Rainmaker" đã lập tức đứng đầu bảng best-sellers tiểu thuyết loại bìa cứng ngay trong tuần lễ đầu tiên, cùng lúc với một quyển sách khác cũng của ông là "The Chamber" thì đang dẫn đầu bên loại sách bìa mềm. Tất cả các tác phẩm khác trước đó của Grisham như "The Firm", "The Client"... đều trở thành best-sellers trong một thời gian dài.

Trong sinh hoạt sách báo hải ngoại trong cộng đồng ta thì hình như các

sách liên hệ đến tình dục cũng thuộc loại best-seller vậy. Cho đến nay chúng ta chưa từng có một thống kê chính thức nào về số lượng và loại sách được tiêu thụ. Không biết các nhà xuất bản lớn như Đại Nam, Xuân Thu... có bao giờ nghĩ đến việc "thành thật khai báo" các con số đó để chúng ta có điều kiện tìm hiểu sâu rộng hơn về sinh hoạt văn hóa ngoài nước hai mươi năm qua.

HỌA SĨ LÊ THÁNH THƯ KHAI MẠC PHÒNG TRANH

Vào 9 giờ 30 sáng ngày 09 tháng 5 năm 1995 , họa sĩ Lê Thánh Thư đã cho khai mạc phòng tranh của ông tại Hội Mỹ Thuật thành phố HCM, số 218A, Pasteur, Quận 3.

Lê Thánh Thư chuyên về tranh trừu tượng. Ông làm chủ được bản màu của mình, đồng thời tạo được những "hiệu quả" rất lạ khi sử dụng chất liệu sơn dầu. Chúng ta hãy nghe Takahashi Shin, một nhà phê bình hội họa Nhật Bản nói về tranh Lê Thánh Thư:

... Khi đến xưởng vẽ của họa sĩ Lê Thánh Thư thì những bức tranh ở đây đã *gây cho tôi ấn tượng về một thứ ánh sáng được nứt lóe từ bên trong...*

Tôi biết anh trước như là một con người, và ômấp mối quan tâm đến những tác phẩm của anh vì tôi đã trông thấy anh ở thứ ánh sáng đó.

Bên trong cặp kính cận tròn, đôi mắt anh rạng lên. Ánh sáng của tâm tưởng. Trong anh là thế giới của màu sắc, đúng là thế giới của sự nhạy cảm. Sự truyền đạt mà anh đã đưa ra từ ánh sáng và hình ảnh là những thơ mộng mô phỏng trên một ý niệm tâm linh mãnh liệt cùng với sự gắn bó chặt chẽ vào những phác họa. Nhìn tranh anh, cảm thấy một điều gì thanh thoát.

Lịch sử của thành phố Sài Gòn, trong một thoáng, chuyển hóa cùng anh thành một nhất thể.

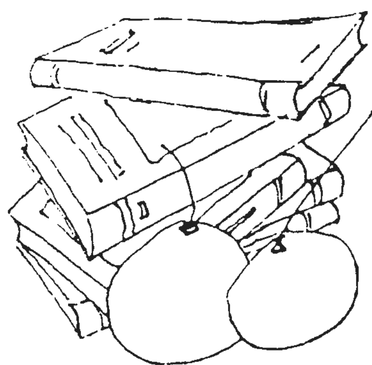
Cũng nên biết thêm, ngoài hội họa, Lê Thánh Thư còn là một nhà thơ. Ông là một trong số những người trẻ, đang cố gắng "làm mới" thơ ca, bằng những khai phá quyết liệt, trong ngôn ngữ và vần điệu. Chúng ta sẽ không quá lời khi kết luận: thơ của Lê Thánh Thư là những bức tranh trừu tượng được vẽ bằng những "gam" màu sẫm đầy ắp hình ảnh.

PHẠM VIỆT CƯỜNG phụ trách



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



NHỮNG CHUYỆN CẦN ĐƯỢC KỂ LẠI, giá 12MK, và **ĐƯỜNG TRƯỜNG XA XĂM**, giá 10MK. Hai cuốn tâm bút của Phan Nhật Nam. Tác giả xuất bản.

Kể lại những thảm kịch, những gương hy sinh, những tù đày khốn khổ của người khác và của chính bản thân mình, suốt hai mươi năm qua, bằng những trang "tâm bút", những bài thơ, những truyện ngắn. Với Phan Nhật Nam, thể loại chỉ là "cái cớ", cốt dùng để "chở" những sự thật muốn ghi lại (như những trang tư liệu), và gửi đến chúng ta (như những thông điệp, những dòng tâm tình của một người vừa đi qua suốt cuộc khổ lụy trần gian, cuối đời, bình tâm ngồi xuống, nhìn thẳng vào cõi nhân sinh, nhẫn nha trưng ra những điều mắt thấy tai nghe, cùng những chiêm nghiệm của chính mình).

Về văn phong, Phan Nhật Nam của bây giờ có lẽ cũng khác gì với Phan Nhật Nam của hai mươi mấy năm xưa: nhiệt tình, thiết tha, thành thật và bốc lửa. Đọc văn Phan Nhật Nam ta luôn có cảm tưởng ông đang nhỏ máu ra mà viết, vắt hết sinh lực của mình ra mà viết. Nó cách khác, khi ngồi trước trang giấy, có lẽ Phan Nhật Nam đã không một chút do dự, ném cả cuộc đời mình lên từng con chữ. Phải chăng vì thế văn chương của người lính nhảy dù năm xưa này luôn mang trong tự thân những hấp lực lớn?

NHÌN XUỐNG CUỘC ĐỜI (*Suy tư - Cảm nghiệm*). Bìa Phạm Hoàng, phụ bản Ann Phong và Nguyễn Đức Cung. Giá 15MK. Và **HOA HỒNG NHÀ KÍN**

(*tập truyện*). Huy Trân viết giới thiệu, Bùi Vĩnh Phúc viết bạt. Bìa Phạm Hoàng, phụ bản Ann Phong, Nguyễn Rĩ, Phạm Hoàng. Giá 15MK. Hai tác phẩm của Quyên Di. Thời Điểm xuất bản 1995.

Cả hai tác phẩm, từ *"Suy tư - Cảm nghiệm"* đến *"truyện ngắn"*, đều toát ra cái không khí của tình yêu. Không phải thứ tình yêu gái trai cá nhân riêng lẻ, mà là thứ tình cảm cao cả hơn, bao la hơn: tình người, tình nhân loại, tình của nhân sinh lục dục thất tình với thượng đế, với các đấng toàn năng... Cuốn "Nhìn Xuống Cuộc Đời" làm ta nhớ đến những tác phẩm của thiền sư Nhất Hạnh, những truyện ngắn trong "Hoa Hồng Nhà Kín" khiến ta liên tưởng đến những bài học làm người, những nhân nghĩa, đạo lý, những yêu thương, can đảm, ngay thẳng, bác ái, vị tha... Quả thật, trong cõi văn chương đầy vọng động bây giờ, những tác phẩm như thế, những tác được viết ra từ một trái tim và mọt tấm lòng ăm ắp yêu thương như thế, tôi nghĩ, là vô cùng hiếm hoi và quí giá, xứng đáng để ta nâng niu, trân trọng.

"Hoa tô điểm cho đời. Ở đâu có hoa ở đó có vẻ đẹp và nét thắm tươi". Mượn câu văn này của tác giả, tôi thêm: Mỗi trang chữ của Quyên Di là một đóa hoa, hai tác phẩm vừa chào đời của ông như một rừng hoa.

MÙI HƯƠNG ĐẾN TỪ NÚI LẠ, tập truyện ngắn Robert Olen Butter, Thiên Nhất Phương dịch. Người Việt Tây Bắc xuất bản 1995. Không ghi giá. Địa chỉ liên lạc: 3111 M.L. King Jr Way South, Seattle, WA 98144. Tél: 206-722-6984.

Dịch từ nguyên tác tiếng Anh "**A Good Sceent From a Strange Mountain**" của nhà xuất bản Henry & Holt Co. Tác phẩm đoạt giải Pulizer năm 1993, gồm 13 truyện ngắn: *Hồi chánh viên, Ông Green, Chuyến trở về, Truyện thần tiên, Đá dế, Những bức thư của cha tôi, Tình yêu, Tết trung thu, Cánh rừng thưa, Một chuyện ma, Tuyết, Di vật, Phút tẩm liệm, Hương thơm đến từ núi lạ,* và một đoản thiên: *Đôi vợ chồng Mỹ.*

Hầu hết các nhân vật cũng như chủ đề của mười ba truyện ngắn này đều lấy cảm hứng từ sinh hoạt, tâm tư, tình cảm, nếp suy tưởng... của những người Việt di tản đã định cư tại vùng Lake Charles, New Oleans, Gretna thuộc tiểu bang Louisiana. Dù chủ đề chỉ xoay quanh một sắc dân thiểu số, tác phẩm vẫn có được chiều kích rộng lớn của một tác phẩm văn chương giá trị, vì trùm lên tất cả, là tính nhân bản, là một nhân sinh quan và vũ trụ quan đã vượt trên, vượt qua ranh giới màu da, chủng tộc, văn hóa...

Cần biết thêm, tác giả hiện là giáo sư dạy viết văn tại Đại Học State Mcneese, Lake Charles, Louisiana. *A Good Scent From a Strange Mountain* là tác phẩm thứ 7 của ông.

VỀ BIỂN ĐÔNG, bút ký Trang Châu, giới thiệu Trương Anh Tụy, bìa Đinh Cường, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ ấn hành 1995. Giá 12MK. Tổng phát hành: Cành Nam, 2607 Military Rd., Arlington, VA 22207. USA. Văn Nghệ, P.O.Box 0, Westminster, CA . USA. Thế Hệ, Eden

Center, 6763 Wilịch sưởn Blvd # 9, Fallịch sử Church, VA 22044. USA.

Trước 1975, Trang Châu là bác sĩ Quân y trong binh chủng Nhảy Dù. Nay, tiếp tuc nghề cũ tại Montréal (Canada). Ông là cựu Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, trung tâm Quebec 1987-1991. Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại 1991-1993. Hiện là Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Quebec nhiệm kỳ 1993-1995. là tác giả của các tác phẩm:

- **Y Sĩ Tiền Tuyến** (*Bút ký*): Giải văn Học Nghệ Thuật 1969.
- **Thơ Trang Châu** (1989)
- **Về Biển Đông** (*Bút ký*, 1995).

Tác phẩm ghi lại những điều mắt thấy tai nghe trong thời gian vị bác sĩ/nhà văn giàu lòng nhân ái này tình nguyện đi theo những con tàu tìm vớt người trên biển Đông. Về thảm kịch thuyền nhân, đã có rất nhiều sách báo (của Việt Nam cũng như ngoại quốc) đề cập đến. Hôm nay, chúng ta lại có thêm một tác phẩm nữa. Nhưng vượt trên mọi thảm kịch, vượt trên những hình ảnh đôi khi làm ta rùng mình đứt ruột, là tấm lòng của tác giả đối với đồng bào của mình. Hãy nghe Trang Châu tâm sự: "Tôi trở về giường ngủ lúc ba giờ sáng, rã rời cơ thể nhưng tâm hồn tràn đầy niềm vui. Điều tôi mơ ước nay đã thành sự thật: thuyền nhân đầy tàu, Hỡi những thuyền nhân, hỡi những đồng bào thương mến của tôi ơi, xin đừng cám ơn tôi về những gì tôi dã làm, hãy để tôi cám ơn quý vị đã cho tôi được sống những giây phút trong cuộc đời mà tôi ao ước sống". Rất cá nhân, người giới thiệu sách muốn nói với nhà văn/bác sĩ Trang Châu một lời thật chân thành: Cảm ơn những việc làm của anh, cảm ơn những trang chữ thắm đẫm tình thương anh đã đóng góp cho đời.

VIỆT NAM VÀ TÂM THỨC DÂN TỘC, Luận thuyết Nguyễn Hữu Tấn, Huy Trâm. Trình bày bìa Phạm Hoàng. Tác giả xuất bản 1995. Giá 15MK.

Dân tộc Việt Nam ra sao? Đặc tính, sự hình thành và phát triển. Tâm thức Dân tộc Việt Nam ra sao? Ai thực sự vì dân tộc và ai đã lãng quên hay sử dụng nó như một chiêu bài để mưu cầu hạnh phúc cá nhân? Đâu là hướng đi của đất nước trong những năm tháng tới? Bằng suy nghiệm, trăn trở qua nhiều năm tháng sống lưu lạc trên quê người, hai tác giả Nguyễn Hữu Tấn và Huy Trâm sẽ cố gắng giải đáp những câu hỏi trên trong tập luận thuyết này.

Sách có thêm phần tóm lược bằng Anh ngữ và bài thơ "Điệu Múa Rồng Tiên" của Lạc Quân thay lời bạt.

MÌNH LẠI SOI MÌNH (352 trang, giá 16MK) - **NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG** (trên 100 trang, giá 10MK) - **DẤU CHÂN CÁT XÓA** (90 trang, giá 9MK) ba truyện dài của Doãn Quốc Sỹ. Bìa Đinh Cường. Phụ bản Đinh Cường, Võ Đình. Văn Nghiệ xuất bản 1995.

Hình thức tuyệt đẹp với những họa phẩm rất "mới" và chân dung tác giả rất "đạt" của Định Cường.

Nội dung, chúng tôi xin trích lại vài dòng trong mỗi quyển, bởi nghĩ rằng, những dòng này phần nào tiêu biểu cho "triết lý nhân sinh" của tác giả:

"... Cái Ác không tự nhiên mà có, cũng như điều Thiện không tự nhiên mà thành (...) chúng ta phải sống đi chết lại trong nỗ lực gọt sạch khỏi tâm hồn những gì cũ kỹ, lạc hậu, xấu xa, siêu lên những sai biệt ước lệ thường tình. Đây chính là cuộc chiến thắng khó khăn nhất: mình thắng mình, giúp mình tâm thật rộng, trí thật sáng. Sau cuộc lộc xác mình nào khác gì sâu hóa thân thành bướm. Sự sống quả là một sự trở thành thường xuyên... (**Mình lại soi mình**, trang 215)

"Tôi lạc quan về con người cậu ạ - giáo sư Hoàn trả lời không trù trừ - không cái gì có thể hủy được căn bản thiện của con người đâu. Điều cần là làm sao cho gặp đủ nhân duyên để thỏi ngọc được khơi ra khỏi vùng vùi lấp" (**Người Vái Tứ Phương**, trang 69-70)

"... Khi tôi nhìn New York, Chicago, Los Angeles với những khối xi măng cốt sắt chất ngất chế ngự thiên nhiên; khi tôi thưởng thức vẻ xinh xắn của thị trấn Reston (Virginia) như một điều hòa tuyệt hảo giữa nếp sống thị thành và tâm hồn thôn dã, tôi luôn luôn tự hỏi: chúng ta đã đẽo gọt lại thiên nhiên mà không đẽo gọt được phần tương xứng nội tâm sao? Phi thuyền thắng được sức hút của trái đất chỉ để đánh thức phi thuyền nội tâm thắng được sức hút của lòng vị kỷ..." (**Dấu Chân Cát Xóa**, trang 36)

Dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương, đôn hậu, lạc quan, tin yêu cuộc đời, con người... Đó là những nguồn sáng lúc nào cũng chói lọi trong từng tác phẩm, trên từng dòng văn, ở mỗi con chữ của nhà văn này. Đọc Doãn Quốc Sỹ, tâm hồn ta sẽ bình lặng, trí não ta sẽ trong sạch, niềm tin của ta với xã hội, với tha nhân sẽ được phục hồi (nếu ta đã lỡ đánh mất, vì bất cứ lý do nào).

TÂM THƯ, Đỗ Mậu. Bìa Hiếu Đệ. Hòa Trân & Thân Hữu xuất bản, 1995. Tủ sách Đa Nguyên phát hành. Giá 15MK. Địa chỉ liên lạc: Hoàng Đỗ, Po. Box 38325 Houston, TX 77238-8325. USA.

Là tác giả của cuốn hồi ký được tái bản nhiều nhất, cũng như tạo nhiều xôn xao nhất tại hải ngoại, và cả quốc nội: "Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi". Hoành Linh Đỗ Mậu, một tên tuổi không xa lạ gì với người Việt Nam chúng ta, lại vừa cho ra đời một tác phẩm mới, mà nội dung chắc chắn cũng sẽ gây nên những phản ứng khen chê sôi nổi không kém cuốn hồi ký vừa nêu trên.

HẠT BỤI NÀO BAY QUA, thơ Thái Tú Hạp. Tựa Mai Thảo. Phần ngoại tập Duy Lam - Luân Hoán - Bùi Bảo Trúc - Trần Văn Nam - Trần Lư Nguyên Khánh. Bìa Đinh Cường. Phụ Bản Nguyên Khai, Khánh Trường, Võ Đình, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường. Trình bày Ái Cầm. Nhà xuất bản Sông Thu ấn hành lần thứ nhất tại Los Angeles, CA, Hoa Kỳ tháng 1 năm 1995. Giá 12MK. Mọi liên lạc: Trần Ái Cầm. P.O. Box 428 Rosemead CA 91770. Tel: (818) 286-9798 / (818) 286-1239. FAX: (818) 286-3293.

Tác phẩm thứ bảy của một nhà thơ xứ Quảng. Người điểm sách cùng chia xẻ với nhà văn Mai Thảo qua lời tựa ông đã viết cho tập thơ dày ngót 250 trang này: “*Tất cả mọi lối đi, mọi con đường của tâm hồn đều dẫn tới một tầng cao, như đỉnh của một ngọn núi, ở đấy tầm nghĩ và tầm nhìn thấy được những biển trời bát ngát hơn nghìn lần dưới thấp (...) Một gắn bó sắt son và bất biến với giống nòi và nguồn gốc do nơi những rung động ở quê nhà ngày trước, trên quê người bây giờ, trước sau là nhất quán, không bao giờ đổi thay. Những bài thơ trong sáng, êm đềm, như có một thiền định nào đó giữa hai giòng chữ. Đó là điều tôi ghi nhận được ở tư duy Thái Tú Hạp, ở cõi thơ và ngôn ngữ Thái Tú Hạp. Qua tập thơ Hạt Bụi Nào Bay Qua*”.

SEN NỞ TRONG TÔI, thơ Duy Nghiệp Bùi Duy Thuyết, Hùng Nguyên và Nghiêu Đề trình bày. Hoa Vàng xuất bản. Hoa Kỳ 1995. Không ghi giá.

Đây là sư tập các bài thơ đã đăng trên các báo Vạn Hạnh, Đuốc Tuệ, Hải Triều Âm, Hoa Sen Giác Minh, Chân Nguyên, Phật Giáo Hải Ngoại, Pháp Duyên, Chánh Đạo, Tin Sáng, Ngàn Khơi, Thời Báo, Diễn Đàn San Jose, Làng Văn, Thế Kỷ 21... trải dài hơn hai mươi năm qua, từ quốc nội đến hải ngoại, của tác giả Bùi Duy Thuyết.

TÔI VÀ EM, truyện dài Hoàng Ngọc Tuấn. Nhà xuất bãn Trẻ, Việt Nam, tái bản lần thứ nhất. Giá 12 ngàn đồng VN.

Là tác giả của những tác phẩm từng làm nên hiện tượng của một thời : “Hình Như Là Tình Yêu, Thư Về Đường Sơn Cúc, Lời Cầu Hôn, Cô Bé Treo Mùng, Đường Đến Sân Ga...”. “Tôi Và Em” được xuất bản lần đầu vào năm 1973.

Văn chương Hoàng Ngọc Tuấn không cưu mang những “vấn nạn” lớn lao. Hầu như mọi tác phẩm của ông đều chỉ xoay quanh một chủ đề duy nhất: quan hệ tình ái giữa nam và nữ. Quan hệ này luôn tắm đẫm trong hương hoa thơ mộng, trong chập chờn khói sương lãng mạn.

Chúng ta từng nghe - vào những thập niên 60, 70 - các nhà phê bình văn học đã vinh danh: “Nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn, sứ giả của tình yêu”. Nhận xét ấy hẳn không quá đáng đối với những độc giả từng đọc qua tác phẩm của ông.

NGƯỜI ĐI SĂN SÓNG BIỂN, thơ Văn Cầm Hải. Bìa Nguyễn Vũ Trọng Thi. Nhà xuất bản Trẻ. Giá 5000 đồng VN.

Là một trong những tác giả trẻ, có nét nhìn rất mới trong lãnh vực thi ca. Nguyễn Trọng Tạo nhận xét: "*Một lối tư duy khác, một cách lập ngôn khác, một điệu nhạc khác. Người làm thơ trẻ tuổi này ngay từ đầu, muốn cất lên một tiếng thơ không giống những gì đã có...*" Và hãy thử đọc một vài câu thơ rất lạ của “chàng":

- Trên da bụng em nườm nượp tiếng khóc
- Bờ biển xanh như mắt em kẻ chì chạy mãi

- Chân em thánh thót hàng thép gai rền rĩ
- Cho em được lom khom cõng nụ cười

Được biết thêm, ngoài thơ, Văn Cầm Hải còn là một tay viết ký sự khá sắc sảo.

NHỮNG LINH HỒN LẠC, tập truyện Phan Triều Hải. Bìa, phụ bản Nguyễn Trung. Nhà xuất bản Trẻ, Việt Nam. Bản đặc biệt không ghi giá bán.

Gồm một lời tựa dưới dạng thư gửi "bạn thân" và 10 truyện ngắn: 1) Con Dơi, 2) Những Linh Hồn Lạc, 3) Ngày Lễ, 4) Lối Về, 5) Cơm Chùa, 6) Về Biển, 7) Trưa Hè, 8) Những Thư Mùa Động, 9) Góc Của Phố, 10) Những Người Ở Thành Phố Lạ Ngày Cuối Năm.

Cùng với Phan Thị Vàng Anh, Phan Triều Hải đang được độc giả trong nước tìm đọc với nhiều trân trọng, yêu mến. Do đâu hai tác giả này có được sự ưu ái đó? Ở Phan Thị Vàng Anh, *Hợp Lưu* từng giới thiệu vài truyện ngắn của cô, hẳn độc giả đã nhận thấy: phía sau những dòng chữ bình dị, hiền hòa, là một tâm hồn vô cùng nhạy cảm, sâu lắng. Sự nhạy cảm, sâu lắng đã tạo ra hấp lực cho văn chương cô. Ở Phan Triều Hải, cũng thế. Thêm một điều nữa, nhờ trưởng thành trong thời hậu chiến, cả hai đều chẳng "nợ nần" gì với quá khứ, nên không bị cái bóng ma này ám ảnh, văn chương của họ do vậy đã bắt kịp được nhịp thở của thời đại, nói lên được những ưu tư, trăn trở của cả một thế hệ lớn lên sau tro tàn quá khứ, cái quá khứ tắm đẫm máu, nước mắt họ muốn quên đi.

Một điều khá thú vị: Phan Thị Vàng Anh là ái nữ của "nhà thơ Cộng Sản" Chế Lan Viên, Phan Triều Hải là trưởng nam của "nhà văn ngụy" Lữ Quỳnh, thế mà đọc văn của hai người, Giáng Châu tôi cố "vạch lá tìm sâu", vẫn không thấy được một dòng, một chữ nào biểu hiện chất "Cộng Sản" hay chất "Ngụy" trong văn chương của họ. Ôi, tại tuổi trẻ vong ân chóng quên hay tại lớp già sân si chật hẹp? Ai nên làm gương cho ai?

20 TRUYỆN NGẮN (1975-1995), của hai mươi tác giả gốc Huế, hoặc có nhiều hệ lụy với Huế. Nhà xuất bản Thuận Hóa. Không ghi giá.

Dĩ nhiên với con số hai mươi truyện ngắn (của 20 tác giả), chắc hẳn không phải là tiêu biểu cho khoảng thời gian 20 năm vừa qua, tại một vùng đất từng nổi tiếng đã sản sinh ra lắm nhân tài trong các lãnh vực văn học, nghệ thuật, âm nhạc... như vùng đất này.

Đây chỉ là một mảng nhỏ của văn học tỉnh Thừa Thiên, gồm những tác giả đã thành danh, đã có vài ba tác phẩm được xuất bản, cùng với nhiều tác giả khác đang còn ngồi trên ghế đại học, trung học và mới chập chững cầm viết. Có lẽ tuyển tập ra đời cốt đáp ứng yêu cầu kỷ niệm hai mươi năm thống nhất đất nước, nên ban tuyển chọn đã "bỏ quyên" phần giá trị tự thân, phàm, bất cứ tuyển tập văn chương nào cũng phải có?

NAM CAO, TRUYỆN NGẮN TUYỂN CHỌN, nhà xuất bản Văn Học.

Giá 32.000VN.

Gồm truyện ngắn của Nam Cao. Trong số này có nhiều nhân vật trong nhiều truyện đã trở thành những hình tượng tiêu biểu suốt nhiều thập niên qua, như Chí Phèo, tên du thủ du thực chuyên cào rách mặt ăn vạ; như Thị Nở, "người đàn bà có nhan sắc của một gã đàn ông xấu trai"...

Truyện ngắn Nam Cao là tấm gương phản ảnh những kiếp đời cùng khổ, bị vây hãm triền miên giữa vòng nô lệ, lạc hậu và nghèo đói. Cùng với Vũ Trọng Phụng (Giông Tố, Cơm Thấy Cơm Cô..), Tam Lang (Tôi Kéo Xe...), ông đã góp phần tạo nên một dòng văn chương hiện thực rực rỡ trong gian đoạn văn học Việt Nam viết bằng mẫu tự La Tinh vừa qua khỏi tuổi thiếu niên, để mạnh dạn bước vào tuổi trưởng thành, với hàng loạt những bút nhóm, văn đoàn, cùng những cách tân, từ ngôn ngữ văn chương đến nội dung tư tưởng.

HOA TRÁI QUANH TÔI, bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường. Bìa Trịnh Công Sơn. Nhà xuất bảb Trẻ. Không ghi giá.

Nhà phê bình Đặng Tiến có lần viết: "Ngay trong văn xuôi nữa, những bài *Thung Lũng Chim* hay *Hoa Trái Quanh Tôi* mà Đoàn Kết đã đăng lại, tuy rất hiện thực nhưng vẫn phảng phất một mùi hương đã xa xôi, làm nhớ đến những *Tùy Bút Kháng Chiến* của một Nguyễn Tuân, một thế hệ nhà văn khác, một thời điểm sáng tác khác. Điều này làm cho những người không đồng chính kiến với anh cũng phải nhận cái tài hoa của anh, và ở nhiều chân trời khác nhau, vẫn tìm đọc văn thơ anh"...

Quả thế, những ai đã từng đọc Hoàng Phủ Ngọc Tường, đều nhận thấy cái tài hoa kia hiển hiện trên trang chữ, và sâu lắng hơn, là cái tâm hồn rất thơ, rất đằm thắm tình nghĩa - tình yêu, tình người, tình quê hương, giống nòi - phả đầy trên mặt giấy. Nhiều người cho rằng, sau Nguyễn Tuân, hình như chỉ có Hoàng Phủ Ngọc Tường là xứng đáng làm kẻ kế thừa, trong thể tùy bút. Nhận xét trên thiết nghĩ không phải là không có cơ sở.

KHOA CỬ VÀ GIÁO DỤC VIỆT NAM, Nguyễn Q. Thắng. Nhà xuất bản Văn Hóa - Thông Tin. Giá 24.000$VN.

Giáo sư Nguyễn Q. Thắng, tốt nghiệp cử nhân, cao học, tiến sĩ trước 1975, đã dạy ở các đại học Vạn Hạnh, Văn Khoa, Sư Phạm (Cần Thơ), và Sư Phạm (Sài Gòn); là tác giả của nhiều công trình biên soạn Văn Học, Sử Học...

Cuốn "Khoa Cử Và Giáo Dục Việt Nam" là kết quả của nhiều năm khổ công nghiên cứu, nhằm trình bày cùng độc giả một cách mạch lạc, sáng sủa tất cả những gì liên quan đến khoa cử và giáo dục Việt Nam, từ thời xưa đến hôm nay, rất cần thiết cho những ai thường ưu tư đến những vấn đề này, nhất là trong giai đoạn hiện tại, ở quê nhà, khi mà "kinh tế thị trường" bung nở, kéo theo những hậu quả tai hại: Thầy bỏ dạy, đi tìm những ngành nghề khác có lợi nhuận cao hơn. Trò chỉ chọn những môn học có tính cách thực dụng với nhu cầu đòi hỏi của xã hội (Anh ngữ, Vi tính...), khiến cho nền giáo dục

tại Việt Nam hiện nay trở nên què quặt, tật nguyền, chất xám của đất nước ngày càng cạn đi, đưa đến một hậu quả tai hại không thể lường được, cho tiền đồ dân tộc.

PHẠM PHÚ THỨ với tư tưởng canh tân, chủ biên Thái Nhân Hòa. Ban biên soạn: Quang Uyển, Hải Ngọc, Phú Hạt. Nhà xuất bản Đà nẵng. Giá 18.000$VN.

Cuốn sách trình bày rõ ràng, sáng sủa cuộc đời, sự nghiệp cùng tư tưởng canh tân của Trúc Đường Phạm Phú Thứ (1851-1880), một nhà nho dưới thời Việt Nam phong kiến (khoảng giữa thế kỷ thứ XIX). Tư tưởng canh tân này bao gồm nhiều lãnh vực: Kinh tế, khoa học, giáo dục, quốc phòng, ngoại giao... và được xem là khá sâu sắc, đã cùng với chương trình duy tân cải cách của Nguyễn Trường Tộ, kế hoạch cải cách hiện đại hóa của Nguyễn Lộ Trạch và những nhân vật cùng thời có đầu óc tiến bộ, góp phần quan trọng hình thành dòng tư tưởng canh tân ở nước ta vào giữa thế kỷ 19, mở ra tiền đề cho phong trào Duy Tân đầu thế kỷ 20.

NGÓN THỨ SÁU CỦA BÀN TAY, tiểu luận phê bình của Thanh Thảo. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Giá 4500$VN.

Là một nhà thơ khá nổi tiếng, với nhiều thi tập đã xuất bản. Tập tiểu luận này là tập hợp các bài viết của anh về một số tác phẩm đã ra đời trong thời gian qua. Chúng ta có thể xem đây là một tiếng nói đóng góp vào công việc lý luận phê bình thơ ca, một công việc vốn chẳng dễ dàng gì.

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC NGUYỄN HUY THIỆP. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Không ghi giá.

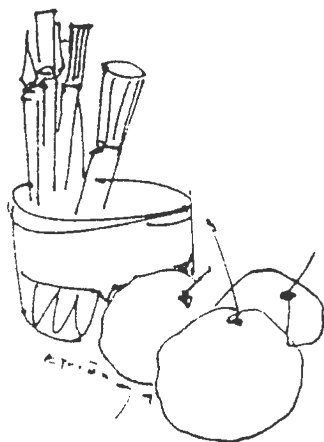
Như nhan đề tác phẩm, đây là tập hợp những truyện ngắn chọn lọc của Nguyễn Huy Thiệp, một tác giả không xa gì với độc giả trong cũng như ngoài nước. Đó là những truyện ngắn: Những Ngọn Gió Hua Tát, Tướng Về Hưu, Muối Của Rừng, Không Có Vua, Con Gái Thủy Thần, Chút Thoáng Xuân Hương, Những Người Thợ Xẻ, Trương Chi...

Về văn chương Nguyễn Huy Thiệp, có lẽ người điểm sách không cần phải nói thêm. Nhiều năm qua, đã có quá nhiều những bài viết, khen có, chê có, xoay quanh các tác phẩm của nhà văn này. Ở đây, chúng tôi chỉ xin làm công việc giản dị: giới thiệu một cuốn sách mới vừa ra đời. Độc giả muốn đọc, hãy tìm mua.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU.



với văn hữu và bạn đọc



THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Nhưng Việt 100% thì không đúng...

Tôi là một độc giả của Hợp Lưu, mới đây thôi. Tình cờ tôi mua đọc thử một số báo, 14 hay 15 gì đó, thấy thích, rất thích, nên quyết định mua dài hạn. Điều tôi rất cảm kích là khi nhận được thiệp phúc đáp của quý báo báo tin đã nhận tiền và sẽ gửi báo. Tôi chưa thấy một tờ báo nào có vẻ "professional" như vậy. Các bài do các anh chọn lọc rất có giá trị. Có thể các anh không nghĩ rằng mình làm một cuộc cách mạng văn hóa (như có lẽ nhón Tự Lực Văn Đoàn ngày xưa không nghĩ đến ảnh hưởng của họ trong nền văn học nước nhà), nhưng theo tôi, việc làm của các anh có giá trị rất lớn cho nền văn học Việt Nam hiện đại.

Sau đây có một vài ưu tư, tôi xin chia xẻ cùng quí anh.

Tôi đọc thư tòa soạn Xuân Ất Hợi có đề cập đến chúng tôi. Tôi, hay chúng tôi, là lớp người trẻ mà khi Sài Gòn sụp đổ hãy còn là những thanh niên mới lớn. Nay, chúng tôi đã là những người thuộc lứa tuổi trung niên. "Mỹ không ra Mỹ, Việt không ra Việt". Chúng tôi không Mỹ hóa đủ như lớp trẻ hơn. Ngày rời nước ra đi chúng tôi đã khá lớn để biết nhận thức, và còn ấp ủ trong tâm hồn những tâm tình, những giá trị Việt Nam. Vì thế, chúng tôi khó hội nhập một cách tự nhiên vào môi trường Mỹ. Nhưng Việt 100% cũng không, bởi chúng tôi sống ở Mỹ nhiều hơn ở Việt Nam. Vậy mà, trọng trách của chúng tôi là gạch nối giữa hai thế hệ: thế hệ các anh và thế hệ trẻ hơn chúng tôi! Chúng tôi được coi như thành phần chuyên viên, trí thức, là chất xám của đất nước... Việt Nam. Chúng tôi vẫn mang hoài bão về một nước Việt Nam huy hoàng, cường thịnh. Tuy nhiên, những định kiến, phân ranh về chủ thuyết chính trị làm chúng tôi phân vân hkông ít. Theo thiển ý, Cộng Sản hay

Tư Bản chỉ là những danh xưng trong quá trình tiến hóa của lịch sử chính trị. Chủ thuyết Cộng Sản có thể hợp thời trong những thập niên đầu thế kỷ 20, nhưng ngày nay thì khác. Chủ nghĩa Tư Bản cũng thế, nó thay đổi không ngừng. Tư Bản Mỹ ngày nay không giống Tư Bản mà Mark và Engel đề cập. Theo tôi nghĩ Tư Bản Mỹ mang sắc thái Xã Hội Chủ Nghĩa hơn, nếu nói như Karl Mark. Như thế tất cả chỉ là danh xưng mà người ta đặt ra mà thôi. Tất cả đều phải biến hóa để tồn tại. Nếu đem chủ nghĩa Tư Bản hay Cộng Sản chuyên chính áp dụng vào Việt Nam, tôi không nghĩ sẽ thành công. Vì lẽ, bối cảnh lịch sử và văn hóa của ta có khác các nước Âu châu. Thế thì tại sao chúng ta hkông trở về nguồn, một chủ thuyết dân tộc, của Nguyễn Trải, của Quang Trung? Tôi vẫn mơ có một ngày có thể nói chuyện với những người trẻ Việt Nam ở Đông Âu, ở Việt Nam, không phân ranh chính trị, mà chỉ là những đứa con của mẹ Âu Cơ nối vòng tay lớn để xây dựng lại quê hương.

Đọc báo của các anh, đã nhắc nhở cho tôi biết là tôi đã bỏ quên tiếng mẹ đẻ khá lâu. Sau bao nhiêu năm lăn lộn với "resarch", "report", tôi đã quên những giá trị tinh thần của tiếng mẹ đẻ. Ngày xưa, khi còn là "thiếu nhi", tôi có viết cho "Tuổi Hoa" của Quyên Di, "Thiếu Nhi" của Nhật Tiến, hay "Mai Bê Bi" của Chính Luận... Đã hai mươi năm rồi tôi bỏ viết. Các anh làm tôi nổi hứng, cầm bút trở lại...

Kèm theo đây, một bài nhạc phỏng theo ý thơ của chị Trần Mộng Tú. Bài này tôi viết đã 12 năm rồi... Nếu tiện, các anh chuyển giúp đến chị ấy đồng thời xin lỗi hộ tôi, đã không xin phép trước khi muốn phổ nhạc. Lý do: không có địa chỉ của chị ấy...

M.H. M.D.
(Maryland)

- Cảm ơn anh đã "tin tưởng", để thoải mái chia xẻ những "tâm tư" của mình với chúng tôi.

- Về bài anh gửi, có nhiều điều cần bàn. Sẽ cố gắng thu xếp để có thư riêng đến anh.

- Đã chuyển nhạc phẩm đến chị TMT.

Tôi đã ngoài 46 tuổi, mắt đã bắt dầu kém hồi trẻ...

...

Hợp Lưu là "Tập San Văn Học Nghệ Thuật Biên Khảo", nội dung mang tính cách trí thức. Nhiều bài viết có chiều sâu, khô khan và khó tiêu hóa phải 9dọc kỹ không thể đọc phớt qua được... Dây là cá tính của Hợp Lưu khiến nó khác hoặc trội hơn nhiều tờ báo khác. Chính vì phải 9dọc kỹ mà việc trình bày cho hay (để người đọc hấp thụ dễ dàng thoải mái nhất cái khô khan, khó tiêu hóa) là quan trọng. Nội dung hay nhưng trình bày kém khiến nội dung khó hấp thụ được thì thật đáng tiếc thay!

Trước đây tôi mua dài hạn Hợp Lưu d0ến số 10. Sau đó ôti ngừng mua không vì lý do nội dung mà là vì lý do hình thức. Tôi không muốn nói đến

những lỗi chính tả hoặc ấn loát lầm lẫn... vì tôi hiểu nổi khó khăn của tòa soạn. Lỗi chính tả (tuy là một khueýt điểm) tôi vui vẻ chấp nhận vì nó không làm tôi mệt mỏi cặp mắt khi đọc.

Tôi đã ngoài 46 tuổi, mắt đã bắt đầu kém hồi trẻ, phải mang kính lão mới đọc sách được. Ngồi bàn giấy thoải mai, ánh sáng đầy đủ, đọc Hợp Lưu tôi vẫn thấy mỏi mắt vì báo in chữ nhỏ / hàng chữ quá khít với nhau. Thêm nữa, báo không trải phẳng ra được. Đọc báo phải dùng tay giữ phẳng - tuy thế nó vẫn cong! - Kẻo nó bật sang trang khác hoặc tự gập lại! Thật là dở! Chữ nhỏi và hàng chữ dài, đọc hết hàng chữ xuống hàng dưới dễ lộn hàng! Nếu in khổ to, làm hai cột báo, chữ lớn hơn, hàng dưới đừng quá khít với hàng trên thì mới đỡ bị mỏi mắt hoặc lộn hàng. Ngoái việc giữ phẳng trang báo, tôi thường phải dùng ngón tay chạy theo chạy theo hàng chữ hầu giúp cặp mắt đọc đỡ mỏi. Đọc báo mà tay, mắt phải tổn sức (không cần thiết) thì sức đâu để hấp thụ nội dung bài báo!

Tôi thắc mắt tại sao Hợp Lưu không in khổ to và chữ to hơn, báo trải phẳng ra được (Như Time, Newsweek hay Diễn Đàn bên Pháp). Diễn đàn nội dung ít khô khan hơn, dòng chữ trên, dưới không quá khít, chữ to hơn, in làm 2, 3 cột... thế mà tôi đọc nhiều lúc còn bị mỏi mắt. Phải chăng:

a. In chữ nhỏ, những dòng khít vào nhau ít tốn giấy, nhẹ tiền giấy, nhẹ tiền bao bì, nhẹ cước phí? Nhẹ cả tiền chất chứa tồn kho?

b. Khổ nhỏ tiện bỏ túi, đem lên tàu hoặc máy bay thuận lợi?

c. Khổ nhỏ là trang trọng, trí thức, khổn lớn dành chi báo lá cải, ba xu?

d. Hay là vì lý do nào khác (đã in khổ nhỏ từ số 1, phải giữ truyền thống, tại sao "bày đặt" đổi khổ làm cho trọn bộ Hợp Lưu không đồng nhất.

Xin tòa soạn nghiên cứu việc này.

Nếu tòa soạn đổi được hình thức khổ Hợp Lưu để tôi đọc được thoải mái hơn, xin báo cho tôi biết, tôi sẽ mua Hợp Lưu trở lại từ số đổi mới...

PHQ.
(Australia)

Xin trả lời tóm gọn:

Dùng hình thức của Time, Newsweek, Diễn Đàn... tức in trên khổ báo rộng, chữ lớn, chia cột, không in bìa màu, không đóng cắt bằng keo như sách, tính ra, có khi còn nhẹ hơn khuôn mẫu của Hợp Lưu hiện tại. Nhưng qua kinh nghiêm, chúng tôi biết, dùng các hình thức ấy, thường độc giả hay có thói quen đọc xong tiện tay... ném vào thùng rác, không để tâm lưu giữ (vì không thể xếp ngay ngắn đẹp mắt trong tủ sách được). Xin hỏi anh: với hình thức và nội dung như HL, là người đọc, anh có đan tâm ném bỏ khi đọc xong không? Không ném bỏ, hẳn nhiên nó trở thành tư liệu, cho chính anh, khi cần tra cứu, và cho nhiều người khác nữa, nếu họ cần đọc, muốn đọc.

Vì lý do đó, ngay từ số đầu, ban chủ trương đã quyết định dùng khổ nhỏ, như sách, để chở nội dung. Chỉ tiếc, vì bài vở quá nhiều, và vì số trang khá dày, chúng tôi không thể dùng khổ chữ lớn, thưa hàng được. Điều ấy dĩ nhiên sẽ gây

khó khăn cho các độc giả lớn tuổi, nhưng chúng tôi không thể làm khác hơn, rất mong anh cảm thông. Mất đi một độc giả là điều ngoài ý muốn, nhưng đành chịu vậy. Chuyện chẳng đặng đừng. Thân mến.

... tôi không phải là người viết truyện "Kìa, Ngôi Sao"

Tôi là Hoàng Ngọc Tuấn (Cũng là bút hiệu) viết văn ở Sài Gòn từ năm 1979, sau năm 1975 đến nay - 1995 - là hội viên Hội Nhà Văn Thành Phố Hồ Chí Minh, xin trình bày một sự kiện gây lẫn lộn, nhập nhằng trên báo chí và trên lãnh vực văn hóa như sau:

- Hôm nay (10-5-1995), một người quen đưa tôi xem tờ tập san *Hợp Lưu* (2 tháng ra một kỳ), xuất bản ở California (Mỹ). Trong số 21 phát hành vào tháng 2 năm 1995, ở trang 164 có đăng một truyện ngắn tựa đề *Kìa, Ngôi Sao* ký tên là... Hoàng Ngọc Tuấn (!?)

- Tôi (Hoàng Ngọc Tuấn đang ở thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) xin xác nhận tôi không phải là người viết truyện *Kìa, Ngôi Sao* đó. Người ký tên HNT trên báo HL tháng 2/1995 cho dù là tên thật hay bút hiệu thì cũng đã vô tình hoặc cố ý gây lẫn lộn, nhập nhằng đối với độc giả các nước bằng cách sử dụng cái tên của một tác giả đã sử dụng rất nhiều lần trên nhiều tờ báo và trên nhiều quyển truyện đã xuất bản tại Sài Gòn trước 1975, cũng như đã sử dụng trên 3 tập truyện đã xuất bản tại Việt Nam sau 1975 đến 1995.

- Cụ thể, dưới bút hiệu và cũng là tên họ thật Hoàng Ngọc Tuấn, tôi đã sáng tác và đăng khoảng 50 truyện ngắn + 1 truyện dài trên các tạp chí *"Bách Khoa", "Vấn Đề", "Văn", "Khởi Hành", "Tìm Hiểu"* v.v... ở Sài Gòn từ năm 1969 đến 1975. Đồng thời 50 truyện ngắn + 1 truyện dài này từ 1971 đến 1975 đã xuất bản thành sách với 9 tập sau đây:

Hình Như Là Tình Yêu (nxb Quán Văn, nxb Trí Đăng tái bản), *Ở Một Nơi Ai Cũng Quen Nhau* (nxb Quế Sơn), *Chuyện Hai Người* (nxb An Tiêm), *Cô Bé Treo Mùng* (nxb Trí Đăng), *Thư Về Đường Sơn Cúc* (nxb Thời Mới), *Học Trò* (nxb Vàng Son), *Hôn Lễ* (nxb Nguyễn Đình Vượng), *Tôi Và Em* (truyện dài duy nhất, nxb An Tiêm), *Đôi Môi Dạ Hương* (nxb Dạ Hương). Đồng thời, sau ngày 30 tháng 4, 1975 đến 1995, tôi cũng đã tự mình xem lại các truyện đã in và đưa xuất bản hợp lệ một số truyện đã in trước năm 1975 nay tái bản thành ba tập là *Lời Cầu Hôn* (nxb Trẻ, th. ph. HCM), *Đường Đến Sân Ga* (nxb Thuận Hóa), và *Tôi Và Em* (nxb Trẻ)

- Thật là đáng tiếc và đáng trách, khi người chủ biên HL (là họa sĩ Khánh Trường) và một số văn nghệ sĩ hoạt động ở Sài Gòn trước năm 1975 và nay đang có tên trong ban chủ trương của HL là những người chắc chắn đã biết ít nhiều về tôi và một số tác phẩm của tôi trước 1975, đồng thời cũng biết dưới cái truyện *Kìa, Ngôi Sao* (tryện này nói về một chuyện xảy ra ở một vùng tuyết nào đó, có cảnh gấu tuyết rượt đuổi người rồi người đó đỡ đẻ cho bò sinh ra con bê v.v... Cảnh này chắc ở Canada?, không phải do tôi (Hoàng Ngọc Tuấn ở VN và chưa bao giờ đi ra ngoài) viết, thế mà vẫn để cho báo HL đăng truyện và ký tên một cách nhập nhằng là HNT.

- Tôi cũng xác nhận là chưa bao giờ gửi bất cứ một bài nào cho báo HLở Mỹ (ngoại trừ lá thư này, để báo HL có dịp nhận rõ khuyết điểm lớn của mình trong nghề làm báo văn học là đã vô tình hoặc cố ý gây ra sự nhập nhằng, lẫn lộn trong văn học). Đồng thời ngược lại, tôi cũng xác nhận là chưa bao giờ và không bao giờnhận bất cứ cái gì của báo HL gửi đến, dưới bất cứ hình thức nào.

- Thư này sao làm nhiều bản đến các cơ quan văn học, báo chí để tránh mọi sự hiểu lầm (nếu có) về tôi.

HOÀNG NGỌC TUẤN
(ký tên)

- HLvô cùng tiếc đã sơ xuất khi đăng truyện "Kìa, Ngôi Sao" *của nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn, hiện cư ngụ tại Australia, khá quen thuộc với độc giả hải ngoại, nói chung và Austrlia, nói riêng, mà không có vài dòng chapeau để giúp độc giả phân biệt HNT này không phải là HNT của trước 1975, tác giả của rất nhiều tác phẩm rất nổi tiếng trước 1975 tại miền Nam VN. Chúng tôi cho đăng nguyên văn bức thư của nhà văn HNT (Việt Nam), như một lời xin lỗi, và rất mong cả hai tác giả rộng lòng cảm thông.*

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Bạn **PTNN** (Canada): Bản nhạc phổ từ thơ NTN và bài viết về "hắn" sẽ có dịp đi. Tôi vừa từ VN về. Mệt bở hơi tai. Ba mươi ngày, không sót ngày nào, hết bia đến rượu, từ Nam ra Bắc rồi vào lại Nam, có đêm ... không kịp ngủ! Đến nỗi hai ngày cuối đành phụ lòng bằng hữu, "trốn" biệt, nếu không, có lẽ phải khiêng ra phi trường! Thân mến.

Anh **THT** (New York): Hiểu và cảm thông những "trăn trở" của anh trước khi quyết định gửi bài cho HL. Tuy nhiên nếu anh cứ xem mọi chuyện chỉ là "một cách chơi" thì sẽ thấy lòng nhẹ hẳn, và thôi vướng mắc. Tôi vẫn quan niệm tất cả chỉ là "trò chơi", duy có điều, khi "chơi" cũng như khi "làm", tôi luôn tâm niệm: hãy thật đàng hoàng. Bởi khi "đàng hoàng" được, thì sớm muộn người ta sẽ hiểu và đến với mình. Có phải vậy không, thưa anh? Thân mến.

ông **LTH** (Carmichael, CA): Chúng tôi đã gửi ngay số 20 như ông yêu cầu trong thư. Hẳn ông đã nhận được? Kính.

Anh **HL** (Memphis, TN): Tuy không gặp nhưng có nói chuyện với ĐTC ở VN, qua điện thoại. Đừng băn khoăn chuyện sinh kế của anh ấy. Theo bè bạn thân gần và chính anh ấy cho biết, thì cái thời khốn khó đã qua rồi. Từ

ngày về thành phố, anh ấy sáng tác và sản xuất băng nhạc (loại tình-cảm-anh-em... sướt mướt), trung bình mỗi tháng kiếm được khoảng 6 triệu VN (gần bằng 600 đô Mỹ). Ở đấy, với lợi tức ấy, là sống khá ung dung. Thành ra, thay vì cái "khoản" kia dành cho anh ấy, tôi đã chuyển cho PNT, tay này rất tả tơi. Nhìn chung, bọn viết lách hiện nay tại VN sống được, có tên tiền bạc bề bộn giàu. Cũng mừng.

Về cái khoản "chính tả", rất đau khổ! Nhưng chỉ còn mong "thông cảm", vô phương khắc phục. Thân mến.

Mr. **L.G.PH.** (London): Cuốn "Nhà Văn Nói Với Chúng Ta" đang in. Quảng Cáo ở bìa sau số 21 là "Đón đọc" chứ không phải "Tìm đọc". Chữ nghĩa Việt Nam nó... lắc léo thế, thưa ông. Hy vọng khoảng đầu tháng tám sẽ có mặt trong các nhà sách ên thế giới cùng với một cuốn nữa: "Hai Mươi Năm Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam Hải Ngoại", dày khoảng 1,400 trang, khổ lớn, bìa dày, bao gồm khoảng 120 tác giả, thuộc mọi lãnh vực: văn, thơ, hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh... do nhà xuất bản Đại Nam xuất bản. Kính.

TTCH (Australia): Bài thơ hay nhưng... dài quá, dễ chừng cũng đến... mười trang size chữ và khuôn khổ của HL. Chả lẽ chia ra làm ba kỳ, mỗi kỳ "xin xem tiếp số sau"., coi sao đặng? Vậy anh thử tìm vài bài ngăn ngắn, dưới 32 dòng để vừa đủ một trang, là tuyệt nhất. Dĩ nhiên, thơ, sáng tác mà hạn định số câu, số trang thì... quái gỡ thật. Nhưng, nó thế đấy, có làm báo, anh mới hiểu cho nổi khổ của người sắp xếp bài vở, lay-out. Tờ báo anh hỏi đã ... dẹp tiệm từ hai năm trước. Buồn. Thân mến.

NHP (Nhật): Hình như bên ấy có nhà sách "Thằng Bờm". Rất tiếc HL không không gửi bán ở đó. Thôi thì, cứ theo phương thức "Độc giả dài hạn" có khi lại tiện. Anh lưu ý "quảng cáo" hộ cho HL. Độc giả bên ấy không nhiều lắm. Thân mến.

THPV (Pháp): Độc giả của HL nhiều nhất tại Mỹ, thứ hai là Pháp, các nước khác chỉ trung bình. Chúng tôi cố gắng điều hòa khâu phát hành, nhưng do nhiều trở ngại (khách và chủ quan), vẫn chưa được như ý. Về việc thâu tiền, nhiều lần chúng tôi có "than", rất khó. Hầu như chỉ thâu được khoảng 30%! Còn thì... đi vào hư vô! Lần sau, anh có đóng tiền và mua dài hạn trực tiếp với người đại diện HL tại Pháp (Bìa hai), khỏi mất công mua Money order International tổn thì giờ. Thân mến.

Cô **HMT** (Việt Nam): Rất tiếc không thể gửi "bản chính" cho cô được. Cửa bưu điện rất hẹp. Thường, báo chí sách vở từ các nơi trên thế giới gửi về quê nhà đều chui tọt cả vào kho của Công an Văn hóa! Nhiều bằng hữu của HL cũng chỉ được đọc nó qua bản photocopy. Thôi thì như thế cũng là may. Hy vọng vài năm nữa sẽ khác. Thân mến.

HỢP LƯU

Đón đọc

Lý luận và phê bình

Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước

bùi vĩnh phúc

* Giới thiệu một cái nhìn về diện mạo cũng như dòng vận động của văn học Việt hai mươi năm qua ngoài nước.

* Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình. Đặt dòng phê bình lý luận này trong bối cảnh chung của văn học thế giới.

* Phê bình và nhận định một số tác phẩm cụ thể, nhưng trong tiến trình nhận định và thẩm thức ấy, trên một số góc độ, làm rõ diện mạo cũng như phong cách văn học của những khuôn mặt văn nghệ như Phạm Duy, Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Khởi Phong, Quyên Di, Hồ Trường An, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Diệu Hằng, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú...

* Phác họa chân dung văn học với những nét nổi bật nhất của rất nhiều nhà văn nhà thơ khác trong tiến trình vận động của hai mươi năm văn học Việt ngoài nước.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Giá biểu áp dụng từ số 21, tháng 2, 1995)
(Tất cả ghi bằng chữ IN)

Tôi tên: ____

Địa chỉ: ____

____

Điện thoại: ____

nhận mua dài hạn tạp chí Hợp Lưu từ số ______ đến số ________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (1 năm)
Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) • 50MK ☐ (1 năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm)
Hàng không: 70MK ☐ (1 năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm)
Hàng không: 80MK ☐ (1 năm)

Xin gửi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ (kể cả Canada) gửi bằng INTERNATIONAL MONEY ORDER, trả cho:

HỢP LƯU

P.OBox 277, Garden Grove, CA 92642. USA

• Cho tòa soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ — 2) Không nhận báo đúng thời hạn — 3) Báo hư, rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ điều chỉnh hoặc gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

• Lưu ý **mã số** ở hàng đầu label để biết ngày hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua **hạng tư** hoặc **tàu thủy** từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF20-25**, tức mua **hạng nhất** hoặc **máy bay** từ số 20 đến số 25 là hết hạn

• Tại Âu châu, có thể trả tiền qua đại diện *(trang bìa 2)*



Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: **(714) 527-5761**

- Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK.
- Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:
  - NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn thanh thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK.
  - DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK.
  - MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK.



TÂN THƯ

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA
Tél: **714-537-2468**

Đã xuất bản

- Đỗ Kh. — Cây gậy làm mưa *(tập truyện)* 12MK
- Đỗ Kh. — Thơ Đỗ Kh. *(thơ)* 6MK
- Đỗ Kh. — Có những bực mình tức không thể nói *(thơ)* 6MK
- Trân Sa — Điểm tâm cho người tình *(thơ)* 6MK
- Lê Uyên Phương — Không có mây trên thành phố Los Angeles *(truyện, tùy bút)* 10KM
- Lê Uyên Phương — Khi loài thú xa nhau *(nhạc tuyển)* 9MK
- Vũ Huy Quang — Mười truyện tân liêu trai *(tập truyện)* 12MK
- Khánh Trường — Có yêu em không? *(tập truyện — tuyệt bản)* 14MK
- Khánh Trường — Chỗ tiếp giáp với cánh đồng *(tập truyện)* 14MK
- Trần Mạnh Hảo — Ly thân *(truyện dài)* 14MK
- Hồ Đình Nghiêm — Tờ mộng rách rồi *(tập truyện)* 12MK
- Phạm Thị Hoài — Từ Man Nương đến AK và những tiểu luận *(truyện, tiểu luận)* 10MK
- Lê Giang Trần — Sài Gòn, thành phố lưu vong *(thơ)* 8MK
- Trần Vàng Sao — Bài thơ của một người yêu nước mình *(thơ)* 8MK
- Cung Tích Biền — Thằng bắt quỷ *(tập truyện)* 12MK
- Nguyên Lương — Con đường trước mặt *(bút ký)* 12MK
- Nguyễn Huy Thiệp — Xuân Hồng *(tập kịch)* 12MK

Sẽ xuất bản

- Hoàng Xuân Giang — Hãy nhìn tôi như thế *(nhạc tuyển)*
- Lê Uyên Phương — Tình như mây cõi lạ *(nhạc tuyển phổ từ thơ của 36 tác giả)*
- Phan Tấn Hải — Bàn tay trên cao *(tập truyện)*
- Hoàng Xuân Sơn — Thơ Quỳnh *(thơ)*
- Khánh Trường — Buồn ơi, tôi bỏ tôi chìm đắm *(tập truyện, tạp bút)*

☐ *Mua hạng nhất (nội địa Mỹ), hoặc máy bay (ngoài Mỹ): thêm 2MK*
☐ *Chỉ nhận Money Order nếu mua từ các quốc gia khác*

23
Gía bảy Mỹ Kim